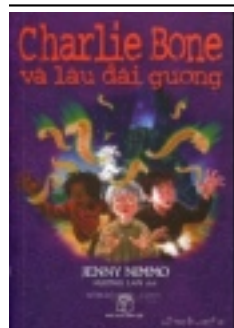


Charlie Bone và lâu đài gương (Tập 4)

Contents

Charlie Bone và lâu đài gương (Tập 4)	1
1. Chương 01	2
2. Chương 02	6
3. Chương 03	12
4. Chương 04	21
5. Chương 05	28
6. Chương 06	36
7. Chương 07	44
8. Chương 08	50
9. Chương 09	55
10. Chương 10	63
11. Chương 11	69
12. Chương 12	74
13. Chương 13	81
14. Chương 14	87
15. Chương 15	93
16. Chương 16	99
17. Chương 17	105
18. Chương 18	111
19. Chương 19	118
20. Chương 20	125
21. Chương 21 (hết)	128

Charlie Bone và lâu đài gương (Tập 4)



Giới thiệu

Những kẻ được ban phép thuật Chúng là hậu duệ từ mười người con của Vua Đỏ- một ông vua kiêm

1. Chương 01

CÁI HẮT HƠI CHẾT NGƯỜI

{Chúc bạn đọc sách vui vẻ tại .com - góc nhỏ cho người yêu sách}

Nằm ở ngoại vi thành phố, Học viện Bloor đứng sừng sững và im lìm dưới bầu trời đầy sao. Ngày mai, ba trăm đứa trẻ sẽ leo lên những bậc thang giữa hai toà tháp, băng qua mảnh sân gạch, và chen nhau đi qua cánh cửa đôi to lớn bằng gỗ sồi. Nhưng vào lúc này, toà nhà cổ ấy đang hoang vắng tựa như sa mạc.

Nhưng cũng không hẳn thế, nếu quý vị đứng ở trong khu vườn, nơi đầu đẳng kia của học viện, thì quý vị sẽ không thể không nhận thấy những đốm sáng lạ lùng, thỉnh thoảng lập loè từ những cửa sổ nhỏ trên mái nhà. Và nếu quý vị có thể nhìn qua được một trong những cửa sổ ấy, hẳn quý vị sẽ trông thấy Ezekiel Bloor, một lão già khú khụ, đang thành thực đẩy chiếc xe lăn xưa xưa của lão vào một căn phòng quái dị.

Phòng thí nghiệm, như lão Ezekiel thích gọi như thế, là một căn phòng áp mái dài, với những miếng ván lót sàn rộng, bám đầy bụi, và một mái trần lồi hết cả rui nhà. Những chiếc bàn đủ kiểu - chất đầy chai lọ, sách vở, thảo mộc, xương và vũ khí - dựng tựa vào các bức tường; trong khi ở dưới những gầm bàn, một đồng ngăn kéo bần thủ thò ra, xộc xệch, đe dọa sẽ ngáng ngã bất cứ ai đi ngang.

Những nhánh cây thân thảo khô và phai màu thông xuống từ rui nhà, và những mảnh áo giáp, treo lơ lửng trên những thanh xà ngang to bự, khua xúng xoảng thật ghê rợn mỗi khi có một làn gió quét qua. Lúc này, chúng đang kêu xúng xoảng khi lão Ezekiel Bloor di chuyển qua sàn nhà.

Thằng chất đích tôn của lão già, Manfred, đang đứng bên cạnh một chiếc bộ ngựa kê ở ngay chính giữa căn phòng. Qua một kì hè, Manfred đã lớn bộn, và lão Ezekiel cảm thấy tự hào rằng thằng chất của lão đã chọn làm việc chung với lão, chứ không học lên tiếp đại học như những cựu học sinh năm thứ sáu khác. Nên nhớ là, tuy cao đấy, nhưng Manfred lại có một bộ vó gầy guộc, da vàng ệch, nổi đóm, và một gương mặt lồi hết cả xương và hóp tộp.

Vào khoảnh khắc này, mặt Manfred nhăn xoắn lại, tập trung cao độ khi hắn bày một đồng xương ra bàn, ngay trước mặt. Phía trên đầu hắn, treo đung đưa bảy ngọn đèn khí được gá vô một vòng sắt, ánh sáng xanh lét của chúng phụt ra tiếng rừ rừ yếu ớt. Khi trông thấy ông cố, Manfred buông một tiếng thở dài tức tối và rồ lên, “Quá sức tôi rồi. Tôi ghét mấy trò đồ mọ.”

“Đó không phải là đồ mọ,” lão Ezekiel quắc lại. “Mà là xương của Hamaran, một con ngựa chiến có sức mạnh và lòng can đảm phi thường.

“Thế thì sao? Làm sao mà dăm ba cục xương vô tích sự này có thể làm sống lại tổ tiên của ông cố chứ?” Manfred phóng thẳng một tia nhìn khinh miệt vào lão Ezekiel, lão già vội cup mắt xuống ngay lập tức. Lão không muốn bị chính thằng chất của mình thôi miên.

Dán chặt mắt vô đồng xương, lão già đẩy xe lăn đến gần bàn hơn. Lão Ezekiel Bloor đã một trăm lẻ một tuổi, nhưng những người khác ở vào độ tuổi ấy có lẽ trông vẫn còn da thịt hơn lão nhiều. Đẳng này, mặt của lão Ezekiel chỉ khá hơn cái đầu lâu một chút. Mớ răng còn sót lại của lão đều mẻ sứt và đen xỉn cả, và một vài nhúm tóc trắng, thưa rỉnh ló ra dưới chiếc mũ trùm đầu bằng vải nhung đen. Tuy nhiên, đôi mắt lão vẫn phừng phực sức sống – đen và trợn quắc lên, phóng ra những tia dữ tợn cực độ.

“Chúng ta có đủ rồi,” lão già vừa nói vừa chỉ những món đồ khác trên bàn: bộ áo giáp có xích sắt, chiếc mũ giáp, cái áo chùng lông thú màu đen, và chiếc ghim kẹp áo thụng bằng vàng.”Chúng là của ngài Borlath đấy. Ông nội của ta đã tìm thấy chúng trong lâu đài này, tất cả được bọc bằng da, bên trong ngói mộ. Khung xương không còn nữa, thật đáng tiếc. Chắc chắn là tại lũ chuột,” lão ta vuốt vuốt chiếc áo lông thú đen với vẻ gần như là âu yếm.

Borlath là thần tượng của lão Ezekiel ngay từ khi lão còn là một cậu bé. Những câu chuyện về bậc tổ tiên hiếu chiến ấy đã dần hun đúc trí tưởng tượng của lão, cho đến mức lão tin rằng ngài Borlath có thể giải

quyết được tất cả mọi vấn đề cho mình. Đạo gần đây, lão hay mơ thấy ngài Borlath xốc lão ra khỏi xe lăn và cả hai cùng nhau khùng bỏ thành phố. Rồi đây Charlie Bone và Ông cậu đáng ghét của nó phải coi chừng.

“Thế còn nguồn điện, ông cố biết đấy, cho lúc sống lại thì tính sao đây? Ở đây chẳng có tí điện nào,” Manfred ngược nhìn lên mở đèn khí.

“Ồ, cái đó!” Ezekiel phẩy tay ra điều không có gì quan trọng. Lão tự xoay bánh xe tới một chiếc bàn khác và lấy một hộp thiếc nhỏ có hai cái ngạnh chìa từ nắp chìa ra. Lão vặn cái núm ở bên hông hộp và một tia lửa xanh da trời xẹt ra giữa hai cái ngạnh.

“Ồi chà! Điện!” Lão sung sướng thông báo. “Nào, tiếp tục đi. Ngày mai tụi nhóc sẽ trở lại đây, và chúng ta không muốn bất kỳ đứa nào xộc vô cuộc thí nghiệm nho nhỏ này của chúng ta đâu.”

“Đặc biệt là thằng Charlie Bone,” Manfred gầm gừ.

“Hừ! Charlie Bone!” Lão Ezekiel thiếu điều là khạc ra cái tên đó. “Bà nội nó nói nó sẽ là đứa có ích, nhưng ngược lại thì có. Ta tưởng ta sắp dụ được nó về phe mình hồi học kỳ vừa qua rồi chứ, vậy mà rồi nó lại nhai nhải về thằng cha biệt dạng của nó và đổ lỗi cho ta.”

“Nó nói cũng đâu có sai,” Manfred nói, gần như chỉ với riêng mình.

“Nghĩ coi bọn ta có thể làm gì với tài phép của nó,” lão Ezekiel tiếp tục. “Nó ngó vô một bức tranh và dùng một cái, nó đã ở trong đó, nói chuyện với người chết từ tám hoánh. Đừng hòng mà tao cho phép...” Lão Ezekiel lắc lắc đầu. “Nó mang dòng máu của cái gã phù thủy xứ Gan cô hồn thất đẳng đó. Và cây gậy phép nữa.”

“Tôi có kế hoạch cho vụ đó rồi,” Manfred nói khẽ. “Chẳng bao lâu nữa nó sẽ thuộc về tôi cho coi, ông cố cứ chờ xem.”

“Thật hả?” Lão Ezekiel cười khùng khục. Lão bắt đầu lăn xe đi trong khi thằng chất tập trung vô công việc gắn xương tỉ mỉ.

Khi lão Ezekiel dịch tới mảng tối mù ở cuối căn phòng, ý nghĩ của lão bỗng chuyển sang Billy Raven, thằng bé mồ côi tóc trắng, bị lợi dụng làm gián điệp theo dõi Charlie Bone. Billy gần đây đã trở nên nổi loạn, bất trị. Nó không chịu hé cho lão Ezekiel biết Charlie và lũ bạn đang mưu tính gì. Hậu quả, lão Ezekiel và gia đình Bloor có nguy cơ không kiểm soát được những đứa trẻ có phép thuật trong trường. Cần phải làm điều gì đó ngay.

“Ba mẹ,” lão Ezekiel bật nói một mình. “Cần phải làm sao cho Billy được nhận làm con nuôi. Ta đã hứa tìm ba mẹ cho thằng nhóc mồ côi đó mà chưa bao giờ thực hiện. Nó đã từ bỏ ta. Hừ, Billy sẽ có ba mẹ tử tế, tốt bụng.”

“Đừng quá tử tế,” Manfred nói, nãy giờ hắn đã nghe lỏm.

“Sợ gì. Ta biết một cặp rồi. Ta không hiểu tại sao trước đây lại không nghĩ đến chúng nhỉ,” lão Ezekiel quay đầu lại, ngóng đợi. “A, bọn này sắp có tiếp viện kìa.”

Có tiếng những bước chân lộp cộp từ xa; vài giây sau, cửa mở và ba phụ nữ ủa vô phòng. Người đầu tiên già nhất. Mái tóc xám xịt của bà ta được búi chót vót trên đỉnh đầu như một củ hành khổng lồ, quần áo của bà ta đen và mắt bà ta cũng đen như thế. Bà Lucretia Yewbeam là giám thị trong trường và là bà cô của Charlie Bone. “Tôi đem mấy bà em của tôi tới đây,” bà ta nói với lão Ezekiel. “Ngài nói là ngài cần sự trợ giúp.”

“Thế người thứ tư đâu?” Lão Ezekiel hỏi. “Bà Grizelda đâu?”

“Lúc này nên để bà ấy tránh xa mọi chuyện là tốt nhất,” bà Eustacia, người em thứ hai nói. “Nói cho cùng, bà ấy phải sống với thằng em thô tả của chúng tôi... và thằng oắt đó. Bà ấy có thể vô tình... làm lộ bí mật, tất nhiên rồi.”

Bà Eustacia, một nhà tiên tri, bước lại gần cái bàn. Mái tóc xám của bà ta vẫn còn vài sợi đen, nhưng phần lớn các đặc điểm còn lại thì bà ta giống hệt bà chị kế của mình. Đôi mắt hí rị của bà ta lia khắp các đồ

vật trên bàn và bà ta nhếch một nụ cười gian xảo.” Ra là lão đang mưu tính với đồng đồ này, đồ quý già. Người ấy là ai vậy?”

“Tổ tiên của ta, ngài Borlath,” lão Ezekiel đáp. “Người vĩ đại nhất trong tất cả những người con của Vua Đỏ. Oai phong nhất, mạnh mẽ nhất và thông thái nhất.”

“Ghe tởm nhất và khát máu nhất thì chính xác hơn,” bà em thứ ba vừa nói vừa động một cái túi da to xù lên bàn. Mái tóc bết bết của bà ta xõa xuống vai thành từng dải màu nhợt nhợt và những quầng thâm viền quanh đôi mắt đen như than. So với mấy bà chị thì bà ta trông thật luộm thuộm. Áo khoác to quá khổ, và áo cánh xám xám bên trong trông cấp thiết phải được giặt ngay. Chắc chắn không ai đoán được cái sinh vật ăn mặc lôi thôi lếch thếch này đã từng là một quý bà kiêu hãnh và chưng diện không chê vào đâu được.

“Venetia lâu nay vẫn mong chờ có cái gì đó như thế này,” bà Eustacia nói. “Từ khi thằng Charlie Bone chết tiệt đó thiêu trụi nhà cô ấy.”

“Tôi tưởng em trai của các bà làm điều đó chứ,” Manfred chen vô.

“Phải,” bà Venetia rít lên, “nhưng Charlie phải chịu trách nhiệm, đồ sâu bọ nhãi nhép. Ta muốn nó phải ú ớ vì sợ hãi, phải bị dằn vặt, khổ sở... và chết.”

“Bình tĩnh, Venetia,” lão Ezekiel lặn lội đến cạnh bà ta. “Bọn ta không muốn mất hẳn thằng bé mà.”

“Chi vậy? Nó thì được cái tích sự gì? Ông có tưởng tượng được việc mất tất cả là gì không? Có biết đứng ngó cơ nghiệp của ông – thành quả của đời ông – tan thành mây khói thì thế nào không?”

Lão Ezekiel vụt mạnh cây ba toong của lão vô bàn.

“Đừng xúc động thế, bà kia. Thằng Charlie này có thể xài được. Tôi có thể ép nó phải đem tôi về lại quá khứ. Tôi có thể thay đổi lịch sử. Nghĩ coi!”

“Ông không thể thay đổi lịch sử, ông cố à,” Manfred nói huych toẹt.

“Sao mày biết?” Lão Ezekiel sửa. “Chưa ai thử cả.”

Kéo theo sau là một sự im lặng ngột ngạt. Không ai dám xa gần nói rằng việc đó đã có người thử biết bao lần rồi, mà không thành công. Bà cô Venetia cắn môi, vẫn nung nấu chuyện trả thù. Bà ta có thể chờ, nhưng một ngày nào đó bà sẽ tìm ra cách trừ khử Charlie Bone - trừ khử vĩnh viễn.

Bà Lucretia phá tan sự im lặng bằng câu hỏi:

“Tại sao lại là ngựa?”

“Vì ta có xương,” lão Ezekiel dấm dẳn. “Con ngựa này, ngựa Hamaran,” lão hất đầu về phía đồng xương, “theo sử sách truyền lại, là một sinh vật oai phong lẫm liệt. Và kỵ sĩ cưỡi trên mình nó cũng phải rất uy mãnh, mấy người không đồng ý sao?”

Những người kia lẩm rầm một tiếng tán thành.

“Thằng nhóc đó sẽ sợ chết khiếp,” lão Ezekiel hớn hờ tiếp. “Nó sẽ làm bất cứ điều gì bọn ta yêu cầu.”

“Và lão định sẽ điều khiển sinh vật quái đản ấy như thế nào?” Bà Venetia nói.

Lão Ezekiel vốn hy vọng đừng ai hỏi lão điều ấy, bởi vì lão chưa có câu trả lời thoả đáng.

“Ngài là tổ tiên của ta,” lão nói với một nụ cười tự tin. “Hà có gì ngài lại không giúp ta? Nhưng trước hết, bọn ta hãy đánh thức nó dậy, và phi, như nó từng phi trước đây. Ha! Ha!”

Trong lúc đó bà Lucretia ngồi trên một chiếc ghế bành bị mối ăn, thì hai bà em dỡ đồ trong chiếc túi da ra. Những lọ chất lỏng bắt đầu xuất hiện trên bàn; rồi những muống bạc, vài túi thảo mộc, những mảnh thạch anh nhỏ xíu, óng ánh, một cái chày và một cái cối bằng đá đen và năm cây nến. Lão Ezekiel dòm quy trình diễn ra bằng đôi mắt hau háu.

Một tiếng đồng hồ sau, phần xương chân của một con ngựa đang phi nước đại đã được xếp trên bàn. Bộ áo giáp được chà bóng loáng bằng một thứ chất lỏng bốc mùi tanh hôi và chiếc áo choàng lông thú đã được kết đầy những hạt huyền nhỏ xíu.

Năm cây nến hắt những chiếc bóng nhảy múa lên tường. Một cây đặt phía trên chiếc mũ giáp, hai cây ở hai bên cổ tay cái áo giáp, hai cây cuối cùng đặt vô chỗ móng guốc hai chân trước bị khuyết của con ngựa.

Bà Venetia mê mẩn với công việc, quên cả bản thân. Thật là hay, bà ta một lần nữa lại được nhúng mũi vào một công việc có tính phá hoại. Lúc bà ta vuốt nhẹ cái áo lông đen, những tia lửa nhỏ xía kêu lép bép ở các đầu ngón tay bà.

“Sẵn sàng rồi chứ?” Bà ta hỏi.

“Chưa đâu,” nhá một nụ cười xảo quyệt, lão Ezekiel thò tay xuống dưới đồng mền bùng nhùng trên đùi lão và rút ra một cái tráp nhỏ bằng vàng. Ở chính giữa cái nắp nạm đá quý, một chùm đá hồng ngọc xếp thành hình trái tim, chiếu rọi căn phòng tối lờ mờ bằng thứ ánh sáng loá mắt.

“Trái tim,” lão Ezekiel nói, giọng ừng ục sâu trong họng. “Asa, thằng quái thú, đã tìm thấy nó trong toà lâu đài đổ nát. Nó ra đó đào xới, theo thói quen xấu xa của nó, và tìm thấy một bia mộ có khắc chữ B. Nó đào thêm nữa và tìm thấy cái này,” lão ta vỗ nhẹ cái tráp, “bị chôn sâu dưới bia mộ.”

Từ cái ghế của mình trong bóng tối, bà Lucretia hỏi:

“Tại sao nó không nằm trong ngôi mộ?”

“Tại sao? Tại sao?” Lão Ezekiel buột ra một tràng ho vật vã nơi cuống phổi. “Để giữ bí mật, chắc vậy. Nhưng đó là tìm của ngài. Ta biết chắc. Ngài Borlath là người con duy nhất của nhà vua có tên bắt đầu bằng chữ B.”

Lão mở cái tráp ra.

“Aaaah!” Bà cô Eustacia nhảy xa khỏi bàn, vì bên trong tráp là một túi da nhỏ hình mà, quả thật, hình như có đựng... một thứ gì đó.

“Thấy chưa? Một trái tim,” lão Ezekiel đắc thắng nói. “Giờ, bọn ta hãy tiếp tục nào!”

Xúc cái túi da ra khỏi tráp, lão đặt nó lên bộ áo giáp, chệch tâm trái một chút, nơi lão phán quyết là trái tim hẳn phải nằm ở đó. Rồi lão gỡ một sợi dây điện từ chiếc hộp điện của lão ra và quấn đầu dây một vòng, hai vòng, ba vòng quanh cái túi da.

Một bầu không khí thỉnh lặng, thấp thỏm chờ đợi đổ ụp xuống căn phòng khi lão già bắt đầu xoay cái núm của chiếc hộp bạc. Càng lúc càng nhanh dần. Bàn tay cong queo của lão biến thành một vật mờ mờ, bay bay, đôi mắt đen của lão rực cháy lên đầy kích động. Một tia lửa nhá lên giữa hai cái ngạnh thép và chuyển qua sợi dây tới trái tim của Borlath. Lão Ezekiel phát ra một tiếng gừ chiến thắng và bàn tay lão bắt động.

Ba chị em chỉ chực biểu lộ ngay niềm hân hoan, nhưng họ biết im lặng là cần thiết trong khoảnh khắc như thế này. Những khúc xương của ngựa Hamaran bắt đầu chuyển động.

Lão Ezekiel và chị em nhà Yewbeam đang chăm chú nhìn vào bàn đến độ không để ý Manfred rút ra một chiếc khăn tay và ấn chặt vào mũi. Mặt nó chuyển thành đỏ rần khi nó đấu tranh để cố kìm một cái hắt hơi.

“HẮT XÌ!”

Lão Ezekiel bật nảy người như thể bị đâm một đấm. Lão bịt chặt hai tai và ré lên “Không,” khi Manfred cố kìm một cái hắt hơi khác. Mấy chị em nhà Yewbeam kinh hãi nhìn gã trai trẻ nhăn xoắn mặt lại, và...

“HẮT XÌ!”

Đồng xương ngừng chuyển động. Hơi nước màu đen, gớm ghiếc bốc lên từ chiếc áo lông thú và bộ áo giáp oằn oại bên dưới cái túi da đang cháy âm ỉ.

“HẮT XÌ!”

Một tiếng nổ như sấm và một màn khói nồng nặc mùi toả khắp căn phòng. Trong lúc những kẻ chứng kiến nghệt cả thở và lú cả lưởi, thì một hình thù khổng lồ nâng lên khỏi bàn và biến mất vào đám khói đen cuộn cuộn. Trốn dưới gầm một chiếc bàn ở cuối phòng, một con chó mập thù lù, lùn tịt nhắm mắt lại và run lẩy bẩy.

Một tiếng nổ dữ dội thứ hai làm rung chuyển toàn bộ căn phòng, và bà cô Lucretia thét lên:

“Gì vậy?”

“Cái thằng ngu chết dẫm đó hắt xì,” lão Ezekiel rít chìn chịt.

“Xin lỗi, xin lỗi. Không thể nào nén được,” Manfred rên rỉ. “Bụi quá.”

“Bụi, bụi cái gì,” bà cô Venetia mắng nhiếc. “Đáng ra cậu phải vứt cái mũi đáng nguyên rửa của cậu ở ngoài chớ. Hư hết việc rồi. Thiệt uổng công.”

“Có lẽ không uổng đâu,” bà Eustacia cắt ngang. “Nhìn cái bàn kia. Xương biến hết rồi.”

Đám khói đang tan đi nhanh chóng do một luồng khí lạnh thành linh thổi qua, và tất cả bọn họ đều thấy rằng xương của ngựa Hamaran, quả thật, đã biến mất. Nhưng áo giáp, mũ sắt, áo chùng và chiếc kim kẹp bằng vàng của Borlath vẫn nằm nguyên chỗ cũ, trông thảm hại hơn vì thứ bùa mà chúng vừa phải chịu.

“Khốn kiếp!” Lão Ezekiel gầm gào. Lão động nắm đấm xuống bàn và đồng trang phục bị cháy xém kia rung lên. “Không được gì rồi.”

“Nhưng tôi lại được việc đấy,” Manfred nói. “Con ngựa ra ngoài rồi kìa.”

Hắn chỉ vào một cái lỗ toang hoác ở trên tường.

“Chó thật!” Lão Ezekiel rít lên. “Phòng thí nghiệm của tao bị lủng, còn con ngựa chiến thì sống ra ngoài.”

“Con ngựa chiến với trái tim của bạo chúa,” bà Venetia nói. “Coi, nó biến rồi!”

Chỗ trái tim nằm hời nãy, giờ chỉ còn lại một cái lỗ cháy đen trong bộ áo giáp đang âm ỉ.

“Vậy nghĩa là sao?” Manfred hỏi, giọng nghẹn lại.

Lão Ezekiel xoa cái mũi dài của lão.

“Nghĩa là không phải tất cả đã mất. Nhưng ta sẽ cần sự giúp đỡ. Ta nghĩ ta sẽ phải cần đến một người bạn của ta, một người có món nợ cần giải quyết.”

Tất cả mọi người nhìn lão, chờ nghe một cái tên, nhưng lão già chưa sẵn sàng làm thoả lòng cả đám.

“Ngựa chiến có thể rất có ích, “ Bà Venetia nói, đầy ưu tư, “miễn là có người cưỡi được nó.”

Tất cả đều nhìn chăm chú vào khoảng không do đồng xương để lại, như thể bắt nó phải lên tiếng, và rồi Manfred nói:

“Billy Raven giỏi nói chuyện với thú vật.”

Trong phòng ngủ chung dài hút, bên dưới gác mái của lão Ezekiel ba tầng, Billy Raven choàng tỉnh giấc, đột nhiên thấy sợ hãi. Nó quay mặt ra cửa sổ, định tìm mặt trăng hầu tự trấn an mình, thì thấy một con ngựa trắng bay lướt qua những đám mây rách nát – và biến mất.

2. Chương 02

CON NGỰA MA

Vào ngày đầu tiên của học kì mùa thu, Charlie Bone phóng ào xuống ăn sáng với một chiếc lược thò ra từ đám tóc.

“Mày nghĩ mày giống cái gì hả?” Từ chỗ ngồi của mình kể lò sưởi, nội Bone nói vọng ra.

“Chắc giống khủng long ả?” Charlie gợi ý. “Con đã kéo, kéo mãi rồi mà cái lược không chịu ra.”

“Tóc thì như hàng rào,” bà nội xương xẩu của nó càu nhàu. “Chỉ tề lên coi, cái thằng. Ở Học viện Bloor người ta không ưa thứ bê bối đâu.”

“Lại đây, cún cưng,” một người bà khác của Charlie, hiền hậu hơn, đặt tách trà xuống và giật mạnh cái lược ra. Cái lược bứt ra cùng với một túm tóc của Charlie.

“Ngoại Maisie! Ui da!” Charlie thét lên.

“Xin lỗi, cún cưng,” ngoại Maisie nói. “Nhưng phải làm thế thôi.”

“Dạ.” Charlie xoa xoa cái đầu đau của mình. Nó ngồi xuống bên bàn bếp và tự trút ra cho mình một tô cơm bắp.

“Trễ rồi. Mày lỡ xe buýt trường cho coi,” nội Bone lầu bầu. “Giáo sư Bloor là người cực khát khe về vụ đúng giờ.”

Charlie ăn muống cơm bắp vô miệng, nói, “Vậy thì sao ạ?”

“Đây một miếng như thế thì đừng có nói,” nội Bone rầy.

“Cứ mặc nó, Grizelda,” ngoại Maisie nói. “Nó cần phải được ăn sáng ngon lành. Chắc chắn nó sẽ không có được một bữa nào ra hồn trong năm ngày tới.”

Nội Bone khịt mũi và đớp phập vô trái chuối. Đã ba tháng nay bà chưa hề cười; kể từ khi căn nhà của bà em Venetia của bà bị cháy rụi.

Charlie uống gấp ca trà, lệ làng trông cái áo khoác và phóng ù lên lầu để vợ mấy cái túi đi học của nó.

“Áo chùng!” Nó tự nói một mình, nhớ ra áo vẫn còn treo trong tủ. Nó kéo cái áo ra và một tấm hình nhỏ bay xuống sàn nhà.

“Benjamin,” nó mỉm cười nhặt tấm hình lên. “Bỏ đang ở đâu?”

Trong hình là một cậu bé tóc vàng nhạt đang quỳ bên cạnh một con chó vàng thiết bị. Chính Charlie đã chụp tấm hình này, ngay trước sinh nhật thứ mười của Benjamin. Lúc này Charlie dùng tài phép để đi vô tấm hình hoàn toàn không phải để thăm thú cảnh trí ở đó. Cảnh trí cũng chẳng nói lên được điều gì cả.

Những lúc nôn nóng sử dụng tài phép lạ lùng của mình, Charlie thường quên khuấy rằng những người mà nó thăm dấy cũng có thể trông thấy nó. Cho dù họ đang ở nơi nào, khi Charlie nhìn vào tấm hình chụp họ, họ cũng có thể thấy gương mặt nó trôi lênh bênh ở đâu đó gần đấy. Chính vì vậy mà Benjamin, đang uống nước ở Hồng Kông, đã nhìn thấy gương mặt mỉm cười của Charlie trong ly nước cam của mình.

Benjamin đón nhận những cú xuất hiện ma thuật của Charlie một cách dễ dàng, nhưng Hạt Đậu, con chó của Benjamin, xem ra không bao giờ có thể quen được với những cú xuất hiện ấy.

Con chó bị đang tính xơi bữa sáng trong quán Cà Phê Thú Kiểng, thì khuôn mặt Charlie bỗng ngó lên từ tô Chappimix.

Hạt Đậu hoảng hốt nhảy vọt lên, tru dài một tiếng; vụ việc khiến một con rắn xanh da trời trườn vội xuống dưới tủ đựng chén đĩa, và một phụ nữ rất cao tên là Onoria Onymous đánh rớt mẻ bánh mới nướng. Nhưng ba con mèo rục rờ nằm trên nóc tủ lạnh thì chỉ ngáp và nhắm mắt lại.

Charlie đút tấm hình vào túi quần, nhét chiếc áo chùng xanh da trời vào giỏ, rồi chạy xuống lầu.

“Đừng quên...” ngoại Maisie la lớn, nhưng Charlie đã nhào ra khỏi cửa trước và chạy tới đầu đường Filbert.

Chiếc xe buýt đưa đón học sinh màu xanh da trời sắp khởi hành thì cửa xe thình lình bật mở, và một cậu bé có chòm tóc quăn màu hạt dẻ thò đầu ra ngoài. “Anh thấy em chạy tới,” cậu bé nói. “Bác tài nói không thể đợi được nhưng anh bắt bác ấy phải đợi.”

“Cảm ơn anh Fido,” Charlie đưa một trong mấy cái túi xách của nó cho anh bạn Fidelio, và leo lên những bậc xe buýt.

“Có mang áo chùng không?” Fidelio hỏi.

Charlie lôi tấm áo nhàu nhĩ ra khỏi giỏ.

“Em ghét mặc áo lúc đi bộ ngoài đường Filbert lắm. Bị mọi người cười. Có một thằng ở nhà số 20 cứ gào lên: ‘Nó kìa, Thằng Xanh Da Trời kìa, tới Học viện Bloor, giống con kết mào bánh chọe!’ Nhưng em đâu có xin ai cho đến Học viện Bloor, đúng không?”

“Em không phải là con kết mào bánh chọe,” Fidelio bật cười. “Anh cá là sáng nay em lại quên chải đầu.”

“Em chải rồi.”

Xe buýt dừng lại và hai đứa nhập vào đám đông đang nhảy xuống quảng trường rải sỏi. Chúng đi ngang một vòi phun nước hình đàn thiên nga bằng đá và tiến đến những bậc cấp dẫn vào Học viện Bloor.

Khi Charlie bước chân dưới bóng râm của tháp nhạc, nó thấy mình chợt ngược lên nhìn đỉnh chóp dốc đứng của tòa tháp. Điều này vốn đã trở thành thói quen và nó tuyệt nhiên không biết tại sao mình lại làm vậy. Có lần, mẹ nó bảo với nó, là cô cảm thấy ai đó đang nhìn mình từ ô cửa sổ nhỏ dưới mái hiên nhô ra... Charlie bất giác rùng mình và theo Fidelio băng qua cổng vòm rộng.

Chìm giữa đám con nít áo chùng xanh da trời, tím và xanh lá cây, Charlie nhóng tìm Emma Tolly và Olivia Vertigo. Nó trông thấy Emma mặc áo chùng xanh lá cây, mái tóc dài vàng óng thắt thành hai bím gọn gàng, nhưng nó thoáng ngỡ ngàng về đứa con gái đi cạnh Emma. Nó rành gương mặt ấy nhưng... phải đó là Olivia không? Cô nàng mặc áo chùng tím, như mọi đứa khác của khoa Kịch, nhưng mặt Olivia thường ngày vốn hay tô vẽ, và tóc tai luôn luôn nhuộm màu sắc sỡ. Còn cô bé này lại có vẻ ngoài lảng lẩy: má hồng, mắt xám và tóc nâu cắt ngắn.

“Đừng nhìn chằm chằm vậy chứ, Charlie,” con bé tóc nâu vừa nói vừa bước đến chỗ Charlie.

“Olivia hả?” Charlie thốt lên. “Chuyện gì vậy?”

“Tớ sắp thử vai cho một bộ phim,” Olivia nói với nó. “Trông phải nhỏ hơn tớ.”

Chúng leo lên một dãy bậc thang đá nữa, và rồi bước qua cánh cửa đôi khổng lồ chạm trổ những hình thù bằng đồng. Ngay khi tất cả bọn trẻ đã vào trong trót lọt, thì Weedon, gã gác cổng và lo việc lật vật, liền đóng ập cổng và khóa lại. Cổng sẽ khóa chặt như vậy cho đến tận chiều thứ Sáu, khi lũ trẻ được phép về nhà nghỉ cuối tuần.

Charlie bước vô tiền sảnh rộng mênh mông, lát đá phiến của Học viện Bloor. “Phim gì vậy?” Nó hỏi Olivia.

“Sssh!” Có tiếng sụt đầu đó bên tai Charlie.

Charlie ngược lên, thấy một đôi mắt đen như than đá và giật bắn cả người. Nó tưởng Manfred Bloor đã ra trường rồi chứ.

“Anh hy vọng mày chưa quên luật, Charlie Bone!” Manfred gừ.

“Kh... không, anh Manfred,” Charlie coi bộ không quả quyết lắm.

“Vậy thì...” Manfred bật ngón tay một cái tách và ngó Charlie trừng trừng, còn Charlie thì đang ngó xuống bàn chân mình. Mới sáng sớm thế này, nó không hề muốn phải chống trả lại tia thôi miên của Manfred chút nào.

“Coi, luật như thế nào hả?” Manfred tra hỏi.

“Ồm...”

Im lặng trong hành lang

Không được nói lan man

Không được khóc hay la

Ngay cả khi bị ngã.

“Ồm...” Charlie không thể nhớ ra câu cuối cùng.

“Viết câu đó ra một trăm lần và mang đến văn phòng của anh sau giờ uống trà!” Manfred nhe răng cười nham hiểm.

Charlie không biết là Manfred có văn phòng riêng, nhưng nó không định kéo dài cuộc đối đáp.

“Thưa vâng, anh Manfred,” nó làu bàu.

“Mày phải tự biết xấu hổ về bản thân mày. Bây giờ mày lên năm thứ hai rồi. Chẳng nên gương tốt cho học sinh năm nhất gì cả, đúng không, Charlie Bone?”

“Dạ,” Charlie bất chợt nhìn thấy Olivia, đang tròn mắt dòm nó, và nó cố nén để đừng phì cười. Hên là Manfred vừa phát hiện ra có đứa nào đó không mặc áo chùng và đã tắt tuổi vọt đi.

Olivia đã biến mất vào biển áo chùng tím. Đám chủ nhân của những chiếc áo đó đang chen lấn nhau đi qua cánh cửa bên dưới hai chiếc mặt nạ bằng đồng. Bên trong cánh cửa đang mở ấy, Charlie loáng thấy một đám nhốn nháo đủ màu, đang đông dần lên trong phòng để áo chùng tím. Nó vội vã đi tiếp đến tấm biển có hai cây kèn trumpet bắt chéo nhau.

Fidelio đang chờ nó ngay cửa, bên trong phòng để áo khoác xanh da trời. “Chu cha! Thiệt động trời!” Fidelio thở hì hụi. “Anh tưởng Manfred rời trường rồi chứ.”

“Em cũng tưởng thế,” Charlie nói. “Được vậy thì quay lại Học viện Bloor là ngon rồi. Tưởng đâu ít ra cũng thoát được Manfred ở đây chứ.”

Vậy vai trò mới của Manfred là gì? Liệu hắn có vĩnh viễn bám đuôi, theo dõi, nghe ngóng và thôi miên bọn nhóc không?

Hai đứa bàn tán về vấn đề Manfred trên đường đến Hội trường. Vào ngày đầu tiên của mỗi năm học, buổi tập trung đầu năm được tổ chức trong nhà hát, không gian duy nhất đủ rộng cho toàn thể ba trăm học sinh. Mãi đến giữa học kỳ mùa thu vừa qua, Charlie mới nhập học ở Học viện Bloor; cho nên đây là một trải nghiệm mới mẻ đối với nó.

“Thôi chết! Anh phải lẹ lên mới được,” Fidelio nói, nhìn đồng hồ đeo tay. “Đáng lẽ giờ này anh phải chơi nhạc rồi.”

Giáo sư Saltweather, trưởng khoa Nhạc, gật đầu một cách nghiêm khắc với Fidelio khi nó leo lên sân khấu và ngồi vào chỗ trong dàn nhạc giao hưởng. Charlie chui vào cuối hàng ghế thứ hai và nhận ra mình đang đứng ngay sau lưng Billy Raven. Thằng nhóc bạch tạng quay lại với cái nhìn mày lo lắng.

“Em phải ở lại năm thứ nhất thêm mười hai tháng nữa,” nó thì thầm với Charlie, “nhưng em đã phải ở lại hai lần rồi.”

“Xui vậy! Nhưng em mới có tám tuổi mà.”

Charlie quét một lượt hàng học trò mới trước mặt. Tất cả bọn chúng trông đều khá bình thường, nhưng ai mà biết chắc được. Một số trong bọn chúng có thể cũng được ban phép thuật giống như nó và Billy – những hậu duệ của Vua Đỏ.

Suốt thời gian còn lại của buổi sáng, Charlie loay hoay đi khắp tòa nhà rộng lớn đầy gió lùa để kiểm phòng học mới của nó, lấy sách vở và tìm thầy Paltry (người được phân công dạy kèn trumpet cho nó.)

Đến khi tiếng tù và đi sẵn rúc lên báo hiệu giờ ăn trưa thì Charlie đã hoàn toàn kiệt sức. Nó khật khừ đi xuống khu căn-tin, cố lái mắt khỏi những bức chân dung treo trong hành lang sáng lờ mờ – đề phòng một người trong số họ muốn nói chuyện – và đến căn-tin xanh da trời.

Charlie bước vào hàng, đợi lấy phần ăn. Một phụ nữ thấp người, hơi đầy đà sau quầy thức ăn nháy mắt với nó.

“Mọi việc tốt cả chứ, Charlie?” Bà hỏi.

“Dạ, cảm ơn bà bếp trưởng,” Charlie đáp. “Nhưng chắc phải một thời gian con mới quen được với năm thứ hai.”

“Tất nhiên,” bà bếp trưởng nói. “Nhưng con biết ta ở đâu rồi đấy, nếu con cần đến ta. Ăn đậu nhé, Charlie?”

Charlie nhận lấy một đĩa mì macaroni pho mát với đậu và thơ thẩn dạo quanh các bàn ăn cho đến khi nó tìm thấy Fidelio, đang ngồi với Billy Raven và Gabriel Silk. Mái tóc nâu rũ rượi của Gabriel che gần hết khuôn mặt, và miệng nó hơi bếu ra, có vẻ buồn ủ ê.

“Vụ gì vậy, anh Gabe?” Charlie hỏi. “Lũ chuột kiểng của anh vẫn ngon chứ?”

Gabriel rầu rĩ ngược lên:

“Học kỳ này tôi không học piano được nữa rồi. Thầy Pilgrim đi rồi.”

“Đi rồi?” Charlie tự dưng hốt hoảng. “Sao? Đi đâu?”

Gabriel nhún vai.

“Tôi biết thầy Pilgrim lập dị, nhưng, ừm, thầy thiệt... tài giỏi.”

Hắn là không ai phủ nhận điều này. Ai cũng từng nghe tiếng đàn dương cầm của thầy vọng xuống từ Tháp Nhạc. Charlie chợt nhận ra là nó sẽ nhớ tiếng đàn ấy lắm. Và nó sẽ nhớ những khi thầy Pilgrim nhìn đắm đắm vào khoảng không, mái tóc đen của thầy luôn rũ xuống mắt.

Fidelio quay sang Billy.

“Vụ kỳ nghỉ của em thế nào, Billy?” Nó thận trọng hỏi. Bởi lẽ làm thế nào mà không phát điên lên được khi phải trải qua cả kỳ nghỉ trong Học viện Bloor cơ chứ?

“Tốt hơn mọi khi,” Billy vui vẻ nói. “Bà bếp trưởng chăm sóc con Rembrandt đúng như đã hứa, và em gặp nó hàng ngày. Và anh Manfred đi vắng một thời gian nên ở đây khá yên ổn, thiệt vậy, chỉ trừ... chỉ trừ...”

Một mảng tối thoáng hiện trên mặt Billy...

“Có chuyện xảy ra hồi tối qua. Một chuyện thiệt quái lạ.”

“Chuyện gì?” Cả ba đứa kia cùng hỏi.

“Em trông thấy một con ngựa trên trời.”

“Ngựa?” Fidelio nhướn cặp chân mày. “Ý em là một đám mây trông giống hình con ngựa?”

“Không. Một con ngựa đang hoang.” Billy gỡ mắt kiểng ra và chùi vô tay áo. Đôi mắt đỏ đậm của nó dán chặt vào Charlie. “Kiểu như nó lơ lửng trên trời, bên ngoài cửa sổ, và sau đó tan đi.”

“Mấy ngôi sao cũng làm vậy được mà,” Gabriel nói, giờ đã tươi tỉnh hơn một chút. “Chúng có thể tạo ra ảo ảnh hình thú hay đồ vật.”

Billy lắc đầu.

“Không! Nó là một con ngựa.”

Nó đeo kiểng trở lại và nhăn nhó với đĩa đồ ăn của mình.

“Không xa em đâu. Ngay ngoài cửa sổ. Con ngựa rướn người lên và đá đá không khí, làm như nó đang chống trả để được tự do vậy, xong rồi nó... tan đi.”

“Giống như nó đang lù vào một thế giới khác,” Charlie vượt miệng nói.

“Đúng rồi,” Billy hồ hởi nói. “Anh tin em, phải không anh Charlie?”

Charlie thủng thỉnh gật đầu.

“Anh thắc mắc giờ nó đang ở đâu?”

“Lang thang quanh lâu đài hoang với lũ ma khác chắc?” Fidelio nhận xét một cách bông phèng. “Thôi nào, tụi mình ra hít thở chút không khí thoáng đãng đi. Không chừng cả đám sẽ thấy một con ngựa đang phi nước đại quanh vườn đó.”

Tất nhiên là nó chỉ giỡn thôi, nhưng ngay khi bốn thằng bé bước qua cổng vườn, Fidelio chợt nhận ra lời nói của mình hóa ra lại thực một cách ma quái. Nó là đứa duy nhất trong bốn đứa không có phép thuật.

Fidelio có thể là một nhạc sĩ thiên tài, nhưng tài năng của nó không thuộc dạng được xếp vào hàng phép thuật.

Charlie chính là đưa chú ý đến vật ấy trước tiên: một tiếng thạch yếu ớt trên bãi cỏ khô ráo.

“Anh có nghe thấy không?” Nó nhìn Gabriel.

Gabriel lắc đầu. Nó chẳng nghe thấy gì, nhưng có cái gì đó hiện diện trong không khí mà nó không thể xác định được.

Billy bị tác động mạnh nhất. Cu cậu đột ngột lùi phắt lại, nhúm tóc trắng dựng lên theo một làn gió phớt qua mà ngoài nó ra, không đưa nào cảm nhận được. Thằng bé giơ một bàn tay lên tựa như đỡ một cú đâm.

“Nó vừa sượt qua,” Billy thì thào.

“Tụi em tính đánh lừa anh đó hả?” Fidelio nói.

“Không lừa đâu,” Charlie nói. “Giờ nó đi rồi. Có lẽ nó chỉ muốn cho tụi mình biết là nó đang ở đây.”

Chúng bắt đầu băng qua thảm cỏ rộng mà giáo sư Bloor thích gọi là khu vườn của ông ta. Thực ra nó không khác gì một cánh đồng, bao quanh là có rừng cây rậm rạp, gần như không thể chui vô được. Ở cuối sân, những phiến đá đỏ của tòa lâu đài cổ thấp thoáng giữa những hàng cây: lâu đài của Vua Đỏ. Bốn thằng bé đi về phía những bức tường đỏ cao vọi ấy, hầu như theo bản năng.

Ông cậu Paton của Charlie đã kể cho nó nghe chuyện năm người con của Vua Đỏ đã bị ép buộc phải rời vương quốc của vua cha mãi mãi như thế nào khi hoàng hậu Berenice qua đời. Tan nát cõi lòng, nhà vua biến mất vào những khu rừng phương bắc, và Borlath, con trai cả của nhà vua, chiếm giữ lâu đài. Hắn ta trị vì vương quốc bằng sự bạo tàn, man rợ đến nỗi hầu hết các cư dân hoặc là chết hoặc là bỏ trốn trong kinh hoàng.

“Hử?” Fidelio nói. “Mấy người nghĩ là con ngựa ma đó ở đây sao?”

Charlie ngược nhìn lên những bức tường lừng lững.

“Em không biết,” nó ngó Billy.

“Phải,” thằng bé thì thầm. “Nó ở đây.”

Mấy đứa kia lắng nghe thiệt chăm chú. Trên mảnh sân phía xa xa, tiếng đám học trò hò hét và nói cười huyên náo, tiếng một trái banh chạm đất, tiếng chim bồ câu rừng gù, nhưng ngoài ra không nghe được tiếng gì khác.

“Em chắc chứ, Billy?” Charlie hỏi.

Billy co rúm người lại. Nó đang run lẩy bẩy.

“Em nghĩ nó muốn nói chuyện, nhưng nó bị kẹt ở phe kia.”

“Phe kia là phe nào?” Fidelio hỏi

Billy nhăn nhó. “Em không thể giải thích được.”

Charlie chợt cảm giác có ai đó đang đứng đằng sau chúng. Nó quay lại, đúng lúc thấy một bóng người nhỏ choắt vụt đi và lẫn vào đám nam sinh mới đang chơi banh với nhau.

“Ai vậy?” Gabriel hỏi.

“Nhóc mới,” Charlie nói.

Không thể nói được thằng nhóc kia ở khoa Hội họa, khoa Kịch hay khoa Nhạc vì nó không mặc áo chùng. Hôm nay trời âm ập và nắng đẹp. Mùa hè vẫn chưa hết.

Tiếng tù và rúc vang khắp sân và bốn thằng bé chạy trở vô trường.

Với Charlie, buổi chiều hôm ấy cũng chẳng khá gì hơn buổi sáng. Cuối cùng nó cũng tìm thấy thầy Paltry, nhưng quá trễ cho buổi học.

“Đi học mà không đem theo kèn trumpet thì nói làm gì hả?” Ông thầy già cấm cản. “Trò chỉ tổ làm mất thời gian, Charlie Bone. Được ban phép thuật, hừ, vớ vẩn. Sao trò không sử dụng cái gọi là phép thuật của trò để xác định coi cây kèn trumpet của trò ở đâu? Giờ, ra khỏi lớp và đừng có trở lại cho đến chừng nào trò tìm thấy kèn.”

Charlie hấp tấp ra đi. Nó không biết ở đâu mà tìm.

“Tháp Nhạc có không?” Charlie tự hỏi. Dám một trong những người lao công đã tìm thấy kèn của nó và đem cất vô phòng thầy Pilgrim trên đỉnh tháp.

Đường đến Tháp Nhạc phải xuyên qua một cánh cửa nhỏ, trông cổ xưa, gần lối ra vườn. Charlie gồng mình, mở cửa ra và bắt đầu bước vào một hành lang dài, ẩm ướt. Trời tối đến nỗi Charlie gần như chẳng thấy bàn chân mình đâu. Nó cứ dán mắt vô một khung cửa sổ đằng xa trong căn phòng nhỏ hình tròn ở cuối hành lang.

Khi đến gần căn phòng hơn, nó bỗng nghe thấy những tiếng nói, những giọng nói giận dữ – những người đàn ông đang cãi nhau.

Có tiếng bước chân khua. Charlie đứng im thín thít cho đến lúc có ai đó xuống đến chân dây cầu thang xoắn ốc, dài. Một bóng hình xuất hiện ở cuối hành lang. Cái bóng đó lừng lững tiến về phía Charlie và nâng đôi cánh màu tím lên, che khuất hết ánh sáng.

Bị ngập chìm trong bóng tối, Charlie thét lên thất thanh.

3. Chương 03

Cậu bé dính vụn giấy trên tóc

“Im!” Một giọng rít lên.

Charlie co rúm người ép vào vách tường khi người đó, hay vật đó, lướt qua và vút ngang cánh cửa ra tiền sảnh.

Charlie không biết phải làm gì. Nó nên quay lại quãng đường nó vừa đi qua, hay là tiếp tục lên tháp? Cái người rít lên hồi nãy có thể đang ở trong tiền sảnh, chờ nó. Nó chọn cách đi lên tháp.

Ngay khi chui vô căn phòng hình tròn tràn đầy ánh mặt trời ở cuối hành lang, Charlie cảm thấy định thần lại. Đôi cánh màu tím kia là đôi cánh tay của một chiếc áo chùng, nó suy luận. Và cái người giận dữ nọ chắc hẳn là một giáo viên của trường, đang tranh cãi với ai đó. Nó bắt đầu leo cái cầu thang dài, xoắn ốc lên đỉnh tháp. Học viện Bloor có năm tầng lầu, tuy nhiên phòng dạy nhạc của thầy Pilgrim lại ở trên một dây cầu thang khác.

Charlie lên đến chiều nghỉ nhỏ, chỗ có những quyển sách dạy nhạc được cất trên kệ, trong thùng và chất thành đồng bừa bộn dưới sàn nhà. Ở giữa các dãy kệ, có một cánh cửa nhỏ bằng gỗ sồi dẫn vô phòng nhạc. Một tờ tin nhắn được ghim ngay chính giữa cánh cửa. Thầy Pilgrim đi rồi.

Charlie lục lọi đám thùng và hộp, nhấc những chồng bản nhạc lên, rồi tìm kiếm đằng sau những cuốn sách nặng nề trên kệ. Nó tìm được một cây sáo, một nắm dây đàn violin, một hộp bánh yến mạch và một cây lược, nhưng không có kèn trumpet.

Thử tìm ở phòng kế bên liệu có ích lợi gì không? Charlie nhớ là trong ấy chỉ có một cây đàn dương cầm lớn và cái ghế đàn, không còn gì khác. Nó nhìn lại tờ tin nhắn. Thầy Pilgrim đi rồi. Trông như báo điềm chẳng lành, như thể có lời nhắn khác ẩn đằng sau bốn con chữ in mỏng manh kia, rằng: Cầm vào, không ai cho các người vào đây.

Nhưng Charlie là một thằng bé vốn thường không thể ngăn mình làm những điều mà tất cả các biển báo bảo nó đừng làm. Tuy nhiên, lần này nó chú ý gõ cửa trước khi bước vào. Thiet ngạc nhiên, nó nhận được câu trả lời.

“Gi,” một giọng nói mệm vang lên.

Charlie bước vào.

Giáo sư Saltewather đang ngồi trên chiếc ghế đàn. Hai cánh tay thầy khoanh lại bên trong chiếc áo chùng xanh da trời, mái tóc dày bạc trắng của thầy dựng đứng lên theo một phong cách rối bời, hờ hững. Thầy mang một vẻ mặt mà trước giờ Charlie chưa từng thấy ở thầy: lo lắng và bơ phờ

“Con xin lỗi thầy,” Charlie nói. “Con đang tìm cây kèn trumpet của con.”

“Ừ,” thầy Saltewather liếc nhìn Charlie.

“Con nghĩ là nó không có ở đây.”

“Ở đây chẳng có gì cả,” thầy Saltewather nói.

“Con xin lỗi, thưa thầy.”

Charlie toan đi thì chợt có điều gì đó xui khiến nó hỏi:

“Thưa thầy, thầy Pilrim hiện ở đâu ạ?”

“Ở đâu?” Giáo sư Saltewather nhìn Charlie như thể thầy vừa mới trông thấy nó tức thì. “À, Charlie Bone.”

“Dạ phải, thưa thầy.”

“Ta không biết thầy Pilrim đi đâu. Đó là điều bí ẩn.”

“Ồ,” Charlie định quay đi một lần nữa nhưng lần này nó lại nói tiếp:

“Lúc này con va phải ai đó ở ngoài hành lang, con nghĩ đó có thể là thầy Pilrim.”

“Không phải, Charlie,” ông thầy dạy nhạc nói hơi gần giọng. “Đó chắc chắn là thầy Ebony, thầy chủ nhiệm mới của trò.”

“Thầy chủ nhiệm mới của con?”. Charlie nuốt nước miếng khan. Nó nghĩ đến đôi cánh tím, giọng nói rít chần chịt.

“Ừ. Nói không ngoa thì cũng hơi đáng lo.”

Giáo sư Saltewather thấy cho Charlie một cái nhìn soi mói, như thể thầy đang tự hỏi xem có nên nói gì nữa không.

“Ông Ebony đến đây để dạy môn lịch sử,” Nhưng ông ấy lại xuất hiện với một lá đơn xin từ nhiệm của thầy Pilrim. Ta không biết ông ấy kiếm được tờ đơn đó bằng cách nào. Và bây giờ người...người đàn ông này...muốn dạy piano.” Giáo sư Saltewather cao giọng. “Ông ta mò lên đây, đính một tin báo lên cánh cửa, cố đuổi ta ra khỏi một phòng học thuộc chính khoa của ta...Thật không thể chịu nổi!”

“Đúng đây, thưa thầy,” Charlie tán đồng. “Nhưng thầy ấy mặc áo chùng tím mà, thầy.”

“À, đúng, thế đấy!” Giáo sư Saltewather đan một bàn tay vô mái tóc bạc của mình. “Hình như ông Tantalus Ebony ở khoa nhạc Kịch, nên mới mặc áo choàng màu tím.”

“Ra là vậy,” Charlie nói, mặc dù bây giờ nó rất hoang mang. Nó chưa bao giờ nghe nói tới một giáo viên dạy ba khoa một lúc.

“Tất cả đều là sự sắp xếp của giáo sư Bloor, nên ta có thể làm được gì nào?” Giáo sư Saltewather xòe rộng hai bàn tay ra. “Giờ, tốt hơn trò nên đi đi, Charlie. Rất tiếc về cây kèn trumpet của trò. Thử tìm ở một trong những phòng của khoa Hội họa coi. Họ vẫn hay vẽ các nhạc cụ của chúng ta mà.”

“Khoa Hội họa. Con cảm ơn thầy,” Charlie nói đầy vẻ biết ơn.

Các phòng của khoa Hội họa chỉ có thể đến được bằng lối cầu thang chính và Charlie mới vừa đặt bàn chân lên bậc thang đầu tiên thì Manfred xô ra từ một cánh cửa trong tiền sảnh.

“Mày chép phạt xong chưa?” Manfred lạnh lùng hỏi.

“Ồm, chưa.”

Manfred tiến đến gần Charlie:

“Đừng quên đấy, không thì mày sẽ phải chép thêm một trăm câu nữa.”

“Ừ, quên, Manfred. À... ý em là không quên đâu.”

Manfred thở dài bực bội và bước đi khỏi.

“Xin lỗi,” Charlie bắt ngờ nói, “nhưng anh vẫn còn là... ừm.. học sinh, phải không anh Manfred?”

“Không. Hết rồi!” Gã thanh niên cúi kính sửa. “Anh là trợ giảng. Và hãy gọi anh là thầy.”

“Dạ, thưa thầy.” Từ thầy nghe thật tức cười khi áp dụng cho Manfred, nhưng Charlie mỉm cười, hy vọng là rốt cuộc nó đã áp dụng đúng.

“Và đừng quên đấy.” Manfred huỳnh huých bước trở lại phòng Huynh trưởng và đóng sầm cửa lại.

Charlie vẫn chưa tìm ra phòng làm việc của Manfred. Bây giờ nó đang đắn đo giữa việc tìm kiếm cây kèn và việc chép phạt một trăm dòng. Nhưng rồi nó chợt nhớ ra là nó không thuộc câu cuối của Luật Tiền Sảnh. “Emma sẽ cho mình biết,” nó tự nhủ và bắt đầu bước lên cầu thang.

Emma thường có ở trong phòng triển lãm của khoa Hội họa, một căn phòng dài, thoáng đãng, nhìn ra vườn. Nhưng, hôm nay căn phòng có vẻ trống không. Charlie lục soát kho đựng màu vẽ và xem kỹ các kệ ở cuối phòng, sau đó nó băng qua phòng triển lãm và đi xuống cầu thang xoắn bằng sắt dẫn xuống xưởng điêu khắc.

“Chào, Charlie!” Có tiếng gọi to.

“Ê, lại đây nè,” một giọng khác nữa.

Charlie ngoái quanh, thấy hai cậu bé đeo tạp dề xanh lá cây đang cười toe toét với nó từ hai bên của một khối đá lớn. Một cậu có gương mặt nâu và mặt cậu kia thì tái xanh. Hai người bạn của Charlie hiện đang học năm thứ ba. Cả hai đều lớn phổng lên qua một kì nghỉ hè, và cả tóc của chúng cũng vậy. Lysander, cậu bé người châu Phi, giờ có một mái đầu xoắn dài, tươm tất, được tô điểm bằng những hạt cườm đủ màu, trong khi Tancred vuốt keo lên mái tóc cứng đờ, vàng nhạt của mình thành một rừng chông tua tủa.

“Cái gì lỗi em xuống đây vậy, Charlie?” Tancred hỏi.

“Em đang kiểm kèn trumpet của em. Chà, em gần như không nhận ra hai anh.”

“Em chẳng thay đổi gì,” Lysander nói với nụ cười rộng ngoác. “Em thấy năm thứ hai thế nào?”

“Em không biết. Em hơi rối một tí. Em đi lộn lớp hoài. Em bị mất kèn trumpet. Em gặp rắc rối với Manfred và có một... à... ừm, một thứ ở trong vườn.”

“Một thứ, ý em là sao?” Mái tóc vàng của Tancred nổ lép bép.

Charlie kể cho chúng nghe về con ngựa mà Billy đã nhìn thấy trên trời, và về tiếng vó ngựa trong vườn.

“Hay ghê,” Lysander nói.

“Quái gở,” Tancred bảo. “Anh thì không ưa cái vụ đó.”

Hai ống tay áo sơ mi của nó giật giật. Tancred khó mà che giấu được phép thuật của mình. Nó giống như một cái hàn thử biểu biết đi, tâm trạng của nó ảnh hưởng đến không khí xung quanh đến mức ta có thể nói rằng nó có thời tiết riêng của nó.

“Em phải kiểm cây kèn trumpet tiếp đây,” Charlie nói. “À mà, câu cuối của luật tiền sảnh là gì nhỉ?”

“Dù bạn thấp hay cao,” Lysander nhanh nhẩu nói.

“Cám ơn anh Sander. Em phải viết hết ra một trăm lần trước bữa tối, và phải nộp cho Manfred – nếu em có thể tìm ra văn phòng của hắn. Các anh có biết nó ở đâu chứ?”

Tancred lắc đầu và Lysabder nói, “Không hề.”

Charlie định quay trở ra lối cũ thì Tancred đề nghị nó thử tìm ở nơi khác xem sao.

“Tìm ở đằng đó coi,” Tancred vừa nói vừa chỉ một cánh cửa ở cuối xưởng điêu khắc. “Tụi mới tới đang học bài vẽ đầu tiên của chúng. Anh nghĩ anh có thấy một đứa cầm kèn trumpet.”

“Cám ơn anh, Tanc!”

Charlie bước vô một căn phòng mà trước giờ nó chưa hề thấy. Chừng mười lăm đứa trẻ đang yên lặng ngồi quanh một chiếc bàn dài, vẽ ký họa. Mỗi đứa có một tờ giấy khổ lớn và một đồ vật trước mặt. Tất cả bọn chúng đều đang tập trung hết mức vào tác phẩm của mình, và không đứa nào ngẩng lên khi Charlie xuất hiện

“Trò muốn gì?” Một người đàn ông gầy gò, tóc vàng nhạt, mặt tàn nhang cất giọng từ đầu bàn. Một giáo viên dạy vẽ mới, Charlie đoán.

“Kèn trumpet của em, thưa thầy,” Charlie nói.

“Và tại sao trò nghĩ nó ở đây?” Ông thầy hỏi.

“Bởi vì, nó kia ạ!” Charlie vừa nhìn thấy một cây trumpet giống y chang kèn của nó. Món nhạc cụ đang được một thanh niên bé loét choắt, dính đầy vụn giấy trên tóc, vẽ theo. Thanh niên bé ngược nhìn Charlie.

“Joshua Tilpin,” Thầy giáo gọi, “trò lấy cây trumpet đó ở đâu vậy?”

“Nó là kèn của con, thưa thầy Delf.” Joshua Tilpin có đôi mắt ti hí màu xám nhạt. Nó hơi nheo mắt lại và nhăn mũi với Charlie.

Charlie không thể kiềm mình nổi. Nó chồm về trước giật lấy cây trumpet và lật ngược lên coi. Học lý trước nó đã khắc chữ CB thiệt nhỏ gần miệng kèn. Cây trumpet này là của nó.

“Cây kèn có ghi tên viết tắt của em. Thưa thầy.”

“Đưa tôi coi nào,” Thầy Delf chìa bàn tay ra.

Charlie đưa cây trumpet cho thầy.

“Tên em là Charlie Bone, thưa thầy. Thầy coi này, đó là tên viết tắt của em.”

“Trò không nên làm xấu nhạc cụ như thế này. Nhưng xem ra nó đúng là kèn của trò. Joshua Tilpin, dao trò lại nói dối?”

Tất cả lớp đều nhìn Joshua. Nó không đỏ mặt, như Charlie mong đợi. Thay vào đó, nó toét miệng cười hết cỡ, phô hàm răng nhỏ xíu, khắp khềnh.

“Con xin lỗi thầy. Thành thực, thành thực xin lỗi anh, Charlie. Giỡn chơi thôi mà. Làm ơn, tha lỗi cho em!”

Cả Charlie lẫn thầy giáo đều không biết phải trả lời nó thế nào. Thầy Delf đưa trả cây trumpet cho Charlie, nói:

“Trò nên trở về lớp của trò đi.”

“Dạ, cám ơn thầy.”

Charlie nắm chặt cây kèn của mình và quay ra cửa. Nó ngoái nhìn thiệt kĩ Joshua Tilpin khi bước ra. Nó có cảm giác kỳ kỳ là à thanh niên bé mới vô này có phép thuật. Hai ống tay áo của Joshua phủ đầy mảnh giấy vụn và những mẩu gôm nhỏ li ti. Đúng lúc Charlie nhìn, một mẩu ruột bút chì gây đột nhiên bật ra khỏi bàn và dính vào ngón tay cái của thanh niên. Nó ngoác miệng cười ranh mãnh với Charlie và búng mẩu bút chì đi. Charlie cảm thấy như có một sợi chỉ vô hình đang kéo giật nó về phía thanh niên bé xa lạ.

Nó lật đật rời khỏi phòng và sợi chỉ kia đứt rời.

Xưởng điêu khắc rộn vang tiếng thép chạm vào đá. Tancred và Lysander không phải là những người duy nhất đang đục đẽo các khối đá. Charlie vung vẩy cây kèn của nó trên không.

“Em thấy rồi nè,” nó la lớn.

“Biết mà,” Tancred nói.

Mỗi ưu tiên kế tiếp của Charlie là một trăm dòng chép phạt. Nó nên viết ở đâu đây? Nó quyết định viết tại phòng học mới của nó. Khi băng qua tiền sảnh, nó bị chìm lỉm trong từng đám con nít – một số ủa vô sau khi vừa chơi ngoài vườn xong, số khác chạy rầm rập từ cầu thang xuống, số nữa thì túa ra từ những phòng để áo khoác. Đường như đứa nào cũng biết đích xác mình đang đi đâu, ngoại trừ Charlie. Hình như có sai sót khủng khiếp gì đó trong thời khóa biểu của nó. Nó dần bước lên, hy vọng ít ra sẽ tìm thấy vài đứa học cùng niên học với nó ở trong lớp.

Có một tờ thông báo ghim trên cửa lớp. thông báo được in bằng kiểu chữ theo lối cổ, giống như những chữ trên tờ thông báo ở cửa phòng thầy Pilgrim:

Tantalus Ebony

Nhạc, Kịch Cầm và Lịch Sử Trung Đại

Charlie áp tai vào cánh cửa. Không một tiếng động phát ra từ phía bên kia. Nó bước vào. Không có học sinh nào trong phòng, nhưng có một thầy giáo đang ngồi bên chiếc bàn cao trước cửa sổ; một thầy giáo có khuôn mặt dài, mỏng quệt, và chân mày đen giao nhau ở sống mũi. Mái tóc đậm màu che khuất lỗ tai, và mảng tóc dày trước trán chấm ngang ngay trên chân mày. Ông thầy mặc áo chùng tím.

“Gì đó?” Thầy giáo nói, ngẩng đầu lên khỏi cuốn sách. Charlie nuốt nước miếng. “Em đến để chép phạt, thưa thầy.”

“Tên gì?” Giọng của người đàn ông này ồ ồ như phát ra từ dưới lòng đất.

“Charlie Bone, thưa thầy.”

“Lại đây!” Thầy giáo ngoắc nó bằng một ngón tay trắng, dài thòng.

Charlie Bone bước đến bên bàn. Người đàn ông nhìn nó chòng chọc mắt tròn một phút. Tròng mắt trái của ông ta màu xám, còn mắt phải thì màu nâu. Đó là điều đáng ngại nhất. Charlie bị thôi thúc phải nhìn đi chỗ khác, nhưng nó đứng tấn chặt chân xuống đất và nhìn vào một mắt trước, và rồi nhìn qua con mắt kia. Một cái cau mày giận dữ sượt qua trên gương mặt của người đàn ông và ông ta ngả người ra sau, gần như là ông ta sợ Charlie đã thấy được phần nào đó của con người ông ta mà ông ta quyết giữ bí mật. Cuối cùng, thầy giáo nói:

“Tôi là Tantalus Ebony.”

“Em đoán thế, thưa thầy.”

“Ồ kiêu ngạo. Đứng yên đó.”

Charlie định nói là nãy giờ nó không hề nhúc nhích, nhưng thầy Ebony đã tiếp:

“Tại sao trò không đi chung với các bạn cùng lớp trò?”

“Em bị nhầm lẫn một chút, thưa thầy.”

“Nhầm lẫn? Nhầm lẫn chỉ dành cho bọn năm thứ nhất. Một khởi đầu không hề hứa hẹn cho năm thứ hai của trò, đúng không, Charlie Bone? Và trò nói là mới thể trò đã bị chép phạt rồi. Ta tự hỏi là vì sao vậy?”

“Em nói chuyện trong tiền sảnh, thưa thầy.”

Phản ứng của Ebony thật đáng kinh ngạc. Ông ta bỗng cười rú lên. Toàn thân rung lắc với những tràng cười không sao kìm nén được.

“E hèm,” ông thầy ho khê một tiếng. “Thế thì, đi và chép phạt đi. Và chớ quấy rầy ta. Ta ngủ đây.”

Thầy Ebony kéo nón áo chùng tím trùm lên đầu và nhắm mắt lại. Vẫn ngồi thẳng người tại chỗ, thầy bắt đầu gáy.

Có thể nào có người không nhìn mình mà lại đang theo dõi mình không? Charlie có cảm tưởng là ông thầy lạ vẫn còn thức. Hay chính xác hơn, rằng một người khác, đằng sau khuôn mặt đang ngủ kia, vẫn còn đang canh gác.

Sau khi chờ vài giây, Charlie nhón chân đi đến bàn của nó, lấy ra một cuốn vở bài tập và bắt đầu chép luật tiền sảnh. Nó vừa mới viết xong dòng cuối cùng thì chuông báo giờ uống trà reng lên. Thầy Ebony mở mắt ra, hất cái nón ra sau, và quát:

“ĐI!”

“Vâng, thưa thầy.” Charlie thu gom giấy bút của nó và hấp tấp rời khỏi phòng.

“Nãy giờ em ở đâu vậy?” Fidelio hỏi khi trông thấy Charlie trong căn-tin.

“Còn anh nãy giờ ở đâu?” Charlie nói.

“Anh học tiết tiếng Anh, rồi ra chơi.”

Charlie thấy một cuối tuần bị cấm túc hiện ra trước mặt. Thầy Carp, giáo viên tiếng Anh, hẳn sẽ không tha thứ cho nó việc cúp một tiết học.

“Em chép phạt cho Manfred,” nó rầu rĩ nói. “Và em vẫn chưa tìm thấy văn phòng của hắn ở đâu.”

Fidelio chẳng giúp được gì, cả Gabriel cũng không nốt khi thằng này đến nhập bàn của chúng.

“Có chuyện gì với thằng đuôi ngựa thế?” Nó vừa nói nhằn thanh kẹo Choclix. “Ý tôi là, Manfred được giao làm cái gì thế? Hắn không còn là Thủ lĩnh nam sinh nữa, và hắn cũng không phải là giáo viên. Vậy hắn là cái gì?”

“Hắn là kẻ thôi miên,” Charlie nói nghiêm trang. “Trước nay hắn vẫn thế và sẽ luôn là thế. Hắn chắc chắn sẽ ở đây hoài hoài, để hoàn thiện kỹ năng cho tới khi nào thành một lão phù thủy già mồm meo như ông cố của hắn.”

“Miễn là hắn tránh khỏi đường tôi, tôi không quan tâm hắn là cái gì.” Gabriel nuốt chửng phần Choclix còn lại và chùi chùi ngón tay vô ống tay áo. “Mà này, tôi đã quyết định học piano với thầy Ebony rồi. Tôi không thể bỏ học đàn được, và thiệt tình, thầy ấy cũng khá giỏi.”

Không hiểu vì sao việc này bỗng khiến Charlie lo lắng.

“Nếu em là anh, em sẽ học lớp cô Crystal,” nó khuyên Gabriel. “Thầy Ebony... thầy nhìn vậy mà không phải vậy đâu. Em nghĩ thầy ấy nguy hiểm lắm.”

Mấy đứa kia dòm nó đầy thắc mắc, nhưng Gabriel không thể giải thích được cảm giác của nó.

Sau bữa trà, Charlie xách kèn trumpet của nó đến phòng thầy Paltry. Ông thầy già đang yên lặng dùng một tách cà phê.

“Lúc này ta không thể dạy trò được,” ông thầy cúi kính gắt. “Đặt kèn lên kệ và để cho ta yên.”

“Vâng, thưa thầy.” Charlie cất kèn trumpet của nó lên kệ cùng với năm cây kèn khác, hy vọng cây kèn sẽ không bị thất lạc hay bị đánh cắp lần nữa.

“Nhưng thưa thầy, thầy có biết văn phòng của anh Manfred Bloor ở đâu không ạ?”

“Ta làm sao biết hết các phòng trong tòa nhà này, đúng không nào?” Thầy Paltry phất nhẹ một bàn tay đầy tàn nhang. “Giờ thì, xùy.”

Bon trẻ được dặn là bỏ áo chùng trong nhà vào hững ngày nắng, bởi vì, tin hay không thì tùy, trong học viện tối tăm này lạnh hơn ngoài trời. Cho nên, bỏ áo chùng ở trong phòng để áo khoác, Charlie ra vườn và hỏi hết những ai mà nó có thể níu lại được coi họ có biết văn phòng của Manfred ở đâu không. Chưa có ai từng nghe nói về căn phòng đó cả. Charlie lại chạy vô nhà. Khi mặc cái áo chùng xanh da trời lên, nó thọc mấy ngón tay vô túi áo. Ba trang giấy chép phạt đã biến mất.

“Không!” Charlie ré lên, ngay lúc Gabriel bước vô.

“Gì đó?” Gabriel hỏi

Charlie kể lại sự tình và mười lăm phút tiếp theo Gabriel giúp nó lục soát phòng để áo khoác, nhưng ba trang giấy không thấy đâu cả. Fidelio xuất hiện và tham gia cuộc truy lùng. Chúng tìm trong các phòng học trống và thậm chí xuống cả căn-tin. Và rồi tiếng tù và báo hiệu giờ ăn tối.

“Có ai đó quyết tâm làm em bị rắc rối,” Charlie rên rỉ. “Em mất tất cả mọi thứ, kèn trumpet, giấy chép phạt...Tiếp theo là gì nữa đây?”

“Đi ăn tối cái đã,” Fidelio nói. “Đồ ăn giúp ích cho bộ não.”

“Hừm!”Charlie âm ừ

Ba đưa đi xuống sảnh anh lớn dài hun hút như hang động và ngồi vào chỗ của chúng ở cuối bàn khoa Nhạc.

Đám giáo viên ngồi bên một cái bàn kê trên bục cao ở cuối sảnh đường, và Charlie chú ý thấy Manfred đang ngồi kế bên cha hắn. Vậy là, bây giờ hắn đã chính thức là thành viên trong giáo ban. Ít nhất thì hắn sẽ không làm bài tập chung với tụi nó nữa, Charlie nghĩ thầm.

Bữa tối gần xong thì giáo sư Bloor đứng dậy và vỗ vô tay. Cả căn phòng im ngay tắp lự. Người đàn ông vạm vỡ bước ra phía trước bục và dò xét những hàng trẻ con ở phía dưới. Dáng ông ta oai vệ trong chiếc áo chùng đen, vai rộng, tóc xám tĩa tốt gọn gàng và ria mép thẳng như một cây thước. mắt ông ta gần như khuất hẳn dưới đụn mí thịt dày, và thiệt khó mà nói chúng màu gì. Bây giờ trông chúng là màu đen, nhưng Charlie biết chúng màu xám.

Phải một lúc sau vị hiệu trưởng mới mở lời. Lũ trẻ ngóng nhìn ông ta, chờ đợi. Cuối cùng ông ta nói:

“Có vài lời với những trò được ban phép thuật mới vô. Các trò biết mình là ai rồi, vì thế tôi sẽ không nêu tên các trò ra nữa. các trò sẽ làm bài tập về nhà trong phòng Nhà Vua. Sẽ có người chỉ đường cho các trò.Các trò hiểu rồi chứ?”

Charlie Bone nghe có ba giọng nói nhẹ hều cất lên:

“Dạ, hiểu ạ.” Nó không thể thấy những giọng nói ấy phát ra từ đâu, nhưng chúng chắc chắn không thuộc về bất cứ ai đang ngồi bên bàn khoa Nhạc.

Giáo sư Bloor thành linh hét vang, “GIẢI TÁN!”

Bọn trẻ rầm rập hành động một cách chính xác tuyệt đối. Ghế ngồi cạ rít trên sàn đá, đĩa được thu dọn và xếp thành chồng, ly uống nước va lách cách, dao nĩa xô vào nhau xúng xểng, và rồi tất cả cùng đổ dồn ra cửa. Khi Charlie leo hết tầng đầu tiên, nó có thêm Gabriel và Billy nhập bọn; Emma Tolly đi đằng trước, còn Tancred và Lysander đang bay vọt ngang một dãy cầu thang khác, lên lầu hai.

Emma chờ cho Charlie bắt kịp, nó nói:

“Mình tìm thấy đám này dưới sàn nhà phòng để áo khoác của khoa mình,” con bé vừa nói vừa chìa ra ba tờ giấy nhàu nhĩ. “Mình nghe nói mấy bồ đang đi tìm.”

“Giấy chép phạt của mình,” Charlie kêu lên, chụp lấy xấp giấy. “Cám ơn bồ, Emma. Nhưng làm sao chúng lại lọt vô phòng để áo khoác khoa Hội họa được?”

“Chịu, không biết,” Emma nói.

Charlie dúm mẩy tờ giấy vô cặp sách của nó. Có tiếng bước chân nặng nề sau lưng khiến nó quay lại nhìn và thấy Dorcas Loom đang chậm chậm bước lạch lè lên cầu thang. Đó là một đứa con gái phức phịch, tóc xoắn màu vàng nhạt và làn da khỏe mạnh. Dorcas là kẻ ái mộ cuồng nhiệt bà cô của Charlie, bà Venetia – bà này với tài phép của mình có thể may nên những bộ quần áo có ma thuật chết nười.

“Ngó cái gì mà ngó?” Con bé sừng sĩa.

“Con mèo cũng có thể nhìn nữ hoàng kia mà,” Charlie đáp.

Dorcas “Hứ” một tiếng kinh tởm, và tiếp tục ì ạch lên cầu thanh.

Charlie và lũ bạn nó bước vô phòng Nhà Vua – căn phòng hình tròn, lạ lùng với chiếc bàn tròn và những bức tường cong, sách xếp thành hang.

Manfred đang đứng ở cạnh bàn đằng kia, dòm thẳng ra cửa. Tim Charlie lộn nhào, và rồi nổi thất vọng dội khắp người nó như một cơn sóng bệnh hoạn khi nó trông thấy một dáng người gập cong đang ngồi cạnh Manfred. Đó là Asa Pike, kẻ nô lệ trung thành của Manfred – thằng bé có thể biến thành thú khi trời tối. Thằng đó phải ra trường rồi mới đúng, sao nó vẫn còn ở đây? Ngoài ra còn có ba đứa học trò mới ở trong phòng. Joshua Tilpin là một trong số đó.

“Lẹ lên! Lẹ lên,” Manfred sốt ruột ra lệnh. “Đừng có đứng chùm nhum ở cửa thế. Tôi có một thông báo quan trọng đây.”

Charlie rụt người lại và bước vòng quanh bàn đến một chỗ bên cạnh Tancred. Từ chỗ này nó có thể nhìn thấy bức chân dung Vua Đỏ. Một bức tranh cổ vẽ một hình người mờ ảo mặc áo chùng đỏ và đội vương miện vàng thanh mảnh. Gabriel, Billy và Emma theo sau Charlie trong khi Dorcas lặn vô phòng và dùng chân đóng cửa lại.

“Hãy tỏ ra chút tôn trọng nhà của ba tôi chứ!” Manfred mắng.

Dorcas trừng mắt, nhưng không dám nhìn thẳng vào mắt Manfred.

“Có người ngồi chỗ của em rồi,” nó cầu nhàu.

“Đừng có ngớ ngẩn, Dorc,” Manfred nói.

“Dorc. Hay lắm,” Asa cười khịt khịt.

Manfred lờ nó đi. “Ngồi đâu cũng được, trò kia, lẹ lẹ lên.”

Nếu Dorcas muốn ngồi một bên Manfred thì quả là nó không còn cơ hội. Chèn vô giữa Manfred và Joshua Tilpin là hai con bé trông rất quái đản. Cả hai đều có tóc đen lóng, cắt cụt ngay dưới tai, với một mớ tóc dày rủ trước trán; nước da nhợt nhạt và mượt trông như đồ sứ.

Hai chị em sinh đôi, rõ ràng, Charlie nghĩ thầm. Nếu chúng là người thật. Bởi vì gương mặt chúng ngây thơ, và cơ thể bất động, đến nỗi rất có thể chúng là búp bê.

Dorcas lết bết đi quanh bàn, và đặt sách vở của nó cạnh sách vở của Joshua. Thằng này đái con bé một nụ cười rạng rỡ, phô hàm răng khắp khiêng, và thực tình thì Dorcas cũng cười đáp lễ.

“Giờ mọi người có mặt ở đây cả rồi,” Manfred nói, liếc xéo Dorcas, “Tôi muốn giải thích một vài điều. Trước tiên, chắc hẳn các trò không ngờ lại gặp lại tôi. Ừm, các trò sẽ luôn gắn liền với tôi.”

Không đứa nào hó hé một tiếng, trừ Asa khịt mũi.

“Bây giờ tôi là thầy trợ giảng,” Manfred tiếp, vẻ trịnh trọng. “Công việc cụ thể của tôi là giám sát bài tập về nhà của các trò, kiểm soát sự phát triển của các trò, gác thi, và giúp đỡ trong bất cứ vấn đề nào liên quan đến cá nhân hay công việc.”

Hắn dừng lại để lấy hơi và Charlie tự hỏi cái người quý quái nào trên đời này mà lại muốn nhờ cựu huynh trưởng giúp đỡ không biết.

“Giờ là phần giới thiệu,” Manfred gọi tên tất cả những đứa ngồi quanh bàn cho đến khi tới lượt hai đứa con gái bí hiểm ngồi cạnh hắn.

“Và đây là hai chị em sinh đôi, Inez và Idith Branko.”

Ngay khi nghe tên mình được xướng lên, cặp sinh đôi cúi đầu và nhìn chăm chăm vào đồng sách trước mặt chúng. Với tốc độ kinh hoàng, đám sách bay xẹt qua bàn. Một chồng đáp oạch xuống đùi Charlie, và chồng kia hạ xuống đùi Tancred.

“Ồi, không!” Tancred gầm gừ. “Siêu năng di chuyển đồ vật.”

Hai ống tay áo chùng của nó đột nhiên phồng lên, mái tóc vàng kêu lắc rắc và một làn gió thổi tung những xấp giấy nằm hờ hênh trên bàn.

“Tôi thấy mấy kì nghỉ hè rồi vẫn chưa cải thiện được khả năng tự chủ của trò, Tancred à,” Manfred nói bằng giọng móc mĩa.

Tancred và Charlie đứng dậy và đẩy mấy chồng sách của cặp sinh đôi trở về bên kia bàn. Hai con bé tỉnh không nói một lời nào, và mặt chúng vẫn hoàn toàn lạnh băng.

Charlie không cưỡng nổi, nhận xét:

“Lịch sự thì phải cảm ơn chứ.”

Idith và Inez vẫn im lặng, nhưng một trong hai đứa, chẳng biết là đứa nào, bắn cho nó một cái nhìn cực gớm ghiếc.

“Hãy cố mà dễ chịu với các nữ sinh mới, Bone.” Manfred nói. “Chị em sinh đôi có họ hàng với Zelda Dobinsky, người đã rời chúng ta. Rõ ràng cô ta là một thiên tài toán học, cho nên cô ta đã đi học đại học ở tuổi còn rất nhỏ. Rủi thay, Asa đây là sự trái ngược với thiên tài. Anh ta vẫn còn học với chúng ta vì thi rớt tất cả các kì thi.”

Cấu tiết vì xấu hổ, Asa càng sụt xuống hơn trong ghế ngồi của nó, và Charlie đột nhiên có một cảm giác hiếm thấy là thông cảm cho nó. Bị người mình ngưỡng mộ chế giễu chắc hẳn là rất đau đớn.

“Cuối cùng, nhưng không kém phần quan trọng, chúng ta có Joshua Tilpin,” Manfred loan báo.

Nghe thấy tên mình, Joshua bật dậy và cúi chào. Ai đó có thể nghĩ nó là một hoàng tử. Tuy nhiên nó trông thật lồi thoi. Áo chùng xanh lá cây bết đầy bụi, lá cây và cỏ lẫn với tóc, và một mẩu mạng nhện lòng thông ở một bên tai.

“Ngồi xuống, Joshua,” Manfred nói. “Trò không phải là ngôi sao nhạc pop.”

Joshua cười tươi rói với hắn và, trước sự khinh ngạc của mọi người, Manfred cười lại. Nhận được nụ cười từ Manfred tựa như lấy được miếng từ một hòn đá vậy.

Gì tiếp đây? Charlie nghĩ. Nó toan bắt đầu làm bài tập về nhà thì Manfred nói:

“Charlie Bone, trò chưa nộp bài chép phạt cho tôi.”

“Ồ, xin lỗi, thưa thầy Manfred. Em có đem theo đây,” Charlie lục lạo túi xách.

“Tôi yêu cầu trò đem đến văn phòng của tôi mà.”

“Nhưng... Em không biết văn phòng ở đâu,” Charlie thú nhận.

Manfred thở dài. Hắn nhìn lên trần nhà và đồng dục.

“Tôi ở đằng sau từ ngữ

Trên đường đến âm nhạc

Dưới một mái nhà

Và trước kèn trumpet, mặt nạ và cọ vẽ.”

Hắn dừng lại để tạo hiệu quả và lái tia nhìn trở lại Charlie.

“Tôi diễn đạt rõ rồi chứ?”

Trong bất kì tình huống nào khác, Charlie chắc hẳn sẽ nói, “Rõ như nước ao tù,” nhưng vì tình cảnh này đã căng thẳng rồi, nên nó quyết định nói:

“Thưa vâng, thầy Manfred.”

“Tốt. Vậy thì đem bài phạt của trò đến văn phòng của tôi trước giờ ngủ, nếu không thì trò sẽ bị cấm túc.”

4. Chương 04

Vụ cầm tù dành cho Charlie

Charlie thật may mắn có một người bạn như Lysander Sage. Lysander luôn làm bài tập về nhà xong sớm, và hôm nay, ngay khi đã hoàn tất phần việc của mình, cậu chú tâm vào giải câu đố của Manfred.

Khi Charlie ra khỏi phòng Nhà Vua, Lysander chớp lấy cánh tay nó.

“Anh nghĩ anh biết văn phòng của Manfred ở đâu rồi,” nó thì thầm. “Đi tìm phòng ngủ chung của tụi mình đi rồi anh sẽ giải thích.”

Billy Raven đã bám kịp chúng.

“Cho em đi cùng với được không?” Nó hỏi Charlie.

“Billy Raven, tôi có lời với trò,” Manfred đứng bên ngoài phòng Nhà Vua, nhìn ba đứa.

Billy nhún vai về cam chịu và bước trở lại chỗ Manfred.

“Tội nghiệp thằng bé,” Lysander nói khẽ như hơi thở. Nó bắt đầu giải thích làm cách nào mà nó giải được câu đố của Manfred.

“Anh bắt đầu từ phía dưới lên,” nó nói. “Kèn trumpet, mặt nạ và cọ vẽ chắc chắn ám chỉ những biển báo trên các phòng để áo khoác. Vậy, văn phòng của Manfred phải là trước khi em đến đó. Nếu nó ở trên đường đến âm nhạc thì chắc chắn nó phải ở đâu đó dưới hành lang dài dẫn đến tháp Nhạc, và đó là bên dưới chái phía tây – đúng không?”

“Ừm,” Charlie nói. “Nhưng còn từ ngữ thì sao? Đằng sau từ ngữ, hần đã nói vậy.”

“Từ ngữ ở trong sách,” Lysander nói. “Anh suy luận là nếu em có thể tìm được một kệ sách ở trong hành lang ấy thì văn phòng của Manfred sẽ nằm đằng sau cái kệ. Kệ sách thường được dùng như những cánh cửa dẫn vô các căn phòng bí mật.”

“Chao! Anh đã giải được rồi, Sander. Em thấy có một kệ sách ở dưới đó. Tài thiệt! Cảm ơn anh!”

“Không có chi. Hy vọng nó đúng.”

Chúng đi đến những phòng ngủ chung đầu tiên và bắt đầu dò danh sách tên gắn trên mỗi cánh cửa. Lysander thấy mình vẫn ngủ chung phòng với Tancred, và Charlie thở phào nhẹ nhõm khi thấy tên nó ở cùng danh sách với tên của Fidelio. Tên của Billy nằm dưới chót.

Fidelio đang dỡ đồ ra khỏi túi sách. Nó đã xí chiếc giường bên cạnh cho Charlie. Phòng ngủ chung gần như vẫn y chang năm ngoái. Sau cái giường hẹp kê ở mỗi bên của căn phòng dài, lạnh lẽo, chỉ có độc một bóng đèn tròn từ mù treo ở giữa phòng.

Charlie lẹ làng ấn tất cả đồ đạc của mình vô cái tủ nhỏ ở đầu giường và treo áo chùng lên móc.

“Em đi tìm văn phòng của Manfred đây,” nó bảo Fidelio. “Anh bao che giùm em nếu bà giám thị đến, được không?”

“Anh sẽ nói là em ở trong phòng tắm,” Fidelio nói. “Chúc may mắn.”

Charlie đi được một nửa hành lang thì nó gặp một Billy Raven phấn khởi đang xuôi theo hướng ngược lại.

“Em được nhận làm con nuôi rồi,” Billy nói. “Anh Manfred vừa mới báo cho em.”

“Tuyệt!” Charlie reo lên. Billy luôn ao ước được nhận làm con nuôi.

Thằng bé sờ lên mái tóc trắng của mình:

“Em thắc mắc tại sao họ lại muốn em. Ý em là, họ có thể chọn bất cứ thằng nhỏ nào khác. Một đứa trông dễ coi hơn em, một đứa nào đó khác em.”

“Họ là ai vậy?” Charlie hỏi, bỗng dưng thấy lo lắng cho Billy.

“Họ được gọi là gia đình de Grey. Ông và bà de Grey. Thực tình thì họ già hơn em tưởng. Anh Manfred cho em coi một tấm hình. Nhưng anh ấy nói họ dễ mến, và rất tử tế. Và họ có một ngôi nhà xinh xắn. Em sẽ có phòng riêng của em với tất cả mọi thứ em muốn, kể cả một cái T.V, anh ấy nói vậy. Tưởng tượng coi, một cái T.V của riêng em.”

Charlie muốn coi tấm hình gia đình de Grey đó. Chắc chắn nó sẽ có thể biết thêm đôi chút về họ, nếu nó nghe được giọng nói của họ.

“Manfred có đưa tấm hình đó cho em không?” Nó hỏi.

Billy lắc đầu.

“Ừm, tin tốt đấy, Billy.”

Charlie định vù đi tiếp thì Billy bất ngờ hỏi:

“Anh có mang cây gậy phép của anh đến trường không?”

“Có, anh...” Charlie ngừng lại. “Sao em lại muốn biết điều đó?”

“Em chỉ nghĩ là, anh biết đó, thật tốt nếu anh có nó bên cạnh... để bảo vệ anh, đại khái vậy. Anh cất nó trong tủ đầu giường phải không?”

“Không,” Charlie giấu cây gậy phép quý giá của nó dưới nệm giường, nhưng nó sẽ không nói cho Billy biết. Nó đã nói đủ rồi.

“Không. Tủ đầu giường thì dài qua.” Billy nói. “Vậy thì ở dưới nệm phải không?”

Charlie cảm thấy bất an. Phải chăng Billy vẫn làm gián điệp cho gia đình Bloor?

“Anh phải đi gấp, Billy,” nó vội nói. “Anh phải đem bài chép phạt đến văn phòng của anh Manfred. Gặp lại em sau.”

Charlie quảy quả đi tiếp. Mọi hoạt động trong trường đều đã chuyển vào các phòng ngủ chung, và khu tiền sảnh rộng rinh, lát đá phiến dội vang tiếng những bước chân đơn độc của Charlie. Lần thứ hai trong này, nó mở cánh cửa sổ dẫn tới Tháp Nhạc. Nó bước vô hành lang tối tăm và lần mò theo những bức tường đá thô nhám. Được chừng nửa đường, về phía tay phải, nó thấy một hốc tường nhỏ. Charlie nhích từng tí một trong bóng tối cho tới khi đến một dãy kệ hẹp, nhét đầy những cuốn sách trông buồn tẻ và nghiêm nghị.

“Hừ, mà phải là cái cửa không đó?”

Charlie đẩy một bên kệ sách, rồi lại đẩy phía bên kia. Không có gì chuyển động. Có lẽ đó không phải là cửa gì cả. Lần lượt, Charlie bắt đầu rút từng cuốn sách ra, lục soát tìm quả đấm hay một cái tay cầm để mở cái cửa giả định. Nhưng không có gì.

“Trò đang làm gì vậy/”

Charlie giật bắn người. Một hình thù trong áo chùng tím lướt về phía nó.

“Sao trò lại ở đây?” Ông thầy Tantalus Ebony hỏi.

“Em đang tìm văn phòng của thầy Manfred,” Charlie lắp bắp.

“Ra vậy,” ông Ebony quàng cho nó một cái nhìn căm ghét tột độ, đến mức Charlie phải lùi lại, chết điếng vì kinh ngạc. Một mùi hổ lốn ngọt ngào lấp đầy lỗ mũi nó: mùi không khí tù túng, sắp đèn cây, đồ mục ruỗng, nấm mốc và nhọ nhội.

“Trò cũng biết sợ là tốt đấy, Bone,” ông thầy lạnh lùng nói. “Tò là thằng quỉ nhỏ chuyên gây rắc rối, đúng không?”

Trước khi Charlie có thể trả lời, nét mặt của người đàn ông ấy dường như tiêu đi, thay vào bằng một chuỗi những biểu cảm hoàn toàn khác nhau lướt qua trên khuôn mặt xanh xao của ông. Trong chừng một phần mười giây, Charlie cảm thấy, đằng sau những mặt nạ biến đổi đó, có một người nhìn ra nó, hiền từ. Tuy nhiên, nó chắc chắn là mình chỉ tưởng tượng ra điều đó, khi về cơ hồ ngạo mạn trở lại trên gương mặt ông thầy giáo.

“Trò muốn tìm văn phòng,” thầy Ebony ấn vô một mắt gỗ trên nóc kệ sách. Ngay lập tức cai kệ vung qua một bên, để lộ nội thất tối lờ nhờ của một thư phòng nhỏ.

“Em cam ơn thầy,” sợ sệt, Charlie bước vô trong.

“Ta để trò ở lại nhé. Cúc cu,” giọng nói của ông thầy quái dị thay đổi một trời một vực. Ông vẫy những ngón tay dài ngoẵng và vọt đi mất, miệng ngâm nga một giai điệu hơi quen quen.

Charlie nhìn quanh quất căn phòng. Rất ngăn nắp. Một tấm hình giáo sư Bloor trông trẻ hơn, với một cậu bé và một phụ nữ tóc đen, treo phía trên lò sưởi. Manfred và ba mẹ hắn. Dưới cửa sổ có một cái bàn làm việc, và một ghế bành xoay bọc da quả mặt ra mảnh sân gạch ngoài kia. Charlie bước tới cái bàn và đặt bài chép phạt của nó lên một chồng giấy tờ. Nó vừa dợm quay đi thì có thứ gì đó đập vô mắt nó. Một bức hình in hình một con ngựa để bên cạnh chồng giấy. Charlie cầm bức hình lên. Bên dưới còn có những tấm hình khác: hình in những bộ xương ngựa.

Lúc này, đáng ra Charlie nên rời khỏi phòng, nhưng nó lại chú ý đến một gói hình nằm ở cuối bàn. Charlie không thuộc loại nhóc con chịu rút lui khi đang thấy thứ gì đó thú vị. Và nó luôn quan tâm đến những hình chụp. Khi cẩn thận cầm gói hình lên, nó đã không nghe được tiếng “soạt” nhỏ ở sau lưng.

Mấy tấm hình thiệt đáng thất vọng. Chỉ có hai người trong hình: một ông và một bà. Cả hai đều ở tuổi trung niên và trông hơi tuềnh toàng. Người đàn ông tóc thưa rảnh và đeo mắt kiếng, người phụ nữ mặt tròn, tóc ngắn và thẳng, răng rất dài. Bà ta luôn cười trong tất cả các tấm hình. Khôn, không phải là mỉm cười, Charlie khẳng định. Đúng hơn, có vẻ như bà ta đang cắn một vật vô hình giữa hai hàm răng.

Trong hầu hết các tấm hình, hai ông bà này đều ngồi cạnh nhau trên ghế xô pha. Nhưng có hai tấm chụp trong vườn và hai tấm nữa chụp trong nhà bếp. Charlie đang xem kĩ căn bếp có vẻ trống trơn thì đột nhiên nó nghe tiếng người phụ nữ nói.

Cười lên coi, Usher. Chúng ta muốn làm thẳng bé an lòng mà.

Tôi không thích con nít. Người đàn ông eo éo và nói như giọng mũi. Không bao giờ thích.

Sẽ không lâu đâu mà.

Chừng bao lâu?

Đến chừng nào thẳng bé làm những gì họ muốn. Ông phải dùng phép thuật của mình, ông biết đó... để ngăn nó trốn.

Phép thuật? Người đàn ông rên rỉ. Cái khi..

Charlie nghe có tiếng bước chân. Nó vội vàng rút những tấm hình trở vô bọc và đặt lại chỗ cũ ở cuối bàn. Nhưng khi nó đi ra cửa, nó thấy cửa đã đóng chặt. Không tay nắm, không lỗ khóa, không chốt. Nó đã bị nhốt.

Charlie đập mạnh cửa.

“Chào! Có ai ngoài đó không? Tôi, Charlie Bone đây.”

Không có tiếng đáp lại.

Charlie lại đập cửa.

“Hãy, thầy Ebony ơi! Thầy có ở đó không? Thầy Manfred ơi?”

Charlie tiếp tục gõ cửa và gọi suốt mấy phút, sau đó nó thôi không gọi nữa.

Trời bắt đầu tối. Charlie ngồi trong ghế bành và nghĩ về mấy tấm hình. Đột nhiên, điều này nảy ra trong đầu nó. Rằng học là ba mẹ mới của Billy Raven. Billy đã luôn ao ước có ba mẹ tử tế và dễ mến và một mái ấm thực sự. Làm sao Charlie có thể nói cho nó biết sự thật này?

Khi Charlie đang ngồi trong bóng tối, phân vân trước tình thế tiến thoái lưỡng nan của mình thì đèn ngoài ăn vụt tắt, từng ngọn một, cho đến khi Charlie bị bỏ lại trong màn đêm đen kịt. Nó đi quanh phòng, sờ

soạng tìm công tắc đèn. Xem ra không có cái nào. Nó đẩy cửa. Nó gõ cửa và gọi, nhưng không ai đến. Đồng hồ nhà thờ lớn điểm 9 giờ. Charlie ngồi bệt xuống sàn nhà và ngủ ga ngủ gật

Có tiếng động từ ngoài sân khiến nó thức giấc. Cộp! Cộp! Cộp! Charlie lắc cái đầu ngái ngủ của nó. Vó ngựa. Có một con ngựa trong mảnh sân gạch. Charlie đứng dậy. Nó chỉ có thể nhìn thấy cái khung sáng mờ mờ hình chữ nhật của cửa sổ, nhưng tuyệt nhiên không thấy gì ngoài sân.

Đồng hồ nhà thờ lớn điểm 10 giờ và tiếng vó ngựa mờ dần. Charlie định hét lên lần nữa thì cánh cửa bật mở và một luồng sáng chói lói chiếu phục vô mắt nó.

“Mày làm cái quái gì ở đây hả?”

Charlie nhận ra giọng nói trầm của giáo sư Bloor.

“Con đến để nộp bài chép phạt cho thầy Manfred, thưa ngài, và rồi cửa đóng sập lại.”

“Làm sao mày vô đây được?”

“Thầy Ebony đưa con vô, thưa ngài.”

“VẬY Ờ?”

“Vâng, thưa ngài,”

Charlie chỉ mong giáo sư Bloor chìa cây đuốc ra khỏi mắt nó.

“Hừm, mày bị câm tíc, Charlie Bone. Mày sẽ ở lại trường thêm một đêm nữa. Giờ thì về phòng ngủ chung của mày đi.”

Giáo sư Bloor lôi Charlie ra khỏi phòng và lẳng nó ra hành lang. Charlie về gần đến phòng ngủ chung của nó thì bà giám thị lù lù hiện từ một góc khuất và túm lấy vai nó.

“Ui da!” Charlie hét lên. “Nếu bà tính cầm tíc con thì bà khỏi phải mất công. Con đã bỏ cầm tíc rồi.”

Charlie nghe thấy bà cô Lucretia Yewbeam nghiêng răng trèo trẹo.

“Im miệng, cho tới khi tao hỏi mày. Nãy giờ mày ở đâu?”

“Bị kẹt trong văn phòng của Manfred,” Charlie thở dài nói. “Thầy ấy yêu cầu con nộp bài chép phạt.”

“Chép phạt à? Ngay ngày đầu của học kỳ. Mày thiệt vô vọng. Tao không thể tin là chúng ta có họ hàng với nhau.”

“Con cũng vậy,” Charlie nói khẽ.

Sáng hôm sau, trên đường xuống ăn sáng, Charlie kể cho Fidelio nghe mọi chuyện xảy ra tối hôm trước. Thằng bạn nó chăm chú lắng nghe cho tới khi Charlie bắt đầu nói đến mấy tấm hình.

“Và em lại lắng nghe,” Fidelio nói một cách châm biếm.

“Em không thể nhịn được,” Charlie thú nhận. “Họ là một cặp ác ôn, anh Fido à. Nhưng em có thể nói với Billy thế nào đây?”

“Tụi mình hãy hy vọng là em sai, và mấy người đó không phải là ông bà de Grey.”

Hai đứa bước vô nhà ăn lớn và ngồi vô chỗ của chúng bên bàn khoa Nhạc.

“Mấy tấm hình ngựa thú vị đấy,” Fidelio nói khi quét bơ lên bánh mì khô.

Billy Raven ngồng cổ lên khỏi món cốm bắp.

“Anh vừa nói ngựa hả?”

“Nói với em sau, Billy,” Charlie nói. “Nhân tiện nói luôn, cuối tuần này anh bị cầm tíc, vì thế anh sẽ bầu bạn với em.”

“Ba mẹ mới sẽ đến đón em vào thứ Bảy,” Billy nói.

“Sớm vậy sao?”

“Em có mái nhà của riêng em.” Billy nhảy cẫng lên ngay tại chỗ. “Dzeee!”

Charlie cười nhe răng. Nó không muốn làm tan nát hy vọng của Billy, nhưng nó chắc chắn là việc nhận con nuôi thực sự không diễn ra như thế. Làm sao gia đình Bloor lại không bị trừng phạt nhỉ? Họ giấu con nít khỏi họ hàng của chúng, họ tro chuyển trẻ mồ côi lòng vòng, mà không cho chúng được lên tiếng, họ thậm chí còn làm các ông bố biến mất.

“Charlie!” Fidelio thúc khuỷu tay vô nó. “Nếu em không muốn ăn phần của em thì để anh ăn cho.”

Charlie lừa nốt chỗ cơm bắp vô miệng, ráng lẹ hết sức.

“Em nghĩ là anh không muốn bị cấm túc cùng với em đâu hả?” Charlie hỏi.

Fidelio lộ vẻ bối rối.

“Xin lỗi. Không được rồi. Anh đã hứa sẽ chơi đàn trong ban nhạc của anh trai anh vào sáng thứ Bảy.”

“Ít nhất thì em cũng được thấy ba mẹ của Billy. Vụ đó chắc sẽ thú vị,” Charlie nói.

Trong giờ nghỉ giải lao đầu tiên, Charlie thấy Emma và Olivia đang chạy quanh sân.

“Ê, hai bồ!” Charlie la to, vừa thở hổn hển chạy tới bên cạnh bọn con gái. “Mấy bồ... ờ... có bận vào thứ Bảy không?”

“Tiệm sách!” Emma nói. “Đó là ngày bận rộn của dì Julia.”

“Đằng ấy lại bị cấm túc à, Charlie?” Olivia vừa hỏi vừa chạy chậm lại.

“Ừ. Thế, bồ có bận không?”

Olivia ngừng chạy, và Emma dừng lại bên cạnh Olivia.

“Có không?” Charlie nói, hít một hơi thật sâu.

“Thực tình,” Olivia nghiêm trang nói, “thứ Bảy này chắc chắn sẽ là ngày quan trọng nhất đời tớ.”

“Đúng thế,” Emma xác nhận.

“Tớ sẽ thử vai cho một bộ phim. Đó là một bộ phim hoành tráng thực sự. Có ít nhất ba ngôi sao vĩ đại tham gia, và tớ sẽ là con gái của Tom Uinston, hay ít ra là tớ nghĩ mình sẽ đóng vai đó.”

“Tom Uinston?” Charlie hỏi.

“Đừng nói với tớ là đằng ấy chưa bao giờ nghe nói đến Tom Winston à nhe,” Olivia nói, nhúu mày. “Ông ấy là một ngôi sao VĨ ĐẠI!”

“Ồ. Thôi. À, chúc may mắn. Ê , bồ dám sẽ nổi tiếng lắm, Livvie!”

“Dám chứ sao,” Emma trung thành nói.

“Có thể,” Olivia nói với nụ cười tự tin.

“Vậy, bồ có còn nói chuyện với tụi này khi bồ nổi tiếng không?” Charlie hỏi.

“Đằng ấy nghĩ sao?” Nụ cười của Olivia nở rộng hơn.

Tiếng tù và đi sẵn rúc lên và Charlie không thể trả lời Olivia được, bởi vì hai con bé đã lao vụt đi và phóng tới cửa vườn trước Charlie thật lâu. Charlie kết luận là tụi ấy hẳn đã luyện suốt cả kì nghỉ vừa qua.

“Đoán thử chuyện gì coi!” Charlie nói khi ập vô phòng để áo khoác xanh da trời. “Olivia Vertigo sắp trở thành một minh tinh màn bạc.”

Fidelio ngồi trên băng ghế, đang thay giày.

“Là sao?” Nó nói, đánh rớt luôn một chiếc giày thể thao.

Nhiều đứa khác háo hức nhìn Charlie, và Gwyneth Howells, đứa chơi đàn hạc nói:

“Cái con Olivia Vertigo ấy lúc nào mà chả nghĩ mình là thiên tài.”

“Nhưng nó là thiên tài thật,” Rosie Stubbs nói một cách độ lượng. “Ý mình là, mình dám cá là nó sẽ nổi tiếng.”

Gwyeth ném cho con bạn thân của nó một cái nhìn khinh khỉnh, và Rosie nói:

“Đào, thôi mà, Gwyn, bồ phải chấp nhận rằng nó là một nữ diễn viên xuất sắc.”

“Nó sẽ thử vai vào thứ Bảy này,” Charlie bảo bon chúng. “Để chọn một vai trong bộ phim hoành tráng. Nó sẽ là con gái của Tom Winston.”

“Nếu nó được nhận vai đó,” Gwyneth khịt mũi.

“Nó sẽ nhận được,” Fidelio nói. “Không bàn cãi.”

Chẳng nấy chốc toàn trường đã tràn ngập những lời xì xào, bàn tán về tiếng tăm sắp nổi như cồn của Olivia Vertigo. Và Olivia bắt đầu ước gì nó giữ bí mật việc thử vai của mình.

Rốt cuộc Charlie cũng xoay sở được để không gặp rầy rà trong thời gian còn lại của tuần, và khi thứ Sáu đến, nó nhận thấy mình không lo sợ về một đêm ở lại thêm tại trường như nó tưởng.

Nó đi xuống tiền sảnh chính để chúc Olivia may mắn trước khi con bé ra về, nhưng con bé không cảm ơn Charlie.

“Phải chi đằng ấy đừng có rêu rao với quá nhiều người như thế,” nó cần nắn. “Xúi quẩy hết sức.”

Và nó sải bước đi lẹ, không thềm kiếc lại đằng sau.

“Nó lo lắng ấy mà,” Emma giải thích. “Rất tiếc về vụ cấm túc của bồ, Charlie. Tụi mình sẽ gặp nhau vào Chủ nhật, nha?”

“Ở quán Cà phê Thú Kiểng lúc hai giờ,” Charlie nói.

“Đồng ý.” Emma phóng theo sau Olivia, mấy bím tóc vàng, dài của nó nhảy lừng tung trên áo chùng.

Một mùi quen thuộc sộc lên mũi Charlie khi nó bước vô phòng ngủ chung, và nó chẳng hề ngạc nhiên khi thấy con chó của bà Bếp trưởng, con May Phúc, đang ngồi dưới chân giường Billy. Hôm nay con chó già trông ủ rũ hơn bình thường. Charlie nghĩ là do nó đã quá già và sức khỏe kém (con May Phúc mập ú nư), nhưng Billy lẹ làng đánh chính cho con chó.

“Nó đang buồn bực,” Billy nói, thằng bé đang cố sắp đồ đạc vô cái va ly cũ nềm. “Một phần vì em sắp được nhận làm con nuôi, nhưng chủ yếu là do nó đã trông thấy một việc kinh khủng xảy ra.”

“Hả?” Charlie chìm xuống chiếc giường sát bên giường của Billy. “Nó đã thấy gì?”

Billy liếc May Phúc, con chó vừa phụt ra một tiếng rên nhỏ.

“Thiệt khó giải thích. Em cứ nghĩ là mình hiểu sai và nó có ý gì đó khác cơ, nhưng rồi nó nói, “Thật! Thật! Ngựa bay qua tường.”

“Cái gì?” Chân mày Charlie dựng đứng lên.

Billy ngưng sắp xếp đồ đạc và ngồi xuống giường.

“Nó nói nó đã ở tầng cao nhất của tòa nhà trong một căn phòng thật dài. Có Manfred ở đó, có lão Ezekiel và ba bà cô của anh, Charlie. Nó nói có những thứ ở trên bàn: lông thú, đồ kim loại và... những mẫu xương rất, rất xa xưa.”

Da đầu của Charlie như bị kim châm.

“Loại xương gì?”

“Xương ngựa.”

May Phúc bất thành linh gù một tiếng trong họng

“Nó nói rằng những mẫu xương đó biến thành một con ngựa.” Billy nói rất chậm rãi, như thể nó đang chờ Charlie ngăn nó lại. Nhưng Charlie chỉ lắng nghe, há hốc miệng.

“Hai trong số các bà cô của anh thao tác với các thứ trên bàn,” Billy tiếp, “và lão Ezekiel có một hộp thiếc tạo ra tia lửa. Có một tiếng nổ và nhiều khói và một con ngựa nhảy ra khỏi bàn rồi đâm xuyên qua tường.”

“Họ đang mưu tính cái quái gì vậy? Anh không biết là mấy bà cô của anh có thể làm được những trò như thế.”

“Có bốn người bon họ, nhớ chưa? Tính luôn cả anh Manfred và lão Ezekiel. Có lẽ như vậy thì quyền phép của họ mạnh hơn. Billy nhún mày và lắc đầu. “Chắc chắn đó là con ngựa em đã thấy trên trời.”

Charlie nhận thấy sự việc kì lạ này đã rõ lên rất nhiều: những tấm hình trên bàn của Manfred chẳng hạn, sự hiện hữu ma quái trong vườn, và tiếng vó ngựa Charlie nghe thấy trong sân gạch.

“Nhưng mục đích của tất cả những việc này là gì?”

Billy nhún vai:

“Có lẽ tụi mình sẽ không bao giờ biết được.”

“Ồ, anh nghĩ tụi mình sẽ biết chứ. Thậm chí còn chắc chắn kia.”

“Nếu em gặp con ngựa, em có thể nói chuyện với nó.” Billy nói.

“Có lẽ đằng nào em cũng sẽ nói chuyện với nó.” Charlie suy đoán.

Billy ngó Charlie trân trân qua hai tròng kiếng dày.

“Ừ.” Billy nói về tư lự. Nó nhảy khỏi giường và trở lại việc sắp xếp đồ đạc. Đồng quần áo lèo tèo nằm trên giường chỉ chiếm phân nửa chiếc va-li rộng.

“Em không có gì hơn nữa. Chỉ vậy thôi.” Billy đóng va-li lại và kéo lét va-li trên sàn nhà.

“Không có gì nữa sao?”

Charlie chạnh lòng. Đồ chơi, sách truyện, trò chơi games, giày thể thao, quần áo mặc cuối tuần của Billy đâu? Ở nhà, chiếc tủ trong phòng Charlie chứa đủ thứ. Nhiều đây là tất cả tàu sabe Billy có trên đời này sao?

“Còn một thứ,” Billy lôi từ trong tủ đầu giường ra một cái bịch ni lông và dốc ngược bịch ra giường. Ngoài những cuốn sách nhỏ mà bà bếp trưởng cho nó, có một bộ bài, một con gấu nhỏ một tai, và một thứ bọc trong giấy mềm ó vàng.

“Gia đình Bloor thường cho em đồ ăn để làm quà,” Billy vừa nói vừa cẩn thận mở gói giấy ra, “vậy nên của cải của em bị ăn gần hết rồi.” Nó toét miệng cười bên lên. “Nhưng em giữ kỹ những cái này.”

Nó lột lớp giấy cuối cùng ra, để lộ bốn cây đèn cây trắng.

“Em tìm thấy chúng trong tủ buyp-phê của cô em trước khi em được gửi vô học viện Bloor. Con chó của cô em nói với em là mấy cây đèn cây đi chung với một ổ bánh sinh nhật, nhưng cô em không bao giờ cấm chúng lên bánh, và em không bao giờ biết ai đã gửi bánh cho em.”

Charlie nhìn sầm soi bốn cây đèn cây đang nằm trong tay Billy. Mỗi cây trông như thể được làm từ lông chim cuộn lại. Những sợi sếp mỏng mảnh cuốn quanh thân nên theo hình xoắn ốc khiến chúng có vẻ huyền bí và đầy ma thuật.

“Em không bao giờ đốt chúng,” Billy nói nhỏ.

“Anh thấy rồi,” Charlie neho mắt lại và cúi sát hơn vào mấy cây đèn cây. “Anh thắc mắc không biết ai đã gửi chúng cho em.”

“Ước gì em biết được điều đó.” Billy cẩn thận xếp mấy cây đèn cây lên tờ giấy mềm và đút chúng vô túi áo.

Thiệt sáng suốt là nó đã làm như vậy, bởi vì ngay phút kế tiếp, bà cô Lucretia Yewbean xông vô phòng ngủ chung và bắt đầu xem xét việc gói ghém đồ đạc của Billy.

“Bữa bãi qua,” bà ta nói, quăng tất cả mọi thứ xuống sàn nhà. “Xếp quần áo ngay ngắn lại coi, Billy Raven. Ba mẹ mới của mày không chấp nhận việc đóng gói cầu thả đầu.”

“Ba mẹ mới của Billy là ai vậy?” Charlie hỏi.

“Không phải việc của mày,” bà cô của nó quát.

“Nhưng đó là việc của Billy,” Charlie cãi. “Nó chỉ biết tên của họ, không biết họ có gốc gác ở đâu, hay họ có gia đình không, hay họ có sống...”

“Mày không cần biết mấy thứ đó,” bà giám thị nói. “Billy sẽ biết ngay thôi. Giờ thì chải đầu rồi hãy đi ăn, thằng kia. Trông mày như mới bò ra khỏi giường vậy.”

Charlie khịt một tiếng kinh tởm. Thế nào bà cô Lucretia Yewbean cũng nhắc đến đầu tóc nó mà. Chắc hẳn bà ta đã đoán được là nó quên đem theo lược chải đầu.

Khi bà giám thị đi khỏi, Charlie giúp Billy sắp xếp lại va-li. Lần thứ hai, nhưng trông cái va-li cũng chẳng gọn gàng gì hơn.

“Vây được rồi,” Billy hớn hờ nói. “Nghĩ coi, em có nhà để về rồi.”

Charlie tự hỏi liệu thằng bé này có hạnh phúc như nó làm ra vẻ như thế hay không. Đêm đó, Billy cứ lẩn lộn mãi trong tấm khăn trải giường của mình. Bắt đầu cuộc sống mới với ba mẹ lạ hoặc hoàn toàn không phải là một việc vẫn xảy ra mỗi ngày được nữa.

5. Chương 05

Lời tuyên thệ của Billy

Ông bà de Grey đến ngáy trước giờ ăn trưa hôm thứ bảy. Billy và Charlie đã trải qua cả buổi sáng làm bài tập về nhà trong phòng nhà Vua. Hên là Manfred không có ở đó để trông chừng chúng, nên chúng không phải làm bài quá vất vả. Billy không nhắc gì đến cây gậy phép nữa, và Charlie cảm thấy rằng, có lẽ, những câu hỏi của Billy là ngây thơ.

Vào lúc hai giờ Manfred thò đầu qua cửa và nạt:

“Billy, mang va-li của trò xuống tiền sảnh.”

“Thưa vâng, thầy Manfred,” mắt Billy căng bự như cái đĩa để tách. Trông nó vừa sung sướng lại vừa sợ sệt.

“Để em giúp nó một tay,” Charlie đề nghị.

“Không cần mày. Đây là việc của Billy.”

Charlie theo Billy lên lầu khi thằng bé đi lấy va-li.

“Tạm biệt,” Billy nói. Mặt nó đỏ hồng lên vì phấn khích, nhưng thiệt khó mà biết nó đang nghĩ gì.

“Có lẽ em sẽ gặp anh vào chủ nhật.”

“Hay quá. Bảo ba mẹ đưa em tới nhà anh, rồi anh sẽ dẫn em tới quán cà Phê Thú Kiểng,” Charlie nói.

“À,” Billy đặt va-li xuống. “Còn con Rembrandt sẽ ra sao đây? Anh có nghĩ là họ sẽ cho em nuôi nó trong nhà không?”

“Có lẽ là không. Nhưng đừng lo. Anh sẽ nhờ bà bếp trưởng lo liệu cho em. Bà ấy sẽ đem nó đến quán cà phê.”

Billy mỉm cười:

“Vây thì gặp anh vào Chủ nhật.”

Vài phút sau khi Billy rời khỏi phòng, Charlie nghe có tiếng người nói ở ngoài mảnh sân gạch. Nó nhìn ra và thấy một người đàn ông và một phụ nữ đang nói chuyện với giáo sư Bloor. Không còn nghi ngờ gì nữa, họ là những người trong mấy tấm hình của Manfred. Ông hiệu trưởng dẫn họ qua cánh cổng chính, nhưng ngay trước khi họ biến khỏi tầm mắt, người đàn ông nhìn lên cửa sổ của Charlie. Charlie vội núp sau tấm rèm.

Từ vẻ mặt không cười của ông de Grey, Charlie có thể khẳng định là ông ta được ban phép thuật rất hùng mạnh, một phép thuật mà sẽ gây rắc rối cho Billy Raven.

“Nhưng mà là phép gì nhỉ?” Charlie tự hỏi.

Lúc một giờ trưa, nó thò thân đi xuống căn-tin. Không có ai ở đó, kể cả Manfred. Charlie đứng sau cái quầy trống không. Không thấy một cái đĩa, hay một bộ dao nĩa nào.

Dáng người tròn nhỏ của bà bếp trưởng bươn ào qua cửa nhà bếp.

“Charlie, Charlie, Charlie!” bà ríu rít. “Ta không biết là con ở đây. Con muốn ăn trưa chứ hả?”

“Dạ, có,” Charlie hấp tấp nói. “Con sắp chết đói rồi.”

Bà bếp trưởng ra hiệu cho nó vô nhà bếp.

“Nếu chỉ có mình còn, Charlie, thì chúng ta cùng ăn chung.. ở chỗ của ta.”

Charlie theo bà bếp trưởng đi qua cánh cửa đóng tự động bên hông quầy, và năm phút sau Charlie đã được húp một chén xúp cả cải vàng ngon tuyệt.

“Ta nấu gần năm lít xúp, cho gia đình Bloor,” bà bếp trưởng nói. “Ta e là không còn bỏ rô-ti nữa, nhưng có bánh trứng đường sô-cô-la.”

Bánh mì vóng tự tay bà bếp trưởng làm, nóng và giòn, và bà bảo Charlie muốn ăn bao nhiêu bơ là tùy ý. Sau hai chén xúp, bốn cái bánh mì vòng quét bơ và một lát bánh trứng đường đặc biệt thiết to của bà bếp trưởng, nó cảm thấy mình đã ăn đủ để sống tới Chủ nhật.

“Đây là món xúp ưa thích nhất của Billy,” bà bếp trưởng buồn bã nói. “ta với nó luôn ăn trưa cùng nhau vào cuối tuần.” Bà rút một chiếc khăn mùi xoa lớn màu trắng ra và hỉ mũi ầm ỉ.

“Bà bếp trưởng, bà không lo lắng khi Billy được nhận làm con nuôi quá đột ngột như vậy sao?” Charlie hỏi.

“Ta nghĩ là có. Ta không thích bộ dạng của mấy người de Grey đó.” Bà lắc đầu. “Họ không có vẻ là những bậc cha mẹ, Charlie à. Nhìn là thấy liền.”

“Bà nghĩ họ có để Billy nuôi Rembrandt không?”

“Ta cho là không. Nhưng ta sẽ đem chàng tí bé bỏng đó đến quán Cà Phê Thú Kiểng. Ông bà Onymous sẽ giữ nó an toàn, và Billy có thể đến thăm nó vào cuối tuần.”

Bà bếp trưởng là một trong số ít những người lớn trong trường mà Charlie biết chắc chắn đã được thừa hưởng một phần quyền phép huyền bí của Vua Đỏ. Tuy nhiên, đến nay gia đình Bloor vẫn không biết bà thực sự là ai, và bà quyết tâm giữ như thế. Bà đã chọn việc giành cả đời mình để trông nom những đứa trẻ có phép thuật ở học viện Bloor, nhưng không phải lúc nào bà cũng bảo vệ được chúng, và điều này khiến bà vô cùng buồn phiền.

Thình lình, bà bếp trưởng nhào người sát lại gần Charlie và thì thào:

“ta nhận được một lá thư từ một người gần gũi với Billy.”

“Ai vậy?” Charlie nghiêm trang hỏi.

Bà bếp trưởng ngoái nhìn ra sau:

“Ta chưa thể nói cho con biết tên ông ấy được, Charlie. Ông ấy là một người họ hàng xa của Billy và khi ba mẹ của thằng bé tội nghiệp mất, người... người này... cố nhận thằng bé làm con nuôi. Nhưng ông ấy và gia đình Bloor, à, nói sao cho sòng phẳng nhỉ, cực kỳ không thuận với nhau. Với gia đình con cũng y như vậy. Nhà Yewbean suýt nữa thì ám sát được người đàn ông đó, cho nên ông ta phải rút lui, chuyện là vậy.”

Quai hàm của Charlie xệ xuống.

“Ám sát? Bà nói là gia đình con...?”

“Con ngạc nhiên lắm sao, Charlie?”

“Dạ không,” Charlie thú nhận, nghĩ đến mấy bà cô của nó. “Con nghĩ là không. Nhưng làm sao gia đình Bloor có được Billy?”

“Cô của nó đã ký giấy trao nó, đơn giản thế thôi.” Bà bếp trưởng vuột ra một tiếng “hứ”, vẻ khinh thường. “Một phụ nữ yếu đuối. Chắc hẳn họ đã mua chuộc bà ta.”

“Nhưng tại sao họ lại muốn thằng bé dự vậy?”

“Do phép thuật của nó, Charlie. Mặc dù phép thuật đó không lộ ra cho mãi đến khi thằng bé sáu tuổi, nhưng họ đã nghi ngờ rồi. Dòng họ Raven là một dòng họ rất tài phép. Người họ hàng của Billy nói với ta rằng Billy là chủ nhân hợp pháp của Lâu Đài Gương.”

“Lâu Đài Gương?” Charlie sốt sắng nói. “Chà! Bà kể cho con nghe nữa đi.”

“Charlie, cái vẻ háo hức hiện ra trong mắt con kìa. Đừng có nhúng mũi vào những chuyện không liên quan đến con.”

“Con chỉ muốn biết nó ở đâu thôi mà,” Charlie nói, vẻ ngây ngô.

“Nói thật ta không biết,” bà bếp trưởng thú nhận. “Có lẽ Ông cậu Paton của con có thể cho con biết. Theo như ta biết, ông ấy là một quý ông hiểu biết thâm sâu.”

Đáng lý ra Charlie còn nghe được thêm nữa, nhưng họ đã bị gã đàn ông giúp việc vặt, gã Weedon, cắt ngang một cách thô lỗ. Thò cái đầu trọc qua cửa nhà bếp, gã rống kên:

“Ra là mày ở đây, thằng Bone kia. Mày có cả thảy năm phút để chuẩn bị.”

Charlie nhảy dựng lên.

“Sao vậy? Con tưởng con được ở đây tới giờ uống trà.”

“Sao vậy? Sao vậy?” Gã Weedon nhái lại bằng giọng rửa rới. “Bởi vì sẽ tiện cho bà cô mày tới đón mày, chứ còn sao nữa. Xem ra mày không để ý là xe buýt trường không chạy vào cuối tuần, và hình như không ai khác trong gia đình mày biết lái xe... ít nhất là vào ban ngày.”

“Ồ” Charlie cảm thấy xấu hổ cho Ông cậu của mình.

“Vậy thì, tạm biệt bà bếp trưởng. Cảm ơn bà về bữa trưa.”

“Tạm biệt, Charlie. Ngoan nhé,” bà bếp trưởng nháy mắt với nó.

Charlie theo gã Weedon đi ngang qua những quầy bếp, những bồn rửa trống rỗng, những kệ chén đĩa bằng sứ và những dãy xoong nồi sáng lóa.

“Lẹ lên,” gã Weedon giục. “Bà ấy không thể chờ mày được đâu.”

Họ ra tới tiền sảnh, nơi Charlie thấy bà cô Eustacia đang đi đi lại lại trước cổng chính. Một cảm giác kinh tởm muốn phát bệnh chộn lên trong bụng Charlie. Bà cô Eustacia chuyên lái xe như điên. Bà là tài xế duy nhất có thể khiến nó say xe.

“Lẹ lẹ coi! Lẹ!” bà cô Eustacia nóng nảy. “Bọn tao đã kiếm mày khắp nơi.”

“Cháu phải đi lấy đồ đã,” Charlie nói, nghĩ đến cây gậy phép giấu dưới nệm giường của nó.

“Ở đây cả rồi!” Bà cô Eustacia đá cái túi xách nằm dưới chân. “Bà Lucretia đã tốt bụng gói ghém cho mày đó.”

“Nhưng... nhưng... cháu có thứ phải cho vô đó,” Charlie nói một cách tuyệt vọng.

“Vậy thì lẹ lên,” bà cô của nó bùng một tiếng thở dài bực dọc, rõ to.

Charlei giật lấy cái túi của nó và vọt lên phòng ngủ chung. Nhắc mép miệng giường lên, nó rờ tay xuống dưới. Cây gậy phép không có ở đó. Hoảng hồn hoảng vía, nó nhấc cả hai đầu và hai bên tấm nệm lên. Cuối cùng, nó đẩy hẳn cả cái nệm ra khỏi giường. Cây gậy phép đã biến mất.

Charlie lôi tấm nệm về lại chỗ cũ, và xếp gọn chần mền lại. Cái cảm giác bồn chồn trong bụng nó càng trở nên tệ hại hơn.

“Nãy giờ mày làm cái khỉ gì vậy, hả?” bà cô Eustacia hạch hỏi khi Charlie cuối cùng cũng kéo lết cái túi trở xuống tiền sảnh.

“Cháu không tìm thấy,” Charlie đầu khở nói. “Đồ của cháu.”

“Chắc! Ta không thể chờ được nữa,” bà cô nó dòm đồng hồ. “Ta đã nói với bà Venetia là sẽ quay về nhà lúc hai giờ. Lại đây và lẹ lẹ cho xong đi.”

Gã Weedon, lấp ló gần cổng chính nãy giờ nói:

“Sẵn sàng chứ? Một, hai, ba.”

Bà cô Eustacia tặc lưỡi một cách sốt ruột khi gã Weedon rút chùm chìa khóa móc ở sợi dây xích gắn với dây lưng của gã ra. Chộn lấy một chiếc chìa khóa sắt khổng lồ, lão tra nó vô ổ khóa, xong rồi tháo hai cái chốt dài ra. Cánh cổng bật mở.

“Xin kính mời quý bà,” gã Weedon vừa nói vừa cúi đầu.

“Đẹp trò đó đi,” bà cô Eustacia la quang quác.

Khi Charlie theo bà ta ra ngoài, nó nhận thấy va-li của Billy Raven đang dựng ở một góc tiền sảnh. Vậy là thằng bé vẫn còn ở trong học viện. Liệu nó có bị giải đi mất trước khi có thể nhìn ông bà Grey rõ hơn?

Chiếc xe hơi màu đen của bà cô eustacia đậu chình ình cạnh vòi phun nước hình đàn thiên nga. Ngay khi Charlue vừa leo vô bằng ghế sau, bà ta vọt đi liền, cắt xẹt các góc đường và đụng bùm bụp vô lề đường, rú ầm ầm sai chiều trên con đường một chiều, bóp còi inh ỏi vào mặt khách bộ hành đang băng qua lối dành cho người đi bộ, vù vù qua mặt những người đi xe đạp hất sức nguy hiểm, vượt qua giới hạn tốc độ và né được những chiếc xe hơi đang đậu chỉ trong gang tấc. (À không, hình như có đụng bể ba chiếc kính chiếu hậu.)

Trước nổi kinh hoàng của Charlie, bà cô Eustacia lái xe đến Ngách Tối, một con hẻm tối mò nơi ba bà cô của nó sống trong những căn nhà liên kế, tất cả đều mang số 13. Căn nhà thứ ba được bao bọc trong giàn giáo, nhưng đằng sau những miếng ván và thép xếp chồng ấy, có thể thấy lấp lánh một toà nhà không mái, đen đui – những gì còn sót lại của căn nhà bà cô Venetia.

“Nhìn cho kỹ đi, Charlie,” bà cô Eustacia nói, dừng xe lại đánh két bên ngoài căn nhà ở giữa. “Mày phải chịu trách nhiệm cho đồng điều tàn đó.”

“Không đúng,” Charlie phản đối.

“Không hoàn toàn trực tiếp,” bà ta thừa nhận, “nhưng mày đi cùng với thằng em quỷ sứ của tao khi nó gây ra vụ này, mày về hòa với nó, đừng có chối cãi.”

“Thế bà muốn Ông cậu làm gì nào?” Charlie bướng bỉnh nói. “Tại bà Venetia định giết cô Ingledew.”

Bà cô Eustacia mở cửa xe ra và vung chân đạp xuống vỉa hè.

“Đi ra,” bà ta quát, rồi đóng sầm cửa lại.

Charlie chẳng sung sướng gì để vâng lời ngay. Nó ịch bước ra khỏi xe, kéo theo đằng sau là cái túi.

“Giờ thì cút,” bà cô Eustacia nói, chỉ tay xuống con hẻm. “Mày có chân có cẳng. Mày có thể đi bộ về nhà.”

Charleui quay đi và chạy ra ngõ hẻm. Nó không mất công cảm ơn bà cô đã chở nó về được nửa đường. Nhưng khi nghe tiếng cửa trước của nhà bà đóng cái rầm, nó đứng sựng lại và ngoái nhìn ngôi nhà đổ nát. Nó chợt nhớ tới cây đàn piano trông thấy trên cao chót vót khi bức tường của căn nhà đang bốc cháy đổ ập

xuống, và nó nhớ lại cú rơi khủng khiếp của cây đàn, đến giai điệu kỳ quái khi cây đàn rớt sầm vào những cầu thang tầng hầm và bể tan thành hàng ngàn mảnh.

Ai chơi cây đàn piano bị giấu trong gác mái của nhà bà cô Venatia? Đó có phải là ba nó, bị cầm tù, bị thôi miên, bị mất trí nhớ? Và nếu thế thì, ba Lyell Bone của nó hiện giờ ở đâu?

“Về với con, ba ơi!” Tiếng thì thầm của Charlie vang dội trong con hẻm vắng tanh. “Cố lên, ba.”

Trong khi Charlie đang trên đường về nhà, thì Billy Raven dùng bữa đầu tiên với ông Usher và bà Florence de Grey. Họ thích Billy gọi tên hánh cầu họ hown, bà Flororence nói với Billy, vì họ cảm thấy đã quá trễ cho họ để được gọi là ba, mẹ. Họ không bao giờ quen với cách gọi đó. Billy hàng mong chờ được gọi ai đó là “mẹ”, nhưng nó quyết định chấp nhận tất.

Phòng ăn của gia đình Bloor cách thư phòng của giáo sư Bloor hai phòng ở chái phía tây. Đó là một căn phòng hẹp có cửa sổ dài nhìn ra vườn. Các bức tường được dán bằng giấy sọc đỏ vàng, và trần nhà cao đến nỗi Billy hầu như không thể nhận ra những hình thù kỳ lạ phủ xuống quanh những đồ đạc. Nó nghĩ có lẽ đó là những máng xối hình đầu thú.

Một bộ đèn chụp treo phía trên chiếc bàn gỗ mặt hình bầu dục mặc dù hôm nay trời ảm áp, nhưng một đồng củi đốt vẫn cháy trong vỉ lò sưởi bằng đá hoa cương sậm màu. Ngay cả mùa hè, lão Ezekiel cũng bọc mình trong tấm mền len kẻ ô vuông. Lão ta già nua và lạnh lẽo thấy tận linh hồn.

Hôm nay, lão già ngồi ở vị trí quan trọng nhất bàn, lưng quay ra cửa sổ. Lão nhai với cái miệng há to, và thỉnh thoảng, những mẩu đồ ăn rớt xuống đùi. Ở đầu bàn bên kia, giáo sư Bloor cứ nói chuyện thật lớn với ông bà de Grey, ráng làm trệch hướng chú ý của mọi người khỏi cái thói ăn uống kệch cỡm của ông nội ông ta.

Billy bị ép chặt giữa bà giám thị và Manfred, đối diện với ba mẹ tương lai của nó. Đồ ăn từ đĩa của nó bốc hơi làm mờ cả mắt kiếng, và khi nó cố lau chúng bằng khăn ăn thì bà giám thị rít lên:

“Khăn tay!”

Billy không có khăn tay. Nó hấp háy ngó những cái đĩa chất ngồn ngộn thịt và rau. Rõ ràng là gia đình Bloor đang cố tạo ấn tượng với khách khứa của họ. Billy bắt đầu ngán ngẫm cuộc trò chuyện tẻ nhạt giữa họ với nhau. Nó lén nhìn “mẹ” mới của mình ở bên kia bàn, và bà ta đáp lại ánh nhìn của nó bằng những nụ cười xẹt qua, lộ cả răn, nhưng không bao giờ lên được tới mắt bà ta.

Việc mỉm cười đối với ông de Grey còn hơn cả một cuộc đấu tranh gian khổ. Ông ta chỉ có thể cười được xệch mép. Billy tự hỏi không biết nó có gây thất vọng cho “ba” mới của nó hay không. Có lẽ người đàn ông trông khinh khỉnh này đã hy vọng về một cậu bé tóc nâu bóng mượt và một làn da khỏe mạnh – một cậu bé có đôi mắt bình thường không cần đeo kiếng.

Nếu đúng thực là ông bà de Grey từ lâu đã muốn nhận nuôi một đứa trẻ, theo như họ nói, vậy thì tại sao trước đó họ không tranh thủ đi kiếm một đứa? Và tại sao trước đây gia đình Bloor lại không nghĩ Billy là một ứng viên thích hợp?

“Ăn hết đi Billy,” bà cô Lucretia nói. “Chúng ta muốn ăn bánh put-đinh.”

Billy ăn một miếng khoai tây nữa vô miệng và cố nuốt. Dường như có một bức tường ở bên trong bao tử nó, không để cho thức ăn đi xuống. Nó thôi ăn và đặt dao nĩa gọn gàng lên đĩa.

Bà giám thị thở dài và thu dọn đĩa của nó.

“Thằng bé hồi hộp quá đấy mà,” bà ta nói với ông bà de Grey. “Tối nay cho nó một quả trứng. nó thích ăn trứng lắm.”

Billy tự hỏi điều gì khiến bà giám thị nói như vậy. Làm sao bà ta biết nó thích cái gì? Bà ta và nó thậm chí còn chưa bao giờ ngồi ăn cùng bàn nữa là.

Bà cô Lucretia dọn sạch các đĩa ăn và “ồ” lên một tiếng thích thú khi gã Weedon xuất hiện với ổ bánh trứng đường sô-cô-la thiệt to. Billy vốn thích sô-cô-la, nhưng nó không sao ăn nổi món bánh trứng đường ấy. Một miếng cũng không. Nó nhìn chằm chằm vô phần bánh bị bỏ mà bà giám thị đặt phịch xuống trước mặt nó. Nó

ước sao có thể cho Rembrandt phần bánh ấy, nhưng nó không dám nhắc đến chuột. Nó không được phép nuôi chuột. Gia đình Bloor nhất định sẽ giết chuột của nó mất.

Bà giám thị lấy đi phần bánh trứng đường không hề được đụng tới của Billy với cái nhìn quạu quọ. Và rồi chiếc bàn được dọn dẹp sạch bong. Mọi người đứng lên và ngồi xuống trong khi Billy vẫn ở nguyên chỗ nó đang ngồi, bức tường trong bao tử nó nặng dần lên từng phút.

Bà de Grey đặt một chiếc giỏ xám lên bàn. Bà ta rút ra ba tờ giấy và đặt chúng trước mặt Billy.

“Bây giờ là lời tuyên thệ của trò, Billy,” giáo sư Bloor nói bằng giọng nghiêm nghị.

“Lời tuyên thệ?” Billy nói, yếu xìu.

“Đúng,” giáo sư Bloor gầm vang. “Việc nhận con nuôi đầu phải cứ thế này mà xảy ra. Chúng cần phải được sắp đặt. Lời giao hẹn phải được thực hiện.”

Lão Ezekiel nhoài người về phía trước, hai cùi chỏ để lên bàn, hai nắm tay chum vô má.

“Bà de Grey là người giữ lời tuyên thệ, Billy. Biết đó là gì không?”

Billy lắc đầu.

“Bà ấy giữ giấy tờ!” Lão Ezekiel cười he hé một cách khiếm nhã. “Trước khi mày về ngôi nhà mới xinh xắn của mày, mày phải ký một bản tuyên thệ, thề sẽ làm những điều cụ thể được ghi trong những tờ giấy trước mặt mày đó. Hiểu chưa?”

“Dạ hiểu, thưa ông.”

“Hãy đánh dấu kiểm vô những ô ghi ‘Có’, và ký tên ở cuối,” bà de Grey nói với giọng thạo việc.

Thò một móng tay dài, bà ta ấn một hàng kẻ chấm chấm ở cuối một trong những tờ đơn, và rồi bà ta nở nụ cười.

“Con buộc phải làm thế à?” Billy đánh bạo hỏi.

“Nếu mày muốn được nhận làm con nuôi,” Manfred nói, đôi mắt đen của hắn xoáy vô mặt Billy.

Bà de Grey trao cho Billy một cây viết và vó bắt đầu đọc mẫu đơn đầu tiên:

1. Tôi hứa luôn luôn nói sự thật.
2. Tôi hứa im lặng sau 7 giờ (Ba mẹ bạn cần 10 tiếng đồng hồ để ngủ.)
3. Tôi hứa mặc những bộ quần áo đã được chọn cho tôi (Và chúng cũng rất đẹp.)
4. Tôi hứa không bao giờ đòi ăn (Vì tôi sẽ được cho nhiều đồ ăn.)
5. Tôi hứa không bao giờ bàn tán với những đứa trẻ khác về những gì xảy ra trong Ngôi Nhà Bất Chợt.
6. Tôi hứa trả lời, một cách thành thực, bất cứ câu hỏi nào liên quan đến những hậu duệ của Vua Đỏ, đặc biệt là Charlie Bone.

Billy ngẩng lên.

“Tại sao?” nó hỏi. “Tại sao con phải trả lời những câu hỏi về Charlie, lại còn ‘đặc biệt là’?”

“Đó là một điều kiện, Billy,” giáo sư Bloor nói, không giải thích. “Đánh dấu vô ô đi.”

Billy đánh dấu.

7. Tôi hứa tắm vào ngày thứ Sáu, thứ Bảy và Chủ nhật.

“Con không phải đọc hết danh sách,” bà de Grey nói. “Chỉ cần đánh dấu thôi... cưng.”

Tờ giấy mang lại cảm giác rất lạ. các cạnh giấy đều cứng và khá nóng khi đụng vào.

Billy đã hoàn thành nhiệm vụ của nó và đẩy mấy tờ giấy ra xa. Bà Florence de Grey lẹ làng dứt chúng vô giỏ xách của bà ta, cái giỏ mà, Billy thấy, đã ních căng những tờ giấy giống như những tờ của nó. Bà ta vỗ nhẹ cái giỏ một cách mãn nguyện. “Bình an vô sự,” bà ta nói và rồi, chồm người ra trước, bà ta bảo Billy:

“Ta giữ lời tuyên thệ,

Vậy chúng được lưu trữ

Cấm phá vỡ lời thề

Mà ta, người cất giữ.”

Và lần này nụ cười đã lên tới mắt bà ta.

“Mày nên coi chừng, Billy,” lão Ezekiel nói và cười một cái khịch. “Người ta đã thử phá vỡ những lời tuyên thệ được cất trong cái túi đó và, ôi trời ơi, họ đã phải trả giá cho điều đó mới kinh chứ.”

“Thiệt hả?” Billy sợ hãi hỏi.

Mọi việc đều diễn ra chóng vánh sau đó. Mọi người đứng dậy, trừ lão Ezekiel cứ nằng nặc đòi bắt tay Billy và chúc mừng nó.

“Đi nhé, cháu trai của ta,” lão nói, đẩy Billy một cái.

Giáo sư Bloor dẫn đường đi xuống tiền sảnh, ở đó ông ta vỗ lưng Billy và bảo với nó rằng nó cực kì may mắn khi tìm được ba mẹ tốt như vậy. Gã Weedon lại mở cánh cổng chính, và Manfred nhắc chiếc va-li to, đưa cho Billy, thằng bé theo be mẹ mới của nó băng qua giảng trường tới một chiếc xe hơi nhỏ màu xám.

Billy leo vô đằng sau xe cùng với va-li của nó, và ngay khi bà Florence ngồi vô ghế hành khách, ông de Grey cho xe chạy. Ông Usher là một tài xế cẩn thận và cuộc hành trình băng ngang thành phố của Billy thoải mái hơn nhiều so với cuộc hành trình Charlie vừa trải qua.

Họ đậu xe ở cuối một ngõ hẻm tối tăm rải sỏi cuội. Sương mù dày đặc đổ xuống và Billy gần như vượt mắt ông bà de Grey khi họ xuống xe và bước lẹ lên ngõ hẻm dốc. Billy tắt tả đi theo họ. Nó đi ngang một tấm biển gỉ sét ghi NGÕ QUANH CO. Đi tiếp, thấy một bảng lưu ý to gắn vô một khung cửa, đề: “Bọn vô gia cư không nên lãng vãng ở đây.”

Ngõ Quanh Co mỗi lúc một dốc hơn. Thỉnh thoảng Billy chúi nhủi vì bước hụt chân và chiếc va-li to kèn đập bụp xuống sỏi. Bây giờ xem ra chiếc va-li đã nặng hơn nhiều và Billy bắt đầu kéo lê nó đằng sau, kịch, kịch, kịch. Ông bà Grey dường như không để ý gì.

Bức tường trong bao tử Billy đã trỗi lên tới ngực. Nó đã tưởng tượng ngôi nhà mới của mình là một ngôi nhà ngập ánh nắng, có bãi cỏ rộng, chứ không phải một nơi tối hù và bí ẩn như thế này. Một tấm biển gỗ kê cột kẹt ở trên đầu và ní bước lùi lại để đọc. hàng chữ NGÔI NHÀ BẮT CHỢT, 10 MÉT được sơn màu đen trên nền đỏ. Mười mét đó dốc nhất trong toàn bộ đoạn đường. Hơi thở của Billy chuyển thành tiếng rên rỉ nhỏ nhoi khi nó cố kéo chiếc va-li lên một cánh cửa, nơi ba mẹ mới của nó đang đứng dòm nó.

“Chúng ta tới rồi, Billy,” bà Florence nói.

Phía trên cánh cửa, dòng chữ Ngôi Nhà Bắt Chợt được khắc hẳn vào đá. Ông Usher tra một chiếc chìa khóa kim loại to sụ vô một ổ khóa to tương xứng với chìa khóa. Có tiếng “tạch” thật to và cửa bung vô trong. Billy leo lên hai bậc cấp và bước vô nhà.

Hành lang rộng một cách đáng kinh ngạc so với một ngôi nhà mở đầu cho một ngõ hẻm tối tăm. Nó được lát đá hoa cương đen và trắng, và những bức tường xám của nó được trang trí bằng những hình nhân bằng thạch treo trên một cái tủ kính trống rỗng, nhưng khi Billy nhìn vào chiếc gương ấy, nó chỉ thấy một nùi trắng. Tóc nó chẳng? Phần thân cười còn lại của nó bị nuốt chửng trong một màn sương xám. Sương mù đã theo họ vào nhà, hay luôn luôn có sương mù trong nhà?

“Lẹ coi, Billy,” bà Florence gọi to. Bà ta vẫy tay từ một dãy cầu thang đá.

Billy lộp cộp bước lên nền đá lát. Chiếc va-li của nó lê ngoằn ngoèo và rít lên sau lưng. Nó bước đi giữa hai cây cột đá hoa cương cao và bắt đầu leo lên cầu thang. Một, hai, ba. Nó dừng lại để thở, tì mạng vô thanh vịn cầu thang bằng kim loại. Ông Usher de Grey đã biến mất sau một cánh cửa ở tầng trệt.

“Lẹ lên! Lẹ lên!” bà Florence gọi từ chỗ chiếu nghỉ. “Con sẽ thích phòng của con cho coi.”

Billy thở phà phà suốt những bậc thang còn lại và theo bà Florence đi qua một hành lang dài. Khi họ đến cuối hành lang, bà ta mở cửa, hô:

“Tới rồi!”

Billy bước vô phòng của nó: căn phòng đầu tiên trong đời là của nó thực sự chứ không phải của ai khác. Căn phòng thậm chí còn đẹp hơn nó mong đợi. Nó đặt va-li xuống và nhìn lom lom ra xung quanh.

Chiếc giường lớn hơn thứ giường chật chội trong học viện Bloor nhiều. Trên giường có chăn nhồi lông mềm và áo gối đều là ca rô xanh da trời, thành đầu giường bằng gỗ thông. Có một tủ gỗ thông cao và một tủ ngăn kéo tiếp màu, nhưng Billy gần như không để ý đến những chi tiết này. Nó đang nhìn chăm chăm chiếc TV kê trên bệ đen, và rồi tới chiếc máy vi tính trên một chiếc bàn gỗ thông. Cửa nó đẩy sao?

“Là của con à?” Billy hỏi, như hết hơi.

“Của con tất,” bà Florence nói. Bà ta vẫn cầm khư khư chiếc giỏ xách và bà ta vỗ nhẹ vô cái giỏ, thiệt nhanh, trong khi bắn cho Billy một nụ cười lạ lùng:

“Miễn là con giữ lời hứa.”

“Lời tuyên thệ ấy ạ?” Billy nói.

“Chính xác. Giờ thì cứ thoải mái như ở nhà, Billy nhé. Có bồn rửa trong phòng con, thấy chưa, đằng sau bức bình phong ấy,” bà ta chỉ một tấm bình phong trắng trong góc, “vậy nên, chẳng có gì để đi ăn với đôi tay dơ. Hiểu chứ?”

Billy gật đầu.

“Bữa tối vào lúc 6 giờ,” bà ta chỉ chiếc đồng hồ trên máy vi tính. “Thế nên, cũng không có lý do gì để trễ nải cả.”

Bà Florence quay gót và bước ra ngoài, đóng cửa lại sau lưng.

Billy ngồi trên giường của nó. Có qua nhiều sự việc phải tiếp nhận. Nó muốn nói với ai đó về việc này. Charlie. Có lẽ Charlie sẽ đến chơi. Anh ấy chắc chắn sẽ ngạc nhiên lắm.

Mới bốn giờ. Còn khối thì giờ mới tới bữa tối. Billy quyết định hỏi bà Florence, ngay bây giờ, xem nó có thể mời bạn tới chơi được không. Nó chạy xuống lầu và nhìn vô các phòng dưới tầng trệt: nhà bếp, phòng ăn, phòng khách rất sang trọng và phòng làm việc. Chẳng thấy tấm hơi ông bà de Grey đâu cả.

“Mọi người ời!” Billy gọi to.

Không có tiếng trả lời.

Billy rón rén đi về phía cửa trước. Có lẽ nó nên ra ngoài và đi tìm Charlie. Khi nó đi đến chỗ chiếc gương ở hành lang, có một điều gì đó rất kỳ lạ xảy ra. Nó thấy mình không thể di chuyển xa hơn một chút nào nữa. Một thanh chắn vô hình cản nó lại. Hết lần này đến lần khác, Billy cố trượt bàn chân về trước, nhưng chúng đụng phải một bức tường rắn... không có gì cả. Không thể nào ra tới được cửa trước. Nó cố đẩy hai tay qua thanh chắn vô hình, nhưng cứ như đẩy phải một bức tường sắt vậy.

Billy lùi lại và ngồi lên chiếc ghế cạnh cái tủ trống không. Nó không thể tin nổi điều đang xảy ra. Nó băn khoăn tự hỏi, nếu nó chờ vài phút nữa thì liệu thanh chắn ma quái kia có biến đi hay không.

Khi nhìn dáo dác quanh hành lang, nó nhận thấy không có áo khoác treo trên các mắc dưng ở ngoài hành lang, không có nón trên móc, không có ba-toong, không có dù, không có ủng hoặc túi xách được nhét dưới khoảng không của móc. Hầu như không có ai sống trong Ngôi nhà Bất Chợt này. Và rồi, Billy chợt nhận một cái gì đó màu đen đỏ dưới chận mắc áo.

Nó đứng dậy và đến xem. Đó là một con mèo nhỏ xíu, mõm xám và đuôi ốm tong. Cuối cùng, đã có cái cho billy nói chuyện với. Nó quì xuống cạnh sinh vật bé nhỏ và nói:

“Chào! Ta là Billy. Ta đến sống ở đây.”

“Chào mừng Billy,” con mèo nói bằng giọng yếu ớt. “Tôi là Vuốt Sắc. về phần tôi, tôi rất vui vì cậu ở đây, nhưng với cậu, tôi rất lấy làm tiếc.”

6. Chương 06

Thiên thần Alice

Khi Charlie rời Ngách Tối, nó không về thẳng nhà mà rẽ vô một con đường dẫn tới hiệu sách Ingledew.

Tiệm sách Ingledew lọt thỏm trong một dãy nhà xây bằng đá ốp và sườn gỗ, bao quanh quảng trường nhà thờ lớn. Khi charlie bước trên những lối rải sỏi cổ xưa về phía tiệm sách, nó nghe có tiếng đàn organ trầm lắng văng ra từ bên trong tòa nhà đồ sộ có mái vòm. Ba cửa nó trước kia từng là người chơi đàn organ cho nhà thờ, cho đến khi, vào một ngày nọ, ông biến mất ngay tại chỗ này.

Có lẽ Charlie đang đứng ở chính cái nơi mà lần cuối cùng người ta còn nhìn thấy ba nó. Ông Lyell Bone đã cố ngăn gia đình Bloor không được bắt cóc Emma Tolly, và chính vì hành động này mà ông đã bị trừng phạt thật khủng khiếp: bị thôi miên, bị gài bẫy, bị giấu nhem và biến mất hẳn khỏi vợ con ông. Họ bao rằng ba Lyell đã chết, nhưng Charlie biết rõ hơn nhiều.

Nó chột nhún vai thật mạnh, tự nhủ rằng đừng có duy nghĩ u ám quá nhiều, rồi bước hăng hái về phía tiệm sách.

Emma đang đứng đằng sau quầy, chăm chú xem một chồng sách lớn, đóng bìa da. Nó ngẩng lên khi cửa tiệm kêu kính koong và Charlie bước vô.

“Cào Charlie. Bỏ hết bị cấm túc sớm quá ha.”

“Họ không muốn mình luẩn quẩn ở đó. Hôm nay là ngày Billy được nhận làm con nuôi.”

“Ồ dĩ nhiên rồi. Bỏ có thấy cha mẹ mới của nó không?”

“Thấy. Và mình không thích bộ dạng của họ. Họ không thật lòng muốn có Billy. Mình đã trông thấy mấy tấm hình ở trên bàn của Manfred và... ừm... mình lo quá, Emma à. Mình chắc chắn cái kiểu họ chỉ tạt tới và lôi Billy đi vậy không bình thường.”

“Thì gia đình Bloor vẫn làm khối chuyện không bình thường mà,” Emma nghiêm mặt nói. “Nhưng họ không bị trừng phạt bởi vì họ là gia đình lâu đời nhất thành phố này, và ai cũng sợ họ, kể cả ngài thị trưởng và những ủy viên hội đồng.”

“Họ nghĩ Manfred và lão Ezekiel có thể làm bất cứ điều gì, nhưng họ lắm,’ charlie lắm bắm. “À mf, có ai đó đã đánh cắp cây gậy phép của mình rồi.”

“Cái gì?” Emma đánh rớt luôn một cuốn sách. “Charlie, bỏ tính làm gì đây?”

“Mình cũng chưa biết nữa. Lẽ ra mình không nên đem nó tới trường, nhưng mình nghĩ mình có thể cần nó để... để giúp mình học bài.”

“Nhưng mà...” Emma lắc đầu. “Charlie à, chuyện này nghiêm trọng đó.”

“Mình đồng ý với bồ! Nhưng nó là cây gậy phép của mình mà, Emma. Của mình thật sự. Nó chẳng dính dáng gì đến gia đình Yewbean hay gia đình Bloor cả và nó sẽ chẳng có tác dụng gì cho họ đâu.”

“Nhưng nếu không thể sử dụng được nó thì họ sẽ hủy hoại nó.”

“Đó là điều mình sợ.”

Trước khi Charlie có thể nói thêm gì nữa thì một người đàn ông cao lớn, tóc đen, mang mắt kính màu đen bước ra khỏi khung cửa che rèm ở đằng sau quầy.

“À Charlie. Ta nghĩ ta nghe tiếng mày.” Ông đột ngột nhìn sững vô ngọn đèn treo bên trên quầy, vuột miệng nói, “Khốn kiếp,” và bắt đầu lùi trở vô.

Emma phóng lệ ra công tắc đèn bên cạnh tấm rèm, nhưng nó đã qua trễ. Một tiếng ‘bụp’ thật đanh và cái bóng đèn bể vụn, trút một cơn mưa thủy tinh xuống những cuốn sách cổ.

“Ôi, anh Paton, thiệt tình!” Một giọng nữ bức bối vọng ra từ phía sau tấm rèm.

“Xin lỗi Julia! Xin lỗi!” Ông cậu Paton Yewbean nói. “Làm sao mà anh biết đèn đang sáng chứ? Mặt trời chiếu rực ngoài đó mà.”

“Con bật đèn lên để đọc sách cho rõ hơn đó,” Emma phân trần về ai oán. “Đừng lo, để con dọn cho.”

Nó cúi xuống quầy, lấy ra đồ hốt rác và chổi, những thứ luôn để sẵn đó cho tiện dụng kể từ lần đầu tiên Ông cậu Paton ghé thăm tiệm sách.

Đi của Emma, cô Julia, giờ đã xuất hiện đằng sau quầy.

“Đi nghĩ đáng ra còn tệ hơn nữa kia.”

Charlie vô cùng ngạc nhiên khi gặp Ông cậu Paton ở trong tiệm sách vào lúc trời mới bánh mắt thế này. Như đã thành luật, Ông cậu Paton không bao giờ ra ngoài vào ban ngày. Ông bối rối về tài phép của mình và sợ mình vô tình làm nổ đèn gao thông hoặc đèn chiếu sáng trong những cửa sổ bày hàng. Thậm chí cả những bóng đèn trong các nhà riêng cũng có nguy cơ bị vỡ tan.

Chắc chắn phải có cái gì đó khẩn cấp lắm mới lôi được Ông cậu Paton đến tiệm sách. Trừ phi, dĩ nhiên, đó là do cô Julia Ingledew. Cô là một phụ nữ xinh đẹp và Ông cậu Paton phải lòng cô ngay từ lần đầu tiên nhìn thấy cô.

“Để con giúp được không?” Charlie đề nghị khi nhìn Emma và cô Ingledew dọn dẹp đồng mảnh vụn thủy tinh.

“Vô nói chuyện với Ông cậu của con đi,” cô Ingledew bảo, “và an ủi cho ông ấy đừng phiền muộn.” Cô mỉm cười một nụ cười châm chọc.

Charlie đi qua tấm rèm và bước vào phòng trong của tiệm sách Ingledew. Ở đây, những chiếc kệ ken đặc sách giăng kín các bức tường. Sách chất hàng chồng hàng đống trên bàn, dưới sàn nhà, trên ghế và trên chiếc bàn làm việc lớn bằng gỗ đào hoa tâm của cô Ingledew. Toàn bộ gian phòng ánh lên những màu sắc ấm áp của vải đóng sách cũ và nhũ vàng; căn phòng thậm chí còn nức mùi da thuộc và giấy mực. Đèn cây ở mọi ngõ ngách nào còn trống, bởi vì ô cửa sổ nhỏ để lọt được rất ít ánh sáng vô phòng, và hôm nay cô Julia không muốn đặt những bóng đèn vào vòng may rủi.

Ông cậu Paton đang ngồi trên một chiếc trường kỷ nhỏ, đầy báo với giấy, vì dĩ nhiên thêm cả sách nữa, bao kín xung quanh. Khi Charlie bước vô, Ông cậu nó tháo mắt kiếng đen ra và dụi dụi mắt.

“Thiệt vô tích sự,” ông nói bằng một giọng giận dữ. “Mặc dù ta thề là cặp kiếng này đã chặn được vài vụ tai nạn.”

Ông dứt cặp kiếng vô túi trên cùng của chiếc áo gió.

“Charlie này, mẹ mày nói với ta là mày lại bị cấm túc nữa.”

“Dạ phải. Và bà cô Eustacia buộc phải tới đón con,” Charlie nói về hờn trách.

Ông cậu Paton nhún vai:

“Xin lỗi, nhóc. Nhưng mày biết đấy, ta không thể lái xe vào ban ngày mà.”

“May phước con vẫn còn sống,” Charlie nói. “Con ngạc nhiên khi gặp Ông cậu ở đâu, Ông cậu Paton.”

“À, ta đến trước lúc mặt trời mọc,” Ông cậu Paton nói, cố tránh nhìn vào mắt Charlie. “Tôi qua Julia gọi cho ta. Ai đó đã dút một lá thư qua khe cửa nhà cô ấy, đề địa chỉ gửi cho ta. Kích thích trí tò mò quá. Cho nên ta đến ngay khi ta có thể đường hoàng đến. Thiệt ra thì lá thư liên quan đến một người bạn của mày, Charlie.”

“Người nào a?” Charlie ngồi xuống bên cạnh Ông cậu của nó.

“Billy Raven. Kỳ quặc thiệt.”

Ông cậu Paton lôi từ túi áo ra một chiếc phong bì nhàu nhĩ. Địa chỉ đề Ông Paton Yewbean bằng nét chữ viết tay ẻo lả, khá đẹp.

“Ta muốn biết ngay mày nghĩ ra được gì không, Charlie.”

Ông cậu Paton rút ra hai tờ giấy. Khi ông làm vậy, một cây đèn cầy nhỏ rút ra ngoài. Charlie vội chụp lấy và dựng nó lên.

“Cái này giống hệt như mấy cây đèn cầy của Billy. Billy không biết từ đâu mà có.”

“Rõ ràng là từ người đàn ông viết lá thư này. Vậy là chúng tỏ có mối liên hệ với nhau. “Ông cậu Paton liếc nhìn cây đèn cầy. “Đẹp đấy.”

Đúng lúc đó Emma bước vô. Ông cậu bảo nó ngồi xuống và lắng nghe. Ông hắng giọng và bắt đầu đọc lá thư bí hiểm kia:

Kính thưa ông Yewbean,

Thành thật xin ông thứ lỗi cho tôi về việc đã mạo muội chen vô cuộc sống của ông một cách khác thường như thế này, quả thiệt, tôi không còn cách nào khác. Sợ một người trong gia đình ông chẳng may đọc được nội dung lá thư này thì chắc chắn sẽ xảy ra thảm họa.

“Ông ta ám chỉ tới nội Bone đó,” Charlie nói.

Ông cậu Paton nghiêm nghị gật đầu và đọc tiếp.

Tên của ông, thưa ông Yewbean, do một trong ít ỏi những người ở thành phố này mà tôi biết có thể tin cậy được, báo cho hay. Và quý cô mà tôi cũng phải dùng nhờ hộp thư này cũng là một người bạn của bọn trẻ, như người ta nói cho tôi. Ông biết tôi muốn nói đến bọn trẻ nào chứ? Vâng, những hậu duệ được ban phép thuật của Vua Đỏ, những đứa trẻ dễ bị làm hại, đang cô dùng tài phép của chúng theo cách vinh danh tên tuổi của tổ tiên chúng, đáng tối thượng tôn kính, nhà vua – nhà pháp thuật.

Có những đứa trẻ khác, tôi biết, làm ô uế tên tuổi của Ngài và sỉ nhục tài phép được ban của chúng. Lạy Chúa, đứa trẻ mà tôi quan tâm sâu sắc nhất không thuộc về phe này hay phe kia. Tôi là người giám hộ cho Billy Raven. Khi cha của thằng bé, ông Rufus Raven, và người vợ xinh đẹp của ông (cả hai người đều mang họ Raven, ông biết đấy, họ là anh em họ xa) nhận thấy họ không thể có lối thoát khỏi gia đình Bloor và những bà chị (xin lỗi vì dùng tính từ này) ác tâm của ông, họ khẩn cầu tôi làm người giám hộ cho Billy, để trông chừng nó, nó bảo trợ cho nó và để chỉ dẫn nó – nói ngắn gọn, để cứu nó khỏi trở nên giống như bọn nhà Bloor. Nhưng khi Billy mồ côi, nó được gửi đến nhà một bà cô rất ít để tâm tới việc nuôi dưỡng trái tim đặc biệt thánh thiện mà nó mang từ khi được sinh ra. Thay vào đó, bà ta chọn cách bỏ mặc thằng bé cho đến khi nó bộc lộ tài phép của nó, và sau đó thì giao hẳn nó, Billy tội nghiệp, cho gia đình Bloor.

Thưa ông Yewbean, hẳn là ông đang tự hỏi tại sao tôi lại chảnh mảng bổn phận của mình một cách nghiêm trọng đến thế. Người giám hộ tương lai này đã ở đâu suốt sau năm nay? Hẳn ông đang tự hỏi như thế.

Ở trong ngục, thưa ông Yewbean.

Tới đây, một tiếng thở dốc phát ra từ cô Ingkedew, cũng đã bước vô phòng.

“Trong ngục?” Cô nói. “Paton, anh không nói cho em biết là ông ấy ở tù!”

“Một chi tiết anh đã cố ý bỏ qua để cho em được tỉnh trí, Julia,” Ông cậu Paton nói.

Cô Ingledew ngồi trên thành ghế trường kỷ.

“Ông cậu của con chỉ đọc một nửa lá thư cho cô nghe,” cô bảo Charlie. “Cô phải nghe phần còn lại mới được.”

Ông cậu Paton mỉm cười dịu dàng với cô:

“Tụi này sẽ được nghe những ý kiến có ích của em đó, Julia.”

“Ôi, làm ơn tiếp đi mà,” Charlie nài nỉ.

“Ta tới đâu rồi?” Ông cậu Paton hờ hững rà ngón tay xuống tờ giấy, vẽ cái kình.

“Trong ngực!” Charlie hét lên. “Ông ấy nói ông ấy ở trong ngực.”

“À phải. Đây rồi,” Ông cậu Paton chọc mạnh ngón tay vô tờ giấy và tiếp:

Ở trong ngực, thưa ông Yewbean. Để tôi cam đoan với ông, rằng tôi không hề phạm tội. Tôi đã bị cái tên lưu manh ấy, tên Weedon, lừa theo lệnh chủ nhận hấn, dĩ nhiên rồi. Tên côn đồ đáng sợ ấy đã cố giết tôi (một cú đập lên đầu lúc trời tối trong khi tôi đang thả con mèo ra ngoài). Nhưng vì thất bại (tôi chỉ bị chấn thương sọ não), nên hắn dừng chuyện biến tôi thành một tên cướp có vũ trang. Tôi, trời đất ơi! Tôi là một người thợ in. Tôi đam mê, chuyên chú vào giấy tốt, mực hảo hạng và những hàng kẻ đều tắp. Tôi đam mê, chuyên chú đến văn từ, đến thuật khắc chữ, đến tiêu đề trên giấy, những tờ rơi, vân vân... Ấy thế mà, tôi lại bị bắt quả tang ngay tại hiện trường về tội cướp của dã man và bị tống vô ngục. Tuần rồi tôi được phóng thích sớm – do hành vi cải tạo tốt.

Ý nghĩ đầu tiên của tôi là về Billy, và vì vậy tôi đã liên lạc với một người bạn trung thành trong học viện Bloor.

Thật kinh hoàng, tôi phát hiện ra là Billy đã bị Florence và Usher de Grey nhận làm con nuôi. Tôi không thể diễn tả hết được tai họa của việc này sẽ đến mức nào đối với Billy đâu.

Thưa ông Yewbean, ông sẽ giúp tôi chứ? Ông làm ơn dàn xếp cho tôi bí mật gặp Billy được không? Tôi biết rằng, cháu trai của ông, Charlie, là bạn thân của thằng bé, và có lẽ cũng có quan tâm đến vụ việc. Bằng giá nào chúng tôi cũng phải cứu Billy ra khỏi gia đình de Grey ấy, nhưng một việc mạo hiểm như vậy sẽ cần phải được lên kế hoạch một cách cẩn trọng nhất, bí mật nhất.

Tôi sẽ liên lạc với ông sớm, thưa ông Yewbean. Đồng thời tôi mong ngóng có sự hợp tác trong tương lai của chúng ta.

Kính thư, chào hy vọng,

C. Crowquill

“Ôi!” Cô Ingledew thốt lên. “Kỳ lạ thật!”

“Chắc chắn là bà bếp trưởng,” Charlie tư lự nói. “Bà bếp trưởng là bạn của ông Crowquill ở học viện Bloor, con đảm bảo. Bà ấy nói với con là bà đã nghe tin từ một trong những người họ hàng của Billy. Và bà nói gì đó về một Lâu đài Gương. Ông cậu có biết nó ở đâu không. Ông cậu Paton? Tổ tiên của Billy xuất xứ từ đó, và việc đó có lẽ rất quan trọng đối với Billy.”

“Chưa bao giờ nghe nói về nó cả,” Ông cậu Paton nói. “Charlie, mày có gặp gia đình de Grey này chưa vậy?”

“Dạ rồi, con có gặp họ rồi,” Charlie nói, “và con... con, Ông cậu biết không, con đã nghe giọng nói của họ trong hình. Ông de Grey nói ông ta không thích con nít. Vì vậy, rõ ràng là ông ta không muốn nhận Billy làm con nuôi.”

“Giờ Billy đang sống với gia đình de Grey à?” Cô Ingledew hỏi.

“Hôm nay họ đến để dẫn nó đi,” Charlie nói. “Nhưng nó sẽ đến nhà con vào chủ nhật này và tụi con sẽ cùng nhau đến quán Cà Phê Thú Kiểng. Con sẽ nói cho nó biết về ông Crowquill, được không. Ông cậu Paton?”

“Không,” Ông cậu Paton giơ tay lên. “Chưa được đâu, Charlie. Ta cần phải suy nghĩ thật thấu đáo về cuộc gặp mặt này. Lúc này, tốt nhất là Billy không biết gì về người bảo vệ mình cả. Nếu nó vô tình tiết lộ bí mật ra thì, một lần nữa, ông Crowquill sẽ gặp nguy hiểm khôn lường.”

“Được. Con sẽ không nói cho nó biết vội. Gia đình de Grey có lẽ không phải là cha mẹ tốt, nhưng ít nhất thì Billy đã ra khỏi được Học viện bloor.”

“Đúng là ra khỏi chảo rang lại rơi vào lò lửa,” Emma nghiêm nghị nói.

Vào sáng Chủ nhật, trong khi Charlie chờ Billy đến, thì nội Bone đi xuống lầu, diện bộ đồ Chủ nhật đẹp nhất của bà ta: một chiếc nón tết bằng lông chim đen, một chiếc áo khoác quý rộng thùng thình mù xám xỉ than, và một chiếc khăn quàng mang hình hai con chồn chết. Hai cái đuôi chồn thông xuống lưng bà, trong khi hai cái đầu chồn gặp nhau dưới cổ họng bà. Những đôi mắt thủy tinh đầy oán hận của những con thú đó luôn khiến Charlie ớn xương sống, và nó cố không nhìn vào chúng khi nó đứng bà nội trong hành lang.

“Nội ơi, bà có...?” Charlie mở đầu.

“Tránh ra,” bà Bone quát. “Bà Eustacia đến đón tao kìa.”

Quả đúng vậy, có tiếng thắng xe rít lên kinh hồn khi xe của bà cô Eustacia dừng phải lề đường bên ngoài nhà số 9.

“Con chỉ muốn hỏi nội có biết ban Billy của con hiện đang sống ở đâu không?” Charlie nài nỉ nói.

“Dĩ nhiên là tao biết,” nội Bone cộc cằn. “Nhưng đừng hòng tao nói cho mày.”

Bà ta đẩy Charlie tránh đường ra, mở cửa trước và đóng lại cái uỳnh sau lưng.

Vài giây sau, Charlie nghe tiếng rú quen thuộc của bánh xe về một tiếng rầm lớn khi bà cô Eustacia lùi trúng cột đèn đường. Một tiếng thê nghẹn ứ phát ra từ nội Bone và chiếc xe bắn vụt đi.

Charlie uể oải trở vô nhà bếp, lầm bầm:

“Đúng là bà dơi già. Bà sẽ không nói cho mình biết Billy sống ở đâu đâu.”

“Đừng lo, Charlie,” ngoại Masie nói. “Bà nghĩ là anh bạn nhỏ của con đang xơi bữa trưa ngon lành với cha mẹ mới của nó. Nó sẽ tới ngay mà.”

“Con cũng mong vậy,” Charlie nói.

Hầu như chiều Chủ nhật nào Charlie và đám bạn của nó cũng gặp nhau tại quán cà phê thú kiểng. Hôm nay, Charlie chờ Billy cho đến 4 giờ, sau đó nó rời nhà một mình. Khi đến hẻm Con Ốch, nó đã nghe thấy tiếng ồn ào từ quán cà phê dội xuống khắp con hẻm chật: tiếng sữa, tiếng kêu ăng ẳng, tiếng tru, tiếng kêu chiêm chiếp và tiếng la quang quác.

Quán cà phê núp bên dưới những tầng đá của một bức tường khổng lồ, cổ xưa. Thật ra, nơi này được xây hẳn vô trong đá và nhìn như thể nó là một phần của bức tường hàng trăm năm tuổi này. Dòng chữ cà phê thú kiểng được sơn phía trên một khung cửa sổ lớn, và để nhấn mạnh rằng nơi này là một quán cà phê chuyên để đón tiếp những con thú được người dẫn theo, những hình vẽ đuôi, móng, ria, cánh và vuốt được trang trí lồng vào từng mẫu tự của tấm biển.

Charlie bước vào qua một cánh cửa màu xanh lá cây và mặt đối mặt với một người đàn ông lực lưỡng, mặc áo thun vẽ hình mấy con vẹt.

“À, Charlie Bone,” Norton, người bảo vệ quán thú, nói. “Lẽ ra cậu phải đến sớm hơn rồi. bạn bè của cậu hầu như đã hết hy vọng vào cậu rồi... còn con chó của cậu thì đang điên tiết lên đấy.”

“Gượm đã. Hạt Đậu không phải là con chó của cháu.”

“Nó là con chó của cậu trong khi anh bạn kia của cậu đang ở Hồng Kông.”

Một tiếng sữa vui mừng cất lên từ đằng sau quầy, và một con chó vàng bụi chằng phóng vù vô Charlie, suýt nữa thì tông nó nhào xuống sàn.

“Chào, Hạt Đậu!” Charlie ôm chầm lấy con chó và tìm đám bạn của nó. Emma và Gabriel đang ngồi trong một góc bàn, ăn chung một đĩa bánh bích quy. Cả hai đang uống những ly nước màu hồng tươi, và ba con chuột liêng của Gabriel đang tợp liếm một vũng nước lớn đổ ra bàn.

“Nước hoa Anh Đào Ngâm,” Gabriel giải thích khi Charlie dẫn hạt Đậu lại gần bàn. “Bọn chuột thích món đó lắm.”

“Í,” Charlie quan sát khi nó ngồi xuống giữa lũ bạn. “Một con say mềm rồi lia.”

“Hự... Ủ, phải.” Gabriel hốt con chuột đang nằm mọp lên và dứt vô túi áo. “Chút nó tỉnh ngay mà,” Gabriel nói chắc nịch. “Công thức pha chế mới của ông Onymous đó. Thứ nước mạnh quá. Enm muốn uống một ngụm không?”

“Thôi, cảm ơn, nhưng để em ăn một chiếc bánh bích quy.” Charlie nhón hai chiếc bánh bích quy, một cho nó và một cho hạt Đậu.

Con chó bự nhai rau rầu vẻ biết ơn, và rồi ngồi tì cằm lên đùi Charlie, hy vọng có thêm.

“Những người khác đâu rồi?” Charlie hỏi, cho hạt Đậu thêm một chiếc bánh bích quy nữa.

“Anh Tanc với anh Sander không thể đợi nổi,” Emma nói. “Bồ lâu cả thế kỷ, Charlie. Mình tưởng bồ sẽ dất theo Billy chứ.”

“Chẳng thấy mặt mũi nó đâu. Còn Olivia thì sao? Bồ có gặp nó không? Nó có nhận được vai đó không?”

Emma nhún vai:

“Mình đã gọi tới nhà nó hai lần rồi, nhưng không có ai trả lời. Nó hứa sẽ gặp mình ở đây nhưng... mình không biết. Chắc là có chuyện gì rồi.”

“Có lẽ bây giờ con nhỏ đã là ngôi sao, và sẽ không thêm nói chuyện với đám bạn mình nữa,” Gabriel bảo.

“Không đúng,” Emma lắc đầu. “Livvie không thể dất. Nó sẽ tới mà.”

Nhưng Olivia không hề xuất hiện. Cả Billy cũng không. Cuối cùng ba đứa bạn phát mệt vì chờ. Emma và Gabriel về nhà, còn Charlie dẫn Hạt Đậu đi dạo. Lúc thằng bé và con chó vừa định quẹo về lại hẻm Con Éch, sau trọn nửa giờ đi bộ, con hạt Đậu chợt sủa văng lên và chạy, kéo căng sợi dây xích chó.

Ở đầu kia của con đường, Charlie trông thấy Olivia chạy lẹ vô một ngõ hẻm. Nó liếc nhìn Charlie một cái thiệt lẹ, thiệt dữ dội và rồi biến mất. Tò mò vì hành vi kỳ lạ của con nhỏ, Charlie chạy băng qua đường. Lúc nó đến nơi thì Olivia đã biệt tăm, nhưng hạt Đậu kéo Charlie chạy tiếp trong ngõ hẻm, băng qua một quảng trường rải sỏi và rồi vô một khu đầy những cửa tiệm nhỏ.

Ở đằng xa, đứa con gai quay lưng lại Charlie và bắt đầu chạy tiếp. Nhưng nó không chạy kịp con chó. Giằng sợi xích vượt khỏi tay Charlie, con chó phóng nhanh trên đường và rượt kịp Olivia. Nhảy chồm lên người con bé, nó bắt đầu sủa lên phấn khích.

“Tránh ra! Cút đi! Đứa con gái hết ầm .

“Từ từ, Liv,” Charlie hét to. “Nó là hạt Đậu mà. Chuyện gì xảy với bồ vậy?”

Olivia tựa gục vào bức tường trong khi Charlie chạy tới và túm lấy xích cổ chó.

“Nó không làm bồ đau đâu, Liv. Nó chỉ mừng rỡ vì gặp bồ thôi mà.” Charlie ngừng lại. “Gì vậy? trông bồ thiệt kinh khủng.”

“Cám ơn nhiều!” Olivia nhăn nhó.

“Mình không có ý nói khủng khiếp, ý mình... khác.” Charlie nói lẹ.

Gương mặt của Olivia lem luốc vệt nước mắt, mí mắt nó sưng húp và tóc nó rối bù. Nó mặc quần bò, mang giày thể thao và áo thun nhăn nhúm. Còn đâu những màu sắc rực rỡ và những bộ đồ hầm hố mà nó thường mặc. Charlie chưa bao giờ thấy bạn mình trông “bình thường” như thế này, mà lại đau khổ như thế này. Nó thấy nó nên hỏi về buổi diễn thử vai; sẽ còn tệ hơn nếu tránh né một câu hỏi quan trọng như vậy.

“Bồ có được nhận vai đó không?”

Môi Olivia mím lại thành một đường chỉ. Nó đá sục xuống đất bằng mũi giày, và qua hàm răng nghiến chặt, nó nói:

“Không!”

“Ồ, chào, mình xin lỗi,” câu này có vẻ chưa hoàn chỉnh, nhưng Charlie còn có thể nói gì được nữa?

“Đừng có...” Olivia cúi kính nói. “Tôi không muốn người ta phải thương hại tôi.”

“Được. Nhưng chuyện gì xảy ra vậy? Bỏ có muốn nói về chuyện đó không?”

Olivia nghĩ ngợi một thoáng và rồi quyết định là nó rất muốn nói. Nó muốn nói và nói cho đến khi toàn bộ cái sự việc xấu hổ, nhục nhã kia xì hết ra ngoài không khí, được chia sẻ bởi ít nhất là một con người khác... và một con chó.

Ngày hôm đó bắt đầu thật tuyệt. Olivia đã tiến vào tới vòng chỉ còn sáu đứa con gái.

“Tất cả bọn chúng đều nhỏ hơn tớ,” nó nói, nhảu trún lại một cái, “nhưng mẹ tớ nói rằng điều đó không có nghĩa lý gì hết. Cái con nhỏ ngồi kế tớ, nó cột tóc bím, mặt đầy tàn nhang và giọng nói cao vút, trông thiệt ngố. Nó mười ba tuổi, Charlie, nhưng người nó tí nì.” Olivia nhảu trún sâu hơn. “Nó cứ lải nhải rằng tớ chắc chắn sẽ nhận được vai này vì mẹ tớ nổi tiếng.”

“Nghe chẳng lọt tai tí nào,” Charlie nhận xét.

“Ừ. Nhưng tớ quá tự tin nên không nhận ra. Tớ đi vô căn phòng đó và diễn phần của tớ... diễn hết mình luôn. Tớ làm tốt thực sự. Tớ biết rõ mà. Và tớ muốn chắc chắn mình sẽ được nhận vai diễn. Có bốn vị giám khảo ngồi bên bàn, hai ông và hai bà. Họ thậm chí không ghi chép gì hết. và khi tớ làm xong thì ông đạo diễn, chính xác là một người bạn của ba tớ, mỉm cười với tớ và nói, ‘Cám ơn Olivia. Diễn rất tốt, nhưng không hoàn toàn giống như điều chúng tôi đang tìm kiếm.’”

Một dòng nước mắt tuôn trào xuống má Olivia.

“Cái con bím tóc ấy được nhận vai,” nó nói gần giọng.

“Ôi, không,” Charlie kêu lên. “Mình không tin nổi.”

“Điều tệ nhất trong mọi điều là nó đã giận lây mẹ tớ. Hai mẹ con cãi nhau nảy lửa và tớ nói đó là do lỗi của mẹ tớ. Giờ thì mẹ tớ còn cáu tiết hơn cả tớ nữa. Tớ nói tớ sẽ đi gặp bọn đảng ấy ở quán cà Phê Thú Kiểng, nhưng tớ không thể dối mặt với việc phải nói với tất cả mọi người. Tớ nghĩ tớ sẽ mua ít hoa tặng mẹ để dàn hòa, và có người bảo tớ có một tiệm bán hoa đang mở cửa, ở đâu đây nè.”

“Ồ ngay đằng kia kìa!” Charlie hất đầu qua bên kia đường. Thiệt kỳ quặc, nó tự hỏi tại sao trước đó nó không nhận ra. Khung cửa và cái cửa sổ sơn màu xanh lá cây đậm và những chữ bên trên cửa sổ hàng được in bằng những mẫu tự vàng rực, uốn lượn. HOA THIÊN THẦN.

“Toàn hoa trắng!” Olivia nhận xét, vẻ đảng đảng của nó bắt đầu nguội bốt.

Đúng vậy. Mọi bông hoa bên trong cửa sổ bày hàng đều trắng: Hoa huệ tây, hoa hồng, hoa cúc và những cây lạ lùng mà Charlie chưa thấy bao giờ.

“Tụi mình lại coi cửa có mở không,” Charlie bước xuống khỏi vỉa hè, nhưng Olivia lừng khừng ở lại.

“Đi nào,” Charlie chộp tay con bé. Hạt Đậu cũng đã kéo Charlie qua đường, và cuối cùng, một dây ba đứa lùng nhùng lết tới tiệm bán hoa.

Lách nhìn qua những bông hoa nở rộ bên trong cửa sổ bày hàng, Charlie nói:

“Cửa mở. Mình thấy có người.”

Nó tiến tới cửa chính.

“Không,” Olivia nói. “Tớ đổi ý rồi.”

“Sao vậy?”

“Tớ không muốn vô trong đó.” Con nhỏ đứng như trời trồng tại chỗ, mắt dán chặt vô một bó huệ tây.

“Đi đi. Mua một bông huệ tây thôi.” Charlie nói. “Không mắc đâu.”

“Sao đằng ấy biết,” Olivia chất vấn.

Olivia chợt nhận ra sự thay đổi bí hiểm ở Olivia liên quan rất ít đến chuyện rót thử vai.

“Mình có thể cho bồ mượn hai đồng bằng nếu quá mắc,” Nó nói nhẹ nhàng. “Hay là để mình mua cho bồ.”

Nó đẩy cửa. Cánh cửa mở vào một gian hàng thơm ngát hương hóa.

“Ừm!” Charlie hít hít không khí. “Tuyệt thật.”

“Thế ư!” Một giọng nói cất lên.

Một phụ nữ hiện ra từ phía sau tiệm. Hạt Đậu chạy tới chỗ cô ấy, đuôi nó ngoáy rối rít.

“Con chó dễ thương quá.” Người phụ nữ vuốt ve hai tai Hạt Đậu, và chú chàng ngồi xuống, kê rừ rừ khoái trá.

“Chúng cháu muốn mua... ừm... bông huệ tây,” Charlie nói.

“Chúng cháu?” Người phụ nữ hỏi. Cô có mái tóc bạch kim và đôi mắt to màu xanh lá cây.

“Dạ phải. bạn cháu muốn mua hoa về tặng mẹ bạn ấy.”

Charlie nhìn ra sau lưng và thấy Olivia đang lẩn chần bước vô tiệm

“À đây rồi,” người phụ nữ nói. “Cô rất vui là cuối cùng cháu đã tới.”

“Ý cô là sao?” Olivia đông cứng lại. “Cháu không biết cô.”

“Nhưng cô biết cháu,” người phụ nữ nói. “Tên cô là Alice Angel.”

Rồi cô chìa tay ra:

“Và cháu là Olivia!”

Olivia vẫn không nhúc nhích, cho nên Charlie bắt tay cô Alice Angel.

“Lại đây, Liv. Ổn mà.” Charlie quay lại nhìn Olivia, giờ đang đeo một bộ mặt hằm hằm.

Cô Alice Angel mỉm.

“Không có gì gấp đâu. Cháu muốn mua mấy bông huệ tây?”

Olivia thậm chí không mở miệng.

“Giá bao nhiêu ạ?” Charlie hỏi.

Cô Alice không đáp. Cô trầm tư đặt một ngón tay lên cằm và nói.

“Mười bông là đẹp. Mỗi bông cho một hậu duệ của nhà vua. Dẫu có vài đứa không xứng đáng với ý nghĩa đó. Phải, mười bông với một ít nhánh lá xanh.”

Đôi mắt cô xanh hệt như những cuống hoa. Và làm sao mà cô ấy biết về nhà vua và mười hậu duệ của Ngài? Charlie lo lắng nói:

“Cháu chỉ có hai bằng.”

“Hoa miễn phí,” cô Alice nói, khéo léo sắp xếp những bông huệ tây lên quây. Cô bọc chúng lại bằng giấy bạc mỏng và cột bó hoa bằng một dải ruy băng xa-tanh trắng.

Charlie nhận lấy bó hoa:

“Cô chắc chắn là chúng miễn phí ạ?”

“Hoàn toàn chắc.” Cô Alice liếc nang qua Olivia. “Cháu sẽ sớm trở lại chứ? Chúng ta có nhiều thứ để cùng nhau khám phá.”

Olivia quay phắt đi và biến lẹ khỏi tiệm.

Charlie bắt đầu cảm thấy lúng túng. Có điều gì đó lạ kỳ về cô Alice Angel này. Bắt đầu từ tên của cô ấy đã lạ; rồi tóc cô ấy mang màu trắng y như sắc trắng của những bông huệ tây.

Nó nói:

“Cảm ơn rất nhiều về những bông hoa, thưa bà... thưa cô Angel. Cháu xin lỗi bạn cháu không... à, bạn ấy đang bị sốc. Bình thường bạn không như vậy.”

“Cô biết. cháu có muốn ăn chút táo không? Tự tay cô trồng chúng đấy và chúng lên thật xanh tốt,” cô Alice mỉm cười khích lệ.

“Dạ không, cảm ơn cô,” Charlie nói, hơi hoài nghi. “Mẹ cháu làm việc ở một cửa hàng rau quả.”

“Đúng rồi,” cô Alice nói. “Tạm biệt, Charlie”

“Tạm biệt cô,” Charlie bước ra cùng với con Hạt Đậu theo bển gót. Đúng lúc đi khỏi cửa hàng thì nó nhận ra vừa nãy cô Alice đã gọi đúng tên nó.

“Làm thế nào mà cô ấy biết tên mình?” Nó hỏi bằng giọng hoang mang.

“Làm sao mà cô ấy lại biết tên tớ chứ.” Olivia nhận bó hoa từ tay Charlie. Trông con bé vừa sững sốt vừa bối rối. “Người phụ nữ đó có thể nhìn thấu bên trong tớ,” nó nói, gần như thì thầm. “Cô ấy biết những điều về tớ mà ngay cả tớ cũng không biết.”

7. Chương 07

Quyển sách về ngài Amadis

Khi Charlie dẫn con Hạt Đậu về lại quán cà phê thú kiểng, nó hỏi ông bà Onymous coi họ có biết một cửa hàng tên là Hoa Thiên Thần hay không.

“Nghe quen quen,” ông Ominous nói. “Đó là một trong những nơi đến rồi đi, cậu hiểu ý tôi muốn nói gì rồi đó.”

Charlie không hiểu.

“ Trong thành phố này có nhiều thứ lạ lùng không tin nổi,” bà Ominous nói.

“Ồ, giờ thì bất cứ chuyện gì cháu cũng tin được,” Charlie nói. “Thiệt tình, cháu cũng sẽ không hề ngạc nhiên nếu ông bảo cháu rằng Hạt Đậu là một vị tiên một ngàn tuổi.”

Câu nói của nó khiến ông Ominous cười đến nỗi đỏ rưng cả mặt, và ông rút phịch, bệt xuống sàn.

Charlie ôm hôn chia tay con Hạt Đậu, chào tạm biệt ông bà Ominous, rồi vội vã về nhà. Lúc này đã 6 giờ, và mẹ nó chắc là đang lo sốt vó.

“Nãy giờ con ở đâu vậy?” Cô Ammy Bone kêu lên khi Charlie bước vô nhà bếp.

“Chúng ta đã gọi cho gia đình Gunn nhưng Fidelio nói là nó không gặp con,” ngoại Maisie thêm.

Charlie kể lại cho bà và mẹ nó nghe về cửa hàng bán hoa.

“Cô Alice Angel đó biết con, mẹ à, nhưng sao cô ấy lại biết? Bà với mẹ có bao giờ đến tiệm Hoa Thiên Thần chưa?”

“Bà chưa bao giờ nghe đến cái tên đó,” ngoại Maisie bảo.

“Mẹ cũng chưa hề nghe,” cô Amy kêu lên. “Ôi, Charlie, mẹ mong con đừng có một mình lang thang đến những chỗ lạ trong thành phố.”

“Con đi với Hạt Đậu mà, với lại có cả Olivia ở đó nữa, con đâu có đi một mình đâu.”

“Nhưng mà,” mẹ Charlie thở dài. “Mẹ không lo không được, Charlie à. Phải chi ba con... ngoài kia có những người không muốn con bình an. Nếu con mà... mà biến mất, như ba Lyell ấy, thì mẹ không biết phải làm sao.”

“Con sẽ không biến mất đâu, mẹ. Ba con không có phép thuật, nhưng con thì có.”

“Chính vậy,” cô Amy lúng búng. “Thôi, dùng bữa trà đi con.”

Charlie ngồi xuống, cảm thấy có lỗi, và ngoại Masie rót cho nó một tách trà. “Chúng ta không lo sao được,” bà nói. “bà cô Venetia của con vừa đến đây xong.”

“Bà cô Venetia!” Con dao ăn của Charlie va cạch vô cái đĩa. “Nội Bone mở cửa cho bà ấy vô à?”

“Không. Chắc chắn mẹ ta có chìa khóa. Bà mở cửa nhà bếp ra thì thấy mẹ ở đó rồi, đứng lù lù trong hành lang. Trông mẹ ấy thật ghê hồn, tóc tai rối bù, quần áo lôi thôi lếch thếch. Mẹ ta vẫn lịch lãm lắm kia mà. Bà nghĩ mẹ ta mất trí rồi. Vụ hỏa hoạn trong nhà mẹ khiến mẹ phát điên phát khùng.”

“Bà ta cấp theo một nịch quần áo,” mẹ Charlie nói. “Muốn biết xem chúng ta có thích chúng không.”

“Còn lâu,” ngoại Maisie khịt mũi. “Chắc chắn mẹ ta đã tắm độc chúng rồi.”

“Chúng ta bảo bà ta đi đi, xong mẹ khóa tất cả các phòng ngủ lại, để đề phòng. Chìa khóa phòng con đây, Charlie.” Cô Amy Bone đẩy một chiếc chìa khóa bằng qua bàn. “Ngày mai hãy khóa cửa phòng con lại khi con đi học, rồi đưa chìa khóa cho ngoại Maisie.”

Charlie rên rỉ. Cứ như chưa có đủ chuyện để ghi nhớ không bằng, giờ họ lại còn phải khóa tất cả các cửa phòng lại nữa.

“Không làm thế không được,” ngoại Maisie bảo. “Chúng ta không muốn kết cục lại có thuốc độc trong quần hoặc rần bò ra từ ống tay áo, đúng chưa?”

Khi bữa trà kết thúc, Charlie ngồi lại để coi chương trình T.V ưa thích của nó, Những tiếng sữa, câu chuyện kể về một chú chó. Trái với ý muốn của nội Bone, ngoại Maisie cương quyết đặt một chiếc T.V nhỏ lên nóc tủ đựng ly chén trong nhà beeps. Bà không muốn bỏ lỡ những sô truyền hình yêu thích của bà. Bà từng nói với nội Bone rằng nếu bà đã phải làm nô lệ suốt ngày trong nhà bếp như thế, thì chỉ ít bà cũng phải được phép thưởng thức đôi chút thú vui trong khi làm việc chứ. Dĩ nhiên, Trừ phi có người lại thích tự nguyện làm nô lệ.

Nội Bone nghe đến từ nô lệ thì hãi quá, và đành chịu thua.

Chương trình của Charlie vừa bắt đầu thì ông cậu Paton ngó vô và nói:

“Rồi!”

“Rồ gì ạ?” Charlie hỏi, hy vọng cái tia nhìn quắc lên trong mắt ông không có nghĩa là một trong những bà chị của ông vừa tống cho ông một căn bệnh gớm ghiếc.

“Lâu đài Gương, nhóc cưng,” Ông cậu Paton nói. “lên lầu đi rồi ta chỉ cho coi.”

“nhưng chương trình của con vừa mới bắt đầu.” Charlie nói, nhấp nhồm trên ghế.

“À ừ, nếu tích T.V hơn... thì cửa việc thích đi!” Ông cậu Paton lui ra, đóng sầm cửa lại sau lưng.

Charlie coi những tiếng sữa thêm chừng năm phút thì không thể tập trung được nữa. Chả có gì tưng cườ trong tập phim hôm nay cả. Ngoại Maisie và mẹ nó đang rúc tích cười bên một tờ tạp chí. Thật chia trí hết sức. Charlie buông một tiếng thở dài thiết to, tắt T.V và rời nhà bếp. Nó chạy vù lên lầu và gõ cửa phòng Ông cậu.

“Cái gì?” Giọng Ông cậu Paton.

“Ông cậu nói ông cậu có thứ muốn cho con coi... về Lâu Đài Gương.”

“Vậy hả? Thế thì vô đi,” Ông cậu Paton nói hơi miễn cưỡng.

Charlie bước vô phòng. Ông cậu Paton của nó ngập trong tình trạng bừa bãi như thường lệ. Sách nằm ngổn ngang dưới sàn nhà, giấy chất trên giường, và các kệ sách oằn xuống dưới sức nặng của những bản thảo và những cuốn bách khoa toàn thư. Ông cậu Paton đang ngồi bên bàn làm việc. Ông đeo cặp kính trông bán nguyệt và đang đọc một cuốn sách trông cũ mục nhất mà Charlie từng thấy. Những trang giấy xỉn màu như màu mù tạt và những mép sách cong tua ra. Bìa da hơi xốp, te tua và gần hư không giữ nổi những trang sách mục cứ chực bung ra khỏi bìa.

“Julia thông thái đã tìm thấy cái này trong đám kho báu của cô ấy. Cô ấy có một trí nhớ thật đáng kinh ngạc, và khi nghe nhắc đến một lâu đài gương là còn ấy biết ngay trước đây mình đã từng thấy cái tên đó.”

Ông cậu Paton tiếc nuối gấp cuốn sách lại và Charlie đọc thấy chữ Quyển sách về ngài Amadis in bằng chữ vàng bị mờ đi trên bìa.

“Ngài Amadis?” Charlie nói.

“Người con thứ hai của Vua Đỏ,” Ông cậu Paton vỗ vỗ cuốn sách. “Cuốn sách này kể lại tất cả. Ngài Amadis bị buộc phải trốn khỏi lâu đài của vua cha khi Borlath, người con cả, rắp tâm theo đuổi quyền lực chết người của hắn. Hắn giết hại tất cả những người kháng đường hắn, và trong cuộc chinh phục này, hắn được bốn người anh em của hắn trợ giúp. Năm người kia, trong đó có ngài Amadis, cố ngăn cản những cuộc tàn sát đẫm máu đang diễn ra trên khắp đất nước. Nhưng Borlath và bọn lâu la của hắn rất hùng mạnh, và cuối cùng, lại thêm những người anh em đầy tôn kính phải chạy trốn khỏi lâu đài vì lo sợ tính mạng của mình.”

“Ngài Amadis là tổ tiên của Billy phải không ạ?” Charlie hỏi.

“Hình như thế.”

“Vậy thì, ai là tổ tiên của chúng ta? Người bắt đầu dòng họ Yewbean ấy? Ông ấy theo phe thiện hay phe ác?”

“Theo những gì ta nghiên cứu được thì bà ấy là Amoret, người con cuối cùng, em gái yêu quý nhất của ngài Amadis.”

“Một cô gái?” Charlie chưa từng nghĩ đến điều này.

“Phải, Charlie, một cô gái.” Ông cậu Paton mở quyển sách cổ xưa ra. “Bà ấy chạy trốn cùng với ngài Amadis, nhưng đến phương bắc thì họ bị tách ra. Bà Amoret bị lạc và ngài Amadis dong buồm đến một hòn đảo ở hướng Tây bắc. Ông rất được yêu mến và nhiều người dân sống trong lãnh địa của nhà vua thà rời bỏ quê nhà để đi theo ngài Amadis còn hơn là ở lại chịu ách cai trị tàn bạo của Borlath...”

Charlie cắt ngang:

“Nhưng bà Amoret? Ông cậu nói bà ấy bị lạc. Ông cậu không biết chuyện gì xảy ra với bà ấy a? Không ai biết cả sao? Ý con là, con có thể tìm ra... có lẽ ở trên Internet.”

Ông cậu Paton buông một tiếng thở dài mất kiên nhẫn:

“Mày sẽ chẳng tìm thấy bà Amoret trên máy tính của mày đâu. Lịch sử về bà ấy bí mật đến nỗi không thể đưa lên mạng được. Không ai biết toàn bộ sự thực. Chính chúng ta phải khám phá ra điều đó. Và đó là điều ta đang cố làm trong suốt hai mươi năm qua.”

Ông duỗi cánh tay, trở vô những kệ sách và những đồng giấy tựa sờn.

“Khi gặp Julia Ingledew, ta cứ như bắt được kho báu vậy; còn ai khác đam mê tìm hiểu quá khứ, còn ai khác không nề hà dành cả một tuần lễ để lục tìm cho được một manh mối mập mờ nhất nhằm giải đáp một câu đố như cô ấy chứ. Với ta, một người như vậy là cả một kho báu, Charlie, cho dù cô ấy không phải là người tâm đắc và dễ mến nhất mà ta từng gặp.”

Charlie chưa bao giờ nghe ông cậu nó nói say sưa như thế.

“Ông cậu có cưới cô ấy không?” Nó hỏi.

Ông cậu Paton nheo mắt, rồi nói nhanh:

“Ta thậm chí còn không dám nghĩ tới điều đó.”

“Sao lại không? Con thấy đó là một điều hay,” Charlie thẳng ruột ngựa.

Ông cậu Paton giả vờ ho khéo một tiếng.

“Đề tài của chúng ta là Lâu Đài Gương, chứ không phải là tương lai của Paton Yewbeam,” ông nói bằng giọng đều đều. “Mày có quan tâm đến quyển sách này hay không nào?”

“Còn phải nói,” Charlie nhiệt thành nói. “Con ngồi xuống nhe? Chắc phải mất một ngày dài.”

“Cứ việc,” Ông cậu Paton trở cho nó chiếc giường, và Charlie, sau khi loay hoay đẩy vài quyển sách qua một bên, đã kiếm được một chỗ để an vị trên chiếc giường lớn, bừa bộn của Ông cậu Paton.

Ông cậu Paton xoay chiếc ghế da rách tươm bươm của mình quay mặt lại với Charlie và bắt đầu đọc. Tới khi màn đêm sụp xuống, và mặt trăng hiện ra trên bầu trời đen kịt, Charlie đã chìm đắm trong câu chuyện về Hoàng tử Amadis và lâu đài Gương. Quang cảnh căn phòng của ông cậu Paton mờ dần, và qua đôi mắt khép hờ, Charlie bắt đầu thấy một lâu đài nổi lên giữa một hòn đảo màu xanh lá cây, nằm ngay giữa mặt biển lấp lánh.

“Người ta nói rằng đó là tòa lâu đài thần tiên nhất trên đời...”

Ông cậu Paton là một người kể chuyện hoàn hảo. Ông biến những dòng chữ trong sách thành lời kể của riêng mình, và giọng kể trầm bổng, sâu sắc của ông làm căn phòng hiện ra đầy ắp những hình ảnh: những hiệp sĩ uy nghi, những con ngựa chiến, những chiếc cúp vàng, những thanh gươm, những tấm khiên sáng loáng, những cờ phướn bay phấp phới, biển dậy sóng dữ dội... và lửa cháy.

“Khi ngài Amadis và đoàn tùy tùng của ngài đã xây dựng xong tòa lâu đài hoàn mỹ của mình,” Ông cậu Paton đọc, “thì tiếp theo đó là mười lăm năm yên bình. Đất đai màu mỡ và họ sống thịnh vượng. Hoàng tử cưới một trong những người tùy tùng của mình và họ có bốn người con. Người con út tên là Owain.”

“Thế còn ba người kia thì sao?” Charlie nôn nóng hỏi.

“Không liên quan,” Ông cậu của nó nói.

Ông tiếp tục giải thích tại sao ba người con đáng thương ấy không dự phần trong câu chuyện.

“Điều tất yếu xảy tới là Borlath nghe được tin về tòa lâu đài trên đảo ấy và muốn chiếm nó cho mình. Mang theo một ngàn lính đánh thuê khát máu, hấn băng qua biển và bao vây lâu đài, yêu cầu ngài Amadis phải đầu hàng.”

“Và ngài Amadis từ chối?” Charlie nóng nảy chen vô.

“Dĩ nhiên. Ngài biết rằng nếu ngài giao nộp lâu đài thì toàn thể gia đình ngài sẽ bị tàn sát. Nhưng đó là một quyết định đau lòng. Ngài Amadis biết rất rõ về tài phép khủng khiếp của Borlath.”

Charlie chồm hẳn người ra trước, vẻ nôn nóng:

“Đó là điều con vẫn muốn hỏi, Ông cậu Paton ơi, tất cả con cái của Vua Đỏ đều được ban phép thuật, phải không? Vậy, ngài Amadis có thể làm được gì? Và lão Borlath thì sao?”

“Ngài Amadis hiểu ngôn ngữ của các loài chim và thú. Ngài có thể nói chuyện với bất kì sinh vật nào trên đời, nhưng điều đó không có giá trị gì nhiều khi ngài cần phải bảo vệ thần dân của ngài chống lại Borlath.”

Charlie chờ đợi một cách sốt ruột, cho đến mãi cuối cùng, Ông cậu Paton bảo với nó:

“Borlath có thể phun ra lửa; khi tập trung tâm trí, hấn có thể thiêu rụi tất cả mọi thứ trên đường hấn đi. Nhưng hấn không muốn phá hủy một tòa lâu đài hoàn mỹ như vậy; hấn muốn chiếm nó cho mình, vì vậy hấn bắt đầu bao vây lâu đài. Điều đó không có nghĩa là hấn ngồi im chờ ngài Amadis đầu hàng.Ồ, không hề. Trước tiên, quân đội của Borlath bắc thang leo lên những bờ tường dốc đứng. Những cung thủ từ các lỗ châu mai trên đỉnh thành chẳng mấy chốc đã đánh lui bọn chúng.”

Ông cậu Paton lật qua trang và đọc tiếp:

“Thế rồi, bọn lính đánh thuê ra sức phá cánh cổng gỗ sồi lớn bằng một thanh gỗ có đầu bịt sắt dùng để phá thành. Nhưng một bức màn dơi bồ nhào xuống và làm mù mắt bọn chúng. Vào cuối tuần lễ thứ mười, ngài

Amadis và một trăm chiến binh của mình rời khỏi toàn lâu đài vào một đêm tối đen như mực và bất ngờ tấn công bọn lính đang ngủ say của Borlath. Yếu tố bất ngờ giúp cho ngài Amadis được thuận lợi, nhưng cuối cùng nhúm quân nhỏ của ngài bị bọn chiến binh khát máu của Borlath áp đảo, chúng là bậc thầy giết chóc, thường thức từng mẩu đầu mình tứ chi bị cắt rời.”

Charlie rùng mình:

“Vậy ngài Amadis có bị giết không?”

“Ngài bị thương nặng,” Ông cậu Paton đáp. “Một mũi giáo cắm trong vai ngài.”

Rồi Ông cậu đọc:

“Hầu hết thuộc hạ của ngài Amadis đều bị giết, nhưng một số sống sót và diu hoàng tử trở lại lâu đài và ngài sống... cho đến hồi kết thúc. Có lẽ, trong thâm tâm, Amadis luôn biết rằng một ngày nào đó Borlath sẽ mò đến tìm mình, cho nên bên trong lâu đài, ngài đã tích trữ một số lượng thực phẩm và vũ khí thật lớn. Họ cũng đào một cái giếng thật sâu. Khi nguồn cung cạn dần, ngài Amadis nói chuyện với muông thú...”

Ông cậu Paton mỉm cười một mình khi đọc tiếp:

“Một đội quân chuột xâm nhập kho lương thực của Borlath. Bầy sói tấn công bọn lính canh, chim mổ lũng lều bạt của chúng và đêm đến, đàn dơi lại đến, rú rít rợp trời khiến cho không sao ngủ được. Cuộc sống bọn lính của Borlath trở nên không thể chịu đựng nổi. Thời tiết chuyển lạnh. Trời bắt đầu mưa. Bọn lính đã chịu đựng đủ rồi. Chúng muốn quay về nhà.”

“Và đó là khi Borlath sử dụng đến lửa của hắn, phải không?” Charlie nói.

Ông cậu Paton gật đầu. Ông nhìn xuống cuốn sách.

“Ở dưới chân tòa lâu đài có một bức tường cọc gỗ nhọn dày đặc ở cả bên trong lẫn bên ngoài. Nhưng xen giữa và nhô hẳn lên trên rừng gỗ ấy là một bức tường đá màu vàng. Bằng một động tác giận dữ và thèm muốn, Borlath giơ một nắm đấm của hắn lên và gọi lửa. Những người ở trong lâu đài nhanh chóng bị bao bọc trong một vòng lửa. Một số người gieo mình khỏi những lỗ châu mai. Nhưng một số khác đã hoảng sợ khiếp vía trước khi họ leo lên được tới đó. Mọi đàn ông, phụ nữ và trẻ em, mọi sinh vật trong lâu đài bị tiêu diệt - ngoại trừ một người.”

“Là ai?” Charlie thốt lên, nhảy bật ra khỏi thế giới rực lửa mà Ông cậu nó vừa tái hiện. “Ý con là làm sao mà có người...”

“Khoan!” Ông cậu Paton ra lệnh.

Charlie im bật.

“Sức nóng khủng khiếp từ những cọc nhọn cháy khiến cho đá bị nung nóng thành thủy tinh – nói một cách khác, những bức tường biến thành thủy tinh – một loại thủy tinh đen, dày.”

Đôi mắt đen của Ông cậu Paton quắc lên sống động:

“Bây giờ mới là phần thực sự thú vị, Charlie. Ta tin là nó nắm giữ manh mối về nhánh kia của gia đình này.”

Ông cậu lật một trang sách.

“Trong những chuyến chu du của mình, ngài Amadis đã kết bạn với một thầy pháp xứ Gan, một ông tên là Mathonwy. Thầy pháp này sống trên lục địa về phía nam hòn đảo của hoàng tử. Nhưng ngọn lửa do Borlath gây ra dữ dội đến mức nó chiếu sáng rực cả bầu trời suốt mấy dặm quanh đó. Mây biến thành lửa, chim chóc cháy thành than, và mặt biển đỏ máu sôi sùng sục như một cái vạc sôi.”

“Từ xa ngài Manthonwy phát hiện ra cảnh tượng ấy. Ngài đoán được chuyện gì đã xảy ra. Đã quá trễ để cứu người bạn hiền của ngài, Hoàng tử Amadis rồi chẳng? Ngài Manthonwy làm điều duy nhất ngài có thể làm được. Ngài làm cho tuyết rơi. Một tấm mền tuyết ủa về phía tòa lâu đài đang cháy. Khi tiến tới hòn

đảo thì màn tuyết rơi xuống, và ở nơi nào tuyết chạm tới những bức tường cháy xém thì nơi đó một chuyện lạ xảy ra. Đá bị nung nóng thành thủy tinh bắt đầu sáng lóa lên.”

“Một lâu đài thủy tinh sáng lấp lánh,” Charlie nín thở. “Nhưng, Ông cậu Paton ơi, có gì liên hệ với gia đình con nào?”

“Ngài Manthonwy,” Ông cậu Paton nó cộc cằn. “Nhớ cái tên này trong gia phả mà ngoại Maisie đã đưa cho mày không? Ông tổ người xứ Gan của mày.”

“Ồ,” Charlie chậm rãi nói. “Nhưng ngày tháng năm không đúng.”

“Cái tên là đủ rồi. Người xứ gan hay đặt tên theo tổ tiên của mình, những cái tên cứ lặp đi lặp lại.”

“Ồ,” Charlie lại nói, và nhắc đến vị tổ tiên người xứ Gan nó lại nhớ đến cây gậy phép. “Ông cậu Paton, con làm mất... ông biết đấy... mất cây gậy phép.”

“Cái gì!” Cặp kiềng của Ông cậu Paton trượt xệ xuống chớp mũi.

“Con đã mang nó tới trường. Con thiệt là ngu. Con cất nó dưới tấm nệm giường và giờ thì nó mất tiêu rồi.”

“Mày có nghi ai không?!”

“Có. Và nếu đó đúng là kẻ con nghi thì chắc chắn con sẽ lấy lại được cây gậy phép. Thôi, ông kể tiếp câu chuyện đi ạ.”

Ông Paton lắc đầu.

“Thỉnh thoảng, sự cẩu thả của mày khiến ta phải choáng váng đó, Charlie.”

Ông nhìn xuống cuốn sách:

“Những bức tường của lâu đài trở nên trơn láng và sáng chói đến nỗi bọn lính của Borlath trở đực ra ngó một đội quân đang nhìn ra chúng. Cảnh tượng mới kinh hoàng và bi tráng làm sao. Vì tin rằng Hoàng tử Amadis và quân dân của ngài vẫn còn sống sót trong biển lửa, và như vậy thì thật là siêu phàm, bọn lính đánh thuê vội tháo chạy ra những thuyền. Duy chỉ có Borlath nhận ra rằng quân đội sáng chói kia là hình phản chiếu quân của chính hắn, nhưng hắn không cố chiếm tòa lâu đài nữa. Vì lý do gì đó mà những bức tường gương khiến hắn khiếp đảm, và cả hắn nữa, cũng rút khỏi hòn đảo.”

“Vậy là tất cả mọi người đều chết trong đó,” Charlie nói. “Ngoại trừ một người. Chắc hẳn nó giống như một lăng mộ khổng lồ sáng rực rỡ. Con không muốn là người duy nhất sống sót đó đâu. Người đó là ai vậy ạ. Ông cậu Paton?”

Ông cậu Paton lại tham khảo cuốn sách, lật qua vài trang trước khi tới một trang ở gần cuối.

“Có một người sống sót, là con trai út của hoàng tử, Owain, tóc trắng, người được gọi là kẻ bạch tạng, và là người hiểu được ngôn ngữ của chim và thú. Vì vậy, Owain, không gia đình, không nhà cửa, đã rời khỏi hòn đảo theo lời khuyên của một con quạ. Và con quạ ấy cùng đi với ngài.”

“Ngài ấy giống Billy quá,” Charlie kinh ngạc nói. “Giống y hệt Billy.”

“Chính xác,” Ông cậu Paton thừa nhận. “Thiệt kỳ lạ là những đặc điểm giống nhau thành linh lại xuất hiện qua những thế hệ. Rủi qua, sách không nói cậu bé đó đã xoay xở làm sao mà sống sót được, nhưng để ta đọc đoạn cuối cho mày nghe vì nó thú vị thật sự: ‘Người ta truyền tụng rằng một trong những người mang dòng máu của Owain, một ngày kia, sẽ gặp lại hoàng tử Amadis trong Lâu đài Gương.’”

“Billy?” Charlie nói.

Ông cậu Paton dòm qua cặp mực kính:

“Có lẽ.”

Ông quay lại với cuốn sách:

“Và Owain rong ruổi tới Đế Chế La Mã Linh Thiêng, sinh được hai người con trai. Người con cả trở thành một học giả...’ – tức là người viết sách, viết tài liệu hoặc chép lại những bản thảo đấy – ‘... và người con út

có thể nói được ngôn ngữ của chim muông và thú vật. Người con trai này bị xua đuổi khỏi ngôi làng ông sinh sống vì đã giao du với lũ quạ đậu trên giá treo cổ, nơi hành quyết tội nhân.’”

Charlie rùng mình:

“Ghê quá. Nhưng tại sao họ lại xua đuổi ông ấy?”

“Vào thời ấy những thói quen lạ lùng thường bị cho là hiện thân của quỷ sứ,” Ông cậu Paton nói. “Và bây giờ là kết thúc câu chuyện...”

Ông đặt một ngón tay lên đoạn cuối cùng:

“Người con trai cả của ngài Owain được gọi là Crowquill vì ông sử dụng bút lông quạ để viết những tác phẩm của mình. Và câu chuyện này, theo như tôi được biết, do một hậu duệ của ngài Crowquill viết vào năm 1655, sau Công Nguyên.”

“Vậy là...” Charlie trầm ngâm nói, “... họ, dòng họ Raven và dòng họ Crowquill, có mối liên hệ với nhau ngay từ thời đó... Có quá nhiều chuyện lạ kì xảy ra trong thành phố này, Ông cậu Paton ạ.”

“Đúng vậy,” Ông cậu của nó nói.

“Cứ như là thành phố này đang kéo tất cả bọn họ lùi về lại quá khứ, tất cả những người mà câu chuyện của họ bắt đầu ngay tại đây, trên mảnh đất dưới chân chúng ta, dưới tất cả mọi mái nhà và mọi đường phố và mọi công viên.”

“Kể cả ngôi nhà này,” Ông cậu Paton thêm.

“Kể cả chúng ta. Như những sợi chỉ đang càng ngày càng buộc chặt mọi người lại với nhau.”

“Mày mới giống nhà hùng biện làm sao, Charlie,” Ông cậu Paton nói, mỉm cười.

“Hôm nay,” Charlie tiếp, “con đến một tiệm bán hoa và cô bán hàng biết tên con. Cô ấy đặc biệt quan tâm đến bạn con, Olivia. Nhưng Livvie chúc là sẽ không tới tiệm đó nữa đâu. Nó nói người phụ nữ ấy biết về nó còn nhiều hơn cả nó nữa.”

“Con bé đó có được ban phép thuật không?”

“Không, Tuyệt nhiên không. Nhưng nó là một diễn viên cực kỳ tài năng. Chỉ vì nó bị rớt trong kỳ thi thử vai và nó thật sự... con không thể diễn tả được. Nó hình như là rất khác... cáu bẳn và tuyệt vọng!”

“Coi bộ rắc rối đấy, Charlie. Phụ nữ tuyệt vọng rất nguy hiểm.”

“Vậy à?” Không cưỡng nổi, Charlie ngáp một cái. “Cảm ơn Ông cậu đã đọc cho con nghe câu chuyện. Cứ như là đặt mọi thứ vào một cái khung để có thể nhìn thấy chúng cho rõ hơn vậy. Con thắc mắc không biết chuyện gì sẽ xảy ra tiếp theo đây?”

“Ta tự hỏi, Charlie à,” Ông cậu Paton nói. “Ta tự hỏi...”

Ông đóng cuốn sách lại và cẩn thận đẩy nó vào một trong những hốc còn trống ở trên bàn làm việc:

“Mày nên tìm cho ra cây gậy phép trước khi hoa rơi vào những bàn tay xấu.”

Charlie nghĩ, có lẽ nó đã rơi vào rồi.

8. Chương 08

Con bướm đêm màu trắng

Manfred Bloor đang mất dần quyền phép. Hắn đã nhận ra điều đó khoảng một năm nay, kể từ khi Charlie Bone đầu trí chống lại được hắn. Charlie đã mừng tượng được những hình ảnh về cha nó, một người đàn

ông mà Manfred thấy rất dễ thôi miên hồi hấn mới chín tuổi. Khi Manfred lên chín, tài phép của hấn đã đạt tới đỉnh cao; bây giờ chúng đang suy yếu dần.

Không ai đoán được chuyện gì đang xảy ra với hấn. Manfred vẫn có thể khiến lũ trẻ sợ chết khiếp mỗi khi hấn chìa tia nhìn gớm ghiếc. Và cuộc thí nghiệm với con ngựa đã gần như lấy lại được sự tự tin cho hấn, bởi vì chính phần đóng góp của hấn vào quy trình ấy là thành công nhất. Phải thế không? Hay lại chính mấy món nước bốc mùi kinh tởm của mụ Venetia Yewbeam đã làm nên chuyện.

Cong một điều nữa. Hiện giờ con ngựa đó đang ở đâu? Và họ sẽ khống chế nó bằng cách nào đây? Manfred ngẫm kinh sợ con ngựa “không chết” đó và trái tim tàn bạo của nó. Hấn cần một thứ gì đó để tự bảo vệ mình.

Thiệt dễ dàng thuyết phục Billy Raven đánh cắp cây gậy phép của Charlie. Sợ rằng một cơ hội được hạnh phúc của mình bị vuột mất vào phút cuối, Billy đã tìm ra cây gậy phép và trao cho hấn.

Mong rằng nhóc Billy được hưởng chút lợi lộc. Bây giờ cu cậu đang bị kẹt trong Ngôi Nhà Bất Chợt, và cha mẹ tử tế mà nó hằng ao ước không ai khác hơn lại chính là bọn côn đồ máu lạnh có những quyền phép cực kỳ khó chịu.

“Ô, ngờ nghệch quá chừng chừng,” Manfred hát ư ử khi hấn nhịp bước vòng quanh văn phòng của mình, xoay xoay cây gậy trắng, thanh mảnh trong tay.

“Và bây giờ là bài kiểm tra. Mày sẽ làm được gì cho tao, hả cây gậy phép bé nhỏ?”

Hấn nhận thấy một con ruồi đang bò trên bàn làm việc, liền chạm đầu gậy bịt bạc vào nó.

“Biến thành cóc,” hấn ra lệnh.

Manfred cảm thấy một cơn buốt xé trong lòng bàn tay và hấn buông rớt cây gậy phép. Con ruồi vẫn cứ là con ruồi. Nó bay lên trần nhà, và đậu ở đó, lộn ngược, im re. Manfred có cảm giác gớm ghiếc là con ruồi đang cười nhạo mình.

“Biến thành cóc,” hấn hét to, quăng cây gậy phép lên trần nhà.

Khi cây gậy trắng rời khỏi bàn tay hấn, một cơn đau xe thịt chạy dài suốt cánh tay của Manfred.

“Ááááá!” Hấn hét lên.

Cây gậy phép đụng con ruồi và rớt xuống sàn. Con ruồi, không hề hấn gì, bay về phía cửa sổ.

“Biến con vật đó thành cóc!” Manfred rú rít, chụp lấy cây gậy phép và liệng nó về phía cửa sổ. Lần này, cơn đau đục bàn tay hấn tựa như một que cời nung đỏ. Quả thực, có một vết bầm lớn, đỏ lôm xẹt ngang lòng bàn tay hấn.

Khi Manfred thét rống lên, con ruồi bay vo ve đằng sau tấm rèm, và một lần nữa, cây gậy rớt xuống sàn nhà. Đến lúc này, Manfred không còn chút nghi ngờ gì nữa, rằng cây gậy ấy không phục tùng hấn. Thự ra, hấn càng cố sử dụng nó, thì nó sẽ càng trừng phạt hấn vì đã dám thử.

“Mày... mày...” Miệng nguyên rửa thậm tệ, Manfred vớt cây gậy phép lên và thấy nó vô sọt rác trống rỗng. Rồi hấn quơ cào tất tần tật đám giấy lộn mà hấn kiếm được và quăng vô sọt. Hành động cuối cùng của Manfred là quẹt vài que diêm và thả chúng vô đồng giấy.

Trông lửa bốc lên ống khói thiệt hả lòng hả dạ, nhưng rồi khoảnh khắc kinh hoàng đến với Manfred khi lửa bắt đầu lan ra căn phòng. Hấn giật phăng chiếc áo chùng đen đang mặc ra và thấy nó úp chụp lên ngọn lửa, cổ dập tắt. Chiếc áo chùng cháy sém và một làn khói cuộn ra. Ho sặc sụa và ngạt thở, Manfred lảo đảo chạy tới cửa sổ, mở bung ra.

Đúng lúc đó, ông Tantalus Ebony bước vào phòng, vui vẻ cười rồ rồ:

“Đang âm mưu gì đấy, chàng trai trẻ?”

Manfred quay ngoắt lại, vắn ho rũ rượi. Hấn chỉ ngọn lửa:

“Cây gậy... hụ... hụ... của Charlie... Tôi... hụ... đốt nó.”

Hắn khạc một tiếng để thông cổ họng, nghe khét lẹt.

“Nó không phục tùng tôi, cho nên tôi kết liễu nó luôn. Ít nhất thì bây giờ cái thằng oắt ôn dịch đó không thể sử dụng cây gậy được nữa.”

“Ôôô! Kiểm chế, kiểm chế coi.” Tantalus cười khục khích. “Cậu sẽ cần phải học cách kiểm soát chuyện nó không phục tùng cậu, anh bạn cũ của ta à.”

“Tôi không phải bạn cũ của ông” Manfred quắc lại. “và tôi mong ông xác định được ông là ai.”

“Hôm nay, ta là...” Tantalus dòm trợn trừng lên trần nhà. “Ta là một chút Vicent Ebony, tên đưa thư – gã ấy gọi tất cả mọi người là bạn cũ của tôi – nhưng mà ta cũng là một phần ngài hiệu trưởng ham đi bộ, Tantalus Wright. Ta chưa hề có nhiều niềm vui đến thế này suốt bao nhiêu năm rồi.”

“Tôi hy vọng lão chưa quên tại sao lão lại ở đây,” Manfred nói ngoa ngoắt.

“Ồ, cái đó!” Tantalus híp đôi mắt chên nhau của lão lại và liếm đôi môi mỏng. “Không, ta không quên cái đó.”

Ngọn lửa trong sọt rác, đến lúc này, là một đồng tro lập lờ và hai gã đàn ông nhìn với vẻ thỏa lòng khi những thứ còn lại của cây gậy cháy đen cuối cùng vỡ vụn ra thành bụi. Một luồng gió thỉnh thoảng thổi qua cửa sổ để mở, nâng đồng tro lên, và một đám mây tro nhỏ xíu bay chấp chới vô phòng. Dần dần, đám mây xếp thành hình một con bướm đêm màu trắng với đầu đôi cánh mỏng mảnh viền bạc.

“Bắt lấy nó!” Tantalus rống vang.

Manfred nhảy chồm lên, quá trễ. Con bướm bay dập dềnh qua cửa sổ, theo sau là một con ruồi bắt trị.

Trong phòng tắm nhà số 9 đường Filbert, Charlie Bone mặc đồ ngủ, đứng bên cạnh bồn rửa mặt, bỗng cảm thấy choáng váng. Toàn thân nó như bị lửa đốt. Bệnh cúm chẳng? Nó cảm thấy một cái gì đó kinh khủng vừa mới xảy ra. Nhưng mà là cái gì? Lẽ nào một trong những người bạn của nó gặp tai nạn.

Charlie hứng hai bàn tay dưới vòi nước lạnh. Hơi nước bốc lên từ những ngón tay của nó, như thể chúng là những que cời than đỏ rực.

“Ôi... ôi,” Charlie run bần bật. “Vụ gì thế này?”

“Gì hả?” Một giọng nói từ ngưỡng cửa nạt nộ. Nội Bone đứng trợn mắt nhìn Charlie. “Mày chiếm nhà tắm suốt hai mươi phút rồi. Những người khác cũng cần xài, mày phải biết chứ.”

“Éééé!” Charlie nghiến chặt hai hàm răng lại khi một làn hơi nước nữa phụt ra khỏi những đầu ngón tay nó. “Nhưng con bị nóng quá, nội. Coi nè! Hơi nước!”

“Cái xấu xa nó phơi bày ra đó mà,” nội Bone gầm gừ. “Dẹp cái tay kinh tởm của mày đi chỗ khác”

Charlie rời phòng tắm, vẫy vẫy những ngón tay bốc khói trong không khí. Nó đi vào phòng ngủ, mở cửa sổ ra hết cỡ, và chìa hai bàn tay ra ngoài trời mát mẻ. Đó là một buổi tối kỳ lạ. Một màn sương mù mùa thu đang quét qua thành phố, làm nghẹt tiếng xe cộ và làm mềm đi những đường viền của những bức tường và những hàng rào. Không khí ngào ngạt hương hoa.

Một mảng bụi sáng lấp lánh trôi từ bầu trời xuống. Khi mảng bụi sà xuống gần hơn, Charlie có thể nhận ra đôi cánh màu trắng, đầu cánh viền bạc – một con bướm đêm màu trắng.

Sinh vật bé nhỏ đó bay xuống bàn tay chìa ra của Charlie và đậu lên ngón tay trỏ của nó.

“Chao!” Charlie nói. “Mày thật tuyệt vời.”

Nó đem con bướm vô nhà và để con bướm bò trên chiếc bàn đầu giường, tại đây con bướm dang đôi cánh ra và đậu im lìm. Charlie có cảm giác là con bướm cảm thấy rất thoải mái khi ở trong phòng nó. Nó nhận thấy bàn tay nó không còn cháy bỏng nữa, và cơn sốt ngầy ngấy của nó cũng đã hết. Nó hoàn toàn khỏe mạnh trở lại.

Trong một ngôi nhà cách không xa nhà của Charlie, Olivia Vertigo ngồi trên mép giường, gọt táo. Đó là trái táo thứ năm nó cạo gọt trong ngày hôm ấy. Và lần cố gắng này chứng tỏ cũng chẳng thành công hơn những

lần kia. Mỗi lần nó nghĩ nó đã gọt xong hết rồi, là lại có thêm một hai phân vỏ táo nữa cần gọt, và dây vỏ táo lòng thông ra khỏi trái táo dài ít nhất là một thước.

Đùng đùng nổi cáu, Olivia quăng con dao và liệng trái táo ngang căn phòng. Nó vùi mặt vào hai bàn tay và khóc thút thít.

“Chuyện gì xảy ra với mình thế này?”

Cánh cửa bật mở và mẹ nó nhìn vô phòng. Cô Vivienne Vertigo (hay Viva Valery trong các bộ phim) dù là một ngôi sao màn bạc nổi tiếng, nhưng điều này không bao giờ ngăn cô là một bà mẹ tốt bụng và cảm thông. Cô luôn luôn tìm ra cách giúp đỡ con gái vượt qua những “cơn buồn vui thất thường” nho nhỏ của nó, nói theo cách của cô. Nhưng tâm trạng của Olivia trong hai mươi bốn giờ qua sắp sửa hạ gục cô.

“Hoa đẹp lắm, Olivia, cảm ơn con!” Cô Vivienne nói.

Olivia không nhìn lên.

“Ôi, Livvie tội nghiệp.” Cô Vertigo lại bên con gái và ngồi cạnh nó, trên giường. “Mẹ cũng đã rất dài trong lần thử vai đầu tiên, con biết không. Đó không phải là vai thích hợp cho con. Sẽ còn có những cơ hội khác nữa. Con đừng thoái chí như vậy.”

“Con không thoái chí,” Olivia lầu bầu.

“Vậy thì là cái gì?”

“Một cái gì đó xảy đến với con, mẹ à.”

“Con đang lớn đấy cưng.”

“Không phải CÁI ĐÓ!” Olivia hét lên. “Một cái gì đó khác cơ. Nó khiến con... ôi, con không biết. Con ghét nó. Con không muốn nó xảy ra.”

Cô Vertigo ráng kiềm chế để không làm một cử chỉ bấn loạn. Thay vào đó, cô nhún vai một cách khiêm nhường nhất và nói:

“Mẹ không hiểu lắm, cưng.”

Olivia buông một tiếng thở dài thượt.

“Khi con về nhà cùng với bó hoa đó, con cảm thấy muốn ăn táo. Vì vậy con lấy một trái táo từ cái thố ở trong nhà bếp. Nhưng con không thể nào gọt được nó. Con cố gọt thêm bốn trái nữa. Nhưng... nhưng vỏ táo không bao giờ hết.”

“Sao con không ăn cả vỏ luôn?” Cô Vertigo hỏi. “Nó tốt cho tóc của con mà.”

“Con không thích vỏ táo,” Olivia thét lên, phát khùng vì sự thiếu hiểu biết của mẹ mình. “Nhưng đó không phải là điểm chính. Tại sao vỏ táo không bao giờ hết? Con cứ gọt quanh gọt quanh mãi và nó không bao giờ hết.”

Cuối cùng, cô Vertigo nói:

“Những trái táo đó hái từ cây táo ở cuối vườn nhà mình. Trước giờ mẹ chưa từng thấy có chuyện gì với chúng cả.”

Olivia không nói đến táo nữa...

“Và rồi có hoa.”

“Hoa đẹp lắm,” mẹ nó vọt miệng. “Nhưng con kiếm được chúng ở đâu vậy? Mẹ nghĩ con ở quán Cà Phê Thú Kiểng cơ mà. Mẹ lo quá khi ông Onymous bảo với mẹ là con không có ở đó.”

“Đó, điều đó đó mẹ. Những bông hoa đã tìm con. Có một ngõ hẻm mà trước đây con chưa bao giờ thấy và con cảm thấy con cần phải đi tới đó. Rồi sau đó con thấy tiệm bán những bông hoa này, tiệm hoa Thiên Thần. Khi con đi vô, người phụ nữ trong tiệm nói cô ấy biết con, điều đó đáng sợ quá bởi vì con không biết cô ấy. Tên của cô ấy là Alice Angel.”

“Alice Angel... Alice Angel,” cô Vertigo từ tốn lặp đi lặp lại.

“À phải,” cuối cùng cô nói. “Alice Angel kết hoa đám cưới, lễ đặt tên thánh, lễ kỷ niệm. Cô ấy đã trang trí nhà mình trong bữa tiệc đặt tên thánh của con, Livvie. Mẹ đã không gặp cô ấy kể từ đó, nhưng cô ấy sống ở ngay đằng kia.”

“Đâu?” Olivia nhảy bắn ra khỏi giường và dõi theo ngón tay mẹ nó chỉ ra cửa sổ. “Đâu? Đâu?”

“Ở phía bên kia bức tường có một khu vườn. Nó đâu lưng lại với vườn nhà mình. Cô Alice Angel sống trong ngôi nhà ở đầu kia khu vườn. Ít ra là cô ấy đã từng sống ở đó.”

“Mẹ, con sẽ tới xem ngay bây giờ.”

“Ừ, Livvie,” cô Vertigo vui mừng thấy gương mặt buồn bã của con gái đã sinh động trở lại. “Nhưng làm ơn đừng leo tường đấy nhé. Nhà đó giờ có thể là nhà của người lạ.”

“Không sợ,” Olivia nói rạng rỡ. Nó chạy xuống cầu thang và ào ra vườn.

Một màn sương mù trắng thảng chín phủ trên mặt cỏ và không khí thấm đẫm hương thơm. Olivia tiến đến bụi cây ở cuối vườn. Nó thấy có bức tường nhô qua khỏi bụi cây, nhưng trước khi tới được, nó loạc choạc đâm phải một trái táo rụng. Gần đó có mấy trái nằm lẫn lóc. Đúng hơn, mặt đất rải rác đầy táo. Táo từ một nhánh cây dài thò qua tường rụng xuống. Cây táo mọc ở bên kia bờ tường.

Olivia lách mình băng qua bụi cây. Nó không đủ cao để nhìn qua được bức tường, vì thế nó phóng lên và ngồi trên thành tường. Khi thoát nhìn xuống khu vườn bên kia, nó cứ ngỡ như bất ngờ có tuyết rơi, bởi vì khu vườn phủ đầy hoa trắng. Hoa mắc cả lên cây, vương kín những bờ rào và len lỏi trên lối đi hẹp lát đá. Những cánh hoa trắng rải khắp mọi nơi, tựa hồ như những mảng tuyết.

Cuối con đường, một căn nhà rất xinh ẩn dưới một thảm hoa hồng trắng. Chỉ trông thấy một cánh cửa lớn và một khung cửa sổ. Ngay cả ống khói cũng chìm trong những tràng dây leo.

Olivia hầu như không để ý lắm đến quang cảnh lạ kỳ này khi mắt nó hướng tới một cấu trúc tròn tròn bằng gỗ mà nó phát hiện ra ngay bên trên biển hoa. Olivia nheo mắt trong hoàng hôn. Đó là một chiếc xe mooc, một ngôi nhà di động chính cống của dân Di-gan.

Ngay lúc đó, cánh cửa của ngôi nhà mở ra và ánh sáng tràn khắp lối đi. Một bóng người bước ra. Nhỏ nhắn và rất mỏng mảnh, bóng người mặc áo khoác dài có mũ trùm và bước lê trên lối đi, đầu cúi xuống và vai rụt lại. Và rồi, bóng người rời khỏi lối đi và lội qua biển hoa cho tới khi đến bên chiếc xe mooc. Olivia nghe tiếng bước chân cô leo lên những bậc thang gỗ. Nó mở căng mắt và cúi nhoài xuống bức tường, cố nhìn kỹ xem bóng người lạ là đàn ông hay phụ nữ.

Một giọng cất lên:

“Ngủ ngon nhé, anh yêu.”

Hiện ra nơi ngưỡng cửa của ngôi nhà phủ hoa hồng, một người phụ nữ có mái tóc bạch kim óng ánh đang đứng. Cô Alice Angel.

“Chúa ban phước cho em!” Hình hài đội mũ trùm đáp lại.

Rồi người đó bước vào trong cái xe mooc và đóng cửa lại.

Cô Alice Angel vẫn đứng tại chỗ một hồi. Và rồi cô gọi:

“Phải cháu đó không, Olivia?”

Olivia giật mình và rút phịch xuống vườn nhà nó.

9. Chương 09

Người đàn ông kẹt trong gương

Vào sáng thứ Hai, Charlie định ninh là sẽ gặp Billy Raven trên xe buýt trường, nhưng chẳng thấy tăm hơi thằng bé đâu cả.

Cuối cùng Charlie cũng bắt gặp Billy trong hội trường. Thằng nhỏ bạch tạng này trông có vẻ kiệt quệ - có những quầng thâm trũng sâu dưới mắt và gương mặt lộ vẻ bị hành hạ, đói khát.

“Ở nhà thế nào, Billy?” Charlie thì thào khi dàn nhạc giao hưởng nổi lên.

“Tốt,” Billy đáp. “Tuyệt. Thiệt đấy.”

“Anh chờ em hoài. Anh tưởng ba mẹ em chở em tới quán Cà Phê Thú Kiểng chứ.”

“Không. Em... anh biết đấy... nhà em mắc bận,” Billy nói nghiêm trang.

Một trăm đứa trẻ mặc áo chùng xanh da trời cất lên bài hợp xướng đầu tiên, và Charlie đành thôi, tạm thời vậy, nhưng sau giờ ra chơi đầu tiên nó thấy Billy trong phòng để áo khoác xanh da trời.

“Billy...” Charlie mở lời.

“Thôi!” Billy hét lên.

Charlie ngó Billy chằm chằm, ngạc nhiên hết sức.

“Thôi vậy,” nó nói.

“Làm ơn đừng hỏi em về nhà em, hay về ba mẹ em, hay về bất cứ điều gì đại loại nữa, bởi vì em sẽ không nói cho anh biết đâu.”

Hạ thấp giọng, thằng bé thêm.

“Em không nói được.”

Trong thoáng chốc, Charlie bối rối. Gia đình de Grey rõ là đã đe dọa Billy và Charlie không muốn chuốc rầy rà cho thằng bé.

“Thôi vậy. Có lẽ em chỉ cần cho anh biết em có lấy cây gậy phép của anh hay không?”

Gương mặt tái xanh của Billy chợt đỏ rần.

“Em...” Nó chật vật với câu trả lời.

Cuối cùng, nó nói nhỏ:

“Em xin lỗi, anh Charlie. Thực tình xin lỗi.”

“Anh nghĩ em đã đưa nó cho Manfred.”

Lặng lẽ, Billy gật đầu.

“Để anh đoán coi. Hẳn đe dọa em sao đó. Xem ra hẳn bảo em sẽ không được về nhà mới gì hết.”

Billy lại nín thinh, gật đầu một cái nữa.

Charlie thở dài:

“Phải chi em đừng làm thế, Billy, nhưng anh nghĩ anh cũng không thể trách em được.”

Charlie rời phòng để áo khoác và quây quả đi tới lớp học của nó. Một tràng cười rộ lên, dội về phía nó khi nó tới phòng học của thầy Tantalus Ebony. Khi bước vô, nó thấy một nửa lớp đang cười khúc khích.

Tantalus Ebony ngồi sau bàn, cầm gục xuống ngực. Cái mũ trùm màu tím bao bọc kín đầu, mắt nhắm tịt và thầy đang ngáy ầm ĩ. Charlie ngồi vô chỗ của mình, kế bên Fidelio, cậu này nằm xoài ra bàn, cười ngặt nghẽo, rung cả người. Charlie cũng không nén được cười, mặc dù nó vẫn hé mắt để ý ông thầy đội mũ trùm.

Bất thành linh, cái đầu của Tantalus Ebony giật ngóc lên và ông ta rống vang:

“Im!”

Giọng ông ta nghe hoàn toàn khác. Tuần trước ông ta có giọng the thé, nhưng giờ đây giọng ông ta nghe rõ ràng từ dưới hang sâu vọng lên. Tiếng rống như một cú điện giật đến nỗi cả lớp đột nhiên im bật.

Tantalus Ebony hình như hơi chần chừ vì cái giọng đục sâu phụt ra khỏi họng mình.

“E hèm,” ông ta nói, hắng cho thông cổ. “Umm! Umm!”

Thiệt khó mà ngó thẳng mặt lên trong khi ông thầy kỳ dị đang chìm trong một cơn ho khạc, rít, hít và thở phù phù, nhưng không đứa học trò nào trong lớp dám để lộ ra một nét cười trên mặt. Chúng đánh hơi thấy mùi cấm túc.

Cuối cùng, ông thầy đã tìm ra được giọng thích hợp cho bài giảng của mình, và với giọng hài lòng nhưng đầu quyền uy, ông ta hô lớn:

“Lịch sử thời trung cổ. hãy mở sách ra trang bốn mươi ba. Vương triều Plantagenet.”

Suốt bốn mươi phút, cả lớp lắng nghe ông thầy Tantalus Ebony mô tả về triều đại vua Henry II và vụ ám sát Thomas à Becket. Đó là một bài học thú vị nhất mà Charlie từng được học. Lúc sắp kết thúc bài học, trước sự ngạc nhiên ngỡ ngàng của tất cả bọn học trò, Tantalus Ebony chợt hỏi:

“Và Vua Đỏ đã ở đâu khi những trận chiến, những vụ giết người và xung đột này xảy ra?”

Không đứa nào biết phải trả lời ra sao. Ông Ebony nhìn thẳng vô mặt Emma Tolly và nói:

“Trò phải biết, Emma-kẻ-được-ban-phép-thuật, lẽ nào trò không biết? Trò, kẻ mang dòng máu của nhà Vua trong huyết quản, mang tài phép của nhà Vua trên những ngón tay...”

Rồi Tantalus cúi nhoài người qua bàn và thì thầm khàn đặc:

“... Và trong đôi cánh của trò.”

Tất cả lớp nhìn Emma, con nhỏ lấp bắp:

“Em... không biết, thưa thầy.”

“Ngài ở ngay đây, con ngốc. Sống ung dung trong đồng cỏ mát mà chúng mày có thể thấy ở góc vườn đằng kia. Ai mà nghĩ được rằng một tòa lâu đài cũ mốc, u ám thế kia lại có thể là một mái ấm gia đình? Nhưng mà chính vậy đấy. Nhà vua, hoàng hậu và mười – à không, thứ lỗi cho ta, chín chữ - chín người con sống ở đó với nhau hạnh phúc, cho đến một ngày kia khi hoàng hậu tạ thế. Hầy, hô. Biến cố xảy ra. Và nhà Vua đắm chìm trong phiền muộn bỏ vào rừng sâu, bỏ bê các con của mình, kể cả đứa trẻ mới sinh.

Ông Ebony lắc đầu. Bây giờ trên mặt ông ta ngự một nụ cười thỏa mãn một cách quái đản:

“Dĩ nhiên có vô số người hầu kẻ hạ chăm sóc họ, nhưng đâu có giống, đúng không nào? Đâu có giống như có mẹ và cha chăm lo, phải không, Emma?”

“Phải, thưa thầy,” Emma như sắp òa khóc đến nơi.

Charlie tự hỏi tại sao thầy Tantalus Ebony lại xoay vô Emma. Còn hai đứa nữa được ban phép thuật ở trong lớp kia mà, nó và Gabriel, anh chàng này đang ngồi ở cuối lớp, thấp thỏm vô đầu bứt tóc. Không hề suy nghĩ, Charlie hỏi:

“Thưa thầy, thầy có được ban phép thuật không ạ?”

Lờ tịt câu hỏi đó, Tantalus Ebony chĩa ánh mắt màu xanh nâu của mình vào Charlie và hỏi:

“Con sâu hoang trên đường Filbert ra sao rồi, cậu Bone?”

Charlie hoàn toàn bối rối:

“Gì ạ?” Nó nói khàn khàn.

“Con sâu hoang ấy, Charlie. Nói coi. Có thấy con bướm lạ nào dạo gần đây không? Loại bướm đêm? Còn ngựa nghèo thì sao?”

Miệng Charlie há hốc nhưng chả thốt ra được lời nào.

“Không,” Charlie lúng túng.

“Không cái gì?”

“Không, thưa thầy,” Charlie nói.

“Đồ ngu. Ý ta là, không bướm hoặc không ngựa gì sao?”

Đầu óc Charlie chạy loạn xạ. Một câu hỏi gài bẫy chẳng? Charlie chưa kịp quyết thì Fidelio đã nói:

“Trò ấy chẳng thấy con nào trong bọn chúng cả.”

“Ai hỏi mi, đồ xác lác kia?” Thầy Ebony hét ầm lên. Trong tích tắc, tâm trạng của ông ta biến đổi. Đan những ngón tay vô nhau, ông ta duỗi thẳng cánh tay ra, vươn lòng bàn tay về phía bọn học trò. Tiếng những khớp xương kêu răng rắc đến nổi da gà, và ông ta hân hoan nói:

“Cả lớp giải tán.”

Gần như không tin rằng mình lại may mắn thế, Charlie gom hết sách vở và vọt ra cửa. Khi ra khỏi phòng học, nó nghe thấy thầy Ebony huýt sáo một giai điệu hơi quen quen.

“Ông thầy đó khủng hay sao vậy?” Fidelio nói.

“Cứ như có hai con người ấy,” Charlie nói.

“Ba chứ,” Gabriel chen ngang, nó vừa đuổi kịp hai đứa kia. “Khi dạy đàn dương cầm thì ông ta hoàn toàn khác: điềm tĩnh, trang nghiêm, và ông ta chơi đàn cực kỳ hay.”

Emma và Olivia đang sóng bước ở đằng trước bọn con trai, nhưng khi chúng sắp tới tiền sảnh, Olivia quay qua Emma và thét lên:

“Thôi, im đi! Tớ không muốn nói về chuyện đó mà,” và nó chạy băng qua tiền sảnh tới phòng để áo khoác của khoa Kịch.

“Nó làm sao vậy?” Fidelio hỏi.

Emma chờ bọn con trai đi tới chỗ nó rồi mới nói:

“Mình nghĩ là tại bây giờ mọi người đều biết nó rút cuộc thi thử vai. Chuyện lan ra khắp toàn trường rồi.”

“Tôi quên mất chuyện đó,” Gabriel thú thiệt.

“Tội nghiệp,” Fidelio nói. “Chắc nó thấy kinh khủng lắm.”

Charlie thú nhận là đã gặp Olivia kể từ buổi thử vai. Nó kể lại cho cả bọn nghe về người phụ nữ trong tiệm Hoa Thiên thần, hình như cô ấy biết Olivia và biết nó.

Asa Pike, đang rình mò quanh tiền sảnh, cất tiếng:

“Bọn kia, không được luẩn quẩn ở đó. Bọn bay phải lẹ lẹ đi ăn trưa đi.”

Nhớ và tuân thủ luật im lặng, bốn đứa trẻ bước vô tiền sảnh và đi sang phòng để áo khoác của khoa mình.

Billy Raven đang đứng cuối cùng trong đám xếp hàng chờ lĩnh phần ăn trưa thì Charlie và đám bạn bước vô căn-tin.

“Em ngồi chung bàn với anh được không?” thằng bé hỏi Charlie.

“Được,” Charlie cười toét. Trông Billy sợ sệt đến nỗi không còn tức giận nó được nữa.

Hôm nay có món xúp cà chua và bánh mì vòng. Trong lúc cả bọn xì xúp múc xúp một cách háu đói, Billy chỉ ngồi ngó trừng trừng vô cái tô.

“Không khỏe hả, Billy?” Fidelio hỏi.

“Ồ, khỏe chứ. Em rất khỏe,” Billy nói một tràng. “Ba mẹ em tuyệt lắm. Họ cho em ăn toàn đồ ngon. Em đã ăn sáng nhiều lắm rồi. Em không ăn thêm được nữa.”

Bon kia dòm thẳng bé trân trân, ngạc nhiên vì bài diễn văn đầy nhiệt huyết ngắn ngủi của nó. Nhưng sau đó Billy chẳng nói gì nữa cho đến hết bữa ăn. Bọn trẻ đang xếp chồng đĩa lại, chuẩn bị đem ra quầy, thì Billy rụt rè hỏi:

“Anh Gabriel, anh có thể nói cho em biết một thứ được không? Nó bị ai đó làm mòn rồi, nhưng nó không phải là một vật bình thường.”

“Ra ngoài kia hãy đưa tôi coi,” Gabriel nói, bị cuốn hút bởi một vật không bình thường.”

Vật đó hóa ra là một cái nút áo. Billy lôi nó từ trong túi quần ra, lăm lăm:

“Hình như là em chưa nói gì hết phải không? Ý em là, em chưa nói gì về nhà mình, đúng không?”

“Chưa.” Gabriel nói, cầm lấy cái nút áo.

Bốn thằng bé đang ngồi trên bãi cỏ ở bên rìa khu vườn, với những bức tường đổ lở lói của lâu đài hoang phía sau lưng.

“Em tìm thấy nó ở đâu vậy, Billy? Và nó có gì khác thường?” Fidelio hỏi.

“Không nói được,” Billy ngậm chặt miệng lại.

Cái nút áo trông khá bình thường. Lớn và màu đen – loại nút áo thường đính trên áo com-lê hoặc áo khoác.

“Tôi cần biết thêm một ít về cái nút,” Gabriel nói. “Em tìm thấy nó ở nhà mới của em phải không? Trong tủ áo? Hay dưới sàn nhà? Em có biết ai mặc chiếc áo mà đính cái nút này không?”

Billy gật gật đầu hai cái và sau đó lắc lắc đầu hai cái.

“Rồi. Vậy là chúng ta tiến đến gần hơn rồi đấy.” Gabriel lật cái nút áo lên. “Tôi nghĩ, có gì thì làm nấy thôi.”

Nó đặt cái nút áo lên những vị trí khác nhau trên thân mình và rồi lên hai bên hông.

“Thiệt khó,” nó nói. “Em biết đấy, tôi không thể mặc nó vô được nên tôi không nghĩ là sẽ có tác dụng... Óai!”

Thân hình còm nhom, dài ngoẵng của Gabriel nẩy giật sau và nó nhìn xuống cái nút áo mà nó vừa đặt trên túi áo sơ mi bên trái của nó. Có một nhịp đập rất khê khi nó ấn cái nút áo cho gần trái tim hơn.

Mắt tròn xoe, Billy nhìn thẳng mặt Gabriel khi cậu bạn lớn này học ra một chuỗi những từ cảm thán:

“Quái lạ! Kỳ thiệt!”

Nó nhắm nghiền mắt lại và ba đứa kia lắng nghe trong yên lặng hoàn toàn.

“Có thủy tinh ở khắp nơi. Những bức tường thủy tinh. Không, nó là gương... gương với... với một bóng người đàn ông tóc đen đang nhìn vào gương. Có tiếng đàn, đàn dương cầm, nhưng tôi không thể thấy cây đàn. Tôi nghĩ người đàn ông đó bị kẹt... kẹt bên trong những tấm gương.”

Thình lình, bầu thình lặng bị phá vỡ bởi một tiếng thét không phải của người. Tiếng vó ngựa nện quanh đám con trai, chúng cúi người xuống, đầu cúi rạp, kinh sợ mình sẽ bị những chiếc móng guốc giẫm giữ xéo bẹp. Chỉ có Fidelio là còn thẳng người, hoàn toàn không nhận ra âm thanh đang khiến bọn bạn nó sợ khiếp đảm kia.

Gabriel, mặt cắt không còn giọt máu, vội quăng cả nút áo ra xa, vào đám cỏ cao gần khu lâu đài hoang, và con thú hình như lao theo cái nút áo. Charlie nhìn lên, thiệt lệ, và một hình ảnh loáng qua trong đầu nó: một con ngựa trắng với một cái đuôi nhổng vung lên. Và rồi nó biến mất. Nó vụt vào khu lâu đài hoang hay là tan biến trong không khí, Charlie không chắc.

“Vụ gì vậy?” Fidelio hoit.

Chưa đứa nào kịp trả lời thì Billy Raven đã rên rỉ và ôm chặt lấy bụng. Gập đôi người lại trong đau đớn, nó lăn lộn và nằm rên siết trên cỏ.

“Chuyện gì vậy, Billy?” Charlie ngập ngừng sờ vào vai thằng bé.

“Em không nói được,” Billy rên. “Em đâu có nói về Ngôi Nhà Bất Chợt... Ôôôi... Ôôôi...đúng không? Cái nút áo đó không nói mà, phải không? Em không phá vỡ lời tuyên thệ. Em không... Ựựự... Ááááá... Em nghĩ em sắp chết.”

Charlie phóng như bay tới chỗ cô Crystal, giáo viên trực giờ nghỉ giải lao.

“Billy Raven,” nó hét thất thanh, chụp lấy tay cô. “Nó nói nó sắp chết.”

Cô Crystal chạy nước rút, băng qua mảnh vườn nhanh hơn Charlie tưởng. Cúi xuống Billy, cô suýt xoa:

“Ôi, tội qua. Gì vậy cưng? Bụng con đâu à? Ôi, nào nào cưng. Con có đứng dậy được không, Billy?”

Đến lúc này Billy đau quằn quại đến nỗi không sao nói được. Với sự trợ giúp của mấy đứa lớn, cô Crystal ráng đỡ Billy đứng dậy, nhưng nó vẫn gập người lại trong cơn đau. Thật cẩn thận, họ dìu thằng bé qua vườn, vô tiền sảnh.

Gã Weedon, đang ngồi bên cửa vườn, ngược lên khỏi tờ báo và hỏi:

“Thằng nhóc sao vậy?”

“Nó không khỏe, ông Weedon,” cô Crystal đáp. “Ông làm ơn giúp tôi đưa nó tới bệnh xáđượckhông?”

“không có chi,” gã làm vườn gầm gừ. gã nhắc bổng Billy lên và vác nó đi khỏi.

Tối đó, Charlie hỏi bà giám thị coi nó đi thăm Billy được không.

“Quên đi,” bà cô Lucretia Yewbeam nói. “nó không đến nỗi nào đâu.”

“Nhưng nó bị sao vậy?” Charlie hỏi. “Nó ăn trúng gì đó phải không?”

Bà giám thị thấy cho nó một nụ cười lạnh lùng:

“Nó không khỏe nên cái gì mà chẳng làm nó bệnh được. Giờ thì đi ngủ đi và đừng có quấy rầy nữa.”

Charlie sẽ không buông xuôi dễ dàng như thế được. Ngày hôm sau, trong khi xếp hàng lãnh đồ ăn trưa, nó cúi xuống quầy và hỏi bà bếp trưởng coi bà có gặp Billy không.

“Có mang cho thằng cún ít xúp lơang, Charlie. Nhưng nó không sao nuốt nổi,” bà đáp.

“Chuyện gì xảy ra với nó vậy, bà bếp trưởng?”

“Ta không biết. Nó không nói lấy một lời. Cứ nằm bẹp ra đó. Trông hoảng hồn hoảng vía.”

“Ừm, giờ con biết nó sống ở đâu rồi, bà bếp trưởng. Ở một nơi được gọi là Ngôi Nhà Bất Chợt.”

“Ngôi Nhà Bất Chợt?” Chân mày của bà bếp trưởng nhướn lên, nhưng bà chưa kịp nói gì thêm thì Gwyneth Howells, đứng đằng sau Charlie, đá một cú vô mắt cá chân nó.

“Đi coi,” Gwyneth rít lên. “Tao muốn lấy khoai tây chiên của tao.”

Charlie buộc phải tiến tới.

Không ai thấy Billy suốt thời gian còn lại trong tuần, và Charlie có cảm giác bồn chồn là thằng bé đã bị lôi trở về với ba mẹ khó chịu của nó. Nó bảo nó phá vỡ lời tuyên thệ nghĩa là sao? Gia đình de Grey có đòn bí ẩn gì đó để nắm giữ Billy? Có thể nào họ nhận biết được tất cả mọi điều nó nói và nó làm không?

Charlie suy luận là nó có thể tìm thêm ra nhiều điều qua cái nút áo màu đen. Trong suốt cả tuần, cứ mỗi giờ nghỉ giải lao, nó lại ra đám cỏ cao bao quanh khu lầu đài hoang. Fidelio đi cùng với nó, bất cứ khi nào thằng này bứt được ra khỏi giờ tập nhạc, và thỉnh thoảng có Gabriel giúp sức, đá cỏ từ bên này qua bên kia, cầu nhàu:

“Thiệt tình tôi muốn tụi mình đừng tìm thấy cái nút thì hơn. Nó gây rắc rối quá chừng.”

Và nó ngoái ra sau, trông chừng con ngựa hoang xò ra từ đâu đó và dẫm chết nó.

Một buổi chiều, khi Charlie đang lui cui tìm kiếm một mình, nó cảm thấy có ai đó đang nhìn nó và nó liền ngước lên, thấy Olivia, ánh mắt con nhỏ liền gắn chặt xuống đất gần chỗ Charlie đứng.

“Đằng ấy đang làm gì đó?” Con bé lì xì hỏi. Tóc nó bết bết, không gội, áo sơ mi bẩn thỉu và đôi giày đế cao su màu trắng, mà dạo này nó bắt đầu hay mang, giờ biến thành màu nâu xám.

“Liv, sao bồ không nhuộm tóc nữa?” Chrrie hỏi. “Bồ biết đấy, làm như trước kia bồ hay làm ấy. Những màu đẹp rực rỡ ấy.”

“Việc gì tới đằng ấy,” Olivia vặc lại. “Tớ hỏi đằng ấy đang làm gì đó?”

Charlie thở dài:

“Đang tìm một cái nút áo,” nó nói. “Muốn giúp không?”

Olivia batứ đầu lấy mũi giày cao su sục xuống đất:

Tại sao đằng ấy lại muốn cái nút áo? Bộ đằng ấy kiếm cái khác không được à?

“Không. Billy tìm thấy trong nhà mới của nó, và Gabriel, bồ biết đó... tìm ra câu chuyện của cái nút. Nhưng mình muốn biết thêm.”

“Toàn chuyện tâm thần nhảm nhí,” Olivia làu bàu. “Mấy người không bao giờ thôi đi sao, hả?”

Charlie sững sờ:

“Liv, bồ vẫn hay giúp do dự tội mình mà. Bồ thích tham gia lắm mà. Chuyện quái quỷ gì xảy ra với bồ vậy?”

“Nếu đằng ấy thực sự muốn biết, thì tớ không thể gọt được táo, và tớ phát bệnh vì cái mớ phép thuật...” Nó bỗng ngừng bật và nhìn trần trời vô khu đồ nát.”

“Gì đó?”

“Gì là gì?”

“Tớ nghĩ tớ nghe có tiếng hí, như là một con ngựa!”

“Bồ nghe được? Liv, vậy có nghĩa là...”

“Tớ cóc muốn biết nó nghĩa là gì,” Olivia thét lớn. Nó bỏ chạy, để lại Charlie với ngổn ngang thứ để mà suy nghĩ.

Khi tiếng còi đi sẵn rúc lên, Charlie ngần ngừ không muốn bỏ dở cuộc tìm kiếm. Tìm cho ra cái nút áo màu đen là tối quan trọng đối với nó. Gabriel mô tả một người đàn ông áo đen bị kẹt trong những tấm gương, có tiếng đàn dương cầm làm nền. Lễ nào người đàn ông tóc đen đó là ba nó, Lyell Bone? Trước đây Gabriel đã thấy ba Lyell rồi, khi Charlie đưa cho Gabriel chiếc cà vạt của ba nó. Vì vậy nó tha thiết cần Gabriel nhìn lại một lần nữa, và nói cho nó biết coi hai hình ảnh đó có trùng khớp nhau hay không.

Charlie lê bước qua bãi cỏ, là đũa cuối cùng rời khỏi vườn. Khi nó bước vô tiền sảnh, Manfred Bloor xông ra từ phòng của huynh trưởng.

“A. Đứng y chốc,” Manfred nói. “Tôi muốn nói chuyện với trò, Charlie Bone.”

“Tối giờ ngủ rồi,” Charlie phản đối. “Em sẽ trễ mất và bị cấm túc.”

“Cái này quan trọng hơn,” Manfred bước tới cánh cửa dẫn lên tháp nhạc và vẫy Charlie. “Đừng lo, tôi sẽ viết giấy cho trò đưa bà giám thị.”

Charlie miễn cưỡng đi theo Manfred xuống hành lang, tới văn phòng của hắn. Khi họ bước tới kệ sách bụi bặm, Manfred nói:

“Tôi nghĩ giờ trò đã biết lối đi bí mật của tôi.”

Hắn ấn ngón tay giữa hai quyển sách ở kệ trên cùn và kệ sách rùng rùng thụt vào trong.

“Đi trước đi, Charlie.” Manfred dẫn Charlie vào trong phòng, và chiếc kệ sách chuyển động trở về vị trí cũ đằng sau hai đứa.

Charlie cảm thấy như bị sa bẫy. Manfred tích trữ được cái của khi gì mà cho nó coi? Ngó quanh căn phòng, nó để ý thấy một đồng tro ở trong sọt rác. Mùi giấy cháy vẫn còn vương vất, và Charlie tự hỏi tại sao Manfred lại cần lửa trong thời tiết ẩm áp như thế. Cái gì đó xui khiến nó mở miệng:

“Em tin là thầy có một thứ của em, thưa... thầy Man...”

“Và đó là cái gì?”

“Một cây gậy trắng. Billy Raven đưa nó cho thầy.”

“À, ý mày nói là cây gậy phép của mày. Đừng bày đặt giữ kỷ nữa, Charlie. Tất cả mọi người đều biết nó là một cây gậy phép. Ừm, nó bị tịch thu.”

“Thầy không thể làm vậy được,” Charlie la lên.

“Đừng có ngu si. Dĩ nhiên tao làm được. Gậy phép bị cấm. Đó là luật mới.”

Charlie á khẩu. Một tràng những lời thô tục cứ chực trào trong tâm trí nó, nhưng nó biết nếu nó tuôn ra, thì chỉ có cơ cho Manfred trừng phạt nó mà thôi.

Tay thầy trợ giảng mới ra hiệu cho Charlie ngồi xuống bên bàn trong khi hần bước đi loanh quanh trong phòng, sượng sùng sờ mó mẩu ria mép lún phún trên cằm.

Cuối cùng, hần hít một hơi và nói:

“Có một bức chân dung của tổ tiên lừng lẫy của chúng ta ở trong phòng Nhà Vua.”

“Dạ,” Charlie cảm thấy sợ khi Manfred bước vòng ra sau, nó sẽ không nhìn thấy được.

“Tao để ý mày hay nhìn vô đó,” Manfred tiếp.

“Thầy ?”

“Đừng giả ngây,” Manfred nói cụt lủn. “Chắc chắn mày nhìn nó. Chúng ta thỉnh thoảng cũng nhìn. Nhưng mày, Charlie Bone, mày có động cơ, đúng không?”

“Em?”

“Im đi, Bone,” Manfred quạ. “Mày muốn đi vô trong đó, đúng không? Và chắc hẳn, mày đã vô được rồi nếu không có cái gì đó trong bức tranh cản mày lại.”

“Ồ?” Charlie tò mò. Vậy là Manfred biết về mẩu tối đằng sau vai nhà vua – cái người, hay vật, ngăn cản không cho Charlie đi vô bức tranh.

“Trò có bao giờ nghe được gì từ bức tranh đó chưa, Charlie?” Giọng Manfred trở nên mềm mỏng và đầy sức thuyết phục, và Charlie thấy mình đáp lại sự nhẹ nhàng bất ngờ trong giọng nói vốn thường lạnh lùng đó.

“Có, em nghe thấy tiếng cây rung, tiếng ngựa, tiếng yên cương. Thỉnh thoảng có tiếng thép va vào nhau, và tiếng mưa.”

“không bao giờ có giọng nói của nhà vua?”

“Không, không bao giờ.”

Manfred lại gần và đứng phía bên bàn đối diện Charlie. Chống hai tay xuống cạnh bàn, hần cúi sát gần Charlie và hỏi:

“Trò có biết tại sao trò không thể nghe tiếng nhà vua không, Charlie?”

“Vì cái mẩu tối.” Charlie lặng lẽ đáp.

“Hơn cả một mẩu tối, Charlei. Đó là cái bóng của tổ tiên ta, ngài Borlath, con trai cả của nhà vua, và, Charliee, ngài đã trở lại!”

“Hả?” Charlie ngồi thẳng lên. “Ý thầy là gì?” Một cơn sợ hãi dội lên người nó.

“Ông cố của tao đã tiến hành một cuộc thí nghiệm thú vị nhất. Ông ấy được các bà cô của mày giúp đỡ, và dĩ nhiên cả tao cũng giúp. Phe này tìm thấy con ngựa của ngài Borlath, mày biết đấy, và quan trọng nhất là trái tim của ngài.”

“Trái tim Borlath?” Charlie nín thở.

“Tim của ngài.” Charlie có thể thấy những làn gân xanh đậm nổi lên trên mí mắt của kẻ thô miên. “Nó nằm trong một cái tráp bên dưới một bia mộ khắc chữ B. Đúng ra mà nói thì Asa đã tìm ra trái tim. Thường đó thích đào bởi khi nó... không phải là nó... nếu mày hiểu ý tao.”

“Em hiểu.” Charlie tránh khỏi nhìn vào gương mặt lù lù của Manfred.

“Con ngựa đó đã sống dậy,” Manfred tiếp, “trong phòng thí nghiệm của ông cố tao. Và cả trái tim của ngài cũng sống lại. Chúng trở nên hòa quyện vào nhau, như chúng vốn thế, và phóng xuyên qua tường... mày có thể trông thấy cái lỗ thủng từ bên ngoài, nếu mày nhìn lên, và nó đi theo mày.”

“Theo em?” Charlie nhảy dựng lên và cái ghế của nó đổ chổng gọng xuống sàn.

“Tao nghĩ mày cần phải biết,” Manfred xòe rộng đôi bàn tay hấn ra. “Bởi vì nếu mày bước chệch lối, thì con ngựa sẽ sẵn sàng trừng phạt mày. Những móng guốc có thể gây nên những thương tích khủng khiếp.”

Charlie quyết không cho Manfred niềm thỏa mãn được thấy nó sợ. nó nhún vai và nói:

“Em nghĩ em phải đi ngủ đây.”

“Dĩ nhiên.”

Manfred ấn kệ sách mở bung ra và Charlie lẹ làng rời khỏi căn phòng. Nó vẫn cảm thấy ánh mắt soi mói của Manfred dõi theo khi nó bước vào tiền sảnh; và nó chạy như bay lên khu phòng ngủ chung mà không một lần ngoái nhìn lại.

Trên lầu bốn, Billy Raven nằm trên chiếc giường hẹp màu trắng ở cuối phòng bệnh xá. Đó là một căn phòng dài thượt, và không một chiếc giường nào trong số mười lăm chiếc giường kia có người nằm. Những cơn đau bụng quặn thắt đã dịu, nhưng Billy tin chắc rằng chúng sẽ quay trở lại nếu nó bép xép chút gì về mái nhà mới của nó. Nó đã vi phạm một lời tuyên thệ, bằng cách đưa cái nút áo đen cho Gabriel? Làm sao những lời tuyên thệ đó biết cơ chứ?

Bà giám thị gõ vào phòng và bảo Billy rằng ngày mai nó sẽ về lại Ngôi Nhà Bất Chợt.

“Cần một chút nghỉ ngơi tách xa bạn bạn mày,” bà ta nói bằng cái giọng lạnh gáy. “Như thế sẽ giúp mày giải quyết các thứ, Billy.”

Bà ta bỏ đi không buông cho nó một lời an ủi, hay thậm chí một ly sữa giảm đau cũng không.

Billy ngó mông lung vào bóng tối dày đặc, không thể ngủ được. Một vầng trăng tròn trôi lơ lửng trên bầu trời, ánh sáng của nó rớt qua cửa sổ không rèm. Billy nghe có tiếng móng vuốt lóc cóc trên ván sàn đi về phía nó. Một giọng quen thuộc cất lên:

“Billy bệnh?”

“May Phúc,” Billy thông tay xuống và vuốt cái đầu nhăn nheo của con chó. Liệu có bị tính không, Billy tự hỏi, nếu nó kể cho một con chó nghe những điều mà nó không thể kể cho ai khác?

“Ngựa.” May Phúc rừ rừ. “Trong vườn.”

“Ngựa?” Billy ngồi bật dậy.

Billy nhảy khỏi giường và chạy ra cửa sổ. Con ngựa đứng ngay phía dưới: không biến mất, lần này là bóng sinh vật lừng lững, nhưng rất thật. Bộ lông của nó là một mảng trắng loá loá dưới ánh trăng, và mỗi sợi lông trên cái bờm và đuôi của nó sáng óng ánh như từng sợi bạc.

Billy mở cửa sổ ra và nhìn xuống con ngựa. Con ngựa bắt lấy ánh mắt của thằng bé và nói:

“Con,” nó bảo. “Con của ta.”

“Cứu con với,” Billy kêu lên.

10. Chương 10

Kể từ tội

Charlie tìm thấy cái nút áo đen vào ngày thứ Sáu lúc cuối giờ nghỉ giải lao sau bữa trưa. Gabriel quảng nó đi xa hơn cả bọn nghĩ, bởi vì nó nằm giữa hai phiến đá lát tường ngay bên trong cổng vòm lớn dẫn vào khu lâu đài hoang.

Khi Charlie rút cái nút áo vào túi quần, một giọng nói cất lên:

“Cái gì đó, Bone?” Asa Pike đang ngo ngoé lăm le xung quanh hông cánh cổng vòm.

“Cái gì là cái gì?” Charlie nói tỉnh queo.

“Mày lượm cái gì lên đó?”

“À, cái này,” Charleit học tay vào túi và tìm thấy, hên quá chừng, một viên bi nó vẫn để trong đó.

“Chỉ là một hòn bi thôi mà,” nó lôi viên bi ra và giơ lên chỗ sáng. “Thấy chưa! Hồi hôm qua tụi em chơi bi ở đây, và nó lăn vô một khe nứt. Em tưởng em không bao giờ lấy nó ra được nữa chứ.”

Asa dòm viên bi vẻ nghi ngờ.

“Ở đâu mày có nó?”

“Không nhớ. Em có nó lâu lắm rồi. Nó như là bùa hên vậy đó.”

“Hừm.”

Asa quay đi. Những bước nhảy dài dị kỳ của thằng lớp trên này luôn khiến Charlie nổi da gà, và nó hình dung ra một hình ảnh ghê ghê là thân hình nửa thú của Asa đang sục sạo trong khu lâu đài hoang. Thằng ấy đã tìm thấy trái tim ở đâu? Charlie tự hỏi. Và họ biết chắc chắn đó là trái tim của Borlath sao?

Charlei bắt giắc rùng mình và rời khỏi khu lâu đài đổ nát. Khi nó nhét viên bi vào túi, những ngón tay nó chạm phải cái nút áo màu đen và cái nút áo truyền cho nó một niềm hy vọng. Có lẽ, cuối cùng, nó đang tiến đến gần hơn trong cuộc tìm kiếm ba nó.

Trong lúc đang xếp hàng lê xe buýt trường chiều hôm đó, Charlei hẹn Gabriel gặp nó tại quán Cà Phê Thú Kiểng vào thứ Bảy.

“Em tìm thấy cái nút áo rồi,” Chrllie thì thầm. “Anh thử nó một lần nữa chứ, anh Gabriel?”

Gabriel nhún vai theo kiểu khó hiểu của nó:

“Tôi không chắc tôi có muốn gặp lại con ngựa đó hay không.”

“Cái nút áo không liên quan gì đến con ngựa hết,” Charlie nói. “Tin em đi. Ngày mai em sẽ giải thích.”

“Ồ phải đấy,” Fidelio nói. “Và em vẫn chưa kể cho tụi này biết tại sao tối qua em đi ngủ trễ.”

“Em sẽ kể tất,” Charlie hứa.

Ông cậu Paton dạo gần đây đã nhiễm thói quen gọi đồ ăn cao lương mỹ vị từ một nhà hàng lớn trong thành phố. Món tài sản thừa kế từ một trong những người bà con giàu có của mẹ ông cậu giúp ông có thể tự thết đãi mình hậu hĩ như thế, nhưng ông cũng bảo đảm cho tất cả mọi người trong nhà số Chín cùng được hưởng lây tài sản kếch sù của ông.

Tuy nhiên, điều này chỉ tổ khiến các bà cô nhà Yewbeam thêm một lý do nữa để căm ghét ông em trai của mình. Nhưng trong khi nội Bone thăm giận sôi sục, bà cũng không ngăn nổi mình thưởng thức những món đặc sản. Bà Grizelda Bone vốn mê đồ ăn ngon, nhất là món pa-tê gan ngỗng và trứng cá đen. Hôm nay, trong khi Ông cậu Paton, ngoại Maisie và cô Julia Ingledew ngồi trong nhà bếp xơi bánh táo nhân thịt nai quay, nội Bone ngồi ngả người trong phòng khách với thố trứng cá đen dành riêng cho bà, một đĩa bánh mì nướng mỏng và một ly rượu vang Bồ Đào Nha. Bà không thích ăn chung với khách, nhất là với cô Ingledew, người mà bà tưởng tượng là đang theo đuổi em trai bà, mặc dù bất cứ ai cũng có thể nói với bà rằng mọi chuyện là ngược lại.

“Chào!” Charlei reo lên khi nó bước vào nhà bếp. “Mùi hấp dẫn qua chùng chùng. Cho con một miếng đi, miếng gì cũng được.”

Ông cậu Paton cắt cho nó một lát bánh táo lớn, và ngoại Maisie đẩy một chén nước xốt về phía nó.

“Xơi đi. Ăn đứt thứ bình thường,” ngoại Maisie nói, nháy mắt một cái. “Có rượu rum trong đó đó.”

Charlie nhận thấy Ông cậu nó đang mặc một chiếc áo khoác mới.

“Ông cậu định đi đâu đó đặc biệt phải không?” Nó hỏi.

Ông cậu Paton đặt một ngón tay lên môi:

“Suyt! Chúng ta không muốn người đó biết về việc này.”

“Thật ra, tụi này đã bàn với nhau, tính đưa con đi cùng,” cô Ingledew nói thầm.

Không ai nói thêm tiếng nào về đề tài đó nữa, và mặc dầu Charlie phát sốt lên vì tò mò, nó vẫn nhận ra rằng tất cả mọi người đều đang chờ cho nội Bone ngủ thiếp đi. Một vài phút sau, cô Amy Bone đi làm về và hòa cùng mọi người trong nhà bếp. Charlei được bảo đem chai rượu vang ra phòng khách.

“Charlie... ngon quá... thêm một ly rượu... rượu vang nữa.”

Charlie thấy thật khó mà không phì cười trước lời nói lè nhè của nội Bone. Bà đã nốc cạn hơn một ly rượu vang rồi. Nó cẩn thận rót đầy ly cho bà và hỏi bà có muốn ăn chút bánh táo thịt nai quay không.

“Bánh táo... ng... ngon.” Nội Bone liếm môi và thu cả hai chân lên chiếc trường kỷ.

Charlie quay vào nhà bếp, xốt một lát bánh lên một chiếc đĩa và rưới thật đậm rượu rum và nước xốt trái mọng.

“Bà gặt đầu rồi,” nó nói khẽ.

Mười phút sau, họ nghe tiếng ngáy vang rền vọng vào từ phòng khách.

“Bà ấy sẽ phê mấy tiếng liền cho coi,” ngoại Maisie bảo. “Tôi mà là anh chị thì tôi đi ngay bây giờ.”

“Ông cậu với cô định đi đâu vậy?” Cô Amy hỏi.

“À, đến một ngôi nhà gần đây,” Ông cậu Paton trả lời. “Và chúng tôi muốn mang Charlie theo.”

“Để làm gì?” Cô Amy hỏi. “Không... không nguy hiểm chứ?”

“Ồ, mẹ, dĩ nhiên là không rồi,” Charlie nói, nó chẳng biết tí ti nào là có nguy hiểm hay không.

“Làm sao con biết?” mẹ nó bắn cho Ông cậu Paton một cái nhìn lo lắng.

Ông cậu Paton gãi đầu:

“Ừm, có lẽ không nguy hiểm.”

Rồi ông nhìn tờ giấy mà ông vừa rút ra từ túi áo trên.

“Nó chỉ cách đây vài dặm phố, và theo như tôi biết thì đó là một khu vực rất yên tĩnh.”

“Mẹ ơi, làm ơn đi mà,” Charlei nài nỉ.

“Chúng tôi cần phải gặp một người bà con của Billy Raven,” cô Ingledew giải thích. “Một người đàn ông tội nghiệp đang âu sầu. Ông ấy phải gửi thư cho Paton thông qua tôi, đề phòng nó rơi vô tay kẻ xấu.”

Cô Amy mỉm cười gượng gạo:

“Thôi được rồi, Charlie.”

Vẫn chưa đủ tối cho Ông cậu Paton liêu xuất hiện ngoài trời, nhưng sau khi đợi thêm nửa giờ nữa, một đám mây đen cuộn cuộn bắt đầu kéo đến che kín bầu trời, và vào lúc đoàn quân nhỏ rời nhà số Chín, mưa nặng hạt đang đổ xuống phố.

Ông cậu Paton giương ra một cây dù lớn màu xanh da trời – cây dù che kín ông và cô Ingledew, nhưng để lộ Charlie ra hứng gần trọn cơn mưa. Không quan tâm, Charlie chạy vượt lên trước. Xuôi theo con đường dẫn tới công viên, nó quẹo trái theo như được chỉ dẫn. tại đây, một đại lộ những cây tiêu huyền cao che chắn cho nó khỏi cơn mưa giờ đã rất nặng hạt. Nó bước đi thêm chừng nửa dặm nữa thì Ông cậu Paton hét lên:

“Quẹo phải, Charlie. Nhà số Mười Lăm.”

Charlie quẹo vô một con đường mà có thể được mô tả như là đường ở thôn quê. Cảnh lá xum xuê quét xuống vỉa hè, và hầu hết mọi ngôi nhà đều ẩn mình sau những hàng rào cao hoặc những bụi cây rậm rạp.

Cánh cổng nhà số Mười Lăm đúng là cần phải sơn lại gấp, và một bản lề đã bị bung ra. Charlie gần như không trông thấy ngôi nhà đầu - nó chìm ngập trong dây leo và hoa hồng trắng. Hương thơm lan tỏa khắp khu vườn và cô Ingledew tuyên bố đó là mùi hương mê ly nhất trần đời.

“Tôi sẽ phải đóng chai loại hương thơm đó cho em mới được,” Ông cậu Paton nói với vẻ triu mến.

Họ đẩy cánh cổng xiêu vẹo và bước lên một lối đi dẫn đến một cánh cửa màu trắng. Không có chuông hay nắm gỗ cửa, nên Charlie kéo sợi xích đồng treo bên hông cửa. Một âm thanh thánh thót vang lên, dội âm âm bên trong ngôi nhà.

Giây sau, cô Alice Angel đứng nơi ngưỡng cửa.

“Charlie, cháu cũng đến nữa,” cô nói. “Ồi, cô rất mừng.”

Charlie nín thinh. Không ai nói cho nó hay là họ sẽ tới nhà cô Alice Angel. Nó hơi lúng túng. Nhưng Ông cậu Paton và cô Ingledew đã bước vào nhà và tự giới thiệu, như thể cô Alice Angel là một người hoàn toàn bình thường, vì vậy Charlie cũng quyết định bước vào theo. Cô Alice Angel đón lấy áo khoác và áo gió ướt của họ, dẫn họ vào một phòng khách rất trang nhã. Do mảng cây xanh lớn phủ kín cửa sổ, nên căn phòng hơi tối và cô Alice Angel lập tức tiến tới chỗ công tắc đèn.

“Dừng...!” Ông cậu Paton hét to.

Tiếng hét của ông quá trẻ. Những bóng đèn trong chùm đèn nhỏ treo giữa phòng lần lượt nổ tan và một cơn mưa thủy tinh rớt xuống tấm thảm, suýt nữa thì trúng cô Alice Angel.

“Tôi xin lỗi, vô cùng xin lỗi,” Ông cậu Paton nói. “Đáng lý ra tôi phải thông báo cho cô trước. Thiệt vô ý. Thiệt tắc trách. Trời đất ơi!”

“Hoàn toàn là lỗi của tôi,” cô Alice Angel nói. “Ồ đây tối quá. Để tôi đi lấy đồ hốt rác trong khi quý vị nói chuyện với Christopher.”

Charlie dòm lo lom vào khoảng tối, cố xác định coi Christopher ở đâu, trong khi Ông cậu Paton và cô Ingledew giằng co với cô Alice xem ai sẽ hốt đồng thủy tinh bể. Cô Alice Angel một mực bảo những vị khách của mình cứ thoải mái trong khi cô đi lấy đồ hốt rác.

Khi họ ngồi vào chỗ, một tiếng cười nhẹ phát ra từ góc phòng và một giọng cất lên:

“Ra là ông Yewbeam, người kích điện. Tôi luôn muốn diện kiến một người như vậy.”

Tất cả mọi con mắt đều đổ dồn vào góc phòng, và cuối cùng nhận ra một người đàn ông gầy gò, nhỏ thó, tóc thưa, mặc quần áo may vụng. Người lạ đứng lên và đi về phía họ, chìa bàn tay ra:

“Christopher Crowquill,” ông nói. “Tôi biết các vị là ai.”

Trong khi tất cả bắt tay nhau, cô Alice Angel trở lại với chổi và đồ hốt rác, những thứ mà Ông cậu Paton giăng ngay lấy. Ông bắt đầu quét sàn nhà trong khi cô Alice Angel quay trở vào nhà bếp để lấy bánh và đèn cầy. Khi tất cả đã yên vị trong căn phòng thấp nển, bánh được chuyền vòng quanh và ông Christopher Crowquill hỏi thăm Charlie về Billy.

“Billy bị bệnh, thưa chú Crowquill,” Charlie nói.

“Bệnh?” Ông Christopher hốt hoảng.

“Nó vừa mới đưa tụi cháu coi một cái nút áo nó kiếm được thì tự nhiên nó lăn đùng ra đau quần quai. Nó cứ lẩm bẩm về cái lời thề gì đó, nó nói nó đâu có vi phạm. Người ta đưa nó tới bệnh thất và từ hôm đó tới giờ cháu chưa gặp được nó.”

“Mấy lời thề chết chóc đó!” Ông Christopher tuyên cáo. “Mụ Florence luôn giữ một giỏ đầy những lời tờ giấy ghi lời thề. Những người phải ký vô đó đa số là những người vay tiền. Rủi cái là, một khi đã ký lời thề thì Florence sẽ không bao giờ hỏi trả lại, kể cả đã trả xong tiền. Nếu ai vi phạm lời thề, người đó sẽ bị đau đớn hành hạ. Có khi cơn đau khủng khiếp tới nỗi nạn nhân có thể bị tàn phế suốt đời. Thứ giấy đó tẩm thuốc độc và nhiễm đậm một thứ mà tôi tin là tâm địa ác ôn. Chúng đã bắt Billy ký một lời thề rồi, tôi dám lấy mạng tôi ra cá đó.”

“Vây, chính vì vậy mà nó sợ đến nỗi không dám nói cho cháu bất cứ điều gì,” Charlie tư lự nói. “Nhưng cháu nghĩ cháu biết tên nhà mới của Billy. Nó tên là Ngôi Nhà Bất Chợt.”

“Ngôi Nhà Bất Chợt!” Ông Christopher vỗ một tay lên trán. “Trời đất. Ngôi nhà Bất Chợt không bao giờ có thể được coi là nhà. Gia đình Bloor dùng nó cho khách vắng lai: hoặc là kẻ cần có chỗ để ẩn trốn, hoặc kẻ mà gia đình Bloor muốn giấu. Nếu có Usher de Grey dính lúu vô, thì Billy sẽ không thể nào rời khỏi được nơi ấy tới chừng nào Usherr muốn cho nó đi. Ôi, đứa trẻ tội nghiệp. Tôi phải cứu nó.”

“Nhưng làm thế nào Usher có thể cầm tù một thằng bé?” Cô Ingledew hỏi một cách phẫn nộ.

“Cô thân mến, hẳn có thể tạo ra một lực trường,” ông Christopher nhìn chăm chăm đôi bàn tay sần sùi, nổi mấu của mình và lắc đầu. “tay đó hẳn có phép thuật rất mạnh và đáng ghét nhất. Khổ thân, Billy sẽ không bao giờ có thể thoát ra được. Bức tường vô hình của Usher mạnh hơn cả sắt.”

Thông tin này khiến tất cả mọi người ưu phiền đến nỗi sự im lặng ủ chụp xuống căn phòng, cho đến khi Ông cậu Paton đột ngột hỏi:

“Này Charlie, cái nút áo đó có gì quan trọng?”

Charlei giải thích rằng Billy thấy cái nút áo đó trong Ngôi Nhà Bất Chợt và cu cậu tò mò muốn xem cái nút có thể cho biết điều gì không.

“Chúng cháu có một người bạn, tên là Gabriel,” Charlie nói với ông Chrystopher và cô Alice Angel, cả hai đang ngó người ra.

“Gabriel có thể cảm nhận là có chuyện gì – có khi còn thấy nữa - nếu mặc đồ của ai đó vô. Chuyện này làm anh ấy khổ ghê lắm, cho nên anh ấy lúc nào cũng phải tránh xa đồ cũ. Mới đầu tụi cháu không nghĩ là tài phép của anh ấy có tác dụng với cái nút áo, vì mình đâu mặc được một cái nút, đúng không ạ? Nhưng sau đó cái nút có tác dụng.”

Một sự im lặng chờ đợi, cuối cùng Ông cậu Paton phá vỡ, ông nói:

“Và?”

“Và...” Charlie tự dừng bối rối. “Anh ấy thấy một người đàn ông, tóc đen, bị lệt giữa những bức tường thủy tinh - là những tấm gương - tôi anh ấy nghe tiếng đàn dương cầm, nhưng không thể thấy cây đàn. Và rồi...”

Charlie mô tả sự xuất hiện ghê rợn của con ngựa ma, và cuộc thí nghiệm chết khiếp trong phòng thí nghiệm của lão Ezekiel.

Căn phòng lập tức xao động bởi những tiếng thốt lên khiếp đảm và tiếng kêu rưng rờ. Chính xác, những âm thanh phần nộ đó gay gắt và lớn đến độ Charlie cảm thấy u uẩn, và nó phải xin phép đi ra ngoài hít thở không khí.

“Phù! Và mình không bao giờ nói với họ là con ngựa đã đi theo mình,” Charlie lẩm bẩm.

Nhưng thấy một chiếc xe mooc đứng kiểu Di-gan, Charlie chia trí ngay lập tức, và nó lội băng băng qua thảm hoa cho tới khi tới một dãy bậc cấp bằng gỗ dẫn lên cửa xe mooc. Vừa đặt chân tính leo lên thì một chuyển động ở cuối khu vườn đập vào mắt nó. Thiệt lạ hết sức, Olivia đang trở mặt nhìn nó từ đỉnh một vách tường cao.

“Liv!” Nó gọi. “Olivia! Bỏ làm gì ở đây?”

Olivia rớt toạch xuống phía bên kia bức tường.

“Cứ sở đó!” Charlei gọi.

Đầm bừa lên đám cây nhỏ đầm nước mưa, nó đến bên bức tường và gọi:

“Liv, bỏ có ở đó không? Bỏ đang làm gì vậy?”

Charlei hích người lên thành tường và ngó sang một khu vườn khác. Khu vườn này có vẻ ít khóa hơn. Một thảm cỏ xanh mượt bò tới sát tận một ngôi nhà lớn màu trắng mà Charlie nhận ra ngay lập tức. Ngôi nhà đó là nhà của gia đình Vertigo. Cô Alice Angel và Olivia là háng xóm của nhau. Thế quái nào mà Olivia lại không biết cô ấy nhỉ.

Không thấy bóng dáng Olivia đâu cả, vậy nên Charlei nhảy xuống khỏi tường, lượm lên một trái táo đỏ au và trở vào nhà.

“À, cháu tìm thấy một trái táo,” cô Alice Angel rạng rỡ nhìn Carlrie khi nó bước vào. “táo đó ngon lắm.”

Tình hình đã dịu đi đôi chút, mặc dù Ông cậu Paton và chú Christopher Crowquill giờ đang bàn luận cái gì đó, tuy thì thâm nhưng bức xúc.

“Cháu trông thấy bạn cháu, Olivia,” Charlie bảo cô Alcie Angel. “Cháu không biết là bạn ấy sống ở phía bên kia tường này cô. Bạn ấy không nói chuyện với cháu.”

“Cô bé đang gặp khủng hoảng,” cô Alice Angel nói nghiêm trang. “Chuyện ấy thỉnh thoảng vẫn xảy ra khi người ra cố đấu tranh chống lại bản chất thật của mình. Cô hy vọng bạ ấy sẽ mau chấp nhận sự việc. Điều đó sẽ đưa đến thay đổi lớn lắm - cho tất các cháu.”

“Vậy sao?” Charlei băn khoăn. “làm sao mà cô... Ý cháu là, cô có được ban phép thuật không, cô Angel?”

“Cứ gọi cô là Alice.” Đôi mắt màu xanh lá cây của cô lấp lánh. “Có. Cô có phép thuật.”

Charlie nôn nao muốn hỏi cô thêm nữa, nhưng đúng lúc đó Ông cậu Paton đứng lên, và phủi vụn bánh khỏi quần, ông nói:

“Chúng tôi phải về đây!”

Lúc tiễn khách ra về, ông christopher Crowquill cảm ơn những vị khách và nồng nhiệt bắt tay mọi người:

“Tôi không thể diễn tả hết được việc viếng thăm của quý vị có ý nghĩa như thế nào đối với tôi. Tôi có rất ít bạn trong cái thành phố tăm tối này. Việc tù tội đã dạy cho tôi biết họ là ai. Alice Angel là tên thật của cô ấy. Cô ấy đúng là một thiên thần. Không tuần nào trong suốt quãng thời gian dài dằng dặc tôi bị tổng giam mà cô ấy không tới thăm tôi. Cô ấy mang cho tôi niềm hy vọng, và giờ cô ấy cho tôi chỗ nương thân. Nhưng tôi tha thiết mong anh chị hãy giữ bí mật nơi ở của tôi, kéo không, thì cô ấy cũng sẽ gặp nguy hiểm không kém gì tôi.”

Các vị khách thề sẽ không bao giờ nói cho một sinh linh nào về chuyến thăm của họ. Ông cậu Paton sốt sắng hơn bắt kỳ ai:

“Chúng tôi sẽ liên lạc,” ông nói với ông Christopher. “Đừng mất hy vọng.”

Đèn đường đã lên. Và mặc dù trời đã tạnh mưa, Ông cậu Paton vẫn cẩn thận giấu mặt dưới tán ô, phòng khi lại gây ra một tai nạn khác. Cây dù cũng che luôn cả cô Julia, vì vậy không ai trong số họ trông thấy một hình thù màu xám dị hợm phóng vù vào bụi rậm ở bên kia hàng rào công viên. Charlie không chắc nó có thấy hay không, nhưng nó càng lúc càng tin là nó đã trông thấy, và đó không phải là một con cáo hay con chó, mà là một quái thú màu xám. Gián điệp là nghề ưa thích nhất của Asa Pike, vì vậy, nếu nó đã bám hộ, thì nhà số 15 Đại Lộ Công Viên ắt đã bị đánh dấu.

Charlie tự nhủ rằng Asa chắc chẳng thể đoán ra tại sao nó và Ông cậu của nó lại đến thăm cô Alice Angel. Lúc về tới đường Filbert thì nó cảm thấy đa an tâm, nhưng vẫn có một cái gì đó nó cần hải biết, và nó hỏi Ông cậu tại sao ông Christopher Crowquill lại gọi thành phố này là tắm tối.

“Ta nghĩ rằng, với ông ấy, nơi này tắm tối là vì ông ấy bị tống vô ngục,” Ông cậu Paton nói. “Đó là một điều kinh khủng khi mà người ta vô tội.”

“Không, còn hơn thế nữa,” cô Julia nói lặng lẽ. “Hãy nghĩ đến tất cả những bi kịch đã xảy ra trên mảnh đất này, kể từ khi những đứa con của Vua Đỏ bắt đầu giết chóc lẫn nhau. Có trên một trăm quyển sách cổ mô tả những trận chiến bất tận diễn ra tại nơi đây, kéo dài hàng bao thế kỷ. Người tốt thì bị vùi dập, kẻ ác thì thắng thế.”

Rồi cô mỉm cười:

“Nhưng cô vẫn yêu thành phố này. Bởi vì cô nghĩ, muốn sống sót qua tất cả những biến động đen tối, thì cái thiện đã phải khôn hơn và mạnh hơn cái ác rất nhiều.”

Charlie nghĩ đến ba nó, bọ hăm hại, bị mất tích vì đã cố đấu tranh chống lại gia đình Bloor.

“Cô đã tìm ra cuốn sách về ngài Amadis,” Charlie nói. “Cô có nghĩ rằng chính ba con là người mà anh Gabriel thấy bị lệt trong lâu Đài Gương không? Con biết ba con có tóc đen, và con biết ông bị lệt ở đâu đó, và lại có cả tiếng đàn dương cầm nữa.”

“Cô không nói chắc được, Charlie,” cô Julia nói khê khàng. “Nhưng cũng có thể.”

Họ về đến nhà số Chín, và Ông cậu Paton gấp dù lại trong khi Charlie chạy lên trước để tắt đèn hành lang, cũng như bất cứ bóng đèn nào có thể gặp rủi ro.

Nói Bone đã tỉnh rượu.

“Cả đám mấy người này giờ ở đâu vậy?” bà giống giả từ phòng khách.

“Đi dạo,” Ông cậu Paton đáp.

“Đi dạo? Cái cô đó lại ở đây nữa à?”

“Nếu chị định ám chỉ Julia thì, phải đấy, cô ấy ở đây,” Ông cậu paton giận dữ nói. “Chúng tôi sẽ uống một tách trà, và rồi tôi sẽ đưa cô ấy về nhà.”

“Mi nên chú ý đến đèn đóm thì hơn,” bà chị của ông phọt ra một tiếng cười thiệt quỷ quái.

“Tôi nghĩ tôi sẽ không uống trà gì đâu.” Cô Julia nói nhanh. “Emma tới nhà một người bạn, nhưng nó sẽ trở về ngay thôi.”

Khi Ông cậu paton hộ tống cô Ingledew xuống lại những bậc cấp, cô quay lại nói:

“Emma có một con thú cưng mới, Charlie à.”

“Con gì ạ?” Charlie hỏi.

“Ngày mai con sẽ thấy nó,” cô Julia nói, khoác tay Ông cậu Paton, “khi Emma mang nó tới quán Cà Phê Thú Kiểng.”

11. Chương 11

NGÔI NHÀ BẤT CHỢT

Charlie chạy gần như hết quãng đường tới quán Cà Phê Thú Kiểng. Trong túi quần nó là sợi dây xích cổ con Hạt Đậu và trong đầu nó là một kế hoạch tuyệt vời. Thành phố đầy những người đi mua sắm ngày thứ Bảy và điều đó làm chậm bước Charlie.

Nó quẹo vào hẻm Con Éch cùng lúc với Dorcas Loom và hai thằng anh của con bé. Albert và Alfred Loom là những thiếu niên to bệ, trông hung hăng. Chúng khoái những trò kiểu như cướp ba lô người ta đeo sau lưng, hành hạ mèo và ngáng đường những người chơi ván trượt. Chúng cũng tự hào là chủ nhân của bốn con chó săn - những con vật đã cho chúng được phép bước vào quán Cà Phê Thú Kiểng. Dorcas thường chờ ở trên chiếc ghế băng ngoài. Nó sợ thú, và Charlie thường thắc mắc là làm thế nào mà con bé sống chung được với những con vật hung hãn như vậy – đó là chưa kể tới đàn chó săn.

Với một tiếng “Chào!” thiết lệ, Charlie vượt băng qua anh em nhà Loom và xông vào quán Cà Phê Thú Kiểng.

“Gì vậy, Charlie?” Ông bảo vệ Norton nói. “Bộ cậu bị một con nhân mã không đầu đuổi hay sao vậy?”

Charlie trông thấy mái đầu vàng óng của Emma ở xa xa, và để mặc Norton đối phó với bọn nhà Loom, nó lao về phía con nhỏ. Nó ngạc nhiên khi thấy cái bàn đã đầy kín. Lysander và con vẹt Homer cũng đã tới. Tancred ngồi kế bên Lysander với một con chuột kiểng của Gabriel, và Gabriel đang cho con chuột đen Rembrandt của Billy ăn.

“Charlie, ngồi đây nè!” Fidelio xích ra lấy chỗ cho Charlie, trong khi con mèo điếc của nó bấu chặt lên vai.

Ngay khi Charlie ngồi xuống, con Hạt Đậu, nãy giờ ngủ say dưới gầm bàn, liền xò lên đùi nó, khiến cho cái bàn nghiêng lệch qua một bên, báo hại mấy chiếc đĩa và ly rớt choang xuống sàn nhà.

Lập tức những tiếng nhao nhao nổi lên:

“Cái con chó!”

“Em không điều khiển được nó sao, Charlie!”

“Đang ăn cái bánh ngon thì...!”

“Tiêu nước ép của tui rồi!”

Trong khi đó Charlie hét ầm:

“Không ai báo cho em biết con Hạt Đậu dưới gầm bàn hết.”

Gần như ngay tức khắc, anh em nhà Loom xông vào, gây nên một trận náo loạn ghê gớm hơn nữa cùng với bọn chó săn. Mấy con chó lớn bắt đầu táp đuổi bất cứ sinh vật nhỏ nào xui xẻo trong tầm đớp của chúng.

Tiếng huyên náo trong quán Cà Phê ầm ĩ tới nỗi ông Onimous phải nhảy hẫ lên bàn và quát:

“Im lặng nào! Ở đây không được phép gây mất trật tự.”

Homer, con vẹt của Lysander kêu om sòm:

“Nói hay lắm, thưa ngài.”

Nghe vậy, Alfred hét vang:

“Lão mắc chứng gì đó, lão kia?”

Ông Onimous trợn mắt nhìn thẳng thiếu niên, không tin nổi:

“Cậu nói gì?”

“Tôi nói lão mắc chứng gì đó?” Alfred lặp lại.

Ướt thẳng hết cỡ chiều cao một thước bốn mươi chín phân (cộng với cái bàn khiến ông cao hai thước hai mươi ba), ông Onymous đáp:

“Xin các công tử hãy để ý đến những con thú nhỏ hơn. Các vị thấy chúng mới hoảng sợ làm sao kia. Lũ chó của các vị luôn gây hỗn loạn mỗi lần chúng mang các vị vô đây.”

“Không phải bọn này, mà là nó ấy.” Albert Loom chỉ Charlie. “Nó và con chó vàng hỗn hào kia. Con đó to hơn đám chó của bọn này.”

Hạt Đậu khẹt một tiếng sửa nghẹn sâu trong cổ họng và xông vào đàn chó săn, trong khi Homer la quát quát:

“Tổng chúng xuống địa ngục đi!”

Một trận ẩu đả kinh hoàng diễn ra tiếp sau đó. Thêm vài con chó khác không thể cưỡng lại cũng nhập cuộc và tiếng tru rít vang lên xé màng nhĩ. Chim kêu inh ỏi bay vút lên trần nhà, mèo ngao, rần cuồn, mấy con lừa xéo bừa lên người lạ và một con kỳ nhông chạy ra khỏi cửa. Những con nhỏ hơn thì lo tìm chỗ nấp.

Norton bị cắn tơi bời khi cố can gián bọn chó, và Charlie bị một con ngựa nhỏ Shetland đang hốt hoảng xô ngã chổng vó xuống sàn, vừa lúc nó túm được sợi dây xích cổ con Hạt Đậu.

Bà Onymous nhảy lên bên cạnh chồng (cú nhảy khiến bà cao tổng cộng hai thước năm mươi lăm phân) và bắt đầu gõ bang bang một cái hộp thiếc đựng bánh bích quy. Đầu bà bây giờ đang chạm trần nhà, và ta có thể nghĩ một người khổng lồ như thế có thể sẽ dẹp tan được bọn tham chiến. Nhưng không phải là hôm nay.

Chỉ có tiếng xe cảnh sát hụ còi tới gần mới tạo ra chút tác dụng. Ngay khi bọn nhà Loom nghe thấy tiếng còi, chúng liền lùi lủ chó của chúng ra khỏi cuộc hỗn chiến và tách khỏi quán cà phê. Hai phút sau, cảnh sát Wood và cảnh sát Singh có mặt tại hiện trường. Tới lúc đó, vụ việc mới lắng dịu xuống đáng kể, nhưng ông bà Onymous vẫn còn đứng trên bàn.

Cảnh sát Singh dầm rào rào lên đồng chén đĩa ly cốc bể và nói với ông bà chủ:

“Chúng tôi muốn có đôi lời, được chứ ông?” Anh ta hỏi. “Nói riêng.”

Ông Onymous nhảy xuống khỏi bàn, và sau khi đã giúp vợ xuống theo phong cách lịch lãm nhất, họ biến mất vào trong nhà bếp cùng với hai viên cảnh sát. Norton, với hai bàn tay đang chảy máu đầm đìa, cà nhắc đi theo họ.

“Nghe tiếng còi hụ là bọn Loom chuẩn lẹ như chớp,” Tancred nhận xét.

“Mà tụi nó gây ra tất cả vụ lộn xộn này,” Emma thêm. “Thiệt không công bằng.”

Charlie đã xoay sở lôi giạt được Hạt Đậu trở lại bàn, và tất cả bọn đều suýt xoa khen ngợi chú ta can đảm quá chừng. Homer thậm chí còn la lên, “Croix de Guerre!” mặc dù không đứa nào hiểu câu đó có nghĩa là gì.

“Đó là Huân chương cho lòng dũng cảm của Pháp,” Lysander giải thích, “Nó học lỏm của mẹ anh đấy.”

Bọn chúng chia nhau chỗ bánh quy còn sót lại trên bàn trong khi chờ ông bà Onymous xuất hiện trở lại. Chỉ còn vài con thú to mồm hơn vẫn ồn ào, và bây giờ đã đủ im ắng cho Charlie nghe thấy một tiếng quát rõ ràng và đanh sắc từ đâu đó. Nó nhìn xuống và thấy một con vịt trắng đang cùm rúm dưới ghế Ema.

“Ra là một con vịt,” nó nói. “Dì của bồ bảo với mình là bồ có một con thú cưng mới.”

“Nó bay vô sân nhà mình hồi hôm qua,” Emma nói. “Mình gọi nó là Nancy, theo tên mẹ mình. Mẹ mình mất rồi... bồ biết đấy.”

“Ừ. Đúng là một con vịt rất đáng yêu,” Charlie không thể nghĩ ra cái gì khác hơn để nói.

Lại không thấy Olivia tới nhỉ?” Fidelio quan sát. “Có chuyện gì với nó vậy, Em?”

Emma nhún vai:

“Mình không biết. Đạo này nó gần như chẳng nói chuyện với mình gì hết, và nếu nói thì cũng luôn trong tâm trạng cáu bẳn.”

“Trông nó luộm thà luộm thuộm,” Lysander nói.

“Mà hồi trước nó diện oách lắm,” Tancred rầu rĩ thêm.

Charlie nghĩ đã đến lúc kể cho bọn bạn nghe về cô Alice Angel và cửa hàng hoa.

“Mình nghĩ Olivia có phép thuật,” Charlie nói. “Nhưng nó không chịu thừa nhận điều đó. Nó thậm chí còn nghe được tiếng con ngựa ma, và theo như em biết, thì chỉ những người có phép thuật mới nghe được.”

Fidelio đồng ý. Nó chưa nghe, chưa thấy hay cảm giác thấy con ngựa đó bao giờ, kể cả khi những đứa khác cúi rạp người xuống né.

“Lysander muốn được biết kỹ hơn về con ngựa ma, vì vậy Charlie cập nhật tin tức cho Lysander, thêm vào những chi tiết về cuộc thử nghiệm kinh hồn của lão Ezekiel.

“Một trái tim!” Tancred thốt lên, khi Charlie kể xong. “Ghê quá!”

“Còn nữa,” không dể động gì tới ông Christopher Crowquill, Charlie kể tiếp cho bọn bạn về Billy Raven và những phép thuật đáng sợ của cha mẹ mới của thằng bé.

“Và giờ em sẽ liệu thân, có lẽ là liệu luôn cả bọn này, để cố cứu Billy khờ khạo, có đúng không?” Tancred hỏi.

“Đúng thế,” Charlie nói. “Nhưng Billy không khờ khạo. Chỉ tại nó gặp xui nhiều quá thôi.”

“Đúng vậy,” Gabriel lăm bằm một cách nghiêm nghị.

Xem ra đây là thời điểm thích hợp để nhắc lại cái nút áo. Charlie lôi cái nút áo và chìa ra cho Gabriel, nài nỉ nó viếng thăm thế giới gương thêm một lần nữa:

“Có lẽ nếu anh nghe lại tiếng dương cầm, anh sẽ nhận ra bản nhạc. Bất cứ cái gì có thể cho em biết về nơi ấy... và người đàn ông bị kẹt ở chỗ ấy!”

Gabriel cầm lấy cái nút áo cùng với một tiếng thở dài, một lần nữa, nó đặt cái nút lên tim. Nó nhắm mắt lại và cả bọn nín khe theo dõi khi chân mày Gabriel nhướn lên và gương mặt dài của nó bộc lộ một sự tập trung cao độ. Thỉnh thoảng một cơn rung mình ập xuống khắp thân mình Gabriel, và miệng nó hơi giật một cái. Sau năm phút, Gabriel mở mắt và vớt cái nút áo lên bàn.

“Rachmaninov,” nó nói. “Khúc dạo đầu cung Đô trưởng. Và đó là một đĩa nhạc - một trong những đĩa nhạc cũ của năm 78.”

“Còn người đàn ông thì sao?” Charlie hỏi.

“Toàn bộ gương mặt ông ấy bị méo mó. Có quá nhiều gương, các chi tiết đều gãy vụn. Xin lỗi, Charlie.”

Nhưng Charlie không quá thất vọng. Giờ nó đã biết tên bản nhạc. Đó là thứ để mà đi tiếp.

Tiếng chuyện trò trong quán cà phê chìm xuống thành tiếng thì thầm khi cảnh sát Singh và cảnh sát Wood ra khỏi nhà bếp và đi khỏi. Một loáng sau, ông Onymous xuất hiện và tuyên bố hôm nay họ đóng cửa. Norton cần được đưa đến bệnh viện để may vết thương và chích ngừa uốn ván.

“Anh ấy bị lũ chó cắn xé nặng nề,” ông Orvil nói. “Bọn chó săn!” Ông nhổ nước miếng. “Bọn giết người khát máu.”

Khi Charlie và lũ bạn đứng lên ra về, ông Onymous đến bên bàn bọn chúng.

“Xin lỗi, các cô cậu,” ông nói. “Ngày mai chúng tôi sẽ không mở cửa. Norton đang trong tình trạng tồi tệ và vợ anh ấy đang quỳnh quáng cả lên. Cảnh sát đã cảnh cáo chúng tôi là quán cà phê tuyệt diệu này phải đóng cửa. Bọn nhà Loom ấy gây phiền toái bất cứ khi nào chúng tôi đây, và mọi người đang phản nản.”

“Ông nên cấm cửa bọn chó đó, ông Onymous,” Lysander nói. “Ba của cháu sẽ khuyên như thế.”

“Ba của cậu có thể là một vị thẩm phán, nhưng ông ấy không biết gì hết về việc điều hành quán Cà Phê Thú Kiểng,” ông Onymous nói trang nghiêm. “Tôi không thể lại đi cấm chó, cậu Lysander à. Chủ nhân cấm thì được, nhưng chó thì không.”

Ông nhào người xuống bàn và lượm con chuột đen lên:

“Tôi phải đem nó trở lại nhà bếp. Nó nhớ Billy kinh khủng, các bạn biết đấy”

“Billy sẽ tới thăm nó ngay thôi.” Charlie giả bộ tỏ ra tự tin. “Vấn đề là, ông Onymous, cháu cần tìm ra một nơi gọi là Ngôi Nhà Bất Chợt.”

“Để làm gì?” Ông Onymous hỏi với giọng nhặc nhien.

Charlie kể cho ông nghe về vụ nhận làm con nuôi của Billy. Trong khi lắng nghe, gương mặt tinh anh, đầy râu ria của ông Onymous trở nên nhúm nhịu lại vì quan tâm.

“Trời! Trời! Thật là quá đáng,” ông kêu lên. “Thế giới làm sao rồi, đến một thằng bé mà cũng không thể sống một cuộc sống vô tư? Ngôi Nhà Bất Chợt ấy ở Ngõ Quanh Co, Charlie à. Qua khỏi nhà thờ lớn ở khu phố cổ. Nhưng coi chừng! Tôi không muốn so gươm với bọn de Grey đó đâu.”

Cháu sẽ đem theo con Hạt Đậu,” Charlie nói, trông sợi dây xích vào cổ Hạt Đậu.

“Không có anh là em sẽ không đi được đâu,” Fidelio nói.

“Và mình cũng sẽ đi đường ấy,” Emma nhét vệt Nancy vào một cái giỏ có nắp đậy.

Gabriel, Tancred và Lysander sống ở đầu kia, trên một ngọn đồi cây cối um tùm gọi là Khu Đồi Cao. Nhưng bọn chúng đều muốn hể cần giúp đỡ thì liên lạc chúng ngay. Mái tóc vàng của Tancred bị nhiễm điện đang kêu xèo xèo và từng làn gió nhẹ cứ không ngừng quẩn quanh mắt cá chân cả bọn khi chúng ra tới hẻm Con Ếch.

“Anh cứ thấy rờn rợn về tất cả những chuyện này,” Tancred nói. “Bảo cứ chực nổi lên, Charlie ạ.”

“Và anh thì cứ muốn gọi tổ tiên mình,” Lysander bảo.

Khi chúng tới Khu Đồi Cao, ba thằng lớn quẹo phải, trong khi Charlie, Fidelio và Emma quẹo trái về hướng nhà thờ lớn. Một lần nữa, một màn sương mù dày đặc lại bắt đầu giăng khắp thành phố. Nhưng đây không phải là thứ sương mỏng như hồi hôm qua, mà nó giống như màn hơi nước phả lên từ tít sâu dưới lòng đất - lạnh buốt và báo điềm gở - nó trì nêo mỗi bước chân của ba người bạn mỗi khi chúng tiến gần tới nhà thờ.

Khi đi ngang tiệm sách cô Ingledew, Emma tạt vào và đặt cái rổ đựng con Nancy lên quầy. Dì nó đang tiếp một khách hàng, cho nên Emma vẫy tay vui vẻ và nói, “Con về ngay!” rồi lại phóng ra. Ngay lúc đó, Fidelio chạy ù vào và đặt con mèo già của nó lên nóc rổ.

“Sẽ không lâu đâu ạ,” Fidelio nói với cô Ingledew đang chẳng hiểu chuyện gì.

Khi Fidelio ra khỏi tiệm, nó nhận thấy có ba sinh vật rực rỡ đang băng xuyên qua làn sương mù.

“Em có biết là những con mèo lửa đang đi theo tụi mình không?” Nó hỏi Charlie.

Charlie ngoái ra sau nhìn ba con mèo chói lói.

“Chắc chắn phải có lý do chúng mới đi,” Charlie nói. “Chúng luôn có lý do. Hây, chào Dương Cừu! Chào Nhân Mã... Sư Tử!”

Ba con mèo đáp lại lời chào của nó bằng những tiếng meo meo thân thiện, trầm sâu. Hạt Đậu học lên một tiếng sửa cảnh cáo nhưng bọn mèo chẳng lấy làm phật ý. Khi đoàn quân nho nhỏ lại lên đường, đám mèo theo sau ở một khoảng cách kín đáo, dè chừng bản năng tự nhiên của con chó.

Qua khỏi nhà thờ, thành phố biến thành một mê trận với những lối hẻm hẹp rí và những bậc thang tối tăm, nhộp nháp. Những bảng chỉ tên đường nứt vẹo và bạc phếch, một số bảng không thể đọc được. Để tìm ra Ngõ Quanh Co, Charlie phải đi vào những ngõ hẻm tối nhất mà nó chưa từng băng ngang bao giờ,

“Nó đây,” Charlie hạ thấp giọng.

“Một nơi u ám,” Fidelio nhận xét, thận trọng đi theo sau.

“Có mùi thấy ghê,” Emma nhăn mũi.

Chúng bắt đầu lần theo lối đi dốc, thỉnh thoảng vấp nhào phải những bậc cấp đột ngột xuất hiện trong lúc đang mãi căng mắt nhìn xuyên qua bóng tối trước mặt. Con Hạt Đậu bỗng vuột ra một tràng tru dài, suýt làm đứt thần kinh cả bọn. Lũ mèo bèn phóng vượt lên bọn trẻ và dẫn đường, bộ lông sáng chói của chúng rực lên trong màn sương.

Sau khi đi qua dưới hai bảng tên đường gỉ sét, cuối cùng Charlie thấy những chữ NGÔI NHÀ BẮT CHỌT khắc hẳn vào bảng đá, bên trên một cảnh cửa cao bằng gỗ sồi.

“Bồ tính sẽ nói gì đây?” Emma hỏi khi Charlie đưa tay túm cái gỗ cửa - một bàn tay to bự bằng đồng.

“Mình sẽ nói ‘Billy đâu?’ Có lẽ thế là đủ,” Charlie nói.

Tuy nhiên, cuối cùng, sau vài tiếng gõ, khi cánh cửa mở ra, khả năng ăn nói của Charlie biến sạch, bởi vì người đàn ông đứng ngay khung cửa phóng cho nó một cái nhìn dữ tợn đến nỗi nó ngạt cả thở.

“Muốn gì?” Người đàn ông nói cụt lủn.

Charlie nuốt nước miếng khan, và Fidelio nói:

“Tụi cháu muốn đến thăm Billy, thưa ông.”

“Billy?” Người đàn ông trông rất tức giận. “Billy?”

“Nó sống ở đây, phải không ạ?” Emma hỏi.

“Cút đi,” người đàn ông rống lên.

Lão định đóng sập cửa lại nhưng Charlie đã đặt chân lên bậc cấp. Đúng lúc đó Hạt Đậu trông thấy một con mèo đen phóng sượt qua hành lang sau lưng người đàn ông. Sủa lên một tiếng vui mừng, Hạt Đậu rượt theo con mèo, hoặc đúng hơn là nó mới thử rượt theo, bởi vì có cái gì đó tông rầm vào mũi nó và xô nó bật nảy trở lại, kêu tru tréo.

“Ông làm gì con chó của tôi vậy,” Charlie la lên.

Usher de Grey đá gạt bàn chân Charlie ra và đóng rầm cửa lại.

“Nó ở trong đó,” Emma thì thầm. “Mình chắc chắn nó ở trong đó. Tội nghiệp Billy.”

“Nó ở trong đó, chắc chắn,” Charlie nói. “Đó là cái lão em trông thấy ở học viện Bloor... cái lão không thích con nít ấy.”

”Sao?” Fidelio hỏi.

Tiếng tru đau đớn của Hạt Đậu khiến Billy khó mà suy nghĩ được. Tông mũi vào thứ mà mình không nhìn thấy là điều rất hãi hùng đối với một con chó, mà Charlie không biết làm sao diễn tả bằng ngôn ngữ thú vật cho con chó về lực trường. Chỉ có Billy mới làm được điều đó.

“Em sẽ nghĩ ra cách gì đó,” Charlie cố tỏ ra vui vẻ.

Cả bọn dùng dằng rời khỏi Ngôi Nhà Bắt Chột, trong khi Billy vẫn kẹt bên trong, nhưng bọn chúng không thể làm gì thêm được nữa. Cần phải sắp xếp một kế hoạch khác.

Khi Charlie bước ra khỏi Ngõ Quanh Co, nó ngoái nhìn lại. Những con mèo lửa vẫn chưa đi. Chúng đang ngồi dàn hàng ngang bên ngoài cánh cửa Ngôi Nhà Bắt chột, bộ lông óng ánh của chúng sáng ngời trong bóng tối. Có lẽ chúng có lời giải cho việc đào tẩu của Billy.

Billy đang coi TV thì nghe tiếng con chó. Mới đầu âm thanh ấy chỉ là một tràng tru đau đớn, nhưng rồi Billy bắt đầu nhận ra tiếng của Hạt Đậu, và rồi hiểu được lời con chó.

“Cổng ma!” Hạt Đậu sủa. “Trường nước đá! Trường lửa! Cổng làm đau! Cú lừa con mèo! Ối đau! Charlie, cứu!”

Billy nhảy dựng lên và lao ra cửa sổ. Tất cả những gì nó có thể thấy qua lam sương dày chỉ là một bức tường đá xám. Cửa sổ phòng nó bị khoá và nó không cách chi mở ra được. Nó đi dọc lối đi bên ngoài căn phòng và nhón gót ra chiếu nghỉ. Ngó xuống hành lang, vừa lúc nó thấy lão Usher de Grey đóng sầm cửa

trước lại. Billy chạy trở lại lối đi và đứng dựa sát vào tường, gần như không dám thở. Charlie ở bên ngoài, nhưng liệu chuyển thăm của anh ấy có gây rắc rối gì không? Ý nghĩ phải chịu đau đớn thêm khiến Billy nhắm mắt lại sợ hãi.

“Billy!” Một giọng nhẹ ru.

Billy mở choàng mắt ra và thấy con mèo đen nhỏ ngay cạnh bàn chân nó.

“Đám bạn,” con mèo nói, bằng giọng sáng rõ nhất.

Billy rón rén đi trở vào phòng, có con mèo theo sau. Không gây một tiếng động nào, nó cẩn thận khép cửa lại.

“Tôi chó bị đau,” con mèo nói. “Vuốt Sắc phải chỉ cho bạn của Billy thấy nguy. Phải chỉ tường bí mật của Usher. Làm ơn nói chó là Vuốt Sắc xin lỗi.”

“Nếu gặp lại nó tớ sẽ nói,” Billy đáp.

“Các bạn tôi đang ở đây,” con mèo con nói tiếp. “Họ ở lại. Họ giúp Billy đi. Tối nay, Billy phải sẵn sàng.”

“Tối nay?” Billy lắc đầu, hoảng sợ.

Nhưng vì ước muốn trốn thoát quá lớn, ý nghĩ về tự do quá cám dỗ, nên nó bật cười to, phấn khích.

“Suyt!” Con mèo nhắc. “Chưa!”

“Tôi sẽ đi đâu?” Billy hỏi. “Nếu tôi rời khỏi đây?”

“Các bạn sẽ chỉ cho cậu.”

“Các bạn của mèo là ai?”

“Mèo, dĩ nhiên rồi. Lông đồng, lông cam và lông vàng.”

“Những con mèo lửa!” Billy thanh thốt.

“Những con mèo lửa, đúng. Vuốt Sắc đi đây.”

Billy mở cửa và con mèo đen bước gọn ra lối đi.

“Đừng quên,” con mèo nói. “Tối nay.”

“Làm sao quên được!” Billy thì thào.

12. Chương 12

Xuyên thủng lực trường

* * *

Billy luôn luôn ăn tối một mình trong phòng. Khi ăn xong, nó sẽ mang khay xuống nhà bếp và ở đó nó sẽ rửa hết chén đĩa của cả nhà, trong khi gia đình de Grey ngồi bên bàn, tính toán tài khoản.

Vào đêm mà Billy hy vọng sẽ trốn thoát, nó để ý thấy mẹ Florence có một chồng mẫu đơn ở trước mặt. Mẹ lướt nhanh những tờ giấy, liếm ngón tay cái và mỉm cười đầy thoả mãn.

Những xấp giấy ghi lời thề, Billy nghĩ. Nó nhận ra cần phải làm sao để huỷ được những lời thề của chính nó, để có thể thoát khỏi gia đình de Grey mãi mãi, thoát thật sự. Nhưng những lời thề được cất giữ ở đâu? Nó cần phải tìm ra.

Billy lau khô chiếc đĩa cuối cùng và xếp vào tủ đựng đồ sứ.

“Chúc mẹ ngủ ngon! Chúc ba ngủ ngon,” nó nói.

Nó nhận thấy nó không tài nào gọi hai người ấy bằng tên được, như họ yêu cầu.

“Cám ơn vì cho con ăn bữa tối ngon,” nó nói thêm.

“Ăn gì?” Mụ Florence hỏi, không hề ngước lên.

“Một chiếc bánh mì kẹp,” Billy nói.

“Kẹp gì?” Lão Usher hỏi.

Billy cần phải nghĩ thật khó khăn về món kẹp.

“Con nghĩ đó là bơ thực vật,” nó nói.

“Hết đâu rồi hả...cưng?” Mụ Florence liếc nó một cái qua quýt.

“Dạ rồi, cảm ơn.. mẹ.”

“Chúng ta hy vọng con sẽ không bệnh lần nữa,” mụ Florence nói, đánh dấu kiểm vào một trong những tờ giấy.

“Dạ. Chúc ba mẹ ngủ ngon.”

Chẳng ai trong gia đình de Grey thêm để ý tới Billy khi nó rời nhà bếp. Nó bước qua hành lang lát gạch, bảo hai bàn chân phải hành xử sao cho bình thường, nhưng cái đầu cứ rối tung rối bời, đến nỗi nó không thể nhớ ra trước nay mình vẫn đi như thế nào nữa. Khi đi đến cầu thang, nó vọt lên, hai bậc một, nôn nóng chuẩn bị cho một đêm trước mặt.

Gia đình de Grey không bao giờ ghé qua ngó Billy vào ban đêm, nhưng để phòng hờ, nó tròng bộ đồ ngủ ra bên ngoài bộ đồ thường ngày. Thay vì leo lên giường, nó nhón chân ra chiếu nghỉ và chờ mụ Florence rời nhà bếp. Vào đúng bảy giờ, mụ đi ra, mang theo cái giỏ xách màu xám. Billy lủi vào bóng tối khi mụ băng qua hành lang và đi vào một thư phòng nhỏ ở đầu tầng kia. Mụ ra khỏi phòng mà không mang theo giỏ xách.

Billy kiếng chân trở vào phòng nó. Để cửa khép hờ, nó tháo mắt kiếng ra và đặt lên cái bàn bên cạnh giường, rồi leo lên giường. Đó là một đêm dài nhất, chưa từng thấy. Đồng hồ nhà thờ lớn điểm mười hai giờ, rồi một, rồi hai, rồi ba. Mắt hết hy vọng được giải cứu, Billy thiếp đi trong giấc ngủ đầy mộng mị.

Trong lúc Billy ngủ, những đám mây đêm cuộn đi, để lộ một bầu trời nhẹ tênh màu xám nhạt. Thành phố vẫn còn bị màn sương bao bọc; từ trên cao, chỉ thấy được những tháp mái của những toà nhà cao nhất, những phiến đá ướt át của chúng lấp lánh trong ánh bình minh.

Từ một đồng lá vàng tấp ụ quanh một thân cây xám tro, một con mèo cam hiện ra. Bằng một động tác nhanh đến sững sờ, nó nhảy phốc lên một mái nhà cách đó mấy thước. Tiếp bước nó là một con mèo vàng và rồi một con mèo nữa, màu lửa rực. Ba con mèo phóng ào ào qua những đỉnh nóc nhà cho tới khi chạm một ô cửa trời để mở. Lần lượt, con này tiếp con kia, lũ mèo rớt tòm vào một căn phòng trống ở lầu trên cùng của Ngôi Nhà Bất Chợt.

Usher de Grey quá tự tin về lực trường của mình đến nỗi không thêm đóng bất cứ cánh cửa nào. Những con mèo lửa tìm được đường xuống ngôi nhà không mấy khó khăn, nhưng chúng nhận thấy rằng nơi này giăng đầy những ma thuật hiểm độc. Tuy nhiên, với chúng, phá vỡ lực trường cũng dễ như là bước xuyên qua giấy.

Con mèo đen nhỏ đang chờ các bạn nó trên chiếu nghỉ.

“Để tôi đi gọi cậu bé,” nó nói.

Billy giật mình tỉnh giấc khi Vuốt Sắc nhảy lên giường.

“Tối lúc đi rồi, Billy!” Con mèo thì thầm.

Billy dụi mắt, đeo kiếng lên, rồi tuột khỏi giường, nó cởi bộ đồ ngủ ra. Bất giác, nghĩ tới việc sắp làm mới to lớn làm sao, nó rùng mình khiếp hãi. Nó nhìn quanh căn phòng, nhìn cái T.V, cái máy tính, những cuốn sách, những trò chơi - tất cả sẽ là của nó nếu nó ở lại đây mãi mãi. Nó sắp quăng mình vào thế giới của một con mèo đen nhỏ. Liệu nó có thể tin được con mèo không?

Nhưng khi trông thấy những con mèo lửa, thần kinh Billy dịu hẳn đi, nhờ tiếng rừ trấn an và những màu sắc ấm áp ở chúng. Giờ nó cảm thấy nó có thể làm bất cứ điều gì.

Florence và Usher de Grey đang ngủ say như chết, chứng tỏ câu tục ngữ cổ “kẻ xấu xa không bao giờ ngủ” dường như sai bét. Khi Billy và bọn mèo đi ngang qua phòng, họ vẫn ngủ say sưa, sung sướng tận hưởng thứ giấc mơ mà hầu hết mọi người đều coi là ác mộng.

Trong ánh sáng kỳ lạ của lũ mèo, Billy có thể thấy rõ mồn một lực trường của Usher. Những sợi chỉ xanh da trời sáng quắc giăng ngang hành lang giống như những sợi tơ của một mạng nhện khổng lồ. Những sợi chỉ xanh da trời ấy đặc biệt dày đặc ở trước những cánh cửa mà chúng bao phủ, và trái tim Billy chùng xuống khi nó thấy cánh cửa văn phòng mà mẹ Florence cất túi đựng những lời thề.

Lũ mèo nhảy gọn gàng xuống cầu thang, và khi tới dải xanh da trời đầu tiên, chúng phóng xuyên qua, bỏ lại những sợi tơ đứt treo phất phơ trong không trung.

“Đi, Billy. An toàn mà!” Con Dương Cưu nói.

Billy chạy xuống hành lang và cẩn thận đi theo lộ trình của lũ mèo, chui qua lực trường.

“Trước khi rời đây tôi phải vô căn phòng đó đã,” nó chỉ thư phòng.

Ba con mèo quay ánh mắt sáng rực của chúng về cánh cửa. Nhân Mã, con mèo vàng, đi trước. Dừng đứng trên hai chân sau, nó xé toang màng chỉ bao quanh cánh cửa căn phòng. Billy lần tìm vận nắm đấm và cửa mở ra. Chiếc giỏ xám dựng tơ lơ trên sàn nhà, ngay bên trong. Khi Billy cầm giỏ lên, nó thấy khoá gài bật mở ra ngay khi nhấn vào. Mẹ Florence rõ ràng đã quá tin tưởng rằng sức mạnh của chồng có thể canh giữ bộ sưu tập lời thề của mẹ.

Billy lẹ làng lục tìm khắp những xấp giấy trong giỏ, và khi tìm thấy những tờ giấy có ký tên mình, nó lôi ra. Đang dứt mở giấy vào áo len, thì nó cảm thấy mắt của bọn mèo chĩa xoáy vào nó. Nó ngược lên và hiểu ra bọn chúng muốn nó làm gì.

“Tôi nên lấy tất cả đi, phải không?” Nó nói. “Để tất cả được sự tự do.”

“Phải, Billy,” lũ mèo đồng thanh trả lời. “Tất cả.”

“Lẹ lên,” Sư Tử thêm. “Họ thức dậy bây giờ.”

Vừa chạy ra khỏi căn phòng, Billy vừa cất lời thề của nó vào chỗ cũ và kẹp chiếc giỏ xách xám dưới nách. Những con mèo lửa đang xuyên qua mảng chỉ bao quanh cửa trước. Khi chúng đã phá vỡ màn bao, Billy giật nắm cửa. Một tiếng rít thốn óc vang khắp ngôi nhà khi nó mở cánh cửa ra, và con mèo đen gọi:

“Chạy đi, các bạn. Hẩn thức kia.”

Billy nhào qua cánh cửa cùng với tiếng rống cuồng điên của Usher văng vẳng bên tai:

“Thằng oắt chuồn! Dậy! Dậy!”

Phóng thực mạng trên con đường khúc khuỷu của Ngõ Quanh Co, Billy mừng hóm vì có ánh sáng loang loáng của những con mèo lửa, nhưng nó vẫn khiếp hãi. Giờ nó sẽ đi đâu? Và làm sao nó tới được nơi đó?

“Can đảm lên,” Sư Tử khích lệ, chạy bên cạnh nó.

Nhân Mã, con sáng nhất, phóng lên trước, trong khi Dương Cưu đi bọc hậu, thỉnh thoảng lại ngoái nghiêng quan sát con hẻm tối mù đằng sau chúng.

Giờ cả nhóm đã ra đến đường cái, và chạy về phía nhà thờ lớn. Khi chúng phóng băng qua quảng trường rải sỏi, đồng hồ điểm năm giờ đúng và một bầy quạ gáy xám xô lên, kêu quang quác trên bầu trời bình minh. Billy nhìn hau háu vào tiệm sách cô Ingledew. Nó biết Emma Tolly sống ở đó, nhưng Sư Tử cảnh báo:

“Không dừng lại, Billy. Chỗ đó không an toàn!”

Xuôi theo Đường Chính và xuyên qua thành phố. Tim Billy đập như điên. Nó bắt đầu nghĩ rằng nếu như những lời thề không giết nó thì cuộc hành trình này chắc chắn cũng giết nó. Nó nghe thấy tiếng rồ của động

cơ đang tiến đến gần, từng giây, từng giây một. Không giảm nhịp bước, Billy ngoái lại và thấy một chiếc xe hơi xám lú ra khỏi màn sương đằng sau. Gia đình de Grey.

“Đường này!” Nhân Mã ra lệnh, vù vào ngõ hẻm.

Làm thế nào chúng tới được Khu Đồi Cao, Billy không bao giờ biết. Nó chưa bao giờ phải chạy nhiều như vậy, tuy thế, nó đã chạy không hề ngơi nghỉ tính từ lúc rời khỏi Ngôi Nhà Bất Chợt. Phải chăng bọn mèo đã cho nó mượn sức mạnh khi chúng dẫn nó chạy băng qua những con phố mù sương?

Sư Tử trả lời cho câu hỏi mà Billy không nói ra:

“Sức mạnh của Nhà Vua, Billy.”

Khi đến đầu đoạn dốc lên Khu Đồi Cao, chúng vượt qua một ngôi nhà gạch đỏ có một bức tường cao và một cái cổng lớn gài then chắc chắn. BIỆT THỰ LOOM - tấm biển ngoài cổng ghi. Billy chạy qua khỏi ngôi nhà vài thước thì đột nhiên cánh cổng bật bung và bốn con chó đen vọt ra đường. Thay vì dẫn nhanh hơn, Billy đứng sững lại, kinh hãi đến nỗi không nhúc nhích nổi. Những con mắt hung tợn, đen thui của bọn chó săn xĩa thẳng vào nó và những quai hàm vuông chành của chúng bạnh ra, để lộ những hàm răng dài sọc, giết chóc.

Những con mèo lửa vây quanh Billy, gừ lên đe dọa. Bọn chó cụp đầu xuống và gầm gừ.

“Chạy tiếp, Billy,” Dương Cưu hô.

Billy lết bệt tụt lại, hai đầu gối run rẩy gần như không đỡ nổi nó nữa. Ngay khi nó nghĩ chân căng mình chắc sẽ sụm hoàn toàn, thì một tiếng sấm dựng tóc gáy rền lên, chặn bọn nó lại giữa đường. Một giây sau, một ánh chớp rạch toang bầu trời và bọn chó đen chạy bán sống bán chết vào nhà, tru lên khiếp đảm.

“Nào, Billy. Chuồn thôi!” Sư Tử nói.

Billy trông thấy những bóng đèn trước của xe hơi đang chọc qua màn sương mù, và túm chặt lấy giỏ lời thề, nó cắm đầu chạy. Con đường mòn càng lúc càng dốc hơn, nhưng nó vẫn không lơi bước. Tim nó động bình bịch, đầu nó quay cuồng, và chân nó run lẩy bẩy, nhưng nó vẫn chạy trối chết và lần này nó không thể dừng lại nữa. Chiếc xe vẫn lừ lừ tiến tới, gần hơn và gần hơn qua làn sương. Chẳng bao lâu nữa chiếc xe sẽ đuổi kịp chúng.

Mưa tuôn xối xả xuống con đường. Sấm ì ầm trên đầu và nước mắt Billy hoà trộn với nước mưa chảy ròng ròng xuống mặt.

“Em không thể chạy nhanh hơn xe hơi được,” nó nức nở. “Không chạy được. Không chạy được. Họ sẽ bắt em mất.”

“Không,” Sư Tử gầm gừ. Billy ngược lên đúng lúc một quả cầu lửa từ trên bầu trời sấm chớp ầm ầm lao xuống. Quả cầu đâm mạnh, trúng nắp đậy máy của chiếc xe xám cùng với một tiếng rầm xé tai. Động cơ xe bùng cháy.

Gần như không tin vào những gì mắt mình trông thấy, Billy quay lại và chạy tiếp lên đồi.

“Phải đó là Tancred không?” Nó thở hồng hộc. “Tancred và bảo tồ của anh ấy.”

“Rất giống,” Sư Tử đồng ý.

Con đường queo gắt, và Billy, người còng cả xuống vì giỏ đựng lời thề, thấy nó giống như một cái vòi rồng cuộn lên trời. Mưa đổ như trút nước, và hoà cùng một cơn gió mạnh thành linh, một tiếng thét hung tàn, ghê rợn rống lên:

“Billy Raven! Đứng hồng, đứng hồng, đứng hồng!”

Mụ Florence de Grey vẫn cố đuổi theo. Nhưng không còn chiếc xe, cuộc đua trở nên cân sức.

Hự lên một tiếng bất chấp, Billy chồm tiếp, lên đồi, và khi cơn gió thổi rít tợn hơn, nó mở cái giỏ xám và rút ra một nắm tờ lời thề. Chia chúng ra trước gió, Billy để cho chúng bay đi. Chưa bao giờ nó cảm thấy khoan khoái như khi làm như vậy. Nó thọc tay vào giỏ và thả ra một nắm giấy khác. Thêm một nắm nữa, nắm nữa, cho tới khi chiếc giỏ trống trơn và không trung xoắn đặc những tờ giấy bị gió cuốn bay chấp chới.

Và Billy tin chắc mình đã nghe thấy tiếng thì thầm hy vọng của những kẻ cùng quần bị mù Florence triệt tiêu, phỉnh lừa - tên của họ giờ được cơn mưa tẩy sạch.

“Tốt! Tốt!” Lũ mèo hoan hô.

Toét miệng cười, Billy thấy chiếc giỏ xám vào lòng cơn bão, và một giọng từ xa hú lên:

“Thằng ngu! Mày sẽ bị trừng phạt. Hãy đợi đấy!”

Charlie thường không bao giờ dậy sớm lúc sáu giờ bánh mắt vào sáng Chủ nhật như thế này. Thực ra nó không thể nhớ được mấy giờ là mấy giờ, nên nó phải dí sát chiếc đồng hồ đeo tay lên đôi mắt nhắm nghiền. Cây dẻ bên ngoài cửa sổ phòng nó đang lắc lư rào rào trong gió và sấm đùng đoàng đằng xa. Và rồi chuông cửa reng.

Quăng đôi chân xuống sàn. Charlie lết mình tới cửa sổ và ngó ra. Nó vô cùng ngạc nhiên khi thấy chiếc xe Land Rover quen thuộc bên ngoài nhà số Chín. Đứng ở ngưỡng cửa là một người trông bộ nhấp nhồm, ướt rượt. Đó là ông Silk, cha của Gabriel.

“Chào bác Silk!” Charlie gọi.

“A, Charlie,” ông Silk gãi gãi gáy, như thể ông không chắc mình có muốn làm điều mình đang làm hay không.

“Bác đến để chở cháu đi,” ông nói.

“Chở cháu đi?” Charlie càng ngạc nhiên tợn.

“Hình như là...” ông Silk bắt đầu.

Ông không nói được thêm bởi vì cánh cửa thành linh bị nội Bone mở tung ra.

“Gì đó?” Bà hất hàm hỏi theo kiểu thô lỗ của mình. Hôm nay nghe còn cộc cằn hơn thường ệ.

“Tôi đến...” ông Silk lại nói.

Một lần nữa ông bị nạt ngang.

“Ông nghĩ giờ này là mấy giờ, hả?” Nội Bone hạch hỏi.

Lúc này đã tỉnh ngủ hẳn, Charlie bắt đầu quăng ra từng món quần áo. Có lẽ một chuyện gì đó đã xảy ra với Gabriel, hay với một anh bạn khác sống ở Khu Đồi Cao, Tancred hay là Lysander.

Charlie chạy xuống hành lang nơi nội Bone vẫn đang thuyết giáo cho ông Silk nghe về tính ích kỷ của việc dựng mọi người dậy vào sáng sớm Chủ nhật. Ông Silk giờ đã ướt nhem ướt nhẹp và trông bộ trầm cảm lắm.

“À, Charlie, đi nào,” ông nói, quay lưng khỏi người phụ nữ hung bạo.

“Tôi phải nói với mẹ nó sao đây?” Nội Bone quát.

“Nói với mẹ là con tới nhà anh Gabriel,” Charlie nói, hấp tấp đi theo ông Silk. Nó nhận thấy một hũ sữa chua đậu phộng ưa thích nhất của Ông cậu Paton thò ra khỏi túi chiếc áo choàng ngủ của bà nội nó, và chỉ để cho bà bớt hung hăng đi, nó thêm:

“Con cá là nội dậy sớm để ăn hết sữa chua của Ông cậu P.”

Nội Bone nguyền cho Charlie một cái cảm ghét và đóng sầm cửa lại.

Charlie nhảy tọt vào trong chiếc xe Land Rover và ông Silk lái đi. Sấm chớp đồng hành với họ suốt quãng đường tới Khu Đồi Cao; cùng với tiếng động cơ và tiếng mưa nện ỳnh ỳnh trên nóc, Charlie phải hét om lên mới nghe được chính tiếng mình.

“Có chuyện gì vậy, bác Silk?” Nó hỏi.

“Thiệt khó nói,” ông Silk tỏ ra lấp vấp, tuy ông là một nhà văn viết chuyện kinh dị. Ông giống Gabrielở gương mặt dài, bơ phờ. Họ thậm chí còn có mái tóc dài, râu rượi giống y nhau, mặc dù tóc của ông Silk xác xơ hơn. Bồi thêm vào, ông còn có bộ ria dày, quặp râu xuống. Suy nghĩ một thoáng, ông nói:

“Có một thằng bé ở trong chuồng chuột của Gabriel.”

“Thằng bé nào?”

“Thằng bé tí, tóc trắng, đeo kiếng.”

“Billy!” Charlie thốt lên. “Vậy là nó đã trốn thoát!”

“Nó nói nó muốn gặp cậu. Gabriel năn nỉ bác tới đón cháu. Ừ, cả nhà bác chả ngủ nghe gì được vì bão ì ầm. Cái thằng bão tố, thằng Tancred ấy, nó nói bão sắp tan ngay thôi. Dầu gì cũng phải từ từ, một khi nó đã nổi sấm hết cỡ như thế. Cũng thông cảm được thôi, bác nghĩ thế.”

“Dạ,” Charlie rất ấn tượng trước sự thấu hiểu của ông Silk.

Đi được nửa dặm qua khỏi cánh cổng đôi của Biệt Thự Loom (bốn con chó săn sửa lông lên khi nghe tiếng họ đi ngang), chiếc Land Rover vù qua một chiếc xe hơi dumdỏ, bị phong toả bởi hàng rào cảnh sát. Nắp đậy máy xe sập hẳn xuống, nước sơn trầy tróc, kính chắn gió bể vụn và bánh xe chỉ còn là một đồng cao su chảy nhoét.

“Ồi! Chiếc xe đó coi bộ bị sét đánh!” Charlie kêu lên.

“Đúng phóc,” ông Silk nói. “Tài xế vô nhà thương nhưng vợ ông ta không bị trầy xước gì, ngoại trừ bà ta hình như phát điên.”

“Ý tưởng hay cho một câu chuyện kinh dị, phải bác Silk?” Charlie gợi ý.

“Ừmm!” Nhà viết chuyện kinh dị vuốt ria mép, vẽ trầm tư.

Charlie chợt thấy nhà của Lysander khi họ đi ngang qua một cánh cổng đôi cao bằng sắt rèn. Cha của Lysander là thẩm phán Sage nổi tiếng, và ngôi nhà phản ánh địa vị quan trọng của ông.

“Cậu bé nhà Sage cũng đang ở nhà bác,” ông Silk bảo Charlie. “Và cả Tancred Torsson nữa. Nhà bác chưa bao giờ có nhiều khách vào sớm Chủ nhật như thế.”

Rồi ông quẹo chiếc Land Rover vào một mảnh sân sinh lầy nhớp nhúa và dừng lại trước một ngôi nhà trông ọp ẹp.

Charlie nhảy từ chiếc Land Rover ra, đáp thẳng xuống một vùng nước sâu. Nó ước gì đã nhớ mang theo ủng, nhưng giờ thì đã quá trễ. Ông Silk chỉ ra bên hông nhà, chỗ một lối đi hẹp dẫn tới cánh đồng đằng sau nhà.

“Tất cả đang ở trong chuồng chuột,” ông bảo. “Đừng hỏi bác tại sao.”

“Dạ,” Charlie lội bì bõm qua vùng bùn về phía một cái chòi lớn, nơi Gabriel dành rất nhiều giờ rảnh rỗi của nó ở đó, chăm sóc lũ chuột đủ màu. Dòng chữ CHUỘT KIẾNG NHÀ SILK được sơn màu đỏ vắt ngang cánh cửa. Charlie nghe thấy có tiếng rừ rừ rì rì vọng ra từ bên trong chòi, nhưng tiếng này im bật khi nó gõ cửa - cửa khóa.

“Ai đó?” Gabriel hỏi.

“Em,” Charlie đáp.

Sau một lát la oai oái và bước lạch bạch, Gabriel mở cửa và Charlie bước vào chòi. Nó thấy Tancred và Lysander đang ngồi trên một băng ghế bên dưới một dãy kệ đặt lồng chuột. Băng ghế đó là một trong số ít ỏi những chỗ không có lồng chuột - bởi vì lồng chuột xếp lớp khắp các bức tường, từ sàn lên tới trần. Cơ man nào là chuột trắng, chuột đen, chuột vàng, chuột nâu, chuột lông dài, chuột lông ngắn, chuột lớn và chuột nhỏ. Mùi rất gây rất nồng.

Billy Raven đang ngồi xếp bằng dưới sàn nhà. Nó coi bộ hài lòng, và khi Charlie bước vào nó toét miệng cười ngoác với Charlie.

“Billy, em ra được rồi!” Charlie hét lên. “Em làm cách nào vậy?”

“Những con mèo lửa giúp em. Chúng phá vỡ lực trường.”

Ẩn sau nụ cười, Charlie cảm thấy Billy đang rất hài hùng.

“Vấn đề là, bây giờ thì sao?” Lysander nói. “Billy nói em biết cách. Chính vì thế mà mời em tới đây, Charlie.”

“Nó không thể ở đây lâu được,” Gabriel nói, giữ cánh cửa và chen vào đằng sau Charlie. “Cái bà de Grey đó thể nào rồi cũng đoán ra nó đi đâu.”

“Mình muốn khử quách bà ta đi!” Tancred nắm chặt nắm tay lại, và một luồng gió mạnh quét quanh căn chòi, dựng hết tóc mọi người lên và khiến lũ chuột la rùm, cuống quýt tìm chỗ nấp.

Billy úp chụp hai bàn tay lên tai:

“Em không thể nào suy nghĩ được khi chúng cứ nói thể suốt,” nó than van. “Ồ đây sao mà lẩm chuột thế, chúng chẳng cho em yên lấy một phút.”

“Chúng nói gì vậy?” Gabriel hỏi. “Tôi lúc nào cũng muốn biết.”

Billy trở mắt nhìn Gabriel, hai tay nó bịt chặt tai hơn. Lysander gỡ một bàn tay Billy ra và hét lớn:

“Gabriel muốn biết bọn chuột đang nói gì.”

“Chúng nói: ‘Cứu tôi với!’ ‘Hự!’ ‘Lại tới nữa!’ ‘Kệ xừ tụi nhóc!’ ‘Cái đó của tao!’ ‘Xéo đi!’ ”

Ngừng một lát, Billy tiếp:

“Thiệt tình, chán ngắt.”

“Nhưng tôi thì không chán,” Gabriel nói.

Lysander giơ bàn tay lên làm cử chỉ ra lệnh:

“Chúng ta trở lại vấn đề được không? Không dễ gì kiếm được một chỗ an toàn cho Billy, một nơi không ai nghĩ ra mà săn lùng. Rõ ràng là tất cả nhà của tụi mình đều nằm trong diện tình nghi vì tụi mình có phép thuật. Rủi quá, ông thẩm phán đi vắng, không thì anh đã hỏi ý kiến rồi.”

Gabriel đề nghị là bữa điểm tâm sẽ giúp cả bọn suy nghĩ sáng suốt; và rồi nó rời chuồng chuột, hứa sẽ quay lại với trứng chiên, thịt xông khói và bánh mì nướng.

Hé mắt nhìn qua ô cửa sổ nhỏ giữa những lồng chuột, Charlie ngó Gabriel đi vào một cánh cửa ở mặt sau ngôi nhà.

“Tại sao tụi mình lại phải ăn ở đây?” Nó nói.

“Để bảo vệ gia đình của Gabriel,” Lysander nói. “Họ không thể tự vệ chống lại.. bất cứ thứ gì mà những người đó sẽ phải tới để truy đuổi Billy. Và họ sẽ gởi tới thứ gì đó cho coi, tin anh đi. Dẫu gì tụi mình cũng là dân được ban phép thuật. Tụi mình chống cự được mà.”

Lời của Lysander cứ như lời tiên tri, bởi vì ánh sáng ban ngày vừa mới bắt đầu lọt qua cửa sổ nhỏ bỗng thành linh tắt ngúm, và cả bọn bị chìm trong một màn đen. Ngay cả bọn chuột cũng im thin thít khi có một tiếng gõ nhẹ nghe thấy trên mái nhà.

“Cái khỉ gì...” Tancred nói.

Nóng lòng muốn biết cái gì ở bên ngoài, Charlie lần tìm chốt cửa. Nó tự nhủ rằng mở cửa ra coi chừng là không khôn ngoan, nhưng đến lúc đó đã quá trễ, và nó đã hé nhìn ra.

Một đám mây giấy cuộn cuộn bay vù về phía Charlie, và trong chớp mắt, nó thấy Gabriel ló ra khỏi nhà rồi bị đám giấy bay nuốt chửng. Gabriel té nhào xuống đất và khay đồ ăn sáng tú hụ văng khỏi tay nó. Cái khay rớt xoảng xuống mảnh sân rải sỏi, làm đồ ăn bay tung toé.

Khi đám giấy lượn vô chuồng chuột, Billy Raven chồm đứng dậy, la thất thanh:

“Đó là những lời thề!”

13. Chương 13

Trận chiến giữa những lời thề và hồn thiêng

Charlie đóng ập cửa chuông chuột lại, nhưng vài tờ giấy ghi lời thề đã lén được vào trong. Chúng bay thẳng đến Billy và bám dính lên mọi phần thân thể của thằng bé. Billy thét toáng lên, vì đau hay vì sợ, Charlie không biết. Nhưng khi nó cố rút đám giấy ra khỏi người Billy, nó thấy mỗi tờ giấy đều có một cái mép xanh lá cây rực rỡ, cắm chặt vào da thịt nó ngay lúc nó sờ vào.

Tancred và Lysander cũng đang giật rút giấy, và cả chúng cũng bị cản, bởi những linh hồn hiểm ác, hay cái thứ gì đó nằm trong đồng giấy ghi lời thề chết người của mẹ Florence de Grey. Cứ thế, hễ rút được tờ giấy nào ra, thì những tờ khác lại lao phập vào Billy. Chúng cố xé tan giấy ghi lời thề, nhưng từng mảnh vụn giấy li ti vẫn cứ lại bay ngược về và bám rịt vào Billy. Khi chúng vo giấy thành cục, giấy liền vụn vụn trong lòng tay, cắn ngón tay và đốt bỏng gan bàn tay. Những tờ giấy bị vo tròn thì cứ bung ra lại và tấn công tiếp.

“Tụi mình phải tổng chúng ra!” Lysander hét om sòm, trong khi Billy lăn lộn la thét và bút tóc.

“Mở cửa ra, Charlie, chút xíu thôi,” Tancred thét. “Để anh thổi chúng ra.”

“Lỡ chúng vô thêm thì sao?” Charlie nói, hết cả hơi.

“Phải liều thôi,” Tancred bảo nó.

“Chúng có mười hai tờ - anh đếm rồi,” Lysander nói. “Nào nào, tụi mình cứ thử đi.”

Mỗi tờ giấy ghi lời thề được rút khỏi người Billy liền bị một luồng hơi lạnh tổng xuyên qua một lỗ cửa tí nị mà Charlie hé ra. Sau đó Charlie sập cửa lại ngay lập tức. Thủ thuật di dời này không dễ chút nào, vì Tancred cần nhiều chỗ để dồn sức tạo được một luồng hơi mạnh; và khi Charlie muốn tới được cửa chính, nó cần phải né cho xa cánh tay quay tít của cậu bé bảo tố.

Tiến trình diễn ra chậm chạp một cách đón đau, nhưng cuối cùng tất cả bọn giấy ghi lời thề cũng bị đuổi đi và bốn kẻ cư ngụ trong chuông chuột đổ gục xuống bằng ghế, an toàn, ít nhất là được một lúc. Bàn tay chúng đầy những vết bầm đỏ loét, nhưng mặt Billy còn thảm hại hơn cả hai bàn tay. Sắc mặt tái mét của nó càng khiến cho những đường lằn đỏ thẫm hiện lên rõ rệt hơn. Vùi mặt trong lòng bàn tay, thằng bé khụy xuống sàn nhà và bật khóc nức nở.

“Nín đi nào, Billy,” Lysander nói, vỗ về đôi vai gầy guộc của thằng bé. “Bây giờ xong rồi mà.”

“Không xong. Không xong,” Billy khóc rống. “Và tất cả là lỗi tại em.”

“Không phải lỗi tại em,” Tancred tuyên bố. “Nhưng dù sao em cũng đúng một điều. Đúng là chưa xong. Trước hết, tụi mình sẽ ăn sáng bằng cách nào đây? Anh chết đói rồi.”

Lysander bỗng bắn cho Tancred một tia nhìn cảnh cáo, khi mặt Billy bắt đầu nhắm nhúm lại.

Bọn giấy ghi lời thề bâu kín cửa sổ, nhưng, nhìn hé qua một lỗ hổng tí xíu chen giữa chúng, Charlie thấy được một chút quang cảnh ngoài sân. Không thấy bóng dáng Gabriel đâu, nhưng Charlie thấy được bốn trái trứng chiên, vài lát bánh mì nướng, và một ít thịt heo muối giòn trông mê ly, tất cả đều nằm dưới bùn. Cảnh tượng thiệt u uất. Nó vừa định quay vào thì bắt gặp gương mặt Gabriel dòm ra từ cửa sổ nhà bếp. Gabriel giơ hai ngón tay cái lên ra hiệu với nó, và Charlie chợt có một hy vọng điên cuồng là một kế hoạch giải cứu bọn chúng đã được hoạch định xong.

Một đám mây giấy thành linh sà xuống, cuốn phăng niềm hy vọng của Charlie, khi gương mặt khiếp đảm của Gabriel biến mất đằng sau bọn lời thề có cạnh xanh lá cây, đeo bám dai như đĩa. Chúng bu kín cửa sổ nhà bếp như một đàn dơi rít om trời.

“Gabriel không ra được chỗ tụi mình,” Charlie nói một cách u uẩn. “Nhưng có lẽ sau một lúc bọn lời thề bị tẩm độc này cũng sẽ suy yếu thôi. Có thể chúng sẽ ngủ.. hoặc chết.”

“Chúng sẽ không bao giờ chết,” Billy lúng búng.

“Nếu bảo không thể hạ được chúng thì anh không biết cái gì có thể hạ được đây,” Tancred nói vẻ buồn thảm.

Một sự thinh lặng đầy thất vọng ngự trị trên bốn kẻ bị giam cầm. Bụng Tancred sôi ùng ục, Billy chùi gương mặt lấm lem nước mắt của nó bằng mu bàn tay và Charlie rút phịch xuống sàn bên cạnh Billy, cảm thấy vô vọng.

Bỗng nhiên, Lysander loan báo:

“Sẽ giết được chúng!”

Cả bọn nhìn nó, và Charlie hỏi:

“Bằng cách nào?”

“Tổ tiên của anh,” Lysander nói. “Họ hùng mạnh hơn đám lời thề tầm thường này nhiều. Nhưng để gọi được họ, anh cần phải ra ngoài.”

Tancred nhảy đồng lên:

“Không được đâu Sander. Vậy là tự sát. Chúng phải có cả ngàn cái ở ngoài kia. Chúng sẽ ăn tươi nuốt sống bồ hoặc... hoặc đập bồ đến chết.”

“Không.” Cậu bé châu Phi mỉm cười. “Tổ tiên của mình sẽ bảo vệ mình.”

Rồi nó bước hẳn ra cửa:

“Tancred, bồ phải giúp mình. Nếu bọn quỷ quái đó luồn vô trong khi mình mở cửa, thì phải có một luồng gió thổi sau lưng mình để xua chúng đi. Bồ sẵn sàng chứ?”

Nhưng trước một sự ra đi quyết liệt như thế thì biết sẵn sàng thế nào? Một khi chí Lysander đã quyết, thì nó không bao giờ do dự. Trước khi Charlie kịp có thời gian để nghĩ cho chín, thì cửa đã mở ra và Lysander lao ra ngoài. Tancred vươn cánh tay hậu thuẫn khoát một hình vòng cung về phía bọn giấy ghi lời thề đang cố lọt vào trong. Một tờ lọt vào được trước khi cửa đóng sập lại, nhưng khi cái vật hung ác ấy bay về phía Billy, Tancred đã chụp được, và với sự giúp sức của Charlie, Tancred đã tống tiễn tờ giấy qua cửa bằng một luồng hơi khác.

“Úi! Bọn nó đang mạnh lên kìa,” Tancred nói, xem xét đôi bàn tay mình. “Coi này! Những vết cắt sâu hơn.”

Charlie dòm trân trân vào những vết cửa đâm toạc những ngón tay của Tancred. Chúng cần băng cá nhân khẩn cấp.

“Đây. Em có một cái khăn tay.” Billy lôi từ trong túi quần ra một chiếc khăn mùi xoa trắng một cách dị thường và đưa nó cho Tancred.

“Bà Florence bảo em luôn luôn phải có sẵn một cái khăn tay bên mình để dùng khi cần. Em nghĩ bà ấy nói đúng.”

Charlie buộc bàn tay cho Tancred, nhưng máu bắt đầu thấm qua chiếc khăn và Billy rên rỉ:

“Ôi, không. Em hy vọng anh sẽ không chảy máu tới chết.”

“Đương nhiên là không rồi, đồ ngốc,” Tancred giấu bàn tay ra sau lưng. “Nghĩ đến Sander kìa! Nó còn tệ hơn anh.”

“Sander!” Charlie hét lên.

Cả ba đứa bỏ nhào ra cửa sổ. Cách đây một tích tắc, cửa sổ còn bị giấy phủ đầy, thế mà giờ nó đã quang quẻ, và những kẻ chứng kiến sợ khiếp vía thấy rằng bọn lời thề đã tụ lại vào một kẻ thù to lớn, quyết vây đánh cái thân hình bất động kia.

Khoảnh sát tối đến mức như thể hoàng hôn sớm vừa buông xuống. Nhưng những đứa trẻ vẫn thấy được Lysander vui mặt vào hai tay, trong khi bọn giấy viền xanh lá cây bu quanh nó, đâm, chọc và cắn xé bất cứ chỗ nào có thể cắn xé. Bọn giấy phụt ra tiếng vù vù giận dữ càng lúc càng lớn cho đến khi Billy Raven không thể chịu nổi nữa.

“Chúng sẽ giết anh ấy mất,” Billy kêu lên.

“Suýt!” Charlie nhắc nó. “Để nghe nào.”

Mới đầu rất mập mờ, sau rõ dần lên từng giây, tiếng trống cuộn cuộn đến trong không trung.

“Tổ tiên của Lysander đến đây,” Charlie nói.

Một nụ cười bùng sáng cả gương mặt Tancred.

“Nghe thấy không, Billy?”

Billy gật đầu. Trước kia đã có lần nó được nhìn thấy linh hồn tổ tiên của Lysander chiến đấu. Nó biết thể là cả đám có cơ hội sống sót rồi.

Khi tiếng trống dội vào trong sân, đám giấy ghi lời thề xem ra mất đi sức mạnh của chúng. Vài tờ lảo đảo bứt ra khỏi đồng bọn, tựa hồ như chúng hoang mang. Bầu trời bỗng tối đen như mực, và Charlie tự hỏi có phải các vị tổ tiên ấy mang theo màn đêm để làm nổi bật vàng sáng chói lọi của họ không.

Tiếng trống dồn dập hơn và đám trẻ theo dõi cũng dí sát mặt vào cửa sổ hơn, chờ những hồn thiêng hiện ra. Thêm nhiều tờ lời thề nữa bị mất tập trung. Chúng bay lều phều khỏi Lysander và trôi vô định lên trời.

Một màn sương vàng choá bỗng vắt ngang qua bóng tối, và Lysander ngẩng đầu lên khi tờ lời thề cuối cùng từ bỏ cuộc tấn công, bay lên lơ phờ, bất định trên đầu nó. Những hình thù kỳ dị bắt đầu định hình giữa màn sương: những thân hình cao lớn, mặc áo chùng trắng, những bàn tay vẫn chưa lộ ra, cho đến khi, cùng với một tiếng trống đột ngột, mỗi thân hình giương ra một món vũ khí sáng lóa. Thương, giáo, gươm, rìu giơ lên, cùng với một tiếng ngâm nga huyền bí bay lảng đãng trong không trung.

Cảm thấy cái chết đang cận kề, bọn lời thề tấn công kẻ thù bằng nỗi điên giận hung tàn. Nhưng lần lượt, bọn giấy bị chém vụn. Những cạnh sắc xanh lá cây loé lên một cái thiết mau, rồi tắt lịm, cùng lúc những lời thề biến thành những tờ tro. Vài tờ trong số chúng, cố thoát được, bay vồng lên bầu trời đen kịt. Nhưng những hồn thiêng cũng bay được, và mỗi cú đào thoát đều bị cắt đứt bằng một nhát gươm sáng chói hoặc một mũi giáo loé rực.

“Giống pháo bông quá, nhỉ?” Billy nói với giọng trầm trồ.

Charlie và Tancred phải công nhận.

Không ai có thể nói chắc chắn cuộc chiến đã kéo dài bao lâu, bởi vì thời gian dường như nín hơi thở lại, cho đến khi màn sương chói lòa bắt đầu mờ đi, và hình thù cuối cùng biến mất.

Chính bầu không khí yên lặng thuyết phục Charlie rằng bọn chúng đã được an toàn. Tiếng trống đã ngưng và những tiếng xè xè điên cuồng của đám giấy cũng đã dứt. Lysander nhảy cồm lên không, hét lên chiến thắng.

“Chúng chết rồi, chuồn rồi, các chàng trai. Ra đây!”

Charlie mở cửa chòi, hơi sờ sợ. Những đám mây xám xịt đã bay đi. Nó ngóng cổ nhìn bầu trời buổi sáng, điểm vài đường vân xanh da trời và vàng óng.

“Ra mau lên!” Lysander giục giã.

Chúng chắc chắn là mặt mũi Lysander sẽ chẳng chịu thương tích, nhưng hoá ra nó hoàn toàn không sây sát gì. Những vết cắt trên mình cả bọn cũng mờ đi; ngay cả những vết thương trên mặt Billy cũng co lại, chỉ còn như những đường chỉ li ti đang biến đi thật nhanh.

“Thuốc hay quá chừng,” Tancred nói, đẩy Charlie một cái từ phía sau.

Khi Charlie loạng choạng bước ra ngoài, nó thấy trên sân đầy tro là tro. Lớp tro dày phải gần ba phân và lớp phốp dưới chân chúng.

“Bỏ thành công rồi, Sander!” Tancred hét vang, chân đạp lên lớp vụn giấy chết xám xịt.

Cánh cửa sau của gia đình Silk bật mở, và cùng một tiếng hét vang trời, Gabriel ủa ra nhập bọn. Bốn thằng bé chạy quanh sân, đá tung đám tro lên trời và cười ngặt nghèo. Niềm khoan khoái của Charlie lớn đến độ nó không thể thở được và tiếng cười của nó xen lẫn những pha nắc cụt.

Những cơn nấc cụt chợt dứt khi nó nhận thấy Billy, đang đứng chờ vợ một mình trong cửa chuồng chuột. Thằng bé mỉm cười, nhưng đôi mắt to màu đỏ của nó trông vẫn sợ hãi như hồi nãy, khi những tờ lời thề lao bắn vào người.

“Chuyện gì vậy, Billy?” Charlie nói.

Từ từ, tiếng cười ngưng dần, và Charlie cùng mấy anh lớn bước lại chỗ thằng bé bạch tạng.

“Giờ em thoát rồi đây, Billy,” Tancred nói, nhưng ngay cả khi nói thế, thì nó và tất cả bọn kia đều nhận thấy là điều đó không đúng.

“Em sẽ đi đâu bây giờ?” Billy nhướn ánh mắt khổ sở lên nhìn bốn anh lớn.

Câu hỏi của nó được trả lời, một cách tạm thời, bởi bà Silk. Bà gọi cả bọn vào ăn sáng.

Bầu không khí trong nhà Silk thật rộn ràng. Ba chị gái của Gabriel cứ lách chách luôn miệng, nói tía lia suốt bữa sáng ngon lành và tú hụ đó. Đám giấy bay đó là gì vậy? Ai đã đốt chúng vậy? Ai đánh trống vậy? Trận chiến trong sân bị một màn sương dày đặc che kín, và không ai trong nhà thấy được chuyện gì xảy ra. Họ chỉ biết là sẽ rất nguy hiểm nếu cứ liều ra ngoài.

Ông Silk, đang viết lia viết lịa vào một cuốn sổ lớn, cuối cùng cũng ngời tay và quát:

“Im lặng, các cô nương! Không sao suy nghĩ được!”

“Nhưng nó là cái gì vậy?” April, cô em út, khẳng khái hỏi.

“Đó là một hiện tượng mà không việc gì phải bàn tới cả,” ông bố nói. “Đến bạn thân nhất của con cũng không nên nói.”

“Nó có dính líu gì tới quái tật của Gabriel không ạ?” Mai, người chị giữa, hỏi.

“Em đã nói hoài với chị trước giờ rồi, đừng có gọi đó là quái tật của em!” Gabriel hét tướng lên. Nó không hoà thuận với Mai cho lắm.

Charlie tự hỏi làm thế nào mà bà Silk vẫn phân phát được cái bữa sáng đã nấu rất hoàn hảo và vẫn luôn rót trà được chính xác đến đúng cái vệt nâu nâu trong tách. Bà lượn quanh bếp, khẽ ngâm nga hát và mỉm cười một mình, và Charlie kết luận chắc bà đã phải thờ phào nhẹ nhõm lắm nên giờ trông mới vui sướng được như vậy. Phải chịu cảnh những lời thề khát máu và những hồn thiêng cổ xưa đánh nhau trong sân sau chắc hẳn là chẳng dễ chịu chút nào.

Tancred, nghiêng ngấu phần ăn sáng của mình với một thời gian kỷ lục, hỏi thế còn mớ đồ ăn bị rót xuống bồn thì sao.

Bà Silk ngạc nhiên ngược lên, và June, cô chị cả trong số các chị Gabriel, đáp:

“Em không muốn ăn nó đấy chứ?”

Lũ bạn của Tancred hồi hộp chờ câu trả lời của nó, nhưng trước khi nó kịp mở miệng, thì bà Silk đã nói chắc nịch:

“Đàn gà sẽ giải quyết tất.”

Lũ gà đã chạy trốn ngay khi bọn lời thề xuất hiện, nhưng giờ qua cửa sổ, đã thấy chúng hớn hờ bởi đám tro tàn. Gabriel sức nhớ ra lũ chuột của mình và liền phóng vù đi để bảo đảm chúng đã phục hồi sau cuộc tấn công vào chuồng. Nó trở lại và thông báo rằng tất cả đều khỏe, ngoại trừ con Rita, con chuột cứng nhất của nó, không để nhiều chuột con như lúc trước nó ốm yếu.

Tin này khiến Lysander nhảy dựng khỏi bàn, kêu lên:

“Mẹ! Mẹ sắp sinh!”

“Hôm nay à?” Bà Silk nói, phút lo lắng khiến bà rót nhầm trà vào bình sữa.

“Ồ không, cũng còn lâu,” Lysander trấn an bà. “Nhưng ba cháu đi vắng và mẹ cháu cái gì cũng hay lo.”

“Dĩ nhiên rồi,” bà Silk nhất trí. “Cháu nên chạy về nhà đi, Lysander. Ngay bây giờ!”

Lysander vẫy mọi người một cái vui vẻ và vụt biến đi:

“Gặp lại nhe, mấy bồ!”

Charlie luôn cảm thấy an tâm mỗi khi có Lysander bên cạnh. Giờ Lysander về rồi, đúng lúc cả bọn đang cần sự có mặt và lời khuyên của anh ấy nhất. Tancred là một đồng minh mạnh mẽ, dĩ nhiên rồi, nhưng tính khí cậu bé bảo tố này không biết đâu mà lần. Cần phải đưa ra một quyết định về vụ Billy. Nhà của gia đình Silk sẽ không còn an toàn nổi với mẹ Florence hoặc gia đình Bloor nữa.

Điện thoại reng trong hành lang và bà Silk ra nhấc máy.

“Charlie, mẹ cháu gọi.”

Charlie chạy vào hành lang và cầm ống nghe lên:

“Chào mẹ!”

“Charlie, có chuyện gì vậy con?” Giọng bên kia nói. “Gabriel gặp rắc rối hả? Con có về để...”

“Bình tĩnh, mẹ,” Charlie cứng cổ. “Con ổn mà. Nhưng Billy hơi có chuyện một chút và tụi con đang bàn cách giải quyết. Nó chạy trốn.”

“Chạy trốn?” Tin tức của Charlie chẳng làm mẹ nó an tâm một tí xiu nào. “Nhưng mà Charlie...”

“Con chưa thể về ngay được. Con không biết việc này sẽ mất bao lâu nữa.”

“Thế phải mất bao lâu?”

“Mẹ cứ kể hết chuyện xảy ra cho Ông cậu Paton nghe, được không mẹ? Mẹ đừng lo lắng mà. Con không sao mà. Thiệt đấy.”

Khi Charlie đặt lại ống nghe xuống, nó để ý thấy một con bướm trắng trên tay áo nó. Con bướm xoè đôi cánh ra, để lộ đầu cánh óng ánh bạc.

“Lại đây nữa,” Charlie nói.

Con bướm bay đi nhưng Charlie không kịp thấy nó đi đâu. Charlie trở lại nhà bếp.

“Cháu nghĩ cháu và Billy cần phải đi bây giờ,” nó nói với bà Silk. “Cám ơn bác, bữa sáng ngon tuyệt.”

Bà Silk đáp là bà sẽ rất vui nếu được đón tiếp Charlie, nhưng bà muốn biết chính xác nó và Billy định đi đâu. Charlie cũng đang tự hỏi điều này và nó không biết phải trả lời bà như thế nào.

“Tụi nó sẽ đi về nhà cùng với cháu,” Tancred tuyên bố.

Nó đứng lên đột ngột đến nỗi một làn gió thổi tung khăn trải bàn, khiến những hạt đường và vụn bánh mì bay tốc lên không. Ba cô chị của Gabriel khoái chí vỗ tay rần rần. Chúng nài nỉ Tancred làm lại lần nữa, nhưng Tancred cười bên lên, nói nó không thể “cứ muốn là làm” được, và thế là một luồng gió gắt lùa dao, nĩa, đĩa, tô va vào nhau lách cách.

Đến lúc này thì bà Silk bắt đầu lo lắng:

“Nếu Billy bị ngược đãi thì phải báo cho ai đó biết chứ,” bà nói. “Cảnh sát... hay... hay những tổ chức xã hội chẳng hạn.”

Bà quay qua Billy:

“Có lẽ con nên trở lại học viện, Billy. Ít ra thì ở đó con sẽ an toàn.”

“Kh... Không!” Billy lắc đầu nguây nguây.

“Cứ để nó đi,” ông Silk khuyên vợ. “Chắc chắn nó sẽ an toàn ở Ngôi Nhà Sấm.”

Tancred và cha nó, cả hai đều là những người tạo được bão, và quanh ngôi nhà ấy luôn có gió gào sấm nổ sét đánh. Chắc chắn đó là nơi an toàn nhất trong thành phố vào lúc này, và Charlie nhẹ cả người vì Tancred đã ra một quyết định cho một việc vượt quá tầm của Charlie.

“Ông cậu Paton của cháu sẽ giải thích vì sao Billy không thể quay lại,” nó nói với gia đình Silk.

Cả gia đình dồn ra ngưỡng cửa để nhìn ba thằng bé đi khỏi. Trông như thể chúng đi nghỉ mát hơn là đi tìm chỗ trốn.

Khi ra tới cổng, Billy thành linh quay lại và hỏi:

“Chuyện gì xảy ra với những con mèo vậy?”

“Mèo nào, cưng? Bác chả thấy con mèo nào cả,” bà Silk đáp.

“Ồ, chắc là bọn chúng về nhà rồi,” Billy buồn bã nói.

Tới lúc bắt đầu bước lên đoạn đồi dài, thì Billy mệt lả vì cuộc chạy hồi sáng sớm. Hai đứa kia cứ phải ngừng lại trong khi Billy lê lét bước theo, thở khò khà khò khè. Cuối cùng Tancred bảo Billy leo lên lưng cho nó cõng, và nó cõng thằng bé đi suốt con đường mấp mô quanh co dẫn lên khu rừng trên đỉnh đồi.

Charlie buông một tiếng thở dài nhẹ nhõm khi cánh cổng nhà Tancred hiện ra trong tầm mắt. Có hai tấm biển đóng vào cổng. Một tấm ghi NGÔI NHÀ SẤM và tấm kia đề COI CHỪNG THỜI TIẾT. Khi chúng lê được gần đến cổng, Charlie bỗng nghe thấy có tiếng vó ngựa. Nó cố lờ âm thanh đó đi; nhưng khi không thể chịu đựng sự căng thẳng lâu thêm được nữa, nó nhìn lại. Con đường vắng tanh, nhưng tiếng vó ngựa càng lúc càng lớn hơn.

Tancred quay lại, và Billy ngó qua vai Tancred, nói:

“Lại con ngựa ma nữa. Nó theo tụi mình.”

Charlie thét lên thất hồn và cầm cổ chạy về phía cổng. Nó không thèm tháo chốt cổng, cứ thế quăng mình phóng qua và rớt xuống lối đi rải đá ở phía bên kia cánh cổng.

“Cái gì ám em vậy, Charlie?” Tancred gọi.

“Đó là Borlath!” Charlie lắp bắp. “Nó đuổi theo em. Lẹ lên, hai người. Làm ơn đi!”

Billy tuột khỏi lưng Tancred và bắt đầu leo qua cánh cổng.

“Em không nghĩ nó sẽ làm anh đau đâu!” Thằng bé hét lên.

“Em biết nhiều quá nhỉ!” Charlie la lên. Nó bắt đầu chạy dọc lối đi.

Một tiếng hí hoang dã, chói óc làm rung màng nhĩ Charlie. Con ngựa chắc hẳn đã tông đổ cánh cổng bởi vì Charlie đã nghe tiếng vó ngựa nện trên nền đất ngay sau lưng nó.

“Chạy vào rừng!” Tancred gọi. “Nó không thể bắt được em ở đó. Ít nhất thì bắt cũng không dễ.”

Charlie lóc thốc chạy khỏi con đường nhỏ.

“Nó là ngựa ma,” Charlie rên rỉ. “Nó sẽ tìm ra em ở bất cứ nơi đâu.”

Charlie liêu xiêu chạy vào một tàn cây và dựa lưng vào một thân cây lớn, cố lấy lại hơi.

Một sự tĩnh lặng chết chóc bao trùm khắp khu rừng. Gió đã tắt và mọi cành lá cộng cổ đều im phắc. Charlie nhắm mắt lại. Có lẽ nó đã an toàn. Nó bắt đầu nghe thấy tiếng Tancred và Billy lê bước qua những bụi cây về phía nó. Một luồng gió ấm áp thổi sượt qua má nó. Hơi thở chẳng? Một cái gì đó ướt ướt và bồm bồm chạm vào tai nó.

Một tiếng rên sâu dội khắp toàn thân Charlie và nó đổ gục xuống đất.

14. Chương 14

NHỮNG ĐỨA CON CỦA HOÀNG HẬU

Charlie mở mắt ra. Tancred và Billy đang nhìn nó lo lắng.

“Charlie, anh nghĩ là em đã bị ngất.” Tancred nói.

“Thật à?” Charlie loạng choạng đứng dậy.

“Chuyện gì đã xảy ra vậy?” Billy nhú mào một cách sợ hãi.

“Con ngựa,” Charlie nói, “nó đã ở ngay đây, ngay sát mặt anh. Thật kinh khủng quá!”

“Nhưng em có bị sút mẻ gì đâu,” Tancred cười nói, “có lẽ em bị ám ảnh mất rồi, lại còn la hét lên như thế.”

Charlie không nhớ là mình đã hét lên. Rừng cây vẫn xào xạc xung quanh nó và tiếng sấm xa xa vẫn ì ầm vọng lại.

“Có một con bướm trên tóc anh kia,” Billy nói. Nó nhìn chăm chú vào cái đầu tóc rối bù của Charlie, “nó có một đôi cánh bạc.”

“Thật à?” Charlie đưa tay lên nhưng con bướm đã vỗ cánh bay vào bóng đêm.

“Thôi nào, chúng ta đi tiếp thôi” Tancred sốt ruột nói, “chúng ta phải đi tiếp vào khu rừng để đề phòng trường hợp bà ta muốn tìm ra Bill.”

“Hoặc là gia đình Bloor?” Billy thêm vào, “em có thể ở nhà anh lâu thật lâu không, anh Tancred?”

“Bao lâu tùy thích, mẹ anh luôn chào đón em.” Tancred nói, “thôi, nhanh lên nào. Mười phút nữa và chúng ta sẽ ở đó.”

Họ bắt đầu đi sâu vào trong khu rừng, theo một lối mòn người ta dùng để lừa cừu đi gặm cỏ bên sườn đồi.

Tancred dẫn đầu còn Charlie thì đi tụt lại phía đằng sau. Charlie bắt đầu tự hỏi liệu Billy có thể đi đầu tiếp đây. Câu hỏi ấy cứ lơ lửng trong không khí cho tới khi một giải pháp bất ngờ bật ra, “luôn luôn có một lâu đài bằng gương!”

“Cái gì?” Billy dừng lại.

“Em thuộc về nơi đó, Billy đó là lâu đài của chính em.”

“Bà bếp nói lâu đài đó thuộc về gia đình em,” Billy nói chậm rãi, “anh có nghĩ là em có thể sống ở đó cho tới khi em lớn lên không?”

“Tại sao không? Có lẽ em sẽ sống ở đó một cách an toàn cho đến cuối đời.”

“Đi tiếp đi, hai đứa.” Tancred gào lên.

Charlie và Billy vội chạy lên để bắt kịp Tancred. Khi chúng kéo đến gần ngôi nhà sấm thì gió đang thốc lên và sấm nổ đi đùng đùng trên bầu trời.

“Ba đang vui đấy,” Tancred nói.

Nụ cười chợt đông cứng lại trên môi của Charlie. Một cái gì đó khổng lồ và vô hình phóng vút qua nó. Nó có thể cảm nhận được trọng lượng và sức mạnh kinh khủng của vật đó khi nó nện chân xuống mặt đất. Hai đứa kia cũng đã cảm nhận được. Chúng vội túm lại với nhau khi con ngựa ma bắt đầu chạy vòng vòng xung quanh tụi nó, hí vang và thở phì phò khi càng ngày càng khép chặt vòng tròn lại.

Lá cây rụng ào ào như mưa khi con vật đó chồm lên. Chúng có thể cảm nhận được những chân trước của con ngựa đang đá vào không khí. Và Charlie nghĩ, bất cứ lúc nào, một trong những cái móng ngựa đó sẽ bổ vào đầu nó và thế là tiêu đời thằng Charlie Bone!

Và rồi Billy Raven lại làm một điều gì đó hoàn toàn không lường trước được. Nó bước ra khỏi đường mòn và đi thẳng về phía con ngựa, vừa đi vừa khịt khịt nhe nhó.

“Nó điên rồi,” Tancred chớp lấy vai Charlie.

“Suyt!” Charlie thì thầm. Billy có thể nói chuyện được với thú, nhưng làm sao nó có thể nói chuyện với một thứ quái vật có trái tim của Borlath như con Hamaran này?

Một lần nữa, tiếng sấm lặng đi và cây cối cũng im theo. Một tiếng hí dài vang lên rồi rơi vào im lặng. Trong sự im lặng đó, Billy quì xuống và cúi đầu.

“Cái gì...?” tiếng Tancred vỡ ra trong hoảng loạn.

“Suyt!” Charlie kéo áo Tancred.

Con bướm trắng lại xuất hiện, và đang vỗ cánh ngay bên trên Billy. Đôi cánh lấp lánh bạc của nó vỗ nhanh đến mức có vẻ như nó đang vẽ một hình dạng vào trong không khí. Cái hình dạng đó rõ nét dần và một thứ gì đó khổng lồ bắt đầu hiện ra ngay bên dưới đám mây bạc ấy. Và rồi nó xuất hiện: một con ngựa trắng với cái đầu trông rất phi thường với cái bờm dài đang chảy rũ xuống.

Charlie há hốc miệng và quay trở lại kéo Tancred lại gần nó.

“Trông nó không có gì xấu cả.” Tancred thì thầm vào tai Charlie.

“Đúng thế!” Billy nói.

“Làm sao em biết,” Tancred thắc mắc, “nó nói với em à?”

“Vâng,” Billy nhìn đám con trai và mỉm cười, “thật ra, nó... bà ấy là hoàng hậu!”

“Hoàng hậu?” cả Charlie và Tancred cùng kêu lên.

“Hoàng hậu Berenice.” Billy nói với chúng, “bà ấy là vợ của vua Đỏ.”

“Yếm là...” đầu óc Charlie rối loạn. Nó gắng nhớ lại những gì Manfred đã nói với nó về thí nghiệm: một tấm bia mộ được đánh dấu bằng chữ: “B”, xương của con ngựa được chôn bên dưới và một trái tim đựng trong cái hộp.

“Không phải là Borlath,” Charlie lầm bầm, “mà là Berenice.” Một nụ cười kéo giãn khuôn mặt nó ra và nó tiến lại gần Billy. “lão già ấy lại phạm sai lầm nữa rồi.”

Tancred, thận trọng theo sau và hỏi: “Làm sao bà ấy đến được đây?”

“Lão Ezekiel đã hồi sinh bà ấy. Đó không phải là trái tim của Borlath mà là của hoàng hậu. Hoàng hậu Berenice.”

Bây giờ chúng đang đứng sát ngay sau lưng Billy, lúc này đang chậm rãi đứng lên.

“Bà ấy đã đi theo chúng ta,” Billy nói, “bà ấy bảo chúng ta là con cháu của bà và bà muốn bảo vệ chúng ta. Ai đó đã mang bà ấy đến đây từ một thế giới khác. Nhưng linh hồn của bà ấy yếu dần đi và nó sẽ mang bà ấy trở lại cho tới khi cây dưa phép của anh khiến bà ấy mạnh lên.”

“Dưa phép của anh?” Charlie vẫn cảm thấy mịt mù, “anh tưởng là Manfred đã phá hủy nó trừ phi...” nó nhìn con bướm trắng, đôi cánh của nó giống như một tia sáng lấp lờ nhỏ xíu ở giữa hai tai của con ngựa.

“Họ nói cái dưa phép có thể có một hình dạng khác nếu nó phải như thế.” Tancred nói.

“Ồ!” Charlie chớp mắt. Tancred biết nhiều hơn là nó tưởng.

Con ngựa trắng bắt đầu kêu lên, lần này nhẹ hơn và tuôn ra một tràng âm thanh giống như tiếng người. Billy lắng nghe một cách chăm chú và khi con ngựa ngừng lại, nó bảo hai đứa kia, “bà ấy nghe chúng ta nói về lâu đài bằng gương và điều đó khiến bà ấy khiếp sợ. Bà ấy đã thấy hòn đảo nơi nó được xây dựng và chuyện gì đã xảy ra ở đó.”

“vậy thì bà ấy biết nó ở đâu.” Charlie thốt lên.

“em cũng cho là vậy,” Billy nói. Rõ ràng là nó không biết gì về lịch sử khủng khiếp của tòa lâu đài.

“Charlie, hãy nói với anh là em sẽ không định làm cái chuyện mà anh nghĩ là em sắp sửa làm đi,” giọng Tancred nài nỉ.

Charlie nhe răng cười: “Đó chỉ là suy nghĩ.” Nhưng suy nghĩ ấy đang lớn dần lên.

Ba đứa trẻ đứng đó trong im lặng và ngắm nhìn con ngựa oai vệ gặm cỏ. Thật là khó mà tưởng tượng rằng nó đã từng là hoàng hậu của gần một ngàn năm về trước. Lão Ezekiel đã nhầm lẫn, nhưng những gì mà ông ta đã làm quả thật là một phép lạ. Ông ta vẫn là một pháp sư đầy quyền lực và chẳng bao lâu ông ta sẽ có thể tìm ra Billy và đưa nó trở về nhà Bloor. Trừ phi... Cái suy nghĩ trong đầu Charlie lớn dần thành một kế hoạch. Và kế hoạch đó theo một cách nào đó có thể là giải pháp duy nhất. Charlie biết rằng từ sâu trong trái tim nó việc cứu cha là chuyện nó luôn đặt lên hàng đầu nhưng sự an toàn của Billy là chuyện cấp bách tiếp theo mà nó phải làm.

“hãy hỏi bà ấy rằng liệu bà ấy có thể đưa chúng ta đến hòn đảo ấy không?” Charlie nói với Billy.

“Charlie!” Tancred phản đối, “em không thể!”

“Em nghĩ là chúng ta phải làm vậy thôi.” Charlie nói.

Billy rất hăm hở để thử. Nó quì gối xuống và bắt đầu nói chuyện với con ngựa. Con ngựa ngẩng cao đầu, tai nó dựng lên và mắt nó tròn tròn sợ hãi.

“Bà ấy không thích ý tưởng này,” Billy thì thầm.

“Hãy nói với bà ấy về cha anh,” Charlie thúc giục, “nói với bà ấy em cần một nơi an toàn.”

Billy lại bắt đầu, lần này nó thêm một tiếng hí dài nào nùng vào ngôn ngữ của nó.

Đột nhiên con ngựa chồm lên. Với một tiếng kêu hãi hùng, nó lao về phía rừng cây. Chúng lắng nghe tiếng vó ngựa thỉnh thoảng xa dần cho đến khi mất hẳn, chỉ còn lại âm thanh của tiếng sấm và tiếng lá cây rì rào.

“Thế đấy!,” Tancred nói, “hãy về nhà anh đi.”

“Không,” Charlie nói, “bà ấy sẽ trở lại.”

“Em đùa hả, Charlie? Con ngựa ấy rất sợ hãi. Nó sẽ không bao giờ đưa em đến lâu đài bằng gương đâu.”

“Bà ấy sẽ trở lại,” Charlie lặp lại, “bà ấy nghĩ chúng ta là con cháu của bà ấy và bà ấy sẽ bảo vệ chúng ta.”

Billy không thích tranh cãi với những cậu con trai như Tancred nhưng khi nó đưa mắt nhìn Tancred rồi lại nhìn Charlie, nó nói, giọng rụt rè:

“Em nghĩ là anh Charlie đúng.”

“Vậy thì hai đứa muốn làm gì thì làm,” Tancred nói, “còn anh thì sẽ không đi đâu.” “Lát nữa anh sẽ mang cho hai đứa một ít thức ăn nếu hai đứa vẫn còn ở đây và anh ngờ là hai đứa sẽ ở đây.” Tancred nói với theo khi nó rải những bước dài về phía căn nhà.

“Anh có nghĩ là anh Tancred đúng không?” Billy hỏi Charlie.

“Không,” Charlie ngồi xuống và dựa lưng một cách thoải mái vào một thân cây lớn.

Có tiếng sấm nổ ầm ầm và trời đột nhiên mưa như trút. Billy co người lại bên cạnh Charlie.

“Anh ấy đang giận.” Billy nói.

“Rồi anh ấy sẽ hết giận thôi.” Charlie bảo nó.

Nhưng cơn bão càng trở nên tệ hơn. Gió vùn mình qua các ngọn cây, mang theo những chiếc lá chết và cành khô rơi xao xác xuống mặt đất. Những thân cây tầm ma bật rễ, cây bụi và cỏ khô rút lên quanh Charlie và Billy khi chúng vội vã chạy núp dưới một cây sồi lớn, vừa chạy vừa vòng tay che lấy thân người. Sau nhiều tiếng đồng hồ đập phá, cơn bão có vẻ như dịu lại và hai đứa trẻ ngủ thiếp đi, mệt mỏi vì một buổi sáng bất thường như thế.

Charlie tỉnh giấc và thấy Tancred đang rải bước lại về phía mình trên tay bưng một cái khay lớn, “anh biết là hai đứa sẽ vẫn còn ở đây mà.” Tancred nói rồi đặt cái khay xuống. Charlie thấy có món gà quay, rau

cải và nước hầm, ba tô bánh nướng nhân mặn và món sữa trứng. Bữa sáng của bà Silk thật thịnh soạn và hương thơm của bữa tiệc đó đủ để một đứa con trai đang đói bụng như Charlie phải reo lên vui mừng hay như Billy phấn khởi tới nỗi ngã vật xuống cỏ.

“Vẫn còn bão,” Charlie lẩm bẩm khi nó gặm cái chân gà.

“Xin lỗi, ba và anh đã cãi nhau,” Tancred trả lời, “ba anh nói hai đứa em đáng lẽ phải đang ngồi ăn trên bàn chứ không phải co quắp trong rừng như dân tị nạn. Anh mới nói là anh sẽ không ăn với ông ấy nếu như ông ấy cứ như thế. Ông ấy gần như nổi khùng lên nhưng mẹ anh nói con trai thì vẫn là con trai. Và bà ấy nhắc là hai người họ cũng đã từng có những buổi tiệc trong rừng như thế khi họ còn trẻ. Điều đó khiến ba anh dịu lại.”

Khi tất cả những món ăn đã được dọn sạch, Tancred hỏi Charlie và Billy đã chịu theo nó về nhà chưa, “Rõ ràng là con ngựa đó không trở lại,” Tancred nói, “có lẽ bà ấy đã quay trở về thế giới khác rồi,”

Charlie liếm những mẩu thức ăn ngon lành còn lại trên ngón tay của nó, đáp lại: “không, bà ấy sẽ trở lại.”

“Trời ạ, em thật là cứng đầu đó Charlie.” Tancred giậm chân nói, nhưng lần này nó có vẻ cam chịu hơn là nổi giận, “anh phải làm gì với em bây giờ?”

“Hãy gọi cho ông cậu Palton của em,” Charlie bảo nó, “cố gắng giải thích chuyện gì đang xảy ra. Mọi thứ. Và hãy nói là em đang qua đêm tại nhà anh phòng trường hợp mẹ em lo lắng.”

“Anh sẽ cố gắng hết sức,” Tancred nói, “nhưng tối đến nếu anh quay lại mà vẫn thấy hai đứa ở đây thì anh sẽ lôi hai đứa về Ngôi Nhà Sấm bắt kể hai đứa nói gì cũng mặc. Các em không thể ở lại đây cả đêm được.”

“Không đâu,” Billy nói nhỏ, “vì Asa có thể sẽ lờn vờn quanh đây.”

Charlie đã quên mất Asa. “Chúng em sẽ không ở đây đâu.” Charlie nói một cách chắc chắn, “Bà ấy sẽ quay trở lại.”

“Được rồi, để rồi xem.” Đặt cái khay lên cái đầu tóc vàng lờm chờm của mình, Tancred đi vênh váo qua rừng cây, và Billy thì cuối cùng cũng phải cười phá lên lần đầu tiên trong ngày hôm đó.

Vài giờ đồng hồ tiếp theo, hai đứa chơi trò trinh thám, đuổi theo những chiếc lá, trèo cây và ngủ gà ngủ gật. nhưng khi những cái cây đổ bóng dài xuống mặt đất, tim Charlie bắt đầu đập phồng. Nó chợt nhận ra là mình đã hi vọng quá nhiều. Nó trông chờ vào điều gì đây? Sợi dây liên kết mỏng manh giữa những người cùng huyết thống liệu có còn bền chặt qua một ngàn năm?

Chúng ta là con cháu của vua Đỏ, Charlie nghĩ một cách tuyệt vọng, vì thế chúng ta cũng là con cháu của hoàng hậu.

Phần Billy, rõ ràng là sự thất vọng đã ngập tràn. Nó ngồi sụm xuống con đường mòn, thốn thức, “Lẽ nào bà ấy không đến?”

Charlie chỉ còn có thể nhún vai, “và bà ấy lấy luôn cây đuă phép của anh.” Nó nói, cố gắng làm sáng tỏ sự việc, “nếu như cây đuă phép đó là con bướm.”

Bóng tối bắt đầu sụp xuống rất nhanh. Khu rừng trở nên lạnh lẽo và ẩm ướt, và Charlie biết là mình sẽ phải quyết định. Khi nó nhìn thấy cái đầu của Tancred thấp thoáng hiện ra từ đằng xa, nó gọi, “được rồi, Tancred. Tụi em tới đây.”

Billy nhảy lên, vui mừng vì cuối cùng đã được rời khỏi khu rừng tối. Nhưng Tancred đột nhiên dừng lại và hạ giọng nói, “Charlie – ngay sau lưng em kia.”

Charlie chậm chậm quay lại ngỡ là mình sẽ trông thấy con thú - sói Asa trong bóng tối. Nhưng đó không phải là Asa. Đó là hoàng hậu.

“Bà ấy đã trở lại,” Billy thở hổn hển.

Lớp lông của con ngựa trắng một cách đáng kinh ngạc trong bóng tối. Nó đứng đối diện với chúng, bốn chân đứng vững chãi trên mặt đất, cái đầu quý phái hơi ngẩng lên nhìn chúng với con mắt to đầy bóng tối. Charlie rất vui mừng khi thấy con bướm trắng cũng lấp lánh trong cái bờm dài của nó.

“Hãy nói lại với bà ấy,” Charlie nói khẽ với Billy, “hãy nói với bà ấy là chúng ta cần bà ấy như thế nào.”

Billy bước lại gần con ngựa, quỳ trên một chân và bắt đầu kể hai câu chuyện với một giọng lúng búng, khụt khịt và đầy cảm xúc: một chuyện về người cha người mẹ đã mất và cuộc sống cô đơn của nó, một chuyện về người cha đã mất tích của Charlie. Khi đứa trẻ nói, Charlie nhìn khuôn mặt của con ngựa và nó chắc rằng mình đã thấy một giọt nước mắt rơi ra từ đôi mắt sáng lấp lánh màu nâu của con ngựa.

Khi Billy đưa ra lời cầu xin điên rồ ấy, con ngựa cúi thấp đầu xuống và khẽ hí lên.

Billy quay qua Charlie, “bà ấy đồng ý rồi, bà ấy nói sự sợ hãi của bà thật là vô lý khi đem ra so sánh với niềm hạnh phúc của tụi mình.”

Charlie sửng sốt, “bà ấy đã nói vậy sao?” và khi nó đưa mắt nhìn con ngựa, nó tự hỏi làm sao nó và Billy có thể trèo được lên lưng con ngựa và một khi đã ở trên đó rồi thì làm sao mà ngồi cho vững đây?

Với sự ngạc nhiên, Tancred tiến lên phía trước. Và khi nó đã đứng ra chỗ quang đãng rồi, Charlie mới nhận ra là nó đang mang một cái yên ngựa khổng lồ và một vài sợi dây da. “Của ba anh,” Tancred nói, “ông ấy thường hay cười những cơn bão, đừng hỏi là ba anh làm thế nào nhé.”

“Anh đã tin là cuối cùng bà ấy cũng sẽ đến đúng không?” Charlie nói.

“Anh nghĩ là nếu bà ấy đến thì em sẽ không thể nào đi mà không có những cái thứ này đâu.” Tancred nói và nhe răng ra cười.

Con ngựa trắng đồng ý cho chúng đặt yên ngựa lên mình nó, rồi khi mọi việc xong xuôi, Tancred đỡ Charlie lên lưng ngựa rồi đến Billy, ngồi co ro phía sau Charlie và vòng tay ôm chặt lấy thắt lưng của nó.

“Đây là thật sao?” Charlie nói, thật khó có thể tin được mọi chuyện đang diễn ra, “tạm biệt nhé, anh Tancred. Cảm ơn anh nhiều.”

“Chúc may mắn,” cái giọng cộc cằn của nó không thể che giấu sự lo lắng ẩn giấu.

Con ngựa bắt đầu phi nước kiệu qua những bụi cây, nhưng khi nó bắt đầu tăng tốc, Charlie hét lớn: “anh đã nói với ông cậu của em chưa?”

“Ông cậu không có nhà,” Tancred đáp, “nhưng anh đã nói với mẹ em là em sẽ ở đây tối nay với anh.”

“Anh sẽ phải nói với ông cậu của em đấy. Hứa với em là anh sẽ nói đi, Tancred!”

“Anh hứa!” Tancred cũng gào lên và đứng đợi cho đến khi con ngựa khuất dạng rồi chạy về nhà.

Bóng tối phủ xuống rất nhanh và Tancred không thấy một con quái thú màu xám đang nép mình sau những bụi cây, chăm chú lắng nghe và quan sát.

Trong khoảnh khắc, Charlie nghĩ là mình đáng lẽ phải suy nghĩ kỹ hơn trước khi băng mình vào bóng tối – hay leo lên lưng một con ngựa - nhưng gặm nhấm những lỗi lầm đã qua không phải là bản chất của nó nên nó bám chặt lấy dây cương và hào hứng với cuộc hành trình nhớ đời của nó.

Khi ra khỏi cánh rừng, con ngựa vẫn tiếp tục đi theo lối mòn lên đỉnh Heights. Từ đây, thành phố bên dưới trông như những chòm sao xa xăm. Vua Đỏ và hoàng hậu vẫn thường cưỡi ngựa lên ngọn đồi này cho nên bà biết chính xác lâu đài nằm ở đâu thậm chí ngay cả khi bà ở một thế giới xa lạ với ánh đèn và tiếng ồn cùng những tòa cao ốc sáng lấp lánh. Bà vẫn có thể thấy được đường nét của những bức tường thành, bên dưới ngôi nhà màu xám đang giữ những đứa trẻ thuộc nòi giống hậu duệ của bà.

Thành phố đang gợi lên quá khứ đau thương của nó. Bà có thể cảm nhận được nó khi gõ những bước chân lên mặt đường. Nó khiến bà buồn thảm vì bà đã có rất nhiều năm sống hạnh phúc trong lâu đài Đỏ.

Trong những tháng trước khi người con thứ mười chào đời, một dịch bệnh khủng khiếp đã quét qua thành phố. Hoàng hậu đã mắc bệnh và mặc dù đã hết sức chống chọi lại căn bệnh, bà vẫn trở nên yếu tới mức ngay khi đứa con gái Amoret chào đời, bà biết rằng mình sẽ chẳng còn sống để bảo vệ cho nó và cho con cháu khác sau này của bà. Nhưng bây giờ đã có hai đứa cháu trở lại với bà, và bà có thể thấy mình đang có một cơ hội lạ lùng để giúp đỡ cho những đứa trẻ dùng cảm này.

Gần một ngàn năm qua, hoàng hậu đã phải sống trong miền đất chết – một thế giới khác- và từ đó bà có thể mang một vài quyền năng nhất định vào cuộc sống mới mà ngay cả bà và con ngựa yêu quý của bà cũng không thể có được trong những năm trước kia. Quyền năng này cho phép bà leo lên được những dốc đá dựng đứng để vượt qua những vực thẳm đáng sợ nhất, và bay khoan thai trên những con sóng sửi bọt lăn tăn.

Họ đi dưới trăng rằm, men theo bờ biển, một hành trình mà hoàng hậu biết rất rõ. Charlie nhận thức được rằng nó và Billy đã có một đêm huyền diệu. Chúng gia nhập vào một thế giới kì lạ hơn bất cứ nơi nào nó đã nhìn thấy khi đi vào các bức tranh. Không có một con đường, nhà cửa, ánh sáng hay tiếng động nào ở miền đất này: nó cổ xưa, hoang dại, và vắng lặng.

Đôi lần, Charlie ngủ gục, nhưng khi nó thức dậy nó vẫn thấy mình ngồi trên lưng ngựa với cái đầu đang gà gât buồn ngủ của Billy tựa vào lưng và con bướm trắng tỏa sáng trước mặt nó, giống như một vương miện nhỏ xíu giữa hai tai con ngựa. Cho đến lúc này, con ngựa không hề dừng lại – không một lần nào – cho tới khi nó phi nước kiệu đến một cái vịnh rộng lớn nơi mà bãi biển lấp lánh với các vỏ sò, vỏ ốc và cát trắng sáng như bạc.

Con ngựa khê hí lên và Billy bảo, “chúng ta tới rồi.”

“Tới rồi?” Charlie nhìn nó ngạc nhiên. Tất cả những gì nó có thể thấy là đại dương đang tỏa sáng và bãi biển; bên dưới chúng là một vực thẳm dựng đứng chọc thẳng vào bóng đêm.

“Nó ở ngoài kia!” Billy trượt xuống lưng ngựa và chạy đến bên mép nước. “Ồ đó!” nó chỉ.

“Anh chẳng thấy gì cả.” Charlie trượt chân ra khỏi bàn đạp và nhảy xuống bãi biển. “Ồ đâu?” nó tìm kiếm trong bóng đêm và thấy ở đằng xa, xa kia là một quang sáng huyền bí, giống như sự phản chiếu ánh sao trên mặt nước. “anh nghĩ là anh đã thấy nó rồi,” nó nói. Và nó tự hỏi liệu có ai trong cái lâu đài xa xăm đó đang đốt nến không. Có thể là cha nó cũng nên.

Con ngựa hí lên một tiếng lớn, về cấp bách.

Billy nói, “bà ấy bảo chúng ta không được đi ra ngoài đó bây giờ. Chúng ta phải đợi tới sáng mai.”

“Và làm sao chúng ta đến được đó?” Charlie tự hỏi. Nhưng nó đã quá mệt mỏi để suy nghĩ thêm bất cứ điều gì nữa. Con buồn ngủ nặng trĩu mi mắt nó và đôi chân nó có vẻ như muốn sụp xuống.

Chúng ngủ trong một cái hốc ở chân vách đá, và con ngựa đứng bên cạnh chúng, che chắn cho chúng khỏi những ngọn gió đêm.

Chúng tỉnh giấc dưới bầu trời xanh và mặt biển thanh bình và lặng gió. Nhưng ngọn đảo ở đâu? Đường chân trời biến mất trong sương mù. Hai đứa con trai bắt đầu cởi giày và tất, xắn quần lên, và đi ra biển, nhìn chăm chú vào làn sương mù như đang mời gọi chúng. Sóng vỗ bập bênh quanh đầu gối và bao tử của Charlie lại réo âm âm. Nó không thể không hi vọng rằng nếu chúng đến được cái lâu đài ấy, cha của nó có thể làm cho chúng một bữa ăn sáng nóng sốt ngon lành. Hoặc không, cái gì cũng được, miễn là có thể cho vào bụng!

Vào lúc này, mọi thứ chẳng có vẻ gì hứa hẹn. Màn sương mù xa xa của đêm qua có thể là bất cứ thứ gì: một con tàu đi ngang qua, một vì sao rơi, hay là một ảo ảnh? Chân của Charlie bắt đầu tê cóng. Nó lợi trở vào bờ với Billy đang bì bõm phía sau nó.

Chúng ngồi trên bờ biển đầy vỏ sò, vỏ ốc, chà xát đôi chân ướt với tất của chúng. Charlie ngạc nhiên khi thấy mặt Billy đang sáng lên với niềm phấn khích. Nó nghĩ nó phải cảnh báo thằng bé về một tình huống không phải lúc nào cũng tràn trề hi vọng. “nếu chúng ta không bao giờ tìm thấy tòa lâu đài thì sao?” Charlie nói.

Nụ cười vẫn không tắt trên môi của Billy “bao nhiêu năm rồi em không thấy biển. Thật ra, em gần như không thể nhớ được chúng như thế nào nữa.”

Điều này không xảy ra cho Charlie dù sao nó cũng phải khiến Billy nhận thức được hoàn cảnh của chúng. “Chúng ta có thể đã đến sai chỗ.” Nó liếc nhìn quanh trong khi con ngựa gặm cỏ trên vách đá, và hạ thấp

giọng. “nghĩa là đã gần một ngàn năm trôi qua rồi kể từ khi bà ấy... bà ấy còn sống ấy. Bà ấy có thể đã nhầm.”

“Em không nghĩ như vậy.” Billy lau cặp kính của nó và liếc ra biển.

Charlie nhìn lên. Sương mù từ từ kéo đến và ở kia ngay trên đại dương, một hòn đảo bắt đầu lộ ra. Một hòn đảo xanh xinh đẹp với tòa vương miện lỏng lẻo – một tòa lâu đài bằng gương sáng lấp lánh.

Khi con ngựa thấy thấy hòn đảo, nó thét lên một tiếng như tiếng người. Những cái móng của nó làm tung lên những vỏ sò vỏ ốc vào không khí khi nó chạy băng qua bãi biển, nhảy lên những mỏm đá, và biến mất khỏi tầm mắt nhưng chúng vẫn nghe được giọng nói của nó gọi chúng khi nó phi nước đại ra xa đại dương.

“Bà ấy bảo bà ấy không bỏ rơi chúng ta,” Billy nói “nhưng trái tim bà đã ngăn bà không nhìn lại hòn đảo nơi những đứa con của bà đã chết. Bà ấy nói vậy là sao?”

Charlie quyết định rằng đã đến lúc phải nói cho Billy biết lịch sử thật sự về tòa lâu đài bằng gương. Nhưng liệu Billy có còn muốn tới đó một khi nó đã biết những chuyện đã xảy ra cho hoàng tử Amadis?

15. Chương 15

CHIẾC ÁO CHỪNG BỊ PHÙ PHÉP

“Cái gì! Hoàng hậu?!”

Manfred bước lui lại để tránh cái phun phì phì của ông cố. Tuy thế, vẫn có một bãi ướt xuống ngay trên đôi giày đã được đánh xi bóng láng của hắn. Asa đứng khúm núm bên cạnh, đang cố gắng nén tiếng cười khúc khích.

Việc này đang khiến cho ngày thứ hai của Manfred càng thêm tồi tệ. Ngày cuối tuần đã quá đủ khi cái thằng Billy Raven trốn thoát khỏi tòa nhà và vụ tai nạn chết người. Đó là chưa đề cập đến sự thất bại của lời nguyện và việc Florence phát điên. Tiếng thét của nó, khi chúng phải nhốt nó vào trong căn phòng lạnh lẽo, vẫn còn vang vọng bên tai của hắn. Hi vọng là bây giờ nó đã tỉnh trí lại.

Và trên tất cả những điều xui xẻo này, Asa lại bỏ vào với cái tin là cuộc thí nghiệm vĩ đại đã không thành công theo hướng mà chúng nghĩ. Thay vì trả lại sự sống cho một con ngựa chiến với trái tim độc ác, hung bạo thì lại là một con ngựa trắng với trái tim của bà hoàng hậu nhân ái.

“Hãy nhìn theo hướng tích cực hơn, ông à,” Manfred nói, cẩn thận chùi sạch cái bãi ướt ghê tởm trên chiếc giày bên trái bằng mũi giày bên phải. “dù sao nó cũng đã thành công.”

“Tao không muốn bà hoàng hậu!” Ezekiel hét lên. “tao muốn Borlath.”

“Vâng, ông đã có hoàng hậu,” Manfred nói một cách dửng dưng “hay là Charlie Bone đã có bà ấy và bây giờ nó đang cùng Billy trên đường đến lâu đài bằng gương”

“Đang trên đường đến.” Asa lặp lại, trông nó có vẻ tự mãn.

“Đó là lỗi của mày,” Ezekiel lên giọng, chỉ một ngón tay xương xẩu vào Asa. “mày đã tìm thấy tấm bia mộ và mày đã mang cho ta trái tim.”

“Nhưng tôi đâu biết nó là của ai,” Asa khịt mũi. “chỉ có một chữ “B” trên tấm bia. Chẳng có ai nói cho tôi biết hoàng hậu được gọi là Berenice.”

“Trời ơi!” Ezekiel gầm gừ.

Asa trở nên dửng dưng. “tôi đã làm tốt,” nó khẳng khái. “tôi đã theo dấu Palton Yewbeam, và tôi đã tìm ra Crowquill. Tôi đã trải qua nhiều giờ ẩn mình trong khu vườn rác rưởi bẩn thỉu của nhà Silk, và rồi ngồi

mai phục trong khu rừng ẩm ướt, bây giờ xương cốt tôi đau nhức kinh khủng. Nếu không có tôi, ông sẽ không biết Billy đã đi đâu, đúng không?”

“Được rồi!” Ezekiel gào lên. “đi nghỉ đi”

“Tôi không muốn nghỉ,” Asa lẩm bẩm một cách cáu kỉnh “tôi chỉ muốn được công nhận.”

“Mày đã được công nhận,” Manfred thúc vào sườn Asa.

“Chúng đã đi quá xa rồi,” Ezekiel lại gầm lên. “cả bọn chúng nó. Lysander , Torrson, Gabriel Silk – phải dừng chuyện này lại ngay. Gọi đứa con trai nhà Tilpin lại đây.”

“Joshua ?” Manfred nhướn mày. “nó thì có thể làm gì?”

“Mày sẽ ngạc nhiên đấy, Manfred ,” ông cố hấn bảo. “Nhưng mày sẽ sớm biết thôi. Còn bây giờ thì biến đi, cả hai đứa chúng mày.”

Manfred phản đối việc bị đối xử như một đứa trẻ. Hấn xứng đáng được đối xử tốt hơn. Với nét mặt sa sầm, hấn dậm chân qua những hành lang và những dãy cầu thang dẫn đến phòng của ông cố trong khi Asa không ngừng lải nhải.

“Ông ấy muốn Tilpin làm gì cơ chứ?” Asa phàn nàn, “nó không thể làm được gì. Nó quá nhỏ, và chẳng có kinh nghiệm gì.”

“Chúng ta biết là nó có từ tính,” Manfred đáp lại. “tao nghĩ là nó tùy thuộc vào việc nó làm gì với khả năng ấy. Cũng có thể thú vị lắm đấy.”

“Hừm!” Asa khịt mũi.

Manfred bắt được Joshua khi nó đang đi ra khỏi căn phòng để áo khoác màu xanh lá cây. Giờ luyện tập đã kết thúc và bọn trẻ đang đi đến giờ học đầu tiên của bọn chúng.

“Ông Ezekiel muốn gặp mày,” Manfred nói, chụp lấy vai của đứa bé.

“Ừa?” Joshua tặng cho Manfred một nụ cười với bộ răng thưa dị thường, và một lần nữa Manfred cảm thấy một cảm giác râm ran khó chịu khiến hấn đáp trả lại nụ cười của Joshua mặc dù chỉ vài phút trước cười là điều cuối cùng trong suy nghĩ của hấn.

“Em có biết phòng của ông Ezekiel ở đâu không?” Manfred hỏi một cách tử tế.

“Vâng, thưa thầy. Ở chái tây, ngay trên cùng.”

“Tốt lắm chú bé. Đi ngay đi. Tốt hơn là nhanh lên.”

“Vâng thưa thầy.”

Thật là hết sức hài lòng khi được gọi là “thầy”. Manfred mang nụ cười trên mỗi bước đi của hấn ngang qua hội trường lớn, nhưng nó đột ngột tắt ngấm khi hấn trượt chân lên một miếng vỏ táo và suýt nữa thì té xuống.

“AAAAAAaaaaaaa!” Manfred hét lên.

Hội trường bây giờ vắng lặng ngoại trừ giáo sư Saltweather , người đang bước chậm rãi xuống cầu thang chính với một tờ báo dưới nách, về mặt sâu muộn.

“Lại là đứa con gái Vertigo đó,” Manfred hét lên với giáo sư Saltweather . “Nó bỏ vỏ táo khắp nơi. Phải làm điều gì đó đi chứ.”

“Không phải khoa của tôi,” giáo sư Saltweather lẩm bẩm, “tôi phụ trách âm nhạc” rồi thơ thẩn đi mất trông có vẻ xúc động hơn bao giờ hết.

Manfred rên lên một cách cáu kỉnh và đi về phía văn phòng của hấn.

Giáo sư Saltweather bây giờ đang đi xuống hành lang nơi có những bức chân dung. Ông rất lo lắng, ông đã quên mất mình đang định đi đâu. Tờ báo của ông có đăng một bản báo cáo chưa được làm sáng tỏ. Hai người đã biến mất khỏi một thị trấn nhỏ ở phía đông bắc. Thường thường những loại thông tin này sẽ gây

cho ông một mối quan tâm lo lắng; ông có một trái tim nhân hậu và thậm chí sự không may của những con người hoàn toàn xa lạ cũng ảnh hưởng đến ông. Nhưng bản tin ngày hôm nay thì rắc rối hơn cả.

Hai người đàn ông đang được nói đến một là hiệu trưởng tên là Tantalus Wright và một người đưa thư tên là Vincent Ebony. Điều này có vẻ như chỉ là một sự trùng hợp, tất nhiên, nhưng chính thói quen kì lạ của những người đàn ông này đã khiến cho giáo sư Saltweather cảm thấy sự biến mất của bọn họ có vẻ như là một tai họa chứ không chỉ là sự ngẫu nhiên. Môn học của người hiệu trưởng là lịch sử trung cổ và ông ta bị một chứng bệnh gọi là rối loạn giấc ngủ. Nói cách khác, ông ngủ gục mà không có báo hiệu gì, ở những nơi khác thường nhất, khiến cho bọn học sinh của người đàn ông không may này có rất nhiều trò đùa vui vẻ.

Giáo sư Saltweather mở tờ báo và đọc lại mẩu tin ngắn ở trang sau. “ông Vincent Ebony là một người đàn ông vui vẻ rất có óc hài hước. Ông ta dễ dàng cười với những câu chuyện đùa ngu ngốc nhất và thường bị bất gặp là đang hát bài Gershwin’s Bess You Is My Woman Now. Vợ của ông, Bess, đang quá đau buồn nên không thể trả lời phỏng vấn.

Cả hai người đàn ông đều biến mất vào cuối tháng tám gần thị trấn nhỏ Yorwynde. Tantalus Wright, một người say mê đi bộ để luyện tập đã không bao giờ trở về từ cuộc đi bộ hôm chủ nhật, và chiếc xe tải của Vincent Ebony đã được tìm thấy đang nằm chổng chơ ở cạnh bờ rừng. Không có dấu vết gì của người đàn ông đưa thư. Hai người đàn ông đã bị mất tích 3 tuần rồi.

“không thể nào! Làm sao có thể như thế được? Hai trong một? Hai trong một?” ông khẽ lắc đầu. ông không thể thảo luận vấn đề với hiệu trưởng, bởi vì chính ông Bloor đã khẳng định bổ nhiệm Tantalus Ebony. Thật khó mà biết được chính xác ai là ai – hay ai là cái gì - trong cái học viện Bloor này.

“Chào buổi sáng!” bà đầu bếp quẹt qua giáo sư Saltweather trong bóng tối khu hành lang. “Ông gặp rắc rối à, giáo sư.”

“Vâng.” Giáo sư Saltweather quay lại và trông thấy bà bếp đang vội vã lên hành lang. ông nhận ra rằng bà chính là người mà ông có thể trông cậy vào. Ông không chút nghi ngờ là bà bếp ở bên phe “bên này”, mặc dù ông cũng không hiểu mình nghĩ vậy là có ý gì.

“bà bếp!” ông gọi khẽ “tôi có thể nói chuyện với bà một chút được không?”

Bà bếp nhìn quanh, ngạc nhiên vì cái giọng điệu bí mật của ông. “Tất nhiên rồi, giáo sư.” Bà bước về phía ông.

Giáo sư Saltweather trải trang báo đang sau ra và đưa nó về phía bà đầu bếp, chỉ tay vào một cột báo nhỏ gần cuối. “bà nghĩ gì về cái này?”

Bà bếp lướt nhanh qua bài báo và há hốc mồm. “tôi nghĩ gì à?” bà kêu lên một cách khiếp sợ. “tôi nghĩ nó là một vấn đề, giáo sư Saltweather . Một vấn đề tệ hại, đặc biệt là đối với một số người trong thành phố này.”

“Như ai?” người giáo sư hỏi.

“Như Charlie Bone và ông cậu của nó,” bà bếp bảo.

“À.” Giáo sư Saltweather sờ cằm. “Charlie không có trong buổi luyện tập ngày hôm nay cả Billy Raven cũng vậy.”

“Tôi đã có tin tức về nó,” bà bếp nói, “nhưng cái này – bà đập nhẹ vào tờ báo – điều này cực kỳ nguy hiểm. tôi phải gọi điện thoại ngay bây giờ.”

“Nhưng bà bếp này, làm sao nó có thể như vậy được?” Giáo sư Saltweather nói, trông càng bối rối hơn bao giờ hết. “hai người trong một. Làm sao có thể xảy ra?”

“Hãy tin tôi, nó có thể làm được thứ đó,” bà bếp nói, vội vã quay trở lại hướng mà từ đó bà đến.

“Nó?” giáo sư Saltweather gọi với theo.

“Vâng, chính nó.” Bà bếp vừa đáp vừa chạy nhanh hơn nữa. “Tôi sẽ giải thích vào lúc khác. Còn bây giờ, tôi phải gọi điện đã. Cảm ơn ông, giáo sư, cảm ơn ông rất nhiều. Chúng tôi có mọi lý do để biết ơn về thông tin này.” Giọng bà tan loãng ra khi bà khuất dạng qua một góc tối.

Giáo sư Saltweather chợt nhớ ra là mình phải có mặt tại cuộc họp ở căn phòng Gió với ông Paltry và Tantalus Ebony. Ông đã trễ cuộc họp, nhưng khi ông bước vào, Tantalus không có ở đó.

“Ông ta không có ở trong trường,” ông Paltry vừa nói, vừa xĩa răng bằng một que diêm. “Ông thấy không? Ông ta không có trong phòng họp.”

“Không. Không, tôi không để ý.” Giáo sư Saltweather cảm thấy mình thật là lố bịch, hoang mang và lẫn lộn lên hết cả. “tôi mong là ông không hút thuốc,” ông nói. “nó tạo nên một tấm gương xấu.”

“Tôi đâu có hút.” Ông Paltry đút que diêm vào túi.

“Tôi có thể ngửi thấy mùi thuốc lá, Reginald.” Giáo sư Saltweather nói.

Và ông ta phác một cử chỉ cau kỉnh. “Chúng ta nên tiến hành cuộc họp mà không có ông Ebony.”

Bà bếp chạy không kịp thở vào nhà bếp và nhấc ống nghe được đặt trên tường đằng sau cánh cửa tự động. Các nhân viên nhà bếp đang tán gẫu với nhau ở phía sau và bà chẳng phải lo lắng gì về vấn đề bị nghe trộm cả. Bà nhanh chóng quay số và lắng nghe tiếng chuông điện thoại vang lên ở căn số 9 đường Filbert.

“A lô.” Một giọng nói cau kỉnh vang lên.

Bà bếp trầm giọng xuống, giả giọng như một người đàn ông già, nói, “tôi muốn nói chuyện với ông Palton Yewbeam .”

“Ông ta không có ở đây,” bà nội Bone nói.

“Bà Jones cũng được.” bà bếp nói.

“Chuyện này là sao?” bà nội Bone hỏi gặng.

“À... ờ... là chuyện giặt đồ...”

“Cái gì? Không phải là cái áo đẹp nhất của ta chứ? Cái áo màu đen với cổ bằng nhung.” Bà hét to đến nỗi bà bếp phải đưa ống nghe ra xa.

“Không, không. Cái đang được nói đến màu đỏ và...”

“Maisie, điện thoại này! Có chuyện gì với quần áo của bà đấy.” ống nghe được đặt xuống bàn và bà bếp nghe tiếng bước chân xa dần trên nền nhà lát gạch. Một lúc sau, giọng của ngoại Maisie lo lắng vang lên, “a lô? Có chuyện gì vậy?”

“Bà Maisie tôi đây, bà bếp đây. Đừng nói gì cả,” bà bếp trở lại giọng bình thường. “tôi muốn nói chuyện với ông Palton Yewbeam nhưng có vẻ như ông ấy đã ra ngoài.”

“Không chỉ là ra ngoài đâu.” Ngoại Maisie hạ thấp giọng, “ông ấy đã đi đâu rồi. Amy và tôi rất lo lắng. Ông ấy nhận được tin từ Charlie rồi ông ấy và...và bà biết đấy ông Crowquill cũng đi rất sớm sáng này.”

“Ôi trời ơi.” Bà bếp chẳng còn biết phải làm sao với tình huống này nữa. “và bà có biết họ đi đâu không?”

Ngoại Maisie che miệng lại ngay trên ống nghe rồi thì thầm, “lâu đài gương!”

“Càng ngày càng tồi tệ. Tôi sợ là có ai đó cũng đang trên đường tới đó rồi. Bà có cách nào liên lạc với ông Palton Yewbeam không?”

“Không,” ngoại Maisie nói. “ông ấy đã để điện thoại di động ở nhà.”

Một giọng nói ngay bên cạnh ngoại Maisie vang lên. “Tại sao bà lại thì thầm với người ở tiệm giặt vậy?”

“Đâu có. Tôi bị mất giọng. Có chuyện xảy ra với cái áo len màu đỏ.” Giọng của ngoại Maisie loáng thoáng trong điện thoại nhưng đột nhiên nó trở nên rõ ràng. “Cám ơn vì đã báo tin cho tôi,” bà nói với bà bếp. “Tôi sẽ đến đó để lấy những gì còn sót lại của nó. Tạm biệt”

Bà bếp đặt ống nghe xuống. “Chẳng làm được gì cả.” bà lầm bầm.

“Làm được rất nhiều ấy chứ.” Một trong những người phụ bếp vấp vào bà với một cái khay bánh bị cháy. “Chúng ta sẽ phải nướng thêm nữa.”

“Cậu mới là người phải nướng,” bà bếp làu bàu, “Tôi đâu có làm cháy nó.”

Mỗi phút trôi qua, Fidelio Gunn càng trở nên lo lắng. Gabriel đã thì thầm vào tai nó điều gì đó trong phòng họp nhưng nó hầu như không thể nghe ra là cái gì. Tất cả những từ nó nghe chỉ là, “Charlie... một tòa lâu đài... và Billy Raven.” Fidelio không thể tưởng tượng được điều gì đã xảy ra cho Charlie. Nó không tin là bạn nó lại đi đâu mà không báo cho nó biết.

“Fidelio, em đang không tập trung kìa,” cô Chrystal, người đang đệm đàn với nó, nói.

Fidelio hạ thấp cây đàn violon và nghiên cứu những nốt nhạc đặt trên một cái trụ đứng trước mặt. “Xin lỗi cô.”

“có chuyện gì vậy?” cô Chrystal du đưa trên cái ghế. “em đã chơi rất tốt bản nhạc này tuần rồi mà.”

Cô Chrystal là một giáo viên còn rất trẻ. Cô có một mái tóc vàng óng và những đặc điểm xinh đẹp mời gọi bọn trẻ phải tin tưởng vào cô. Cô biết giữ những bí mật và chưa bao giờ phản bội lòng tin của chúng.

“Em đang lo lắng cho người bạn thân của em,” Fidelio thốt lên.

“Charlie Bone?”

“Vâng. Nó không đến trường và em không biết chuyện gì đã xảy ra cho nó.”

“Giáo sư Saltweather có thể nghe ngóng được điều gì đó. Cô sẽ cho em biết những gì cô đã điều tra được trong giờ nghỉ trưa nhé?” cô chỉ mỉm cười khích lệ.

“Vâng, cảm ơn cô, cô Chrystal.” Fidelio sửa lại cây đàn dưới cằm và bắt đầu chơi lại bản nhạc.

Tiết học vẫn không thành công, và ngay khi chuông vừa reo lên, nó lao ra ngoài và vọt vào phòng để áo khoác để treo áo choàng của mình. Nó vừa định đi ra ngoài thì thấy Dorcas Loom đang tiến đến cánh cửa của lớp âm nhạc. nó đang mang một cái áo choàng màu xanh da trời cuộn lại bên dưới cánh tay.

Nó cảm thấy nghi ngờ. “Của ai đó, Dorcas?” nó hỏi.

Dorcas hơi giật mình. “Ồ, của thầy Pilgrim.” Nó nói, lúc này đã lấy lại bình tĩnh. “tao tìm thấy trong thư viện nên mang nó đến phòng âm nhạc.”

“Nhưng thầy Pilgrim đã để nó lại.”

Dorcas nhún vai. “thế thì sao?”

“Thế thì...” Fidelio ngập ngừng. Vẻ xảo quyệt của Dorcas khiến nó bực mình. Dorcas đã có tiếng tăm về những thứ quần áo phù thủy. Liệu nó có xía vào chuyện cái áo chùng màu xanh da trời?

“Không có gì.” Fidelio bước ra khu vườn.

Gabriel không thấy đâu, nhưng Fidelio phát hiện Tancred đang nói chuyện với đứa con trai mới đến Joshua Tilpin. Fidelio chạy đến chỗ chúng. “Tancred, mình có thể nói chuyện riêng với bồ được không?” nó liếc thẳng Joshua.

Tancred vỗ vai Joshua và bảo, “thôi đi đi. Josh. Cảm ơn vì đã tìm thấy cuốn sách đó nhé.”

Joshua tươi cười bảo Tancred. “Bất cứ khi nào anh cần, anh Tancred. Gặp lại anh sau.” Đứa bé bỏ đi, hai cái chân nó nhỏ tới nỗi trông như chúng khó có thể mang trên mình ngay cả một con chim chứ đừng nói đến một thân người.

“Nó kì dị quá nhỉ.” Fidelio nhận xét một cách vui vẻ.

“Không có gì,” Tancred nói. “Thằng nhóc đó được đấy, rất có ích.”

Fidelio chuyển đề tài. “Mình tự hỏi không biết bồ có biết chuyện gì đã xảy ra cho Charlie?”

“Tất nhiên là mình biết. đi dạo một chút nào.”

Fidelio theo Tancred đến bức tường bao quanh lâu đài, nơi đó chúng trông thấy Emma và Olivia đang ngồi trên một đồng gỗ. Olivia có vẻ như có một nguồn cung cấp táo vô tận, bởi vì nó đang ngồi ở đó, tiếp tục gọt táo với một con dao bạc mà nó mang theo khắp nơi. Emma đang cau mày nhìn nó.

“Hai đứa này đều biết chuyện gì xảy ra.” Tancred nói, rồi ngồi xuống trên đồng gỗ bên dưới.

“Coi bộ mình luôn là người cuối cùng được biết mọi chuyện.” Fidelio ngồi xuống trên một đồng gỗ lưng chừng.

“Đó là tại vì anh không được ban phép thuật,” Olivia nói , “cả em cũng vậy. Và em cũng chẳng thích vậy.”

Fidelio phớt lờ con bé. “Tancred , nói cho mình biết đi, Charlie đã đi đâu?”

Tancred hít một hơi dài. “Nó bắt đầu vào buổi sáng chủ nhật khi Billy Raven trốn khỏi nhà cha mẹ mới của nó.” Rồi nó bắt đầu kể cho Fidelio mọi chuyện.

“Phù!” Fidelio liếc nhìn vào những bức tường thành màu đỏ to lớn. “Thì ra tất cả những thứ lộn xộn đó xảy ra là vì vậy đó hả? nó đánh thức mình dậy. Chó sữa, xe hơi bấm còi ầm ĩ còn cảnh sát thì báo động, lại thêm sấm chớp nữa – đó là bồ à?” nó nói với Tancred .

“Tội lỗi, tội lỗi!” Tancred giơ tay lên cười nhăn nhó. “Nhưng Sander đã cứu nguy. Nếu không có cậu ấy, mình không nghĩ là mình còn ở đây.”

Chúng có thể thấy Lysander đang cãi nhau với Asa Pilgrimke ở phía bên kia của sân chơi, và Tancred nói, “Asa đang trả thù Sander hôm nay. Đầu tiên nó nói cà vạt của Sander không thẳng, rồi nó bảo cậu ấy quá ồn ào trong khi cậu ấy không hề nhúc nhích, và bây giờ thì nhìn nó kìa.”

“Em cảm thấy ngày hôm nay thật là tệ,” Emma nói lặng lẽ.

Fidelio hiểu ý nó nói gì. Có lẽ phải làm điều gì đó về sự vắng mặt của Charlie . “lâu đài gương là cái gì?” nó hỏi.

“Cô của em biết về nó qua một cuốn sách,” Emma nói. “hàng trăm năm trước, một trong những đứa con của vua Đỏ đã đốt cháy tòa lâu đài với gia đình của người anh mình vẫn còn bên trong. Nhưng một người trong số họ đã trốn thoát và đó chính là tổ tiên của Billy. Các bức tường của tòa lâu đài đã biến thành gương. Hãy tưởng tượng đi.”

“Và Charlie nghĩ là nó có thể tìm thấy cha mình ở đó.” Tancred thêm vào.

Olivia chợt nhảy lên và quăng trái táo vào bụi rậm, “mình ước gì Charlie có ở đây,” nó nói.

Fidelio cũng cảm thấy như vậy.

Đêm đó, nhiệt độ trong phòng nhà vua lạnh lẽo một cách rõ rệt. Lạnh thấu xương tủy và Emma đã không thể ngừng run rẩy. Con bé rung mạnh đến nỗi cây bút rơi ra khỏi tay nó. Lần thứ ba nó làm rơi cây bút, cây bút lăn qua cái bàn và Emma chắc chắn là Inez và Idith đã hút nó. Hai đứa sinh đôi cứ nhìn trừng trừng vào Emma với đôi mắt xanh như những con búp bê bằng sứ, và nó cảm thấy thật là khó mà tập trung.

Joshua Tilpin đã chiếm lấy cái ghế trống của Charlie bên cạnh Emma, và thằng bé nhào người qua bàn, nhặt lấy cây bút rồi đưa trả lại cho nó. Thằng bé cười với Emma bằng một nụ cười như kim châm cho tới khi nó bị bắt buộc phải cười lại. Nhưng cười thôi chưa đủ, thằng bé muốn nó phải bay. Emma đột nhiên tưởng tượng cảnh mình biến thành một con chim ưng to lớn, sà xuống trên các bạn của mình, tấn công vào đầu, vào tay họ... Nhưng làm sao Emma có thể làm cái chuyện khủng khiếp đó được? Nó quay đi tránh cái nhìn của Joshua. Thằng bé gây cho Emma một cảm giác sợ hãi.

Gabriel lúc này đang ngồi đối diện với Emma, thì thầm, “bạn ổn chứ, Emma?”

Emma gật đầu.

“Im lặng!” Manfred nói. “không được thì thầm.”

Inez và idith chuyển cái nhìn lạnh lẽo sang Gabriel, con mắt vàng của Asa sất lại và Dorcas Loom nở một nụ cười bí hiểm.

Emma liếc dọc theo dãy bàn bên cạnh nó. Gabriel, Tancred, và Lysander đang cúi xuống trên những trang sách của mình. Chúng cau mày một cách buồn rầu càng khiến Emma cảm thấy cực kỳ khó chịu.

Khi bài tập về nhà kết thúc, những đứa trẻ được ban phép thuật bắt đầu ra ào ra khỏi phòng với Manfred dẫn đầu. Emma đang đợi Gabriel, lúc này đang tốn nhiều thời gian hơn bình thường để thu xếp sách vở. Điều này cũng xảy ra đối với Tancred và Lysander. Sách rơi, những thứ khác thì không đóng lại được. Bút lăn đi và giấy phát phơ bay khỏi tay chúng.

“Có cái gì đó không ổn.” Emma nói.

“Chính thế,” Lysander rên rỉ.

“Chúng đông hơn,” Gabriel nói. “Bốn chọi năm, hay sáu, nếu tính luôn Manfred.”

Cuối cùng ba đứa con trai cũng thu dọn lại được mọi thứ, và Emma đi theo chúng đến phòng ngủ tập thể. Khi chúng đang đi băng qua hành lang, Gabriel tách ra khỏi nhóm và bắt đầu chạy xuống hội trường.

“Đi đâu vậy, Gabe?” Lysander gọi. “Manfred sẽ bắt em đấy.”

“Em được phép có nửa tiếng thực hành trong tòa âm nhạc,” Gabriel nói. “Ông Ebony đã đặc biệt cho phép em vào ngày thứ sáu.” Nó lôi một tờ giấy trong túi ra. “Cho nên Manfred sẽ phải chịu thua thôi.”

Tuy đều nở nụ cười nhưng cả ba đứa đều cảm thấy một nỗi băn khoăn không thể giải thích được khi chúng trông theo Gabriel băng qua hội trường vào tòa tháp âm nhạc.

Gabriel cũng có cảm giác ngăn cấm, nhưng nó rất yêu thích thực hành trên cây đại dương cầm, và cảm giác đó hoàn toàn chính xác bởi vì nó đã cảm thấy lo lắng quá đến nỗi nó không thể đợi để lỡ mất cơ hội cho âm nhạc được.

Phải leo lên khá nhiều bậc thang để lên đến tòa tháp, và khi Gabriel tới được phòng âm nhạc, nó phải ngồi xuống ghế để điều hòa hơi thở. Khi nó nhấc nắp đàn piano lên, nó để ý thấy một cái áo choàng màu xanh da trời vắt trên ghế bên cạnh cửa sổ. Tất nhiên nó là của ông Pilgrim. Gabriel đã luôn luôn gắn kết với ông Pilgrim. Người giáo viên kì lạ này là một người chơi đàn thiên tài và mặc dù rất ít khi ông đưa ra lời bình luận nào nhưng Gabriel vẫn cảm nhận được sự nhiệt thành của ông.

Người giáo viên dạy piano đang ở đâu? Điều gì đã xảy đến cho ông ấy? Gabriel ít khi sử dụng phép thuật của mình. Nó có thể ảnh hưởng rất tệ đến Gabriel nếu nó mang vật dụng của ai đó mà đã phải chịu nhiều đau đớn, buồn khổ. Nhưng lần này sự tò mò đã thắng, nó cảm thấy bị lôi cuốn phải khoác cái áo choàng kia lên.

Ngay khi nó trùm cái mũ qua đầu, hiện thực bắt đầu mờ đi và Gabriel bị tống vào một nơi tối tăm sâu thẳm và khủng khiếp đến độ nó không thể nào thoát khỏi. Nó cố gắng giật cái mũ trùm đi nhưng hai tay nó đã trở nên vô dụng và nó bị bắt phải chịu đựng cái điều khủng khiếp ấy cho tới khi bất tỉnh trên nền nhà.

16. Chương 16

BỨC TƯỜNG LỊCH SỬ

Trên bãi biển lấp lánh ánh sáng trắng bạc, cách xa những rủi ro của bạn bè nó, Charlie thấy mình đang trong một tình thế hết sức nan giải. Billy đã trở nên giận dữ và sợ hãi khi nghe câu chuyện về hoàng tử Amadis. Với cái đầu gục xuống và bàn tay thọc sâu vào túi, đứa con trai tóc trắng dần bước đi trên bãi biển, đá tung cát bụi và những vỏ sò. “tại sao anh không nói cho em biết sớm?” nó gào lên ra vẻ buộc tội. “tại sao anh không nói cho em biết về người giám hộ, quyển sách và những thứ kinh khủng đã xảy ra ngoài kia?”

“Anh xin lỗi, Billy . Ông cậu của anh không nghĩ là sẽ an toàn khi cho em biết những điều này. Và rồi, khi chúng ta gặp hoàng hậu thì có vẻ như mọi thứ đã quá trễ.” Charlie vẫn tiếp tục đưa mắt trông chừng ra biển. Thủy triều đang lên rất nhanh, và chẳng mấy chốc sẽ nuốt chửng bờ biển. Chúng đang ở trong một vịnh nhỏ với những bức tường đá cheo leo ở cả hai bên và một vách đá hầu như dựng đứng đằng sau lưng. Thêm một vấn đề nữa, làm sao chúng có thể đến được hòn đảo?

Tạm thời phớt lờ Billy, Charlie bắt đầu tìm kiếm trong những tảng đá và chân vách đá một con thuyền. Tại sao ở một nơi hẻo lánh như vậy lại có một chiếc thuyền, nó cũng chẳng quan tâm. Chậm rãi, nước biển từ từ liếm vào bãi cát.

“Charlie !” Billy chợt kêu thét lên khi nó nhận ra những đợt sóng không ngừng tràn vào bờ. “chuyện gì đang xảy ra vậy?”

“Thủy triều đang lên.” Charlie đang xem xét một cái hang sâu. Nó quá tối, Charlie không thể thấy được nơi nào nó kết thúc. Giá mà nó có cái đèn pin ở đây nhưng nó thậm chí chẳng mang theo một bao diêm. Một tia sáng nhỏ xíu lướt qua đầu nó và bay chấp chới về phía sau hang động. Ánh sáng rất yếu, nhưng cũng đủ để cho Charlie khám phá ra một cái gì đó trông như chiếc thuyền đang nằm nghiêng trên đỉnh một ngọn dốc đứng. Ánh sáng di chuyển xuyên qua hang động, để lộ ra những bức tường đen thẫm đang phản chiếu mặt nước.

“Charlie ! chúng ta sẽ làm gì đây?” giọng Billy run lên hoảng sợ.

“Đến đây giúp anh đi,” Charlie gọi . “Anh đã tìm thấy một cái thuyền..”

Giây lát sau, Billy đã ở bên cạnh nó. “Làm sao anh tìm thấy nó?”

“Có ánh sáng,” Charlie nhìn chăm chăm vào cái hình dạng đang lơ lửng. Nó có đôi cánh khảm bạc, đó là con bướm trắng.”

“Cây đũa phép của anh,” Billy nói “trông kìa, nó đang đậu trên một cái gì đó.”

“Một mái chèo,” Charlie hét lên. “Cả hai cái.”

Nó là một con thuyền nhỏ, nhưng chúng phải cố hết sức mới đưa được nó xuống cái nền thoải thoải của hang động và mang ra ngoài bãi biển. Ngay khi chúng tới đó, nước biển đang vỗ bập bênh quanh cửa hang.

Cởi giày và tất ra, Charlie xắn quần lên và bảo Billy cũng làm như vậy.

“Chúng ta đi đâu đây?” Billy hỏi.

“Còn đi đâu nữa? tới hòn đảo thôi.”

“Khôôô... ng!” Billy nài nỉ “em không muốn tới đó. Em sẽ không tới đó đâu. Sẽ có những con ma quanh quẩn ở đó sau những gì đã xảy ra. Làm ơn đừng bắt em đi mà.”

“Đừng ngốc thế,” Charlie nói “không có nơi nào khác để đi đâu. Chúng ta sẽ chết chìm mất nếu chúng ta còn dợ ở đây thêm nữa.”

Con thuyền đã sẵn sàng ra khơi khi chúng kéo nó xuống bãi biển, và Charlie ra lệnh cho Billy nhảy vào trong thuyền trước khi quá muộn. Vẫn rên rỉ, Billy bò qua một bên trong khi Charlie giữ chặt con thuyền, rồi nó cũng nhảy vào. Ngồi đối diện với Billy, nó sửa lại mái chèo rồi bắt đầu chèo ra xa khỏi vách đá.

“Anh biết chèo thuyền à?” Billy hỏi, vừa thu mình ngồi co ro trong chỗ ngồi chật hẹp của nó.

“Như một nhà vô địch ấy,” Charlie nói. “Ông cố của anh sống gần biển.”

“Ồ!” Billy kêu lên vẻ ngưỡng mộ.

Thật vậy. Charlie đã trở thành một người chèo thuyền xuất sắc trong suốt những chuyến viếng thăm biển với ông cậu Palton nhưng nó chưa bao giờ phải chèo qua một chặng đường xa như chặng đường mà nó đang phải cố gắng vượt qua. Nó chèo chống lại thủy triều và biển đang trở nên hung dữ. Liên tiếp những đợt sóng khổng lồ tràn vào mạn thuyền và Billy lại hét lên kinh hoàng. Cố gắng che dấu nỗi sợ hãi của chính mình, Charlie khuyên Billy nên nhắm mắt lại cho tới khi chúng được an toàn.

“Chúng ta liệu sẽ an toàn không?” cái giọng thê thiết của Billy bắt đầu khiến Charlie cúi tiết.

“Nếu em không thể nói ra cái gì hay hơn thì ngồi im đi!” nó quát.

Nhận ra rằng cuộc sống của mình đang ở trong tay của Charlie, Billy thôi không nói nữa. Hai cánh tay của Charlie đau nhức tới nỗi nó những tưởng chúng sẽ rớt ra trước khi hai đứa nó đến được hòn đảo. Mỗi khi nó ngoái đầu nhìn, thì cái hình dạng xám xanh với cái vương miện bằng gương ấy trông xa vời hơn bao giờ hết. Có vẻ như nó đang ngày một xa dần và Charlie bắt đầu nghi ngờ sự tồn tại của nó. Có lẽ nó chỉ là một ảo ảnh mà chúng không bao giờ tới được – và cái trò chơi khăm độc ác này đang kéo chúng ngày càng xa khỏi đất liền và chúng đang tiến vào lòng đại dương mênh mông.

Charlie quyết định sẽ không nhìn lại cho tới khi nó đếm tới năm trăm. Nó nghỉ ngơi một lát, hít một hơi thật sâu, và rồi nó trông thấy con bướm trắng đang đậu trên tay áo của nó. Chợt nó nhớ ra rằng cây dừa phép trước kia của nó cần sự chỉ dẫn, Charlie nói. “Hãy giúp tôi! Hãy giúp tôi!”

Nó không chắc là mình đang mong chờ điều gì, nhưng không có phép màu nào xảy ra. Những đợt sóng khổng lồ vẫn tiếp tục dội vào thuyền, bắn những giọt nước tung tóe lên lưng Charlie. Nhưng còn rất lâu trước khi Charlie đếm được tới năm trăm, con thuyền va vào một tảng đá, và lần này khi Charlie ngoái nhìn thì chúng đã tới được đó.

Cẩn thận lái thuyền quanh tảng đá, Charlie nhảy ra, hướng dẫn Billy ngồi cho vững khi nó kéo thang bé vào dòng nước cạn.

Hai mắt của Billy bây giờ mở to, và nó không thể đợi để được ra khỏi thuyền. Nó nhảy xuống, bắn nước tung tóe bên cạnh Charlie, nước đã ngập tới thắt lưng của nó.

Sự vững tâm trở lại khiến hai đứa nó cùng cười khúc khích. Chúng kéo con thuyền ra khỏi nước, lên một cái bờ đầy cỏ dại, vừa làm vừa cười vang trong khi vẫn run lên lập cập vì lạnh.

“Chúng ta sẽ hong khô quần áo trong tòa lâu đài,” Charlie nói. “anh không muốn đến đó chỉ với bộ đồ lót không thôi.”

“Không đâu nếu như nhà vua có ở đó,” nó vừa nhận xét vừa cười.

Giày của chúng đã khô. Mặt đất xung quanh chúng lổn nhổn đầy những đá và cây kể. Theo cuốn sách của Amadis, cánh đồng quanh lâu đài đã từng là nơi mùa màng được chăm sóc tốt tươi. Nhưng bây giờ chỉ có những cây cỏ dại mọc cao ngang thắt lưng, giống như đang đi qua một biển đầy gai vậy.

Mặt đất bắt đầu dốc lên dẫn đến một ngọn đồi đầy đá điểm một vài cái cây méo mó, dị dạng. Vượt lên trên những ngọn cây là những bức tường bằng gương sáng chói của tòa lâu đài, chúng cắt vào bầu trời xanh thẳm những điểm nhọn hoắt và kì dị. Nếu có một cái cửa sổ nào trong tòa nhà bí ẩn kia thì chắc chúng cũng được làm bằng gương vì không có cái gì trông giống một cái cửa sổ cả.

Hai đứa nó bắt đầu bước đi qua những cái cây đã bị gió vặt trụi lá trong khi mặt trời sưởi ấm sau lưng chúng và hong khô quần áo. Chúng bước thẳng tới, ngày một gần hơn, tòa lâu đài đang hiện ra trước mắt, ngày một cao hơn. Charlie chợt nhận ra là mình đang run rẩy một cách sợ hãi. Một cục gì đó đang dâng lên chẹn họng nó lại và khiến nó không thể thốt ra lời.

Thình lình, Billy chạy tới tòa lâu đài. Nó chạm vào những bức tường đang tỏa sáng và nói không ra hơi “nó thật sự được làm bằng gương.”

Charlie đã tới bên cạnh nó. “Nhưng cửa ra vào đâu?”

Chúng sục sạo quanh tòa lâu đài, tìm kiếm đường vào nhưng chỉ thấy bóng dáng của mình phản chiếu trong gương.

Tòa lâu đài rộng hơn so với tưởng tượng của Charlie rất nhiều. Nó nhận ra rằng chúng chỉ mới tới được bức tường thành bên ngoài. Bên trong chắc hẳn là phải có một cái sân lớn và tòa tháp. Nó chỉ có thể thấy đỉnh của tòa tháp cao vượt lên trên những bức tường.

Chúng sắp sửa trở lại vạch xuất phát ban đầu thì Billy, khi chỉ cách Charlie vài mét, đột nhiên biến mất.

Charlie nhảy bổ tới và hét lên, “Billy em đang ở đâu vậy?”

“Em ở đây!” một giọng nói vang lại.

Ngay dưới chân nó, Charlie để ý thấy một cái lỗ đã được che phủ một cách vội vàng bằng những bụi cỏ. Nó quỳ xuống, nhìn vào trong và chỉ thấy bộ mặt xanh xao của Billy đang mỉm cười với nó.

“Không sao.” Billy nói “có một đường hầm và em đã nhìn thấy ánh sáng ở cuối con đường.”

Charlie leo vào cái lỗ và trượt vào bóng tối. Thật là một điều phấn khích khi trượt trên bề mặt láng mượt và sáng lóa, nhưng hạ cánh xuống bằng móng thì cũng hơi ê ẩm.

“Ồi chà!” Charlie đứng dậy và đụng đầu vào trần nhà thấp. “lại ối chà!” nó đang đứng trong một khoảng trống dưới đất nhỏ xíu vừa đủ chỗ cho hai người.

“Nhìn kia!” Billy reo lên. “Một hành lang.”

Charlie quay qua và thấy một cái khe tối trong tảng đá. Nó cúi xuống và nhìn vào trong. Một con đường hẹp dẫn đến một tia sáng xa xa. “Đó không phải là hành lang, đó là một đường hầm.”

“Cũng vậy thôi.”

“Không giống. Chúng ta sẽ phải bò đi.”

“Vậy thì bò thôi.” Billy quỳ gối xuống và bắt đầu bò dọc theo đường hầm. Về miễn cưỡng khi phải đến tòa lâu đài này đã biến mất. Bây giờ trông nó còn phấn khích hơn Charlie nữa.

Chúng đang đi được nửa đường hầm thì Charlie bắt đầu nghe thấy âm thanh của tiếng đàn piano. Tim nó đập nhanh hơn, tuy thế nó vẫn ngập ngừng khi treo ra khỏi đường hầm. Có lẽ nó e ngại những gì nó sẽ phải thấy. Khi đã ra khỏi bóng tối, nó nhận ra mình đang đứng ở một cái sân rộng lớn, được bao phủ bởi những viên đá đang tỏa sáng. Tiếng nhạc phát ra từ tòa tháp vuông ở chính giữa. Một dãy cầu thang hẹp dẫn đến vòm cửa trong tòa tháp; cả cánh cửa và những bậc thang đều được làm bằng những tấm kính màu đen thô cứng.

Những bậc cầu thang cứng như giấy nhám và rất dễ trượt. Billy đi trước và khi chúng lên đến đỉnh, nó gõ cửa một cách lịch sự.

Tiếng nhạc ngừng lại nhưng không ai xuất hiện. Charlie cẩn thận đẩy cửa vào. Hai đứa nó cùng bước vào căn phòng ấy.

Cái nhìn đầu tiên của Charlie đối với người đàn ông ở bên trong đưa lại một cảm nhận dễ vỡ, bởi vì căn phòng được xây bởi những tấm gương mờ hình chữ nhật và người chủ nhân đang đứng đằng sau Charlie. Rất chậm, Charlie quay lại. Nó thấy một người đàn ông tầm thước với mái tóc đen và đôi mắt to màu xanh lá cây. Ông có một chiếc mũi khoằm dài và một cái miệng rộng. Nước da tái như thể ông đã ở trong ngôi nhà này lâu lắm rồi. Có điều gì đó quen thuộc về người đàn ông này khiến cho Charlie khấp khểnh hy vọng.

Người lạ cười thăm dò “các cháu mang cho tôi cái gì?” ông hỏi.

“KKhông có gì ạ” Charlie bối rối “ông đang mong chờ điều gì à?”

“Đôi khi họ gửi đồ ăn.” Người đàn ông ngồi xuống một cái ghế ọp ẹp và thở dài. “Một cậu con trai hay mang thức ăn đến từ đất liền.”

Biết rằng cha mình đã mất trí nhớ, Charlie hỏi, “họ gọi ông là gì?”

“Tôi được gọi là Albert Tuccini nhưng mà tất nhiên đó không phải là tên thật của tôi.”

“Ông... ông biết tên thật của mình sao?”

Albert Tuccini lắc đầu. “Có lẽ là không.”

Charlie bước lại gần người đàn ông. “Cháu nghĩ là cháu biết ông.”

Người đàn ông gật đầu. “rất nhiều người biết tôi. Tôi là một người chơi đàn piano nổi tiếng.”

“Vậy tại sao ông lại ở đây?” Billy hỏi.

“À,” Albert Tuccini đặt một ngón tay lên môi. “Tôi ở ngoài sẽ không an toàn. Tôi không thuộc về nơi đây, cháu thấy đây. Tôi đã mất tổ quốc, gia đình và tên thật của tôi nữa.”

Charlie nghĩ nó nhận ra cách phát âm mang hơi hướng nước ngoài trong lời nói của Albert nhưng nó tự nhủ rằng điều này có thể được giải thích vì người đàn ông này không biết mình là ai. Nó tiến tới Albert Tuccini và chạm vào vai ông. “cháu nghĩ tên thật của ông là Lyell Bone. Có lẽ cháu có thể giúp ông nhớ lại.”

“Cái gì?” một tia hy vọng lóe lên trong đôi mắt xanh buồn bã.

“Cháu nghĩ tên của ông là Lyell Bone”

“Lyell Bone,” người đàn ông lặp lại. “một cái tên hay đấy chứ.”

“Và cháu là Charlie, con trai của ông,” Charlie nói trong hơi thở dồn dập.

Billy kéo lại cổ áo. “Anh không biết điều đó có phải hay không.” Nó nói nhỏ.

“Anh biết” Charlie nói. “Và anh chắc chắn điều đó.”

Người đàn ông trông hết sức bối rối. “con trai?” ông nói một cách nghi ngờ. “không thể nào.”

“Có thể chứ.” Charlie hét lên, hoàn toàn bị thuyết phục rằng đây thật sự là cha nó. “và bây giờ con đã tìm thấy ba, mọi chuyện rồi sẽ ổn. Con sẽ đưa ba về nhà, ba sẽ gặp lại ông cậu Palton. Ba nhớ ông ấy chứ? Palton Yewbeam.”

“Palton ?” người đàn ông lặp lại. “Tôi nhớ Yewbeam. Đó là bà cô Yewbeam đã mang tôi đến đây. Bà cô Eustacia Yewbeam. Đôi khi bà ấy cũng mang thức ăn cho tôi nữa.”

“Tất nhiên rồi!” Charlie quá phấn khởi tới nỗi nó khó mà có thể giữ yên lặng. “có tới ba bà cô Yewbeam. Họ là những bà cô của con, và con biết là chính họ đã làm cho ba biến mất.”

Người đàn ông nói, “ừm, ừm.” rồi lắc đầu. “Gọi tôi là Albert được không? Tôi đã quen với cái tên đó rồi.”

“Chỉ bây giờ thôi đấy.” Charlie đồng ý.

Billy đột nhiên lên tiếng, “em không thể sống ở đây được! nhà Yewbeam sẽ đến đây.”

Charlie nhận ra hoàn cảnh của Billy tệ hơn bao giờ hết. “Chúng ta sẽ tìm một nơi khác,” nó bảo Billy “ngay khi chúng ta có thể.”

Nhưng khi chúng đang nói chuyện, thời tiết bỗng nhiên thay đổi một cách đột ngột. Gió từ hướng bắc bắt đầu rít lên xung quanh lâu đài, những trận mưa đá đập lên những bức tường bằng gương. Một cuộc hành trình qua biển lúc này thật là nguy hiểm. Họ sẽ phải đợi cho tới khi cơn bão đi qua.

Albert đề nghị nấu cho bọn trẻ một bữa ăn. Nhắc cái nắp của một cái rương lớn làm bằng gỗ sồi, ông lấy ra vài cái hộp và trút vào một cái chảo. Một cái bếp nhỏ ở trong góc phòng và Albert bắt đầu nấu ăn. Sau đó Billy và Charlie được trao cho hai cái tô đậu rang và hai cái thìa.

“Tôi sẽ ăn bằng chảo,” người chủ nhà vui vẻ chọc cái thìa làm bằng gỗ vào phần đậu còn lại. “thức ăn trong hộp có thể rất ngon mà, phải không?”

“Vâng” Charlie nói, tự hỏi là cha nó có phải toàn ăn đậu để sống không.

Hai đứa con trai ngồi trên một cái chiếu rơm bao phủ một phần nền nhà bằng gương thô cứng. Tuccini ngồi trên một cái ghế duy nhất. Trong khi ông dùng bữa, Charlie nhìn quanh căn phòng bằng gương. Nó được trang bị đồ đạc hết sức sơ sài. Sát tường là một tấm nệm với đồng chắn trên đó. Một cái túi da cũ nằm bên cạnh cái nệm, và Charlie cho là nó chứa toàn bộ gia tài của người chủ, bởi vì ngoài những thứ đó ra chẳng còn gì cả, trừ một vài cuốn sách, vài cái đĩa và thìa, một đồng tạp chí trên cái bàn tròn. Bên dưới cái bàn là một cái xô lớn, một cái bình và một vài cái hũ nhỏ. Một cái máy hát đã được đặt trên nền nhà ngay bên trong cánh cửa.

Ở phía bên cánh cửa, một dãy cầu thang dẫn lên phía trên tòa tháp. Billy đã ngó chăm chăm những bậc thang này khi nó đang ăn; thật ra, nó không thể rời mắt khỏi chúng. “Chúng dẫn đi đâu vậy?” nó hỏi, nhìn về phía các bậc thang.

“Chúng dẫn đến bức tường lịch sử,” Albert nói, “tôi đã đến đó nhưng không tìm hiểu được gì thêm. Đôi khi, tôi nghe tiếng người ta ca hát, cười nói những lời mà tôi không hiểu và những âm thanh mà tôi không muốn kể.”

“Hồn ma à?” Charlie hỏi.

“Có lẽ thế.” Albert nói, vẻ lảng tránh.

“Cháu muốn đến đó,” Billy nói.

Nhưng khi họ vừa ăn xong, những đôi mắt bắt đầu nhắm lại và chẳng mấy chốc chúng thiếp đi.

Khi Charlie thức dậy, căn phòng bằng gương đang phản chiếu lấp lánh ánh nến. Nó đang nằm trong chăn với Billy bên cạnh, vẫn còn đang ngủ.

“Cháu đã rất mệt, phải không,” Albert nói, nhìn xuống Charlie. “Chắc là cháu đã đi một quãng đường rất dài.”

“Vâng, rất dài.” Charlie nói. “con sẽ kể cho ba nghe nếu ba muốn.”

“Tôi thích lắm. Thật là tốt khi được nghe tiếng người.” Albert đến ngồi bên mép chiếu.

Trước khi Charlie mô tả về chuyến hành trình của nó với hoàng hậu Berenice, nó cảm thấy nên kể sơ về những đứa con của vua Đổ và học viện Bloor. Albert hơi quay đầu đi khi Charlie đề cập đến nhà Bloor, như thể cái tên ấy làm ông rung động. Nhưng sau đó, ông chăm chú nghe Charlie kể chuyện và nhìn nó với một sự tập trung rất ân cần.

“Con nghĩ là nó hơi khó tin một chút,” Charlie nói khi nó kể đến chỗ con bướm trắng đã phát hiện ra cái thuyền.

“Chẳng có gì là khó tin với một người đã không thể nhớ về cuộc sống của chính mình,” Albert nói với một nụ cười buồn bã. “nhìn kìa, đó là con bướm trắng của cháu.”

Charlie nhìn thấy con bướm đang đậu gần mái tóc trắng của Billy.

“nó ở đó khi các cháu đang ngủ,” Albert nói với Charlie, “như một người bảo vệ vậy.”

Billy thức dậy và tự động đi tìm cặp mắt kính. Nó gần như không thấy gì nếu không có kính và nó luôn cảm thấy mất bình tĩnh nếu cặp kính chưa được đặt chắc chắn lên mũi nó.

“Em nghĩ là em đang mơ,” Billy ngồi dậy “nhưng tất cả đều là sự thật phải không?”

“Đúng thế. Chúng ta đang ở lâu đài gương,” Charlie nói.

Billy lập tức tìm kiếm cầu thang cạnh cửa. “Và em đã đi lên đó phải không? Thật sự em có cảm giác là em phải đi tới đó.” Nó ném cái chăn qua một bên và đứng dậy, vẫn nhìn chằm chằm vào cái cầu thang. Chúng hút lấy nó như một thói nam châm.

“Anh sẽ đi với em,” Charlie nói.

Albert trao cho Billy một cây nến vốn được cắm rất nhiều trên những cái hộp rỗng quanh phòng. “cháu sẽ cần cái này đấy,” ông bảo. “trên đó tối lắm.”

“Tổ tiên của cháu sống ở đây.” Billy nói một cách tự hào, “và anh Charlie nghĩ là cháu có thể tìm thấy họ. Ngày hôm qua cháu đã rất sợ hãi nhưng bây giờ thì không như vậy nữa đâu.” Nói rồi, nó dậm bước lên cầu thang và bắt đầu leo lên. Charlie chậm rãi bước theo sau.

Những bậc thang được sắp xếp gập ghềnh và thô nhám dưới chân. Charlie thấy chúng rất khó trèo. Cầu thang xoắn lên phía trên và càng ngày càng trở nên dốc hơn và hẹp hơn. Billy đã đi khỏi tầm mắt nhưng Charlie có thể nghe tiếng bước chân của nó đang gấp gáp tiến lên trên tòa tháp. Ánh sáng của cây đèn cây trở nên yếu ớt khi Billy dần dần. Chẳng mấy chốc, Charlie chỉ có thể nghe tiếng bước chân của Billy dần đường cho nó. “Billy anh không thấy gì hết!”. nó hét lên.

Billy đã đi đến bức tường lịch sử. Nó không nghe tiếng Charlie hét bên dưới, và Charlie phải dò dẫm tìm đường lên các bậc thang và vào căn phòng kì lạ phía trên cùng. Ở đây, những ô cửa kính tạo nên bức tường

đang phản chiếu cái đầu tóc trắng và cặp kính cận lấp lánh của Billy, và ánh sáng từ cây đèn cầy đang nhảy múa khắp mọi nơi. Khi Charlie đứng bên cạnh đứa thẳng bé, hình ảnh phản chiếu của nó trông mờ ảo, mơ hồ.

“Họ đang đến đây,” Billy thì thầm. Nó đứng đó, mê hoặc, nhìn trừng trừng vào bức tường kính.

Charlie bắt đầu nhận ra những hình dạng không rõ ràng đang trôi dạt dờ dằng sau hình ảnh phản chiếu của Billy. “em thấy gì?” nó hỏi khẽ.

“Mọi người,” Billy thì thào, “cả một gia đình. Một người đàn ông đang mặc bộ áo giáp nhưng không có mũ sắt. và một phụ nữ tóc vàng đang cười. Họ đang ngồi quanh một chiếc bàn và đang ăn uống – có lẽ họ đang có yến tiệc. Họ đói nhưng rất vui vẻ. Một trong số họ trông rất giống em. Anh có nghe không, Charlie?”

“Không. Chẳng nghe thấy gì cả.”

“Em có thể nghe thấy những cái tên. Và có ai đó đang hát.”

“Tên gì?” Charlie hỏi.

“Người phụ nữ tóc vàng gọi người đàn ông là Amadis – và bà ấy gọi đứa con trai trông giống em là Owain. Và rồi Amadis nói, “hát lại đi, Amoret. Anh thích bài hát đó.”

“Amoret !” Charlie kêu lên.

“Suyt! anh làm họ sợ biến đi mất.”

“Amoret ?” Charlie nói, hạ thấp giọng xuống. “Em có chắc là ông ta nói là Amoret không?”

“Vâng,” Billy thì thầm. “Người phụ nữ đang hát là Amoret. Bà ấy có mái tóc đen và rất xinh đẹp.”

Charlie nhìn trừng trừng vào bức tường lịch sử, trừng trừng, mong muốn gặp một người nào đó, một người nào đó mà có thể kéo nó vào. Cuối cùng, nó bắt đầu nghe thấy tiếng hát xa xa và nó thấy mình đang trôi bồng bềnh tới một khuôn mặt xanh xao được đóng khung bởi mái tóc đen quăn.

“Charlie !” Billy hét lên “không phải anh đang định đi vào trong đó chứ? Đứng! Đứng! Anh sẽ không bao giờ ra ngoài được đâu.”

17. Chương 17

CÂY THỦY TÙNG ĐEN

Charlie vùng vẫy như đang bơi dưới nước. Việc tiến đến một hình ảnh nào đó thì khác hẳn với việc chui vào một bức tranh hay một bức hình. Khuôn mặt của Amoret vẫn từ từ biến mất. Có vẻ như bà ấy đang cố gắng đưa nó quay trở về.

Nhưng Charlie không đi. Nó tìm cách tiến lên phía trước, quạt không khí sang hai bên và đập vào cái sợi dây vô hình đang níu giữ nó quay lại. Cuối cùng nó cũng vào được trong căn phòng nơi có người phụ nữ đang đứng ôm chặt lấy hai đứa trẻ. Hoàng tử Amadis đã đi và Amoret đang nhìn thẳng vào Charlie.

“Đi đi” Amoret thét lên. “Dù người có là bất cứ ai cũng phải rời đi ngay!”

Và bây giờ Charlie mới nhận thức được những âm thanh khủng khiếp bên ngoài căn phòng. Tiếng động thình thình của những tảng đá lớn đập vào cánh cửa nặng nề, tiếng xé gió của những mũi tên., tiếng la hét và cả những tiếng rên rỉ của cuộc giao tranh ngoài kia. Nó lại trôi lênh bênh ra ngoài sân, trong đám đông hỗn loạn ấy, nó thấy một thẳng bé tóc trắng với con quạ ở trên vai. Thằng bé đâm bổ tới một cái giếng và leo xuống. Ngay sau đó, tòa lâu đài chìm trong biển lửa và Charlie bị kẹt giữa những bức tường lửa ấy.

“Cứu tôi với! Cứu tôi với!” Charlie hét lên kinh hoàng.

Nhưng có cái gì đó đang kéo nó xuống. Nó không thể thoát ra mà cũng không thể thở được.

Có một tiếng “rắc” chói tai vang lên, liền theo sau là tiếng kính vỡ tan. Nó gợi cho Charlie nhớ đến những vụ bể bóng đèn của ông cậu Palton, và ngay lập tức một câu hỏi bật lên trong đầu nó: liệu ông cậu có được an toàn ở nhà không?

“Charlie ! Charlie ! Quay lại nhanh!” một giọng nói xa xăm gọi nó.

Charlie chớp mắt và thấy mình đang nhìn vào một tấm gương vỡ với muôn ngàn tia sáng nhảy múa trên khắp các ô cửa. Những mảnh thủy tinh vỡ đầy quanh nó, lấp lánh như kim tuyến.

“Charlie!” Billy đứng đằng sau nó, tay cầm nệm. “anh đã trở lại chưa?”

Charlie chớp mắt lần nữa và rùng mình. “Ừ, anh đã trở lại.”

“Ông Tuccini phải phá kính. Em nghĩ là anh đã bị mắc kẹt trong bức tường lịch sử.”

“Có vẻ như đó là cách duy nhất để cứu cháu thoát ra ngoài.” Albert Tuccini nhìn Charlie. “Cái việc cháu làm thật là kì lạ. Nhưng không phải lúc nào cũng suôn sẻ nhỉ?”

“Vâng, không phải lúc nào cũng suôn sẻ.” Charlie thú nhận. “nhưng con phải vào trong đó, bởi vì tổ tiên của con Amoret đang ở trong đó. Bà ấy chắc hẳn là đã ở trong tòa lâu đài khi nó bị thiêu cháy, trước khi biến thành gương. Nhưng những con cháu của bà đã ở đâu?”

“Không phải lúc nào mình cũng tìm ra câu trả lời đâu.” Albert nói, “thôi nào. Cháu đã phải trải qua một vài chuyện dễ sợ đấy. Hãy đi nghỉ đi.”

“Bức tường lịch sử đã bị vỡ rồi. Đó là lỗi của con.” Charlie nói, giọng rầu rĩ.

“Chỉ bề mặt bị vỡ thôi,” Albert nói. “những bức tường rất dày. Chúng có thể chịu đựng một lực lớn hơn cái giày cũ của tôi rất nhiều.” nói rồi ông giơ một chiếc giày màu đen lên trước khi đeo nó vào chân trái, buộc chặt dây và tiến về phía cầu thang.

Khi Charlie quay trở lại phòng của Albert Tuccini thì những tia nắng bình minh đang bắt đầu len lỏi vào những bức tường bằng gương. Cơn bão đã đi qua và Albert nhận xét rằng hôm nay sẽ là một ngày đẹp trời. Nếu chúng rời đi nhanh, thủy triều sẽ đưa chúng an toàn vào đất liền.

“Ba sẽ đi với tụi con chứ?” Charlie nài nỉ.

Albert xòe tay ra. “tôi không dám.”

“Nhưng tại sao chứ? Chúng con sẽ giữ cho ba được an toàn mà.” Charlie hùng hồn. “Ba phải quay trở về, vì mẹ và vì mọi thứ.”

“Tôi đã có vợ rồi à?” Albert trông có vẻ sững sốt.

“Tất nhiên. Chứ ba nghĩ con ra đời như thế nào?” Charlie nói một cách giận dữ. Đồng thời nó cũng cảm thấy một nỗi sợ hãi đang dâng lên. Nó đã tìm thấy cha nó rồi lại để ông ở một nơi mà có lẽ nó chẳng bao giờ có thể gặp lại. Nếu bà nội Bone mà biết nó đã đến hòn đảo này thì nhà Yewbeam chắc chắn sẽ chuyển cha nó đi một nơi nào đó mà nó khó có thể tìm thấy được.

Và chính là Billy đã thuyết phục được Albert khiến cho ông phải đi theo hai đứa nó. “Chúng cháu không thể tự chèo thuyền được.” Nó bảo, hai con mắt lớn của nó đầy lo lắng. “chúng cháu cần ông giúp, ông Tuccini. Charlie không đủ khỏe để chèo suốt quãng đường như vậy lần nữa.”

Albert vuốt mái tóc quăn. “Ừm. Có lẽ đó là điều tôi phải làm.” Ông dẫn hai đứa nó ra khỏi tòa tháp, băng qua cái sân và tiến đến một cánh cửa được làm bên trong những bức tường kính. Chỉ một cú đẩy và cánh cửa nhẹ nhàng mở ra. Khi chúng đã bước ra ngoài, Albert đóng cánh cửa lại. Bấy trông nó thật khó phân biệt với những bức tường của tòa lâu đài. “Nó chỉ có thể được mở ra từ bên trong,” Albert bảo hai đứa nó. “Để đi vào người ta phải đi theo một đường ống.” Cái cảnh bà cô Eustacia trượt xuống theo đường ống thành linh lóe lên trong đầu Charlie, và nó tự cười nhạo một mình.

Khi chúng đã đi vào bờ, Charlie kể cho Billy nghe về đứa con trai tóc trắng mà nó đã thấy trèo xuống giếng. “Đó là cách mà nó sống sót,” nó bảo Billy “nó trèo lên sau đám cháy, và bằng cách nào đó nó đã đến được

đất liền và đi đến châu u với con quạ của nó. Đó là nguồn gốc cái tên của em. Và người bảo vệ của em, Christopher Crowquill có tổ tiên là anh trai của tổ tiên em.”

“Có lẽ em sẽ có thể sống chung với Christopher Crowquill,” Billy nói một cách hi vọng.

Charlie im lặng. Christopher tội nghiệp bây giờ còn gặp nhiều nguy hiểm hơn Billy. Ông ấy còn không thể tự chăm sóc cho bản thân mình. “Ông cậu Palton sẽ biết phải làm gì,” Charlie lầm bầm.

Albert Tuccini rải những bước dài đằng trước tụi nó. Ông bảo chúng rằng ông đi bộ ra bãi biển mỗi ngày. “Để tập thể dục,” ông hét về phía chúng. “Hít thở không khí trong lành và giữ cho chân tay vẫn còn hoạt động tốt.”

May mắn là cơn bão đã thổi cái thuyền vào đất liền chứ không thổi ra biển. Albert và tụi nó xắn quần lên và cởi giày tất ra. Họ kéo thuyền xuống nước và trong khi Charlie và Billy ngồi co vào một chỗ, Albert ngồi đối diện và nắm lấy mái chèo. Lưng của ông xoay về hướng những vách đá cao trong đất liền nên ông không thấy hai hình dạng đang đứng ở bãi biển phía xa.

Charlie thấy họ đầu tiên. Tụi nó đập cái thạch. Liệu có phải là nhà Yewbeam không? Billy cũng đã thấy và nó giật tay áo của Charlie. “họ đến để bắt em về,” nó thút thít. “Đáng lẽ em nên ở lại trên đảo.”

“Ở đó cũng không an toàn đâu,” Charlie bảo nó. “Bình tĩnh lại nào, có thể không phải là họ.”

Albert ngoái đầu lại. “Có người. Cháu có thể thấy là ai không, Charlie? Cháu có muốn quay trở lại lâu đài không?”

Charlie nheo mắt lại và chăm chú nhìn. “Không,” nó nói chậm rãi. “con nghĩ – phải, phải, con biết chắc họ là ai.” Bởi vì một trong hai hình dạng đó đã bắt đầu rõ nét. Một người đàn ông cao với mái tóc đen và chiếc áo khoác cũng màu đen. “phải!” Charlie reo lên. “Đó là ông cậu của con Palton. Con không biết người kia là ai nhưng ông ấy rất nhỏ và bị gù. Con không nghĩ ông ấy có thể gây nguy hiểm.”

Charlie phấn khởi tới nỗi nó nhảy lên khỏi chỗ ngồi khiến cho con thuyền nghiêng sang một bên.

“Woah!” Albert kêu lên. “cháu sẽ khiến chúng ta rơi xuống nước mất, Charlie Bone!”

Được giúp đỡ bởi nước triều đang lên, họ vào bờ rất nhanh. Charlie nóng lòng muốn thấy mặt ông cậu Palton khi Albert bước lên bờ, bởi vì Lyell Bone đã từng là người bạn thân thiết nhất của ông cậu, và ông cậu chắc chắn sẽ giúp cho ông nhớ ra ông là ai.

“Ông cậu Palton!” Charlie gọi. “đoán xem con tìm được ai này!”

Palton vẫy tay và hét lên. “ta đã thấy mi đi với Billy Raven rồi. Còn đây là ông Crowquill.”

“Không, không! Ông cậu không hiểu rồi.” Charlie không thể chịu được sự trì hoãn.

Albert nhìn về bờ biển, nhưng ông cậu Palton không tỏ dấu hiệu gì là đã nhận ra ông. Chiếc thuyền cập vào bãi cát, Albert và hai đứa leo ra, lội bì bõm qua vùng nước cạn khi họ kéo chiếc thuyền vào bờ.

Charlie không thể chờ đợi thêm nữa. “nhìn này, ông cậu Palton, con đã tìm thấy cha rồi.”

Ông cậu Palton nhìn Albert với một cái cau mày bối rối. Cuối cùng ông nói, “Charlie đây không phải là cha con.”

Charlie bị sốc tới mức không thốt nên lời.

“Họ gọi tôi là Albert Tuccini,” Albert nói, chìa tay ra. “rất vui được gặp ông.”

Ông cậu cũng tự giới thiệu mình và Christopher và họ bắt tay nhau.

Charlie cảm giác một khối chì đang đè nặng lên ngực mình. Nó đau đớn tới nỗi Charlie không thể nhúc nhích mà cũng không thể suy nghĩ được gì. Một đám mây thất vọng bao trùm lấy nó, bóp nghẹt mọi tiếng kêu. Nó lơ mơ trông thấy Christopher Crowquill đang ôm lấy Billy. Và nó cũng trông thấy ông cậu Palton đang lắng nghe Albert và đang nhìn ra biển về phía lâu đài bằng gương. Ông cậu chắc hẳn là đã thuyết phục được Albert không quay về hòn đảo nữa vì một lát sau cả cái nhóm người vui vẻ ấy cùng đi trên bãi biển.

“Charlie, vẫn ổn chứ nhóc?” ông cậu Palton ngoái lại và đợi nó đi cùng.

“Con ... con ... vâng,” Charlie nói một cách đau khổ. Nó bước đến bên ông cậu.

“Thất vọng lắm phải không? Ta xin lỗi, Charlie.” Ông cậu bóp chặt vai nó.

“Không sao. Con ngốc quá. Con đã biết không thể là ông ấy mà.”

“Một ngày nào đó sẽ là có thể,” ông cậu nói.

Charlie nhìn ông cậu và Albert kéo con thuyền vào hang động. Và rồi tất cả bọn họ đều leo lên những vách đá qua một cái vịnh khác nơi một con đường mòn hẹp uốn lượn đến tận đỉnh của vách đá.

Christopher Crowquill dẫn đường với Billy ở đằng sau. Kế đến là ông cậu Palton, theo sau là Charlie. Albert Tuccini đi sau cùng. Việc leo trèo khá nguy hiểm và khi họ đi được nửa đường, ông cậu Palton bảo, “mi đã thấy bọn ta xuống thế nào rồi đấy, hầu như toàn đi bằng hông.”

Charlie cố rặn một nụ cười nửa miệng. Nó ngoái đầu nhìn lại tòa lâu đài bằng gương. Nó được che phủ bởi màn sương mù và chẳng mấy chốc không trông thấy đầu nữa. Nhưng những bí mật ghê gớm của nó vẫn còn ở đó, ẩn giấu trong những bức tường lịch sử và một ngày nào đó Charlie phải quay trở lại để khám phá chúng.

Khi họ lên tới đỉnh của vách đá, thủy triều đã lên cao. Đứng trên cao nhìn xuống, Charlie trông thấy những con sóng bạc đầu đang động ầm ầm vào thành đá đen lờm chờm.

Albert Tuccini đã theo dõi Charlie một cách lo lắng. Ông đặt tay lên cánh tay của nó và bảo, “tôi xin lỗi, tôi đã không phải là cha của cháu.”

“Không sao đâu ạ,” Charlie nói, giọng nó nghe nghèn nghẹn.

Họ đi bộ lên đỉnh vách đá tới chỗ ông cậu Palton đã đậu xe. Khi họ đang quay đi, một con chim đột ngột thét lên tiếng kêu lãnh lút và tung cánh bay vào bầu trời. Charlie chăm chú nhìn về trước xem cái gì đã khiến con chim sợ hãi đến vậy và nó thấy một hình dạng đen thui đang đứng ngay trên lối mòn.

Ông cậu Palton đi chậm lại. “Cái gì..?” ông lắc đầu. “Một cái cây” và vẫn sải bước đi trước.

Khi đến gần cái cây, họ thấy một mớ lùm xùm kì dị chẳng ra hình dạng gì. Những nhánh cây cong queo phủ những chiếc lá kim đen mỏng mảnh và vỏ cây thì chẳng chít những rãnh nứt nẻ.

“Một cây thủy tùng đen.” giọng ông cậu Palton rùng mình.

Trước mắt họ, một khuôn mặt méo mó tựa các thần lùn giữ cửa trong truyện cổ hiện ra trên lớp vỏ cây xù xì. Các nhánh cây co quắp lại khiến những chiếc lá kim rơi lả tả như mưa – mưa màu đen. Và thân cây quằn quại từ từ hiện nguyên hình là một người đàn ông cao lớn. Đó chính là Tantalus Ebony. Lão nhìn trừng trừng vào cái nhóm người đang đứng bất động trước mặt, cặp môi mỏng dính của lão uốn thành một nụ cười thâm độc.

Charlie không tin nổi vào mắt mình nữa. Tantalus Ebony là người biến hình?

Lão lên tiếng. “chúng ta lại gặp nhau, Palton Yewbeam.”

“Cái gì..?”

“Thôi nào, Palton. Đừng nói với ta là mi không trông đợi giờ phút này nhé. Ta đã cảnh cáo mi, đúng không, rằng nếu mi làm hại con gái ta, Yolanda, mi sẽ phải trả giá bằng mạng sống của mi?” giọng nói vang rền như thể nó đến từ sâu trong lòng đất. “MI ĐÃ GIẾT ĐỨA CON GÁI YÊU QUÍ CỦA TA!” lão đột ngột rống lên.

“Yorath,” Palton nói chẳng chút sợ hãi, “con gái ông là một con quái vật.”

Lão biến hình gào lên giận dữ và lao hết tốc lực về phía Palton. Charlie có thể mục kích những gì sắp diễn ra. Bất kể mạng sống mình, Tantalus sẽ đẩy ông cậu vào vách đá. Charlie níu chặt lấy Palton, nhưng ông cậu đã đẩy tay nó ra và bước lên đằng trước.

Đột ngột, một thân hình nhỏ bé màu xám lao vào Tantalus. Trong giây lát, họ vật lộn với nhau, và rồi, ngạc nhiên làm sao Christopher Crowquill đã ép được lão biến hình kia tới vách đá. Nó xảy ra nhanh đến mức không một tiếng kêu, không một động tác nào đủ nhanh để ngăn cho cả hai người đâm thẳng đến bờ vực – và thế là hết!

Có một tiếng thét và rồi im lặng.

Palton chạy tới chỗ hai hình người đã biến mất. Ông giang tay ra khi Charlie và Billy nhảy tới. “KHÔNG!” ông kêu lên, bắt tội nó trở về chỗ cũ. Nhưng Charlie đã thấy mặt nước sủi bọt và những tảng đá đen. Không có gì khác, ngoại trừ một con chim đang chao cánh trên ngọn sóng. Một con quạ hay một người biến hình?

“Ông ấy đã hi sinh để cứu tôi,” Palton nói giọng khàn khàn.

“Tại sao?” Billy gào lên “tại sao ông ấy lại làm như vậy? ông ấy là người họ hàng duy nhất của tôi. Người bảo vệ của tôi. Bây giờ chẳng còn ai hết.”

“Vẫn còn có chúng tôi đây,” Charlie nói.

“Tại sao? Tại sao vậy?” Palton lắc đầu. “Thật không hiểu,” ông như đang cố thu mình lại. “Chúng ta phải rời khỏi đây thôi. Tôi sẽ báo động cho người bảo vệ bãi biển khi chúng ta đã đi xa khỏi cái nơi quỷ quái này. Không thể làm gì hơn được nữa.”

Một thoáng im lặng, họ lại tiếp tục đi cho đến khi họ đến được chỗ để xe của Palton. Charlie và Billy ngồi băng sau trong khi Albert ngồi ghế trước.

Trong khi lái xe, ông cậu Palton giải thích cuộc tấn công của lão già biến hình cho Albert Tuccini, lúc này vẫn đang còn hoang mang, nghe. “lão quá già đến nỗi lão phải mượn hình dạng và đôi khi cả trí óc của những sinh vật khác. Con gái của lão cũng tồi tệ như vậy. Bà ta đã giết mẹ tôi và rồi còn làm hại một người rất دوست yêu quý của tôi.”

Charlie thì thầm, “cô Ingledew?”

Billy ngoảnh đi và rúc vào trong góc, một bức tranh sầu thảm.

“Bà ta chắc hẳn rất độc ác,” Albert nói.

“Tôi đã giết điện chết bà ta,” Palton nói tỉnh không.

Nếu Albert có bị sốc, ông đã không để lộ nó. Có lẽ một vài kí ức đang tái hiện lại. Những kí ức quá tệ khiến chẳng có gì làm ông ngạc nhiên được nữa.

Sau khi đã đi được khá lâu, họ dừng xe tại một quán cà phê ở bên rìa một thị trấn nhỏ. Thời tiết ẩm áp và ngập nắng nên ông cậu Palton chọn chỗ ngồi ở ngoài trời. Ông đưa cho Charlie một danh sách các món và tiền đủ trả cho bốn suất ăn trưa. Billy, có vẻ như đã khá hơn một chút, theo Charlie đi vào một căn phòng tối mờ, chỉ được thắp sáng bởi một vài bóng đèn yếu ớt.

“Sao ông cậu của anh không vào?” Billy huých khuỷu tay của Charlie khi nó đang gọi món với một người phụ nữ tóc màu đỏ tía sau quầy.

Charlie đưa mắt nhìn Billy về cảnh báo và Billy hạ giọng, “em đâu có nói gì sai?”

Charlie cười với người phụ nữ và cô cũng cười lại với nó trước khi biến vào sau một tấm màn được kết bằng các chuỗi hạt.

Khi Charlie và Billy trở lại bàn thì ông cậu Palton đang ở trong một trạm điện thoại công cộng bên kia đường.

“Ông ấy đang báo cảnh sát về vụ việc,” Albert nói. “Thật là một chuyện kinh khủng.”

“Một chuyện tốt và một chuyện xấu, thật vậy,” Charlie nói mà không suy nghĩ.

Billy bắn cho nó một ánh nhìn tổn thương. Albert không nói gì. Một lát sau, một cô gái trong bộ váy đen cực ngắn xuất hiện với một khay bánh mì san-wich, nước khoáng, nước cam vắt và cà phê. Ông cậu Palton

đã gọi điện xong, nói rằng ông đã làm hết sức để giải thích những chuyện đã xảy ra nhưng cảnh sát có vẻ chỉ xem nó là một trò đùa.

“Billy thân mến, ta không biết liệu điều này có giúp gì cho cháu không nhưng người bảo vệ của cháu đã rất rất quan tâm đến cháu. Mọi chuyện ông ấy làm đều có lí do của nó. Thật sự, ta tin là ông ấy đã hi sinh thân mình cho cháu. Trong suốt bảy năm qua, ông ấy rất mong chờ được gặp lại cháu. Ông ấy chưa bao giờ từ bỏ cơ hội để được ở bên cháu.”

Bằng một giọng yếu ớt, Billy nói, “vâng.”

Albert Tuccini vẫn giữ im lặng suốt bữa ăn. Có một ánh nhìn xa xăm mơ hồ trong đôi mắt của ông, và ông có vẻ như không nhận ra những người khác. Khi bánh đã được ăn hết (Charlie ăn phần của Billy), Albert nói rằng mình muốn vào phòng vệ sinh.

Vài phút trôi qua. Rồi mười lăm phút trôi qua và Albert vẫn chưa trở lại, ông cậu Palton trở nên lo lắng và Charlie được cử đi xem xét phòng vệ sinh. Không có ai ở đó cả.

Ông cậu Palton cau mày khi nghe tin này. “không có ai? Chắc không nhóc?”

“Không hơn không kém,” Charlie nói.

Palton đứng dậy. “ta phải đi xem.”

“Có nên không hả ông? Có rất nhiều đèn trong...,” Charlie nói.

Nhưng ông cậu của nó đã sai những bước dài qua cánh cửa của quán cà phê. Charlie cầu nguyện cho ông cậu không gây ra sự cố gì. Một lát sau, nó nghe tiếng quát của một người đàn ông, “Sue, bóng đèn trong phòng vệ sinh nam đã tắt hết rồi. thật là một đồng lõa xôn. Mảnh thủy tinh khắp nơi.” Rồi tiếng ông cậu.

“Ồ, vâng,” ông cậu Palton nói một cách lo lắng.

“Người đàn ông đó để lại lời nhắn cho ông.” Cô gái trao cho Palton một mảnh giấy đã được gấp lại rồi bước đi, cầu nhàu rằng cô đã có quá nhiều thứ cần hơn là ba cái việc đưa thư và dọn phòng.

Ông cậu Palton mở tờ giấy ra. Biểu lộ của ông trở nên nghiêm trọng khi ông đọc nó. “ta chẳng thể nói được gì. Ta ngạc nhiên quá. Tội nghiệp ông ta.”

“Trong đó viết gì vậy?” Charlie hỏi.

Ông cậu của nó đọc to tờ giấy lên.

“Ông Yewbeam thân mến,

Dù chỉ trong một thời gian ngắn nhưng tôi rất vui được quen biết ông, Charlie và Billy. Nhưng chúng ta phải chia tay nhau ở đây. Đừng tìm tôi, tôi xin ông. Điều đó tốt hơn cho tôi. Có lẽ chúng ta sẽ gặp lại nhau trong những lần tới vui vẻ hơn.

Người bạn chân thành của ông,

Albert Tuccini (như đã gọi)”

“Ông ấy sẽ đi đâu?” Charlie hỏi. “Trong khi ông ấy còn không nhớ mình là ai?”

Ông cậu Palton nhún vai và nhét tờ giấy vào túi. “Ta tin rằng ông ấy là một nhạc công thiên tài, Charlie. Chúng ta hy vọng là ông ấy có thể tìm cho mình một cuộc sống tốt hơn ở đâu đó trên thế gian này.”

Họ quay lại chỗ chiếc xe và bắt đầu cuộc hành trình khác về phía nam, hướng đường Filbert và học viện Bloor. Sự ra đi đột ngột và dễ sợ của Christopher Crowquill đã choán hết tâm trí của Charlie nhưng giờ đây những kí ức về chuyến đi với hoàng hậu Berenice đột ngột quay về như dòng thác lũ và nó không thể tưởng tượng được tại sao mình lại quên nói cho ông cậu biết về chuyến đi ấy.

“Ông không hỏi con là làm sao con tìm được hòn đảo đó,” nó nói, nhào người lên chỗ ngồi của ông cậu.

“Bạn của mi, Tancred, đã nói cho ta biết về con ngựa trắng, nếu đó là những gì mi định nói ,” ông cậu Palton nói. “ta không thể nào khiến nó cúp máy được. Nó nói đủ thứ: lời thề và yêu quái, hồn ma và bão

tổ. Thằng nhóc đó có thể làm ra nó mà, đúng không? Nhưng đó không phải là thứ ta quan tâm. Hai đứa mi mấy ngày nay chắc chắn đã nằm dưới bàn may.”

“Bàn may?”

“Nghĩa là bị vụn, ủi, vất kiệt.” ông cậu Palton giải thích.

“Bị ủi,” Billy nói nhỏ, “phải con cảm thấy bị ủi.”

“Này hai đứa nhóc, ta nên ...” ông cậu Palton ngập ngừng và rồi ông nói, “đừng bận tâm.” Charlie tự hỏi không biết ông cậu nó định nói gì. Giọng nói của ông mang một ngữ điệu cảnh báo, nhưng có lẽ ông cảm thấy tội nó đã trải qua đủ chuyện trong ngày hôm nay rồi.

Im lặng một lúc lâu và Charlie lên tiếng, “con ngựa chạy đi khi nó trông thấy hòn đảo. Không biết là bà ấy đã đi đâu.”

Khi đề cập đến hoàng hậu, Billy ngồi thẳng dậy và một nụ cười xẹt ngang trên khuôn mặt nó. “Bà ấy nói là bà ấy sẽ không bỏ rơi chúng ta. Em nghĩ là chúng ta sẽ còn gặp lại bà ấy. Chắc chắn như thế. Bà ấy giống như tổ tiên của chúng ta vậy.”

Charlie rất vui khi thấy Billy phấn khởi như thế.

Một đốm sáng nhỏ chập chờn quanh tay áo của nó, Charlie bảo, “ông cậu Palton, con đã tìm thấy cây dừa phép của con. Nói chính xác hơn là nó đã tìm thấy con. Bây giờ nó đã biến thành một con bướm rồi.”

“Chà, ngạc nhiên đấy.”

Sự bầu bạn của con bướm khiến Charlie cảm thấy được yên ủi, điều mà nó đang rất cần. “Ông sẽ không nói cho mẹ con biết về những gì con nghĩ chứ?” nó hỏi ông cậu, “về cha con ấy?”

“Không, Charlie. Ta sẽ giữ bí mật.”

18. Chương 18

MẤT CÂN BẰNG

Khi họ đến được thành phố thì trời đã tối. Ông cậu Palton không lái xe thẳng tới đường Filbert, như Charlie đã mong chờ. Thay vào đó, ông đậu xe ngay bên ngoài tòa nhà quen thuộc và huyền ảo nơi gia đình Fidelio sinh sống. Ngôi nhà Gunn.

“Chúng ta làm gì ở đây?” Charlie hỏi.

Ông cậu Palton xoay người lại. “có vẻ như đây là giải pháp tốt nhất.” ông nói, nhìn vào Billy.

Billy đã im lặng gần như suốt quãng đường. Nó thậm chí cũng chẳng buồn tự hỏi mình sẽ đi đâu hay mình sẽ bị đem bán ở đâu. Có lẽ nó đã từng trông đợi là nó sẽ được sống tại ngôi nhà số 9, mặc dù với bà nội Bone ở bên, nó sẽ chẳng thể nào trốn được lâu. Bây giờ, cùng lúc, Billy há hốc miệng khi ông cậu Palton nói.

“Ý ông nói là cháu sẽ sống ở đây?” Billy hỏi.

“Ta không thể nghĩ ra nơi nào tốt hơn,” ông cậu Palton nói. “Tất nhiên, ông bà Gunn đã đồng ý kế hoạch. Mi sẽ không bị để ý đến trong một ngôi nhà đã có tới bảy đứa lóc chóc. Đây là giải pháp của ông Crowquill.” Giọng ông cậu nhỏ lại. “Và cũng là một giải pháp tốt. Ông ấy luôn lo lắng cho mi, Billy à.”

Và rồi Charlie đã đoán được tại sao Christopher Crowquill lại cứu ông cậu Palton. Christopher đã bị ốm, cai cũng thấy điều đó. Ông ấy dễ dàng là một nạn nhân của nhà Bloor. Nhưng ông cậu, người đã được thừa hưởng một tài phép chết người thì không như thế. Christopher đã cứu người duy nhất mà ông ấy biết

có thể bảo vệ Billy raven. Billy trông đã vui vẻ hơn. “Vâng, đó là một ý kiến hay. Cháu đã ở với gia đình Fidelio trước đây.”

Ngay khi họ ra khỏi xe, tiếng ồn trong căn nhà Gunn đã nuốt chửng họ. Đủ thứ loại nhạc cụ đang được đập, nện, thổi và cạo. Giọng nam trầm oang oang của ông Gunn và giọng nữ trầm cũng to không kém của bà Gunn đang cạnh tranh với các loại nhạc cụ của mấy đứa con, và cả tòa nhà đang rung lên.

“May là cái nhà này chưa sập.” ông cậu Palton nói. Ông nhấn một cái nút bên cạnh cửa chính.

Ngay lập tức một giọng nói đã được thu âm sẵn gầm lên, “CỬA! CỬA! CỬA!”. Rõ ràng chuông cửa chẳng có tác dụng gì trong cái cảnh om sòm huyền ảo này.

Anh trai của Fidelio, Felix, ra mở cửa. “Charlie Bone!” nó kêu lên. “Fidelio đã phát ốm vì lo lắng cho em đây. em đã ở đâu vậy?”

“Đó là một câu chuyện dài.” Charlie bước vào trong căn nhà, theo sát phía sau là Billy.

“Billy raven. Hai lúc nào cũng đi cùng với nhau,” Felix nói, tay sập cửa lại.

“Chờ đã,” Charlie nói. “ông cậu của em vẫn còn ngoài đó. Anh cảm phiền tắt đèn giùm.”

“Tai họa đến rồi! ông Yewbeam!” nó mở cửa và ông cậu bước vào đại sảnh tối om.

Ông bà Gunn vẫn tiếp tục bữa ăn trong nhà bếp, trong khi Felix rống lên, “đèn, đèn, ba mẹ ơi! Tắt đèn! Ông Palton người tăng áp đang ở đây!”

Charlie không thấy mặt ông cậu nhưng nó biết ông đang đỏ mặt bởi cái cách ông hắng giọng.

Vẫn hát, bà Gunn thò đầu ra khỏi nhà bếp. “cái gì, cái gì, cái gì, cái gì, cái gì, cái gì, cái gì, cái gì, cái gì?” bà vẫn luyến luyến theo âm C trưởng.

“Ông YEWBEAM, mẹ ơi!” Felix lại gào lên “ông Yewbeam. Tắt đèn!”

“Chúa ơi!” bà hát lên rồi tắt đèn nhà bếp.

Lại có một tiếng gầm như hát của ông Gunn khi ông vấp phải con mèo điếc, và tiếng gào của con mèo bị đâm phải đuôi.

“A, Billy đã được tìm thấy rồi,” bà Gunn nói khi nó thận trọng bước vào nhà bếp. “chào Billy, con sẽ được an toàn ở đây, cưng à. Quá nhiều trẻ con, quá nhiều âm nhạc. Đây là một nơi ẩn trốn lý tưởng đấy.”

Ba vị khách ngồi ở bàn ăn, trong khi họ ăn bánh sandwich, Felix kể cho họ nghe một số tin tức từ học viện Bloor. Felix mới có bằng âm nhạc và sắp sửa tham gia một tua diễn vòng quanh thế giới cùng với nhóm nhạc của mình khi nó được nhà Bloor triệu đến để thế chỗ cho một giáo viên âm nhạc đã biến mất một cách bí ẩn. “Tên là Ebony.” Felix nói.

“Chúng em biết.” Charlie nói.

“Không thể từ chối được,” Felix thêm vào, “mức lương rất hấp dẫn.”

“Ta cá là như thế,” ông cậu Palton nói. “các chuyện khác thì sao?”

“Còn chuyện gì mà không xảy ra nữa chứ,” giọng Felix xúc động, “Gabriel silk đã bị hôn mê. Nó phải bỏ học.”

“Cái gì?” Charlie la lên. “nó xảy ra như thế nào?”

“liên quan đến cái áo choàng,” Felix nói. “nhưng một đứa bạn khác nữa của em, đứa mà làm bão ấy...”

“Tancred? Điều gì đã xảy ra cho nó vậy?” Charlie làm rớt cái bánh và con mèo nhảy tới vồ lấy nó.

“Nó cứ điên tiết lên,” Felix nói, “khiến cho mưa cứ rơi lên đầu đám bạn nó. Fidelio đã bị dầm mưa vài trận, Lysander cũng thế và Emma Tolly đã có một khoảng thời gian cực kỳ tệ hại. Mấy đầu ngón tay của nó bị sét đánh.”

“Không phải chứ!” Charlie không thể tin được điều đó. Cái gì đã xảy ra cho Tancred, khiến nó đối xử với bạn bè của nó như vậy? Charlie đã nghĩ tới việc nghỉ học một tuần để nghỉ ngơi, nhưng bây giờ chuyện đó không còn cần thiết nữa. Nó phải tìm ra chuyện gì đang diễn ra ở học viện Bloor. Những lời nói của bà bếp vang lên trong đầu nó. “Ta là đá nam châm, Charlie. Ta giữ sự cân bằng. Một khi sự cân bằng đó mất, chúng ta sẽ thua.” Vậy thì điều gì đã xảy ra cho bà bếp?

“Ba chọi sáu,” Charlie thầm nghĩ. “hoặc bảy nếu tính luôn Manfred.”

“Chuyện gì vậy, Charlie?” ông cậu Palton hỏi.

Charlie ngước lên “cháu phải quay về học viện Bloor.”

“Không phải đêm nay, nhóc ạ,” ông nói. “đèn sẽ bị cháy. Thậm chí họ còn không mở cửa nữa kia.”

“Vậy thì ngày mai,” Charlie đáp. “ngay khi có thể, nếu cần con sẽ đi bộ.”

“Không cần như vậy đâu” Felix nói. “anh sẽ cho em quá giang.”

Khi Charlie và ông cậu Palton sắp sửa đi, có một tiếng động kì cục bên dưới bàn và ông Gunn lại véo von, “Pusskins lại ăn củ cải nữa rồi.”

Charlie thở phào khi thấy Billy cũng cười. Nó rõ ràng là đã ở đúng chỗ - ít nhất là cho tới bây giờ.

Ngay khi Charlie bước vào căn nhà số 9 và tắt đèn ở phòng ngoài đi, bà nội Bone quát nó từ phòng khách. “khỏi cần kể lể với tao là mày đã ở đâu mấy ngày nay. Tao đã biết cả rồi, thằng ngốc ạ”

“Thôi đi, Grizelda.” Palton lầu bàu.

Ngoại Maisie tóm lấy nó, lôi nó vào nhà bếp được thắp sáng bởi những ngọn nến và khiến nó nghệt thở trong vòng ôm của bà. Mẹ nó cũng ôm nó, và khi Charlie gần chết ngạt, nó mới được phép ngồi xuống bàn và uống một cốc ca cao.

Tất nhiên ngoại Maisie và mẹ nó đều muốn biết chuyện gì đã xảy ra cho nó, nhưng ông cậu Palton nhắc đi nhắc lại là nó phải được đi ngủ trong khi nó đang kể cho họ nghe về lâu đài gương.

Mất Charlie rú lại khi nó leo lên giường ngủ. Cái thứ cuối cùng nó thấy được trước khi chìm sâu vào giấc ngủ là ánh sáng nhấp nhoe của con bướm trắng khi nó đậu trên cái bàn cạnh giường.

Felix Gunn đã giữ đúng lời hứa. Nó xuất hiện trong một cái xe cà tàng kiểu Pháp nhỏ, ngay khi Charlie vừa ăn sáng xong.

“Ai đó?” bà nội Bone hỏi khi Felix đưa Charlie tới học viện Bloor.

“Không phải chuyện của bà.” Ngoại Maisie đáp.

Nhưng, tất nhiên, bà nội Bone bị thôi thúc phải tìm ra. Liệu có phải sự xuất hiện của Felix đã lôi kéo sự chú ý của bà đến gia đình Gunn hay không Charlie chẳng bao giờ biết được. Có lẽ nhà Bloor chưa bao giờ thật sự xem nhà Gunn là đồng minh của Charlie cho tới khi anh của Fidelio xuất hiện trước cửa nhà số 9. Nhưng một khi nhà Bloor bắt đầu có hứng thú với gia đình Gunn, hậu quả có thể rất bi thảm.

Charlie có thể cảm nhận được bầu không khí căng thẳng ngay khi nó bước vào phòng học. Fidelio đưa ngón tay cái lên, nhưng mọi người nhìn nó một cách ngờ vực. Nó có cảm giác như thể trên đầu mình đang mọc ra hai cái sừng vậy. “và mình chỉ mới đi vắng có hai ngày.” Nó tự nhủ.

Charlie cuối cùng cũng bắt kịp Fidelio trong giờ giải lao.

“Anh không biết là ai đã loan tin đồn này ra, nhưng có một số câu chuyện kinh dị xung quanh em và Billy,” Fidelio bảo, khi chúng cùng nhau đi qua bãi cỏ. “mọi người nói là em đã bị đuổi.”

“Tốt hơn em nên nói sự thật cho anh biết.”

Fidelio đề nghị chúng vừa đi vừa nói vì có những kẻ nghe lén ở khắp mọi nơi. Vài phút sau, Lysander nhập hội. Charlie chưa bao giờ thấy nó chán nản như vậy. Nó cũng chính là người đã phát hiện ra Gabriel nằm bất tỉnh dưới cái áo choàng màu xanh da trời.

“Anh đã cảm thấy rất lo lắng khi nó tiến đến phòng âm nhạc,” Lysander bảo Charlie. “Đặc biệt khi Fido đã thấy Dorcas Loom mang cái áo choàng ấy lên tòa tháp. Ngay khi anh phát hiện ra Gabriel, anh đã báo với thầy Saltweather. Ông ấy đã gọi xe cứu thương.”

“Bồ đã chọn đúng người đấy,” Fidelio nói một cách nghiêm trang. “nếu bồ báo với Manfred, Gabriel tội nghiệp có lẽ chẳng bao giờ được đưa tới bệnh viện.”

Đó quả là một suy nghĩ hết sức sáng suốt.

“Hình như có động đất xảy ra vào đêm hôm đó,” Fidelio nói sau một hồi ngẫm nghĩ. “Một tiếng động ầm ầm dưới lòng đất nhưng sáng ra mọi việc trông rất bình thường.”

“Dưới đất?” Charlie nhú mày.

“Và bây giờ thì nhìn Tancred kìa.” Lysander chỉ tay qua bãi cỏ. “Tancred và cái thằng oắt con ấy.”

Charlie nhìn Tancred và Joshua đang cười cợt với Dorcas về mọi người. Áo của Joshua dính đầy những chiếc lá khô.

“Nhưng làm thế nào..?” Charlie hỏi.

“Từ tính!” Lysander rít lên qua hai hàm răng nghiến chặt.

“Joshua ?” Charlie nói một cách ngờ vực.

“Em sẽ ngạc nhiên đấy,” Lysander nói dứt khoát “mẹ của anh biết mọi thứ về nó. Người ta không cần phải khỏe mạnh, đẹp trai hay thậm chí khéo léo. Chỉ một số người có nó. Họ có thể xoay bạn vòng vòng quanh những ngón tay của họ.”

“Nhưng Tancred,” Charlie vẫn không tin. “Anh ấy đang đứng về phía chúng ta. Làm sao mà anh ấy có thể trở mặt như thế? Ý em là nó đã không xảy ra với anh.”

“Anh đã được chuẩn bị,” Lysander nói. “Nhưng từ tính là một tài phép đầy quyền năng. Em phải cảm nhận nó, Charlie. Khi Joshua mỉm cười với em, có sự lôi kéo nào đó khiến em muốn làm bạn với nó, bất kể bản thân em nghĩ như thế nào.”

“Em cũng cảm thấy có gì đó” Charlie thú nhận, “nhưng em không để nó tóm được em.”

Lysander gật đầu một cách thông minh và chín chắn theo kiểu của nó. “Và Emma cũng như thế.”

“Emma mạnh hơn em tưởng,” Charlie nói. “nhưng còn Tancred. Làm sao anh ấy có thể để bản thân mình bị cuốn đi như thế?”

Lysander thở dài. “Tancred là một đứa tốt nhưng nó hơi vênh váo. Joshua đã lợi dụng điều đó. Và bây giờ Tancred đã rơi vào tay nó.”

“Em không tin được” Charlie nói. Ở phía bên kia sân chơi, ai đó đang hét lên. Một trong những đứa con gái mới đến nhập học đã bị té sổng xoài vì một khúc gỗ lớn. Idith và Inez đang đứng cách đó vài mét, trông cực kì nham hiểm.

“Chính là chúng,” Lysander nói. “chúng là những con quỷ, cả hai đứa.”

Olivia và Emma đã trông thấy tụi nó và đang chạy đến trong khi một đám mây đen đột ngột xuất hiện ngay trên đầu hai đứa nó. Khi chúng chạy tới, cơn mưa cũng đi theo chúng. Ba đứa con trai quay người lại và chạy đi núp dưới những gốc cây. Charlie thấy loáng thoáng khuôn mặt đang cười của Tancred còn Joshua thì cười nghiêngngả.

“Anh ấy cố ý làm như vậy,” Olivia gào lên khi nó thu mình lại để che mưa. “Mình là bồ đã quay lại, Charlie. Có lẽ bồ có thể làm điều gì đó với Tancred .”

Charlie không biết mình có thể làm gì. Nó nhìn những khuôn mặt đang vây quanh nó. Thật là tốt khi biết rằng vẫn còn một vài đứa bạn mà mình có thể trông cậy được. Và rồi nó thấy tay của Emma. Các đầu ngón tay đều được băng lại. Chỉ có hai ngón tay cái là thoát được đòn tấn công sấm sét đó.

“Có thật là Tancred không vậy?” Charlie nhìn trừng trừng vào những cái băng.

“Mình không biết,” Emma nói “một phút khi mình đang đứng cạnh đồng hồ, nói chuyện với Olivia và tiếp đến có một tiếng sấm vang dội, một ánh chớp nháng lên và mọi người vừa la hét vừa chạy vội vào trong. Mình cảm thấy giống như bị chích ở những đầu ngón tay...”

“Và mình nhìn xuống những ngón tay của bạn ấy,” Olivia tiếp, chỉ vào tay Emma, “Chúng đầy máu đỏ tươi.”

“Bây giờ mình đỡ nhiều rồi.” Emma lắc lắc cái tay. “Và mình không thể chứng minh được đó là Tancred.”

“Đúng là anh ấy mà,” Olivia khẳng định. “Bồ cần phải làm gì đó, Charlie!”

“Mình?” Charlie trợn mắt trong khi mấy đứa khác đang chăm chăm nhìn nó.

“Em có thể bắt đầu bằng việc kể cho tụi anh biết em đã ở đâu.” Lysander nói.

“À được.”

Charlie mô tả vắn tắt hành trình của nó trên bãi biển đầy vỏ sò và cái lâu đài gương kì lạ ấy. Cả bọn há hốc miệng kinh hoàng khi nó kể tới đoạn Tantalus Ebony và Christopher Crowquill. Không đứa nào lên tiếng cho tới khi Fidelio phát ra một tiếng khịt khịt trong cổ họng và nói. “Thật thế à? Kinh khủng quá!”

Charlie không kể cho chúng nghe việc nó đã tin Albert Tuccini là cha nó. Sự thất vọng vẫn khiến nó đau khổ.

“Thật là kinh khủng,” Lysander lặp lại “nhưng rất có thể tất cả chúng ta đều biết Albert Tuccini, đúng không? Ông ấy đã đến đây trình diễn màn độc tấu piano trong suốt học kì mùa xuân. Bạn không nhớ à?”

Tất cả lại tràn về như thác lũ. “Tất nhiên” Charlie nói một cách chậm rãi và buồn bã. “Và khuôn mặt đằng sau cửa sổ trong nhà của các bà cô, và cây đàn piano phía trên, sau trận hỏa hoạn đó. Đó luôn là Albert Tuccini không phải là một ai khác.”

“Những bà cô Yewbeam của em!” Lysander nhướn đôi mắt to màu nâu của nó lên trời. “Họ là những tội phạm, Charlie ạ. Họ đã lợi dụng người nhạc công tội nghiệp đó, giả vờ như là đang giúp ông ấy nhưng thật ra chỉ kiếm tiền từ những buổi hòa nhạc của ông ấy thôi. Thật là một đám làm ghê tởm.”

“Anh có thể nhắc lại đó,” Charlie nhẩn nhó nói.

Cơn mưa tai quái của Tancred dừng lại trước khi giờ giải lao kết thúc, và năm đứa tụi nó có thể chạy vào lớp mà không bị ướt thêm tí nào nữa.

Charlie quyết định là nó phải tìm bà bếp. Chỉ có bà ấy mới đủ thông minh để khuyên nó phải làm gì bây giờ... Nhưng khi không thấy bà xuất hiện trong giờ ăn trưa, Charlie lại e ngại rằng bà bếp đã trở thành con mồi của những thế lực hung ác đang tung hoành trong học viện Bloor.

Giờ ăn trưa là cơ hội duy nhất mà Charlie có thể vào nhà bếp. Trong lúc Fidelio đang canh chừng, nó lượn lờ quanh quầy bán trước khi chui tọt vào cái nhà bếp ồn ào.

“Muốn gì vậy nhóc?” phụ tá của bà bếp hỏi, một người phụ nữ trẻ đáng người mảnh khảnh với khuôn mặt đỏ bừng và mái tóc bông lên.

“Cháu đang kiếm bà bếp,” Charlie trả lời.

“Bà ấy không được khỏe, cưng à. Bà ấy đi nằm rồi.”

“Ồ,” Charlie không rõ mình phải làm gì bây giờ. Căn phòng bí mật của bà bếp nằm sau một cái buồng để chổi tầm thường. Không ai trong đám nhân viên biết rằng về sự tồn tại của nó. Có lẽ bà bếp đang ở trên căn gác lạnh lẽo nơi mà nhà Bloor nghĩ rằng bà ngủ ở đó. Charlie có một linh cảm rất mạnh rằng bà ấy đang ở trong căn phòng ẩm cứng dưới lòng đất.

“Cám ơn cô,” Charlie nói với người phụ tá. Nó giả bộ như đi ra phía cửa nhưng khi người phụ tá vừa quay lưng đi, nó cúi người xuống và trườn nhanh như chớp đến một trong các quầy hàng. Nó phải đợi cho đến khi một người phụ tá khác nữa đi về phía bồn rửa chén, nó vọt chạy đến cái buồng để chổi, giật mạnh cánh cửa, trượt vào trong và sập mạnh cánh cửa lại.

Một cái chốt nhỏ ở phía sau cái buồng có vai trò như quả đấm cửa, và khi Charlie xoay nó, một cánh cửa khác mở ra một đường hầm tối. Charlie đóng cái cửa thứ hai lại. Bây giờ nó đang đứng trong bóng tối mịt mù. Bà bếp thường có một ngọn đèn nhỏ chiếu sáng đường hầm. Nhưng hôm nay thì không, sự bứt rứt khó chịu của Charlie giờ đây đã biến thành linh tính về một điềm gở.

Nó mò mẫm đường đi dọc theo bức tường, vấp ngã dúm dui, rồi lại lần mò từng bước một cho tới khi nó tìm thấy một cái buồng nhỏ. Nó mở cửa và bước vào căn phòng trước đây đã từng là một phòng khách ấm áp, còn bây giờ thật khó mà nhận ra nó. Vì một điều, sàn nhà dốc một cách đáng sợ. Tất cả các vật dụng rơi lả lác và nằm dorr một đống ở cuối phòng.

Ánh sáng lờ mờ từ cái đèn đã lật nhào soi cho Charlie thấy một thân hình nằm sóng sượt trên sàn nhà trước cái bếp màu đen đã lạnh ngắt. Con chó May Phúc nằm bên cạnh.

“Bà bếp!” Charlie kêu lên.

May Phúc chuyển cái nhìn đau khổ qua Charlie khi nó chạy tới chỗ họ.

Bà bếp trông thật dễ sợ. Mái tóc màu xám của bà giờ đây đã bạc trắng. Khuôn mặt lúc nào cũng hồng hào tươi vui của bà trắng bợt và bà có vẻ như đã gầy đi rất nhiều.

“Charlie,” bà rên rỉ, “cháu đã quay trở lại.”

“Chuyện gì đã xảy ra vậy hả bà?” Charlie gào lên.

“Sự cân bằng đã mất. Ta đã nói với con rồi chứ? Chúng ta phải giữ sự cân bằng.”

“Nhưng con nghĩ là bà giữ được sự cân bằng ấy chứ. Bà từng nói bà là đá nam châm,” Charlie gần như phát điên.

“Ta không thể giữ nó mà không có con.” Bà bếp nói, vẻ phật ý. “Cả con và Billy đều đi, và thằng bé với cái từ tính chết tiệt đó đã thống trị tất cả.”

“Xin lỗi,” Charlie lí nhí, “con đưa Billy đến lầu đài gương.”

“Ta đã nghe cả rồi. Thiên thần Alice đã nói với ta tất cả. Về chuyện ông Crowquill tội nghiệp đó. Hãy cảnh giác, ta biết một số điều khả nghi về cái kẻ tên Tantalus Ebony đó. Hãy đỡ ta đứng dậy nào Charlie.”

Khi Charlie kéo bà bếp đứng dậy, bà nói “ta cảm thấy quá tệ hại nên ta quyết định nghỉ ngơi một lát. Và cái bếp tắt ngấm khi mọi chuyện xảy ra.” – bà chỉ đồng hồ vật lộn xộn ở cuối phòng – “và ta không thể nào thấp lại được.”

Sàn nhà quá dốc đến độ Charlie còn thấy khó khi giữ thăng bằng chứ đừng nói đến chuyện đỡ bà bếp dậy. Trong khi bà nín chặt lấy mặt lò sưởi, nó nhanh chóng đem lại cho bà một cái ghế và nhét vài tờ báo dưới chân ghế. Khi cái ghế đã đứng vững, Charlie giúp bà bếp ngồi xuống.

Bà ngả lưng ra và vỗ vỗ vào ngực mình. “Aaah! Tốt hơn rồi đấy.” May Phúc nhảy tới gần cái ghế. “Con chó già này đã ở cùng với ta.” Bà lắc lư cái đầu đầy nếp nhăn của con chó.

“Nó đã xảy ra khi nào?” Charlie hỏi.

“Đêm thứ hai. Sau khi họ tìm thấy Gabriel. Không thể nói ta ngạc nhiên đến cỡ nào khi cả hai đứa đều đi và đứa con trai nhà Torsson lại cư xử tệ hại như vậy.”

“Con nghĩ là con đã làm đúng khi đưa Billy đến lầu đài gương.” Charlie nói.

“Đừng biện bạch, Charlie Bone,” bà bếp nói một cách giận dữ. “Con đã không nghĩ tới Billy. Con tự hào huyên rằng con sẽ tìm thấy cha con ở đó mà chẳng suy xét gì. Một lần nữa con lại bỏ đi mà không hề nghĩ đến những người khác.”

Charlie thở dài náo nê. “con thật sự muốn giúp Billy mà. Nó chỉ là,... à, thật ra con cũng muốn tìm cha con nữa.”

Bà bếp nhìn nó đăm đăm trong một thoáng. “ta không thể đổ tội cho con, Charlie à,” bà dịu giọng, “ta rất tiếc là con đã không tìm thấy cha mình.”

Charlie tránh cái nhìn của bà và nhìn xuống chân. “vậy bây giờ con có thể làm gì?”

“Thật tình là ta không biết. Chúng ta cần một đứa trẻ được thừa hưởng phép thuật khác. Một người mà có thể đặt tình bạn lên trước quyền lợi của mình. Một người mà sẽ cộng tác với chúng ta, Charlie. Và rồi, sự thăng bằng có thể được thiết lập lại.”

“Con nghĩ là con biết đứa trẻ đó,” Charlie nói, “nhưng họ sẽ không thừa nhận nó đâu.”

“Bất kể đứa trẻ ấy là ai, nó cũng cần một tài năng đặc biệt mạnh để xoay chuyển mọi thứ.” Bà bếp đứng dậy và vuốt lại cái tạp dề nhăn nhoe. “Tốt hơn là con nên đi ngay Charlie. May Phúc và ta sẽ đi theo sau một nhíp.”

Khi Charlie cuối cùng cũng xoay sở để ra ngoài nhà bếp, nó thấy Fidelio đang ngồi một mình, trong khi người phụ tá có mái tóc bông đang lau dọn những cái bàn trống. “Cháu từ đâu chui ra vậy?” cô ta quát Charlie.

“Nó đi tìm khăn lau,” Fidelio nói, nó đang ngồi trước cái bàn với một vũng đầy bánh vụn và nước cam phát gôm.

“Mấy đứa con trai này,” cô ta cần nhằn, “mấy đứa con gái của ta chẳng bao giờ làm như vậy cả.”

“Rất vui khi biết điều đó, thưa bà.” Fidelio nói “chúc buổi trưa tốt lành nhé.” Và nó lôi Charlie lúc này đang lặng thinh ra khỏi quầy bán thức ăn tự chọn.

“Chuyện gì đã xảy ra vậy?” giọng Fidelio the thé khi hai đứa đi dọc theo hành lang có những bức chân dung.

“Bà bếp đang trong tình trạng rất tệ” Charlie nói buồn bã. “Và em phải tìm ra người có thể xoay chuyển tình thế.”

“Một nhiệm vụ bất khả thi,” Fidelio rên rỉ.

Chúng gần đi tới hội trường và thấy Manfred đang sải bước xuống cầu thang, Charlie thì thầm, “có thể không như vậy đâu.”

Bài tập trong phòng nhà vua hôm ấy khó chịu hơn Charlie tưởng rất nhiều.

“Chào mừng đã quay trở lại, Bone.” Manfred nói khi Charlie bước vào.

Charlie ngồi bên cạnh Emma trong khi sáu khuôn mặt trông không lấy gì làm thân thiện lăm ngồi phía bên kia bàn. Tancred ngồi một mình, Charlie để ý thấy, vì thế vẫn còn hy vọng là nó chưa bị Joshua khống chế hoàn toàn. Bên cạnh Emma, Lysander vẫn gục đầu xuống. Nó cứ cắm mặt xuống bài tập, tránh không nhìn vào mắt ai.

Hai đứa sinh đôi bắt đầu gây sự: sách vở của Charlie bay vèo qua bàn và Emma bị một hộp đựng bút đánh trúng. Và khi sách bài tập của Lysander bị xé tung và quăng lên trần nhà thì nó mất bình tĩnh.

“Thôi đi, hai cái đứa rác rưởi kia!” nó hét toáng vào mặt hai đứa kia và ném sách vào người chúng.

Hai đứa sinh đôi cùng hụp xuống. Chúng không la hét, không cau có thậm chí cũng chẳng buồn nhú mày. Bộ mặt chúng hoàn toàn trống rỗng, vô hồn. Manfred gào lên “lần tới mày còn mở miệng ra nữa thì sẽ bị cấm túc đấy, Sage.”

Lysander phát ra một âm thanh khó hiểu rồi ngồi xuống.

Joshua mỉm cười với Tancred, và một vài phút sau, Charlie, Emma và Lysander đã là nạn nhân của một trận mưa như trút khiến đầu tóc, sách vở chúng ướt đầm. Ngạc nhiên là Manfred lại ra tay cứu chúng nó.

“Dừng lại đi, thằng kia.” Manfred hét bảo Tancred.

Bằng cách nào đó, Charlie sống sót qua buổi chiều và cả ngày hôm đó. Nhưng tối thứ năm nó nằm thao thức, rất lâu sau khi đèn tắt, cố gắng quyết định xem bước tiếp theo sẽ là gì.

Nó nghe tiếng đập cửa xe đánh sầm và rồi những bước chân dậm thành thịch trên khoảng sân bên dưới. Charlie chạy tới cửa sổ và nhìn xuống dưới. Manfred và Weedon đang lôi một thằng nhóc tóc trắng tiến đến cửa chính.

Billy đã bị phát hiện.

19. Chương 19

TÀI NĂNG CỦA OLIVIA.

Felix Gunn bị đuổi khỏi học viện Bloor. Trước khi đi, nó còn kịp kể lại những chi tiết dữ dội trong cuộc vây bắt Billy cho Charlie và Fidelio nghe.

Vào giữa đêm một con sói – hay một thứ gì đó giống vậy – nhảy qua cửa sổ đang mở của một trong những căn phòng ngủ. Mấy đứa trẻ nhà Gunn chẳng phải dễ dàng bị đe dọa. Thật ra chúng là những tay can đảm và gan dạ. Chúng đã tấn công lại con quái vật với bất cứ thứ gì có trong tay. Đàn violon, giá để nhạc, dùi trống và thậm chí một cái tù và kiểu Pháp cũng được sử dụng để đánh lại con quái vật dễ sợ đang gầm gừ bò vào.

Nhưng trước khi ông bà Gunn kịp đến để cứu chúng, Billy vừa chạy vừa khóc rống lên. Nó chạy ra khỏi cửa trước – lao thẳng vào vòng tay của Manfred Bloor.

“run lấy bầy,” Fidelio nói “như một con thỏ tội nghiệp vậy.”

Không bao lâu sau lời phát ngôn của Fidelio, Manfred đứng ở cửa ra vào của căn phòng để áo khoác màu xanh da trời, nơi mà Felix đang tường thuật lại câu chuyện dễ sợ của nó.

“Felix Gunn, mày đã bị đuổi.” Manfred nói lạnh lùng.

“Vì thế anh phải nói lời tạm biệt với hai đứa rồi.” Felix hơi khom người xuống, “chúc may mắn nhé. Hai đứa sẽ cần đến nó đấy!” nó nhặt cây đàn ghita lên và đi qua hội trường tới chỗ của Weedon, người có nghĩa vụ mở khóa những cánh cửa nặng nề.

“Đừng có há hốc miệng ra như thế, hai đứa mày.” Manfred nạt nộ ‘trở về lớp học đi’

Charlie và Fidelio tuân lệnh mà không thể kêu ca gì.

Billy không xuất hiện ở trường học. Nó chưa được đưa tới đây cho tới chiều thứ sáu khi mọi người hồi hã đón những chuyến xe buýt trường. Charlie chợt nhìn lên khi đang băng qua cầu thang, và kìa nó đứng đó, một hình hài bé nhỏ đang đứng trong bóng tối nơi đầu cầu thang. Charlie giơ tay lên, nhưng trước khi Billy kịp đáp lại lời chào, Manfred đã xua Charlie ra khỏi cánh cổng.

Khi Charlie về nhà, bữa tiệc trà ngày thứ sáu đang diễn ra. Bà nội Bone đi vắng cho nên không khí có vẻ thoải mái hơn trước. Tuy nhiên, Charlie bắt gặp ông cậu Palton trông có vẻ trầm ngâm khi mọi người đang ăn kem. Lát sau ông giải thích rằng ông đã đi gặp thiên thần Alice. Khi bà ấy nghe kể về sự hy sinh dũng cảm của ông Crowquill, bà trở nên cực kỳ đau khổ. Bà đã đóng cửa tiệm, rao bán căn hộ của mình và vào cuối tuần này, chuẩn bị rời khỏi thành phố này mãi mãi.

“Nhưng bà ấy không thể đi được!” Charlie la lên, một thìa đầy kem dừng lại trong không khí, “bà ấy là người duy nhất biết làm cách nào để bảo vệ chúng ta.”

“Ta dám cá rằng mi biết mình đang nói gì nhưng chúng ta thì không biết,” ông cậu nói cộc lốc.

Charlie đã cố ý quên đi cái tuần kinh dị này trong khi thưởng thức bữa tiệc, nhưng giờ đây nó nhận ra rằng nó sẽ phải tự giải quyết lấy.

Khi ba người thân của Charlie nghe kể về cuộc vây bắt Billy, sự phản bội của Tancred, và căn phòng bị đảo lộn của bà bếp, họ cũng bỏ luôn cái buổi tiệc ấy, tuyên bố rằng họ đã ăn xong.

Ngoại Maisie thì nhất quyết bắt Charlie rời học viện ngay lập tức. Mẹ nó thì cứ rên rĩ “Không, không, không. Quá nhiều chuyện xảy ra.” Ông cậu Palton đứng dậy đi đi lại lại trong nhà bếp, tay trái đầm liên hồi vào lòng tay phải. Đột nhiên ông xoay lại và hỏi, “cái gì khiến mi nghĩ là thiên thần Alice có thể giúp chúng ta?”

“Bà ấy biết về tài phép của ai đó,” Charlie trả lời, “người mà có thể xoay chuyển tình thế cho tụi con”

“Ai?” ông cậu hỏi.

“Con nghĩ đó là Olivia, nhưng con không dám chắc.” Charlie đáp lại.

“Được rồi, nhóc ạ,” ông cậu ra lệnh. “Ngay ngày mai, điều đầu tiên, hoặc là mi sẽ vượt mắt thiên thần Alice mãi mãi. Kế hoạch của mi là gì, nhóc?”

Charlie thú nhận là nó không có kế hoạch nào hết.

“Hừm.” ông cậu Palton lại đi đi lại lại. ông bắt đầu đưa ra những chỉ dẫn trong khi vẫn tiếp tục bước. “đây là những gì mi phải làm, Charlie. Sáng ngày mai hãy đến gặp Emma tại hiệu sách. Rồi hai đứa cùng nhau đi thăm Olivia rồi rủ nó đến nhà của bà Alice, sát ngay bên nhà Vertigo, ta biết như vậy.”

“Vậy còn con Hạt Đậu thì sao?” Amy nói “Charlie luôn đưa nó đi dạo vào cuối tuần.”

“Chúng ta sẽ nhờ một đứa nhà Gunn làm việc này,” ông cậu Palton nói. “Ta sẽ gọi điện cho nhà Gunn khi ta đã sắp xếp mọi thứ với Julia – cô Ingledew. Mi đã rõ chưa nhóc?”

Charlie gật đầu rồi ngáp “con sẽ sẵn sàng vào ngày mai.”

“Một con bướm!” ngoại Maisie la lên, phửi phửi vào vai của Charlie.

“KHÔNG” Charlie và ông cậu Palton cùng la lên.

“Ái chà” ngoại Maisie bỏ tay xuống “có gì mà phải ầm ĩ về con bướm nhỏ này.”

“Đó là cây đu đưa phép của con” Charlie thì thầm.

“Ta thật ngốc quá. Đáng lẽ ta phải đoán được chứ.” Ngoại Maisie nói gắt gỏng, “thế sao nó không giúp con giải quyết những cái mớ bòng bong đó đi hả, Charlie? Đó là chuyện những cây đu đưa phép cần phải làm mà đúng không?”

“Nó đã giúp con.” Charlie nhẹ nhàng nâng con bướm lên khỏi vai. “Nhưng không rõ ràng lắm. Nó phải lựa chọn.”

“tha thứ cho ta vì đã hỏi một câu hỏi ngốc nghếch như thế.” Ngoại Maisie mỉm cười.

Vào sáng thứ bảy, Fidelio và con Hạt Đậu xuất hiện ở căn nhà số 9.

“Anh không nghĩ đây là kế hoạch của ông cậu Palton,” Charlie nói khi Fidelio và con Hạt Đậu tiến thẳng vào bếp. Ngoại Maisie rất vui khi được gặp lại người bạn cũ của bà – con Hạt Đậu. Một bữa ăn với những mẩu thức ăn thừa nhanh chóng được đưa tới cho nó trong khi Charlie và Fidelio ăn trứng luộc.

Bà nội Bone xuống cầu thang ngay khi cả ba đứa chúng nó, tính luôn con chó, sắp sửa rời nhà. “Không phải con chó đó nữa chứ!” bà thét lên om sòm. Con Hạt Đậu nhanh chóng lao tới mất cá chân của bà, và một cuộc xô đẩy hết sức lộn xộn xảy ra trước khi Charlie cố gắng lôi con chó qua cánh cửa trước.

Emma đang đợi Charlie tại tiệm sách, vì thế ít nhất một phần của kế hoạch đó đã thành công. Nhưng liệu Fidelio và con Hạt Đậu có muốn cùng tụi nó đi đến nhà Olivia không thì Charlie không chắc.

“Anh sẽ trông chừng cho em,” Fidelio lên tiếng trước khi Charlie kịp nói ra nỗi lo lắng của nó. “và Hạt Đậu sẽ đánh hơi ra bất cứ con quái vật lông lá làm gián điệp nào.”

Khi ba đứa trẻ và một con chó đến nhà Olivia, bà Vertigo có vẻ lo lắng. “Chúng ta chưa bao giờ có một con thú lớn cỡ đó trong nhà cả,” bà nói.

“Nó không gây hại đâu mà mẹ,” tiếng Olivia gọi từ trên chốc cầu thang. “Cứ để nó vào.”

“Nếu Liv đã nói vậy thì nào xin mời các cháu.” Bà Vertigo đứng tránh sang một bên cho ba đứa vào nhà và bước lên cầu thang dẫn tới phòng của Olivia. Nó khá là chật chội. Giường, sàn nhà và những cái ghế bị phủ đầy với những quần áo, mũ, tất, dây chuỗi và những bộ tóc giả đủ màu sắc.

“Mình đã có đủ những thứ rác rưởi này,” Olivia nói, “mình chuẩn bị vứt chúng đi đây.”

“Bồ không thể làm thế được,” Charlie nói khi đang trở mặt nhìn hàng đồng quần áo đủ màu sắc. “Bồ sẽ không còn là bồ nếu không có những thứ ... thứ...”

“Thứ cải trang?” Fidelio nhắc tuồng.

“Mình không còn muốn cải trang nữa,” Olivia nói, “mình không phải là một diễn viên.”

“Không đúng! Bồ là một diễn viên thứ thiệt.” Emma khẳng định.

Olivia nhún vai, “mà sao mấy bồ lại ở đây?”

Bốn vị khách của nó yên vị trên giường và Charlie đang giảng giải về tình cảnh trong học viện Bloor và lí do tại sao chúng cần phải biết Olivia có phải là người thừa kế phép thuật hay không.

Olivia ngồi trên ghế và bình thản lắng nghe Charlie nói. Chỉ khi nó miêu tả về hoàn cảnh tuyệt vọng của Billy Raven, nó mới thấy mặt con nhỏ dịu đi một chút và nó lại cảm thấy một tia hy vọng lóe lên.

“Tại sao bồ không đến gặp thiên thần Alice trước khi bà ấy rời khỏi thành phố?” Charlie thúc giục, “bà ấy rất đau khổ vì cái chết của ông Charlieowquill. Hãy thử tưởng tượng bà ấy đã giúp đỡ ông ấy vượt qua quãng thời gian khủng khiếp khi ông ấy còn trong ngục và bây giờ ông ấy lại ra đi như thế.”

“Chỉ đến gặp bà ấy thôi thì đâu có tác hại gì.” Emma nói.

Olivia nhún mày. Nó đứng dậy và nhìn qua cửa sổ “mình không thể trèo qua được bức tường đó,” nó nói.

Trước khi nó kịp có thời gian để đổi ý, mấy đứa kia đã dành nó đi xuống cầu thang và ra ngoài vườn. Olivia và Charlie trèo lên bức tường trong khi Emma, Fidelio và con Hạt Đậu chờ ở trong vườn nhà Vertigo.

Charlie gõ cửa sau của nhà Alice nhưng không có tiếng trả lời. Nó nhìn qua cửa sổ; tất cả những căn phòng ở tầng dưới dường như đã bỏ trống. Olivia vòng lên phía cửa trước và kéo dây chuông. Không ai mở cửa. Nó nhìn thấy bảng hiệu “NHÀ BÁN” trước cổng và chạy lại phía Charlie.

“Bà ấy đã đi rồi!” Olivia kêu lên. “Bây giờ thì mình sẽ chẳng bao giờ biết được nữa.”

“Khoan đã nào, Liv, bà ấy không thể đi ngay được.” Charlie lướt nhanh qua cửa sổ bên hông nhà. “mình có thể thấy hai valy hành lý trong phòng khách. Và một cái áo mưa trên thành ghế.”

“Thế nên bà ấy có thể đang ở đâu đó trong thành phố, nhưng mà ở đâu?” Olivia trông có vẻ không còn hy vọng tìm thấy thiên thần Alice nữa. Nó chạy lại chỗ bờ tường và hai đứa leo qua phía bên kia vườn.

“Thế nào?” Fidelio hỏi trong khi con Hạt Đậu thì sửa ăng ẳng.

“Không có ở đó,” Charlie nói.

“Chúng ta sẽ tìm bà ấy như thế nào đây?” Olivia vung tay một cách sốt ruột.

“Cửa tiệm đã đóng cho nên bà ấy sẽ không có ở đó,” Charlie nói.

“Chúng ta có thể tìm kiếm trong thành phố.” Fidelio nói.

“Nó quá rộng lớn,” Charlie phản đối, “chúng ta có thể phải mất nhiều ngày để tìm kiếm và có thể chẳng bao giờ tìm thấy bà ấy.”

“Mình nghĩ là mình có thể giúp được,” Emma nói lặng lẽ, “thiên thần Alice trông như thế nào?”

Cả bọn đều trợn mắt nhìn Emma và Olivia nói, “bà ấy có mái tóc trắng và một khuôn mặt xinh đẹp.”

Charlie lại đưa ra một phán đoán mang tính linh cảm, “bà ấy có thể đang cầm một bó hoa, những bông hoa trắng.”

“Mình có thể hình dung được rồi,” Emma nói. “nào, bây giờ thì mấy bồ cầm phiên vào trong nhà hết đi. Bởi vì mình không thích làm những chuyện mình sắp làm trước mặt một người nào.” Nó nhìn vào những ngón tay đã bị băng lại. “mình nghĩ Joshua đã sai khiến TanCharlieed làm bị thương mấy ngón tay của mình là có mục đích.”

“Để làm cho bồ không thể bay được.” Olivia trông có vẻ quan tâm. “đừng cố gắng quá nhé Emma. Nếu đau quá thì thôi đừng làm nữa. bồ có thể rút xuống đấy.”

Emma xua tay nó đi. “Sẽ không sao đâu mà.”

Khi chúng đã lần lượt kéo vào trong nhà và đứng bên cạnh những ô cửa sổ kiểu Pháp, cố gắng không nhìn vào trong vườn nhưng thật khó mà ngăn tụi nó lâu lâu lại lé mắt nhìn vào. Emma đang núp sau một bụi cây, và chỉ đến khi một con chim nhỏ màu nâu bay vút lên cây táo, tụi nó mới biết là Emma đã đi làm nhiệm vụ rồi. Chúng nhìn con chim xoải cánh bay vào bầu trời và nói, “bạn ấy kia. Nếu có ai đó có thể tìm thấy thiên thần Alice thì người đó chỉ có thể là Emma Tolly.”

Hai đầu cánh bị đau khiến Emma gặp rắc rối khi bắt đầu bay. Nó chao đảo trên đường Filbert nhưng cuối cùng nó cũng lấy lại thăng bằng và bay vút vào một đám mây trên nóc nhà thờ lớn. Lợi dụng thời tiết mùa thu ẩm áp, nó thả mình trôi qua thành phố. Con mắt chim sắc bén của nó thấy rõ từng con người đang vội vã hối hả đi bên dưới nó. Nó thậm chí còn bay qua học viện Bloor và tòa lâu đài đồ sộ. Nó thấy Billy Raven đang đi dạo qua sân chơi với con May Phúc bám theo sát gót. Nó những muốn dừng lại và nói chuyện với thằng bé nhưng thời gian bây giờ rất quý giá.

Con chim Emma sắp sửa bay qua đồng hoang tàn đổ nát thì nó thấy một thứ gì đó khiến nó mất tập trung và rơi thẳng xuống mặt đất.

Sâu trong đồng hoang tàn ấy, những bức tường mọc đầy những cây trường xuân cao lớn bao quanh một khu vườn xanh mát và bí mật. Ở giữa vườn sừng sững một cái cây lá đỏ. Một âm thanh phát ra từ cái cây, một loại nhạc mà Emma chưa từng nghe bao giờ. Sáng bừng lên giữa những bức tường là một con ngựa trắng đang gặm cỏ dưới gốc cây. Emma không chút nghi ngờ rằng cái cây và con ngựa thuộc về nhau và chúng là một phần của cái thế giới hoàn toàn khác với thế giới của nó.

Con ngựa ngẩng đầu lên và trông thấy Emma. “Con ta,” nó nói, “đưa con của ta.”

“Tôi đang bay,” Emma nói.

“Cầu chúc cho những điều may mắn sẽ bay cùng với con,” con ngựa nói. Một niềm hy vọng trào dâng đưa Emma bay trở lại bầu trời. Đôi cánh của nó không còn đau nữa và nó cảm thấy hết sức hạnh phúc. Với nguồn năng lượng mới nó tiếp tục sục sạo thành phố cho tới khi nó đến một công viên ở cuối đường Filbert. Bên dưới nó là một người phụ nữ tóc trắng ngồi một mình trên băng ghế. Đầu của bà cúi xuống một bó hoa trắng trong vạt áo.

Emma kêu một tiếng chói tai và người phụ nữ nhìn lên. Bà có một khuôn mặt thật đẹp nhưng buồn. Emma vòng trở lại và bay về phía khu vườn nhà Olivia. Bà đứa kia vẫn tụ tập quanh cửa sổ khi nó hấp tấp chạy lại trong hình dạng người và hét lên, “mình đã tìm được bà ấy. Mình đã tìm được rồi. Bà ấy đang ở trong công viên.”

Bốn đứa trẻ và một con chó chạy nước rút về phía công viên, băng qua cánh cổng, xuyên qua bãi cỏ tới chỗ băng ghế nơi thiên thần Alice đang ngồi một mình. Khi bà thấy Olivia, khuôn mặt buồn của bà ấy nở một nụ cười. “Olivia, con đến đây để nói lời từ biệt à?”

“Con đến để nói lời xin lỗi” Olivia thốt lên. “Con xin lỗi vì mọi thứ, vì đã không tin bà, vì một người bạn đã ra đi của bà.”

Bà đưa bó hoa lên mặt và hít thở hương thơm của nó. “Ta muốn đặt bó hoa này lên mộ của ông ấy, nhưng tất nhiên ông ấy đâu có nấm mộ nào. Tội nghiệp Christopher.”

“Con xin lỗi, thành thật xin lỗi,” Olivia thổn thức, gần như không kìm chế được nỗi ân hận.

“Dù sao con đã đến gặp ta. Chưa hẳn là đã quá muộn.” Alice đứng dậy. “Và con, Charlie, là con đã mang nó đến đây à?”

“Tất cả chúng con,” Charlie nói. “bạn của con Fidelio.” - Fidelio cúi người xuống – “Nhưng công lớn nhất là thuộc về Emma. Bạn ấy đã tìm ra bà.”

“À!” Alice đưa mắt nhìn Emma với vẻ hiểu biết, rồi bà cẩn thận đặt bó hoa lên cái ghế dài và quay về phía Olivia. “Con đã sẵn sàng chấp nhận tài phép thừa kế chưa?”

“Con cho là con đã sẵn sàng rồi,” Olivia đáp lại.

“Và ai là người con muốn cho họ thấy những gì con có thể làm?” Alice hỏi.

“Những người bạn của con, tất nhiên.” Olivia trả lời.

“Không một ai khác nữa chứ?” Alice nói một cách trang nghiêm “con có thể chọn người để thể hiện tài phép của con.”

“Thật chứ?” khuôn mặt hớn hở của Olivia đã trở nên nghiêm túc lại. Nó nhìn người chạy xe đạp đang chạy vèo vèo trên con đường, hai đứa trẻ đang chơi bóng đá, và một người phụ nữ đang dắt chó đi dạo. “Ngay bây giờ con chỉ muốn bạn con và bà là thấy được những gì con có thể làm - ồ, cả con Hạt Đậu nữa, tất nhiên.”

“Rất tốt! hãy nghĩ về một thứ gì đó, bất cứ thứ gì. Hãy tập trung nghĩ. Hãy hình dung nó trong tâm trí con, mọi mặt!”

“Khoan đã, con sẽ không hóa thành cái mà con đang nghĩ chứ?” Olivia hỏi.

“Không,” bà Alice trả lời.

“Vâng. Con tiếp tục đây.” Sự tập trung khiến trán nó nhăn lại, và rồi một ánh nhìn tinh quái quen thuộc lại lóe lên trong đôi mắt của nó. Mọi người đều đứng yên, ngay cả con Hạt Đậu cũng vậy, nó cõ về hiểu được tình huống nghiêm trọng của vấn đề. Sau một phút im lặng hoàn toàn, Alice nói, “bây giờ thì hãy quay lại nhìn xem, Olivia.”

Olivia quay lại nhìn, mọi người cũng nhìn theo. Ở chính giữa công viên là một đám mây u ám khổng lồ. Dần dần nó chuyển thành một hình dạng run rẩy chẳng ra hình thù gì.

“Không,” bà Alice nói. “Con chưa làm được đâu, Olivia. Hãy thư giãn nào! Con đã quá căng thẳng rồi.”

Olivia mỉm cười và khép hờ mắt lại. Cái hình thù ấy bắt đầu đặc lại và biến thành một thực thể thật khủng khiếp.

Fidelio hét lên trước, rồi con Hạt Đậu cũng tru lên kinh hoàng một cách bản năng. Miệng của Charlie trề ra nhưng nó quá sợ đến nỗi không phát ra được âm thanh nào. Nó biết là những gì nó thấy không có thực nhưng cái vật ấy trông thực quá, cái mùi cũng thực và âm thanh cũng thực. Một con khủng long khổng lồ, một con khủng long bạo chúa đứng cách tụi nó vài bước chân. Cái miệng vĩ đại của nó ngoác ra, hơi thở thì khủng khiếp, và tiếng gầm của nó có thể làm đông máu bất cứ ai, một âm thanh mà chỉ có thể nghe thấy trong những cơn ác mộng.

Vẫn tru tréo, con Hạt Đậu chạy trước. Nó vọt tới cánh cổng công viên với ba đứa trẻ đang gào thét hãi hùng đằng sau nó. Khi người chạy xe đạp thấy tụi nó, ông ta hét lên “cái ... Cái...?” và ngã lộn xuống xe. Hai đứa bé nhặt lấy quả bóng và vừa chạy về phía những cái cây vừa la hét “có ma! Có ma!” con chó nhỏ nhảy vào thùng rác và chủ nhân của nó thì tưởng là chúng bị điên.

“Dừng lại đi mấy đứa!” bà Alice gọi, “nó không thể làm hại các con được.”

Từ một khoảng cách an toàn, chúng quay lại và nhìn cái sinh vật khủng khiếp ấy. Hàng tràng cười lan khắp công viên khi Olivia nghiêng ngả cười không ngớt. Alice đặt tay lên vai nó và nói gì đó, nó gật đầu. Nó thôi cười và quay lại. Sau lưng nó, cái hình ảnh kinh dị kia mất dần hình dạng. Dần dần nó tan thành một đám những hạt nước li ti lơ lửng trong không khí như một trận mưa lá chết.

Olivia vỗ tay và nhảy một điệu. Trước khi bạn bè của nó kịp hoàn hồn sau cái ảo ảnh thứ nhất, một cái khác lại hiện ra. Một bữa tiệc được phục vụ trong những cái đĩa bạc đặt trên một cái bàn dài. Và còn có Người Làm Mũ Điền, Thỏ Hành Quân và Chuột Sóc, nửa thân người trong một cái ẩm trà.

Tiếp đến là một dải cầu vồng vắt ngang qua công viên và khi nó tan đi, một hiệp sĩ trong bộ áo giáp sáng chói phi nước đại qua bãi cỏ trên một con ngựa lớn với dây cương bằng da và một cái áo choàng đỏ thêu chỉ vàng. Charlie có thể nghe thấy tiếng thỉnh thỉnh của vó ngựa, tiếng sột soạt của da và tiếng kêu lanh canh của đinh thúc ngựa.

Olivia nhảy múa quanh bà Alice với cái đầu ngựa ra sau và đôi cánh tay vung vẩy mở rộng. “Hãy nhìn những gì con có thể làm này,” nó lại la lên “nhìn xem! Nhìn xem! Nhìn xem!”

“Rất ấn tượng,” Fidelio thì thầm với Charlie. “mình không biết con nhỏ đó thể nào nhưng mình thấy mệt quá.”

Con Hạt Đậu cố gắng chui xuống đất vừa rên rỉ vừa bịt mắt bằng cái chân to tướng của mình.

Alice lại nói với Olivia và khi hiệp sĩ và con ngựa của ông ta rời sân khấu thì không có cái gì hiện ra nữa.

Olivia nằm vật xuống thảm cỏ, thở phào, “phù! Mình đã hơi quá trớn phải không?”

Alice bật cười với nó. Những đứa khác thì thận trọng tiến lại gần nhưng con Hạt Đậu vẫn ở nguyên chỗ cũ, chân nó vẫn bịt mắt.

Khi cả bọn đã ngồi thoải mái trên băng ghế và cố gắng kéo mình quay trở lại thực tại. Olivia hỏi Alice tại sao nó phải tốn một thời gian lâu như thế để phát hiện ra khả năng của mình. “Và làm sao bà có thể biết được điều đó? Và tại sao lại là táo?”

Alice chăm chú nhìn những bông hoa trong vạt áo. “Thật là khó để diễn tả thành lời,” bà ấy nói “ta luôn biết rằng một ngày nào đó ta sẽ gặp một vài người cần đến sự trợ giúp của ta để khám phá ra chính bản thân của họ. Đó là một khả năng kì lạ, con có thể nghĩ như thế” bà nhìn Charlie đang ngồi bên cạnh mình.

Charlie nói, “tất cả những tài phép được thừa kế đều kì lạ.”

Alice mỉm cười với nó. “đúng vậy. Nói ngắn gọn, ta được nhờ đi trang trí căn phòng cho một đứa bé trong ngày lễ rửa tội.” Alice liếc nhìn Olivia. “Mẹ của đứa bé rất hài lòng với những bông hoa của ta cho nên bà ấy mời ta đến tham dự bữa tiệc. Ta không ngờ rằng nó sẽ là một trong những ngày quan trọng nhất của đời ta. Họ mang đến một đứa bé và mọi người vây quanh nó, thủ thỉ, cười nói với nó, chính là Olivia.”

“Con có phải là một đứa bé xinh đẹp không?” Olivia hỏi.

“Thành thật mà nói, con hơi mũm mĩm một chút, nhưng mà” – bà nghiêm nghị nhìn Fidelio và Charlie đang cố nín cười – “ngay khi ta thấy con, Olivia, tim ta đã lỡ nhịp. Ta tự hỏi điều gì đang xảy ra cho ta. Sau đó, họ đặt con trong một cái nôi xinh xắn, và khi ta đã quan sát con kĩ hơn, ta biết con là một đứa trẻ đặc biệt. Ta cũng biết rằng cần phải tốn tới 12 năm để con có thể chấp nhận tài phép của mình.”

“Làm sao mà bà biết được ạ?” Olivia sốt sắng hỏi.

“Điều này nghe có vẻ rất kì dị.” bà Alice nói.

“Chúng con không quan tâm,” Charlie nói “mọi thứ đều đã rất kì dị rồi.”

“Có một cây táo ở cuối vườn nhà ta. Nó là của ta bởi vì nó mọc lên ở đó, nhưng nó cũng là của con, Olivia, bởi vì một cành cây đã nghiêng sang vườn nhà con. Có 13 quả trên cành táo ngày đó và...và...” bà Alice ngừng lại, và rồi bằng một giọng thì thầm đến mức mấy đứa kia phải nhoài sát lại để nghe, bà tiếp tục kể. “Một giọng nói trong đầu ta bảo rằng, “vào năm thứ 13 của cây táo, cầu chúc cho nó có thể chấp nhận tài phép của mình một cách tự nhiên.”

“Ồ!” Olivia reo lên, mọi ý nghĩ chợt sáng tỏ trong đầu nó. “Con được 12 tuổi vào đầu học kỳ này. Cho nên hiện giờ con đang ở tuổi thứ 13. Và những quả táo... chúng không thể bị gọt vỏ cho tới khi nào con chịu tin và chấp nhận.”

“Đúng thế đấy, Olivia.” Bà Alice nói. “Ta hi vọng là con sẽ vui.”

“Vâng, tất nhiên, con cảm thấy rất vui. Nhưng con cảm thấy hơi lạc lõng một chút vì con chưa bao giờ là một người trong số họ cả.” Nó nhìn nhỏ một cách ân hận với Charlie. “Và bây giờ thì con chẳng biết cần phải làm gì với cái tài năng kì lạ này.”

“Ta chắc là bạn con sẽ giúp con tìm ra.” Alice nhìn Charlie.

Fidelio chột lên tiếng hỏi, “bà là một phù thủy phải không bà Alice?”

Alice cười. “Ta cho là như thế. Nhưng ta là một phù thủy Thiện.” bà ngừng lại và nghiêm giọng “ta không muốn đánh động các con nhưng các con cần được cảnh báo trước – khi một phù thủy Thiện xuất hiện thì cũng có một thể lực đen tối khác tồn tại.”

“Người đó là ai?” Charlie hỏi.

“Ta e là ta không biết,” Alice đứng dậy. “Và bây giờ ta phải đi thôi.” Bà nói một cách dứt khoát. “Ta còn có việc cần phải làm”

“Bà thật sự phải đi à?” Olivia kêu lên.

“Ta đã hoàn thành sứ mệnh của ta – ít nhất là một trong số đó.” Alice phác một cử chỉ tỏ ý hài lòng. “bây giờ con phải tự quyết định lấy mọi việc, Olivia. Nhưng ta tin con sẽ thích ứng nhanh thôi.”

Olivia nhảy lên và ôm chầm lấy bà. “cám ơn bà,” nó nói, “cám ơn bà vì đã làm thiên thần hộ mệnh của con.”

“Ta cũng rất vui vì điều đó.” Alice nói.

Emma hỏi, “trước khi đi bà có thể nói cho tụi con biết, liệu cái bà phù thủy kia, cái bà phù thủy hắc ám ấy, có theo bà không?”

Alice hơi nhún vai. “ta không có cách nào biết được điều đó. Còn bây giờ, xin tạm biệt, những thiên thần bé nhỏ của ta.”

Chúng đứng trông theo bóng dáng thiên thần Alice đi xa dần rồi biến mất qua cánh cổng công viên. Bà ấy không quay lại, và sự biến mất của bà cứ như là tan biến vào không khí, như thể bà ấy chưa hề ở đó vậy. Và những bông hoa vẫn được đặt ở nơi bà đã để nó lại.

“Mình sẽ đem về tặng mẹ,” Olivia nói, “bà ấy thích hoa trắng lắm.”

Tâm trí của Charlie vừa quay lại với những vấn đề ở học viện Bloor và nó bắt đầu lên kế hoạch cho Olivia. “mình nghĩ bồ nên giữ bí mật về tài năng của bồ,” nó bảo Olivia. “Mọi người có đồng ý không?”

Fidelio nói, “như kiểu một vũ khí bí mật hả?”

“Ý bồ là không một ai được biết trừ chúng ta?” Emma hỏi.

“Không một ai,” Charlie nói.

“Phù hợp với mình đấy,” Olivia nói, “nhưng mình có thể giúp được gì đây?”

“Bồ có bao giờ ở trong phòng nhà vua chưa?” Charlie hỏi.

“Rất nhiều lần, khi mình bị cấm túc ấy.” Olivia trả lời.

“Tốt. Việc đầu tiên phải làm là khiến cho Joshua trông gớm ghiếc, thật gớm ghiếc,” Charlie tiếp tục nói, thích thú với cái viễn cảnh mà nó sắp dựng lên. “Đến nỗi Tancred phải thấy ghê tởm với nó. Và những đứa khác cũng có thể cảm thấy ghê tởm như thế.”

“Mình có ý này,” Fidelio nói, “tất cả chúng ta đều biết Tancred sợ gì nhất.”

“Nhện,” Emma tiếp lời.

“Nhện,” Charlie đồng ý. “điều thứ hai là phải khiến cho lão Ezekiel Bloor một phen vỡ mặt. Mình sẽ có việc phải làm.”

“Ồ, đúng thế!” Fidelio reo lên, đắm tay vào không khí. “điều này sẽ rất tuyệt, rất, rất, rất tuyệt.”

20. Chương 20

KỶ SĨ

Ông cậu Palton nói thật là điên rồ khi sử dụng căn nhà đường Filbert làm chỗ họp mặt. Tiệm sách của cô Ingledew sẽ thuận tiện hơn rất nhiều. Tài năng mới được khám phá của Olivia cần được giấu kín. Không ai có thể nghi ngờ gì khi nó bước vào tiệm sách. Hơn nữa Emma là bạn thân của nó và hai đứa thường trải qua kì nghỉ cuối tuần bên nhau.

Vào chiều thứ bảy, Charlie và ông cậu Palton lên đường đến nhà cô Ingledew. Bà nội Bone không chú ý tới họ. Bà đang chiêm thể thượng phong, như bà ấy nghĩ thế. Charlie và những đứa bạn tai quái của nó đã được dạy một bài học thích đáng. Billy Raven lại một lần nữa nằm trong tay nhà Bloor cũng như Charlie trong tay bà – không hơn không kém.

Fidelio cứ khẳng khẳng đòi tham gia vào kế hoạch, và khi Charlie và ông cậu bước vào căn phòng âm cúng phía sau thì Fidelio đã ở đấy rồi. Nó đang ngồi trên ghế cái ghế dài giữa hai đứa con gái, Charlie chen vào ngồi bên cạnh Olivia và ông cậu Palton thì chiếm lấy một cái ghế bành. Cô Ingledew mang vào một đĩa bánh quy và ngồi lên thành ghế của ông cậu Palton.

Cuộc họp bắt đầu.

“Sự phối hợp thời gian là mặt quan trọng nhất của kế hoạch này.” Ông cậu Palton nói, “Cháu đã nghe rõ chưa Olivia?”

Olivia nói, “đồng hồ của cháu chẳng bao giờ sai cả,” và nó trưng cổ tay ra để mọi người có thể chiêm ngưỡng cái đồng hồ bằng bạc lớn với mặt kính hợp thời trang.

“Rất tốt,” ông cậu nói, “miễn là cháu có thể coi giờ đúng lúc.”

“Vâng” Olivia ngoan ngoãn đáp lời.

“Và bây giờ mọi người phải nắm rõ vị trí của từng người trong phòng nhà vua. Charlie, hãy miêu tả căn phòng như lúc tụi mi đang làm bài tập ấy.”

Charlie cố gắng miêu tả một cách tốt nhất vị trí của từng người đến mức có thể.

“Mi và Emma sẽ chịu trách nhiệm cho những đứa kia ngồi đúng vị trí của tụi nó, để Olivia có thể hình dung ra chúng.” Ông cậu nói một cách nghiêm nghị, “rõ chưa?”

“Vâng,” Charlie và Emma cùng đáp.

Ông cậu Palton lại tiếp tục phác thảo sơ bộ cho phần tiếp theo của kế hoạch.

Một giờ sau, cuộc họp giải tán. Felix Gunn đến đón Fidelio về nhà trong khi Charlie và ông cậu cuộc bộ về đường Filbert. Olivia sẽ ngủ lại với Emma. Nó cần xem một sổ sách lịch sử có tranh minh họa của cô Ingledew.

“Con hy vọng nhà Bloor sẽ không đoán ra được chúng ta đang làm gì,” Charlie nói, khi nó cùng ông cậu leo lên những bậc thang của nhà số 9.

“Charlie, chúng sẽ không bao giờ đoán ra được,” ông cậu nói một cách tự tin, “không đoán ra trong vòng một ngàn năm nữa.”

Charlie cảm thấy thật khó mà cư xử một cách bình thường vào ngày thứ hai. Về ngênh ngang phần khởi của Fidelio làm nó lo lắng, “chúng ta phải tỏ ra là đang buồn rầu chứ,” nó bảo Fidelio.

“Chỉ có em thôi,” Fidelio nói, “anh đâu phải là những nạn nhân được thừa kế tài phép đâu. Dù sao thì đây cũng là phong cách thường ngày của anh mà.”

Có một người mà Charlie phải cảnh báo. Lysander không có trong cuộc họp nên nó cảm thấy mình phải báo cho Lysander biết trước chuyện gì sẽ xảy ra. Không may là nó không gặp được Lysander đang ở một mình lúc nào cả mãi cho tới sau bữa ăn tối khi chúng đang leo lên những bậc thang dẫn đến phòng nhà vua. Charlie cố tình va vào đồng sách trên tay Lysander và chúng đổ tung xuống cầu thang.

“Em làm cái gì thế, thật là vụng về!” Lysander cầu nhàu khi nó cúi xuống thu lượm lại mấy quyển sách.

Charlie cũng cúi xuống để giúp nó. “em phải cảnh báo với anh,” nó thì thầm.

“Cảnh báo cái gì?”

“Suyt! sẽ có một thứ gì đó sẽ xảy ra cho Joshua trong vài phút tới. Tancred sẽ bị hoảng loạn nhưng đó không phải là thật, anh hiểu không? Đó chỉ là ảo ảnh.”

“Cái... cái ... gì?” Lysander lắp bắp.

“Hai đứa mày có định đi không hay là đợi tao phải bước lên chúng mày?” Dorcas Loom trừng mắt nhìn chúng từ cuối hành lang.

“Bình tĩnh nào, Dorcas,” Lysander nói rồi thu nhặt sách vở lại.

Hai đứa nó nhảy lên cầu thang, theo sau là Dorcas đang thở phì phò như một động cơ chạy bằng hơi nước.

Charlie nhanh chóng liếc qua phòng nhà vua trước khi nó ngồi xuống. Nó thở phào khi thấy mọi người đã yên vị đúng chỗ mà nó đã miêu tả cho Olivia. Nó cũng để ý thấy mặt của Asa đầy những vết bầm tím.

Charlie liếc nhìn Emma ngồi bên cạnh nó, nhưng con bé tránh nhìn lại. Có lẽ là nó không dám nhìn. Mọi thứ bây giờ tùy thuộc vào Olivia.

Kim đồng hồ kêu tích tắc vẫn như thế. Vua Đỏ nhìn xuống từ bức chân dung vẫn như thế, và - có thể đó chỉ là sự tưởng tượng của Charlie - nhưng đôi mắt của nhà vua tối nay trông tươi sáng hơn chẳng? Và có những ánh sáng lấp lánh trong vương miện của nhà vua.

“Nhà vua không thể giúp mày đâu, Bone,” Manfred nói với giọng héo úa.

Charlie thôi nhìn vào bức chân dung nhà vua. Asa cười hi hí và Joshua cũng tươi cười với Tancred. Một giọt mưa lớn rơi trên cuốn sách để mở của Charlie và lại một giọt khác. Nó vội kéo cuốn sách ra, một vũng nước đọng lại trên bàn trước mặt nó. Charlie lấy tay áo thấm vũng nước đó đi.

Lysander nói, “dừng lại đi, Tancred!” và nó được tưởng thưởng bằng một luồng gió hất tung những tờ giấy vào mặt.

Làm đi, Olivia. Charlie nghĩ. Hãy làm ngay đi!

Bút của Emma bắt đầu rỉ ra. Mực loang lổ khắp trang giấy có những chữ viết nắn nót rất đẹp của nó. Rồi mực loang ra tay nó, áo choàng của nó và cuối cùng cả lên mặt. Idith và Inez đang trừng trừng nhìn nó.

Emma trừng mắt nhìn lại. “ngừng lại ngay!” nó gào lên.

Dorcas bật cười ha hả và hích khuỷu tay vào người Joshua. Đột nhiên, nó nhảy ra xa. Charlie nhìn thấy một con nhện khổng lồ đang bò lồm cồm trên đỉnh đầu Joshua. Một con khác đang leo lên vai nó. Tancred nhảy dựng lên và bắt đầu gào thét. Nó chạy ra phía cửa trong khi Manfred hét lớn, “Torsson, mày điên à?”

Nụ cười của Joshua bắt đầu tàn úa. Cả hai tay áo của nó đầy những nhện là nhện. Nó vội đứng dậy và cố gắng hất mấy con nhện ra. Nhưng rồi mọi người đều đã thấy những con nhện ghê tởm đó. Căn phòng nhà vua vang lên những tiếng la hét. Mọi người đổ xô ra cánh cửa. Joshua vấp ngã và hai đứa sinh đôi chạy quáng quàng lên người nó khi nó đang nằm rên rỉ dưới đất. Gió nổi điên cuồng quanh căn phòng khi những ngón tay run lẩy bẩy của Tancred vấp lộn với núm cửa. Cuối cùng cửa cũng được mở ra và chín đứa trẻ ủa vào hành lang.

Manfred cố gắng giữ bình tĩnh nhưng cuối cùng nó cũng bị cuốn đi trong cơn hoảng loạn.

Tancred hoàn toàn không thể tự chủ được nữa. Mưa gió gào rú khắp tòa nhà. Sấm sét nổ bang bang trên đầu và chớp rít nhè nhằng qua những cánh cửa sổ. Bài tập về nhà kết thúc trong khi các nhân viên chạy vòng vòng với quần áo tả tơi, mặt mũi thì cau có và một xô nước trên tay.

Charlie phóng xuống nhà ăn. Căn phòng chìm trong bóng tối nhưng xa bên dưới chân nó, nó có thể nghe thấy những tiếng ầm ầm trầm đục. Sàn nhà đột nhiên rung lên; bàn ghế trượt qua sàn và phang vào nhau. Rồi tất cả im lặng trở lại.

Charlie vừa định đi vào nhà bếp thì bà bếp xuất hiện, tay cầm một ngọn nến.

“Con đó hả, Charlie?” bà nhìn chăm chăm vào bóng tối.

“Vâng, bà bếp. Bà vẫn ổn chứ ạ?”

“Ngay sau cơn mưa. Ta không biết con làm thế nào, Charlie, nhưng sự cân bằng đã trở lại. Nền nhà đã phẳng trở lại.”

“Chà. Đó quả là một tin tốt.”

“Thật không?”

“Xin lỗi bà bếp nhưng có một vài điều con cần phải giải quyết đã.”

“Vậy hãy đi đi, cầu Chúa phù hộ cho con!” bà bếp nói.

Vào cao điểm của sự hỗn loạn ấy, người ta vẫn có thể nghe thấy tiếng ầm ầm ngoài cổng chính. Lão Weedon, lúc này cũng đang hết sức bối rối vì sự hỗn loạn ấy, lú lẩn đi ra mở cửa. Một hình dạng cao lớn bước vào hội trường.

“Ta muốn gặp ông Ezekiel Bloor.” Người lạ nói.

“Ông không thể làm như vậy được,” lão Weedon gào lên trong gió lốc. “Điều đó là bị cấm.”

“Đừng ngốc thế.” Ông cậu Palton sải bước ngang qua Weedon và vào căn phòng bên chái tây.

Olivia liếc mắt nhìn vào hội trường từ căn phòng để áo khoác màu tím và xem lại đồng hồ.

Ezekiel và giáo sư Bloor đang thưởng thức một cốc rượu vang ở ngay chính căn phòng mà Billy Raven bị bắt phải kí vào lời thề của nó. Hai người không để ý đến những tiếng động trong ngôi trường. Họ ngồi bên cửa sổ được đóng khung bởi cảnh hoàng hôn trắng lợt. Cuối chiếc bàn dài, mái tóc trắng của Billy Raven cúi gằm xuống đồng bài tập của nó.

Giáo sư Bloor nhảy dựng lên khi ông cậu Palton bước vào. “Ông làm cái quái gì ở đây vậy, ông Yewbeam?” Ông hiệu trưởng rống lên.

“Tôi đến để đưa cho ông một số giấy tờ để ông kí vào,” ông cậu nói.

“Giấy tờ?” lão Ezekiel rít lên, “giấy tờ nào?”

“Ct cứ đâu và với bất cứ ai mà nó chọn.”

“Ông điên rồi.” giáo sư Bloor cười khinh bỉ.

“Không điên đâu.” Ông cậu Palton đặt hai tờ giấy trước mặt họ. “Kí vào đây và đây nữa.” ông chỉ vào phía cuối hai tờ giấy.

“Cái gì khiến ông nghĩ là bọn ta sẽ phải kí vào đồng rác rưởi này?” giáo sư Bloor nói, đẩy tờ giấy ra xa.

Ông cậu Palton xoa cằm. “ông Bloor, ông nội của ông gần đây hình như đã làm một cuộc thí nghiệm nho nhỏ.”

Mặt lão Ezekiel tối lại và lão liếm môi.

“Thì liên quan gì?” ông hiệu trưởng hỏi.

“Tôi nghĩ là ông biết nó đã thành công - trừ một chuyện. Sinh vật đó – tôi không có từ nào tử tế hơn - bây giờ đang chịu sự điều khiển của tôi.”

“Cái gì? Làm thế nào mà...?” lão Ezekiel cố gắng nhắc mình ra khỏi chiếc ghế.

“Hãy chứng minh đi!” ông Bloor nói.

“Rất sẵn lòng.” Ông cậu Palton mở cửa.

Thật không nghi ngờ gì, trí tưởng tượng của Olivia thật phi thường. Đứng sừng sững ở lối vào là một con ngựa chiến màu trắng khổng lồ. Nó ngẩng cái đầu lên, hí vang và bắt đầu bước vào phòng. Người kỵ sĩ trên lưng ngựa phải cúi đầu xuống khi họ đi qua khung cửa cao hơn hai mét. Khi hấn ngẩng đầu lên, Ezekiel Bloor sụm xuống chết ngất.

Palton chiêm ngưỡng người kỵ sĩ mặc giáp sắt một cách thán phục. Hấn đội một cái mũ bằng bạc lòi ra cái mũi trông ghê hết chỗ nói, và một nửa khuôn mặt được bao phủ bởi bộ râu xồm xoàm. Hai cái má đỏ ửng lốm đốm những vết máu và bộ quần áo của hấn lấp lánh những sợi xích. Trong tay hấn cầm không phải là một thanh kiếm trang nhã mà là một cái rìu lớn đầm máu.

“AAAAAAAAAAAA!” người kỵ sĩ gầm lên ghê rợn, giơ cao vũ khí lên.

Billy kêu ré lên kinh hoàng, nhưng ông cậu Palton nhanh chóng quay lại và nháy mắt với nó.

Giáo sư Bloor, gần bất tỉnh đến nơi, nói một cách yếu ớt, “tôi kí vào đâu đây?”

Ông cậu Palton, hơi ngạc nhiên về sự thành công nhanh chóng này, đưa lại một cây bút và giữ chắc nó giữa những ngón tay run rẩy của giáo sư Bloor. “Tốt hơn là nên kí hai lần. Ông nội của ông có vẻ không được tỉnh đến rồi.”

Với một vẻ mặt trắng bệch như khăn trải giường, ông hiệu trưởng cố hết sức kí cả hai tờ giấy trước khi buông rơi cây viết và đổ ập xuống bàn.

“Ôi chào!” ông cậu Palton nói khi đầu của giáo sư Bloor đập xuống bàn một cái rầm. “Cám ơn nhé, hoàng tử, ông có thể đi được rồi,” ông vẫy tay với bóng ma ghê rợn đó và cả người lẫn ngựa nhẹ nhàng biến mất.

“Cai... Cái... Gì vậy?” Billy lắp bắp.

“Một ảo ảnh,” ông cậu Palton thì thầm. Ông vỗ nhẹ vào đầu Billy. “Hẹn gặp lại mi vào thứ sáu, Billy.”

Charlie đang đợi trong hội trường khi ông cậu của nó trở về từ chái tây. Ông đưa mấy tờ giấy lên cao. “Mọi thứ đều ổn cả,” ông tuyên bố một cách hoan hỉ, “nó thật sự có hiệu quả.”

“Hu ra!” Charlie reo lên, không thềm đếm xỉa đến luật lệ. Dù sao trong tòa nhà này đã có quá nhiều tiếng ồn, có ai thềm để ý đến một vài lời nói trong hội trường? “Con phải tìm Billy và báo cho nó biết tin này ngay.”

“Nó biết rồi, nhóc ạ. Nó biết rồi,” ông cậu Palton nói.

21. Chương 21 (hết)

CÂU CHUYỆN CỦA NHỮNG NGƯỜI BỊ BẮT GIỮ

Vào sáng chủ nhật, Palton Yewbeam ngồi trong một cái xe hơi đậu bên ngoài bệnh viện. Nó là một ngày bão tố mù mịt nhưng không có liên quan gì đến Tancred Torsson, lúc này đang xem một trận đá bóng với bạn nó, Lysander.

Palton đeo kính râm như thường lệ, nhưng một bài báo đập vào mắt ông khiến ông nhảy lên mạnh đến nỗi nó trượt khỏi mũi và rơi xuống. Palton đang đọc bài báo viết về một nơi mà ông biết từ khi còn nhỏ, một nơi để ông phải nhớ đến với sự kinh hoàng.

Đây là những gì ông đọc được:

“Một buổi tiệc mừng đã được tổ chức tại làng Yorwynde ngày hôm qua. Vào sáng thứ ba, ông hiệu trưởng Tantalus Wright và người đưa thư Vincent Ebony đã trở về nhà sau khi đã biến mất ba tuần lễ liền. Họ kể rằng họ đã bị giam cầm trong lâu đài của nhà Yewbeam, một nơi mà đã có nhiều tai tiếng về những rắc rối trong quá khứ.

Hai người đàn ông đã phải sống trong tình trạng nửa mê nửa tỉnh, không thể nói, không thể cử động. Cả hai thú nhận rằng họ có cảm giác như là tâm trí của họ đang bị sử dụng. Họ đã trải qua nhiều giấc mơ kì lạ trong đó họ bị bao vây bởi những đứa trẻ trong những bộ áo choàng nhiều màu sắc.”

“Chúa ơi!” Palton dí tờ báo vào sát mặt.

“Ông Wright nói rằng họ có vẻ như đã bị giam giữ trong trạng thái sinh học lơ lửng và vì thế không phải chịu đói khát gì. Ông cũng nói rằng ông có nghe thấy tiếng bước chân phía trên chỗ họ bị giam giữ. Một hay hai lần, ông nghe tiếng gọi và đôi khi chỉ là tiếng ngâm nga. Ông ấy cho là còn có một tù nhân thứ ba nữa trong tòa nhà.

Vào sáng thứ ba, ông Ebony và ông Wright đã được thả một cách không thể giải thích được. “Tự nhiên nó đến,” ông Ebony nói. “Chúng tôi có thể cử động, có thể nói chuyện. Chúng tôi ra cửa và rồi thoát ra ngoài. Tuy thế tôi không biết người kia có thoát ra được hay không.”

Trong bệnh viện, Charlie, Billy, Fidelio, Emma và Olivia đang tiến đến phòng bệnh nơi Gabriel đang điều trị.

“Năm đứa nhóc?” người y tá trực nói. “không. Thế là quá nhiều. Ở đây chỉ cho phép ba đứa vào một lần thôi.”

“Chúng ta sẽ đợi bên ngoài chứ, Olivia?” Emma nói.

“Được thôi,” Olivia đáp, “dù sao mình cũng không chắc là mình muốn thấy mấy đứa con trai bệnh hoạn ấy.” Nó gần như đã lấy lại phong độ với váy nhung màu cam, ánh bạc ở trên và tóc được kín đáo xịt keo màu hồng.

“Tụi mình đi nào,” Charlie nói với hai đứa kia.

Gabriel đang ngồi trên giường bệnh, trông tiêu tụy và xanh xao. Nó nở một nụ cười yếu ớt nhưng rạng rỡ khi thấy mấy đứa bạn của mình. Tụi nó tiến đến cạnh giường. Fidelio là đứa thoải mái nhất. “thế nào rồi nhóc?” nó hỏi khi nắm lấy cái bàn tay trắng xanh của Gabriel.

Charlie chỉ nhăn nhó. Bệnh viện khiến nó căng thẳng. Chúng quá sạch, quá ngăn nắp và quá yên tĩnh.

Billy đang gặp rắc rối với mấy cái túi. Khi được thả ra khỏi học viện Bloor vào thứ sáu, nó cứ khẳng khẳng lấy con chuột Rembrant về từ quán cà phê Thú Kiểng. Charlie đã bảo nó phải cất giấu con chuột cẩn thận nếu không muốn tìm thấy nó trong món súp của bà nội Bone. Vì thế Billy giấu nó trong một cái túi và một con chuột khác ở trong túi kia.

Con chuột này là ý kiến của bà Silk. Bà ấy nghĩ nó sẽ giúp Gabriel mau chóng bình phục. “Gabriel chỉ mong mình có thể nghe được con chuột nói gì,” bà ấy bảo Billy.

Billy lê bước lại gần Gabriel và đặt con chuột lên tấm khăn trải giường trắng-gì-mà-trắng-thế.

“Rita!” Gabriel hồ hởi reo lên, nâng con chuột lên áp vào má. “tao yêu mày lắm, Rita!”

Rita chỉ kêu vài tiếng choe chỏe.

“Nói cho anh biết nó đang nói gì đi, Billy,” Gabriel nài nỉ.

Billy lại lâm vào tình huống khó xử. Con Rita rõ là đang chửi rủa. Giữa những tiếng chửi rủa đó, nó càu nhàu, “ta đang ở đâu thế này? Ai lại mang ta đến chỗ chết tiệt này vậy hả?”

“Nó nói là nó cũng yêu anh lắm,” Billy bảo.

“Ôi, Rita, mày là con chuột đáng yêu nhất thế giới!” Gabriel gào lên.

Một tiếng hét thất thanh chọt vang lên từ thằng bé ở giường kế bên. “cô y tá ơi! Nó đang ôm con chuột kìa! Có chuột ở đây!”

“CÁI GÌ?” một giọng nói nghiêm khắc vang lên.

Billy chớp lấy Rita, và ba đứa nó chạy hộc tốc ra khỏi phòng bệnh, trong khi những tiếng la ó “Chuột! Chuột!” “Thật là ghê tởm!” “Đâu? Đâu? Mình muốn thấy nó!” theo chúng ra tận hành lang.

Nhưng lớn hơn tất cả những tiếng la ó ấy là tiếng cười của Olivia.

—HẾT—

{Chúc bạn đọc sách vui vẻ tại .com - gác nhỏ cho người yêu sách}

Thực hiện bởi

nhóm Biên tập viên Gác Sách:

Mai – Hải Băng – Tiểu Bảo Bình

(Tìm - Chính sửa - Đăng)

Đọc và tải ebook truyện tại: <http://truyenclub.com/charlie-bone-va-lau-dai-guong-tap-4>